

copy 2
Dùng viết 1/2/5

SOẠN - GIẢ :
THÍCH-ĐẠI-SÁN

汕 大 釋

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ

事 紀 外 海

SỬ-LIỆU NƯỚC ĐẠI-VIỆT

THÈ-KỶ XVII

*

TOÀN BỘ : **6** QUYỂN

VIỆN ĐẠI-HỌC HUỀ
ỦY-BAN PHIÊN-DỊCH SỬ-LIỆU VIỆT-NAM

1963

Từ nhà kho Quán Ven Đường

ỦY - BAN PHIÊN - DỊCH SỬ - LIỆU VIỆT - NAM

ĐÃ XUẤT-BẢN :

MỤC-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP I — TRIỀU GIA-LONG

Giá : 250đ00

AN - NAM CHÍ - LƯỢC

Soạn-giả : LÊ-TẮC

TOÀN BỘ : 10 QUYỂN

Giá : 350đ00

MỤC-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP II — TRIỀU MINH-MẠNG

Giá : 250đ00

ĐANG IN :

MỤC-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP III — TRIỀU THIỆU-TRỊ

Giao-dịch :

Ô. NGUYỄN-SANH-MAI

Số 4, đường Lê-Lợi — Huế

Giá : 50đ00

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ'

事 紀 外 海

SỬ-LIỆU NƯỚC ĐẠI-VIỆT

KHOẢNG THỀ-KỶ XVII

Soạn-giả :

THÍCH-ĐẠI-SÁN

汕 大 釋

DS556 .D3719 1963

Dashan [Thich Dai San],
17th/18th cent.

Hai ngoai ky su.
BC#2-2000-00000-0410

Toàn bộ : 6 QUYỂN

VIỆN ĐẠI-HỌC HUỀ

ỦY-BAN PHIÊN-DỊCH SỬ-LIỆU VIỆT-NAM

1963



Lời giới thiệu...

Đồng thời với việc nghiên-cứu các Châu-bản Triều Nguyễn và công bố những tập **Trích-yêu** về đời Gia-long, Minh-mạng, Thiệu-trị v.v..., Ủy-Ban Phiên-Dịch Sử-Liệu của Viện Đại-Học Huế vẫn tiếp tục phiên dịch các sử liệu giá trị. Ủy-ban đã cho xuất bản bộ **Annam chí-lược** của Lê-Tắc, và đã được Sử-giới cùng Học-giới hoan nghinh. Nay với bộ **Hải-ngoại kỳ-sự** của Đại-Sán Hán-Ông, Ủy-ban muốn công hiến độc giả một đoạn phim hiếm có về đời sống của người Việt-Nam ở vùng Thuận-hóa vào cuối thế-kỷ XVII do một vị lão-tăng Trung-quốc ghi lại. Vị lão tăng này, tức là Đại-Sán Hán-Ông, đã qua Thuận-hóa, thể theo lời mời của Chúa Nguyễn-phúc-Chân, ở tại chùa Thiên-lâm (An-cự, Thừa-thiên) và đã thuật lại, trong một bản văn do chính Chúa đề tựa, vừa cuộc hành trình đầy nguy hiểm của Đại-Sán từ Quảng-đông đến Thuận-hóa, với các việc Đại-Sán đã tai nghe mắt thấy trong thời lưu lại Nam-hà.

Đại-Sán đến đất Thận-kinh vào ngày 29 tháng giêng năm Ất-hợi (tức là ngày 13 tháng 3 năm 1695) và đến

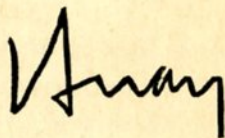
ngày 28 tháng 6 năm đó (tức là ngày 7 tháng 8) mới lìa Thiên-lâm để vào Hội-an về Quảng-đông. Tại Hội-an tàu bị trở gió và Đại-Sán bị đau ốm, nên phải hoãn cuộc hành trình. Đại-Sán ra Thuận-hóa lần nữa vào ngày 16 tháng 10 (tức là ngày 22 tháng 11). Lần này Đại-Sán trở ra Thuận-hóa lưu trú tại chùa Thiên-mụ, rồi vào cuối hạ tuần tháng 6 năm sau mới về Trung-Quốc.

Độc Hải ngoại kỳ-sự của Đại-Sán, chúng ta sẽ thấy được lòng sùng mộ Phật giáo của người thời bấy giờ, kể từ Chúa thượng đến thần dân. Chẳng những thế, chúng ta còn có một ý kiến rõ về đời sống của dân đen, về thuế má, về bệnh dịch. Một điều quý nữa, đó là Đại-Sán vén màn cho chúng ta thấy được đôi tí về trình độ trí thức của các bậc túc nho thời bấy giờ ở miền Nam. Nói chung, **Hải-ngoại kỳ-sự** là một sử liệu quý và đáng tin cậy. Mặc dầu Đại-Sán có vẻ tự phụ và, vì đó, tỏ ra quá nghiêm nhặt trong khi phê phán phong tục Nam-hà, nhưng các điều Đại-Sán ghi lại về văn hóa, xã hội, tôn giáo, đều là những sự kiện nghe thấy bởi tai mắt một người có tài quan sát.

Bộ Hải-ngoại kỳ-sự đã được Giáo-sư Trần-kinh-Hòa giới thiệu trong một bài khảo cứu bằng Hán-văn, chép rất công phu. Giáo-sư cho chúng tôi biết nhiều điều về bộ sách, cũng như về thân-thê và sự-nghiệp của Đại-Sán, nhờ đó chúng ta

càng hiểu rõ lời của Đại-Sán hơn. Chỉ một điều nên lưu ý, là Giáo-sư thường dùng tiếng Quảng-nam để chỉ địa-điểm của cuộc hành-trình được thuật lại. Thực ra, mục-đích của cuộc hành-trình đó không phải Quảng-nam, mà Thuận-hóa. Đáng lẽ phải nói Nam-hà thay vì Quảng-nam. Các học-giả Trung-quốc thời trước cũng có kẻ lầm Nam-hà với Quảng-nam như thế, vì họ dựa vào lời của các thương gia hay đi lại buôn bán ở Hội-an. Ngoài ghi nhận đó, bài khảo-cứu của Giáo-sư thật là giá trị và bổ ích.

Mong rằng bộ **Hải-Ngoại** kỹ-sư này cũng giúp đỡ nhiều cho sử-gia và học-giả như bộ **An-nam chí-lược**.



L.M. CAO-VĂN-LUẬN

Viện-trưởng Viện Đại-Học Huế, Việt-Nam

Mùa đông năm 1962

BÀI TỰA CỦA ĐẠI-VIỆT QUỐC - VƯƠNG NGUYỄN-PHÚC-CHÂU

BỒN-SƯ HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ TỰ

Nước Đại-Việt nhỏ nhoi, tựa núi day mặt ra biển, phá rừng bụi, đuổi hùm voi để định chỗ ở, trải nay đã 13 đời. Quả-nhơn ngu tối, tuổi trẻ nổi ngôi, chỉ e giềng mỗi nghiêng đổ, để thẹn cho người trước; hằng ngày cùng vài ba thân hạ, bàn luận đạo trị nước an dân; đã bao năm lo sắp đặt nội-trị, ngoại-an, nhưng chính lệnh vẫn chưa sửa sang, nhân dân vẫn chưa no ấm, ấy là tội lớn của quả-nhơn vậy.

Gần đây, xét đọc sách xưa, biết rằng đạo trị nước lấy « được người » làm cốt yếu. Nhà Tần được Bá-Lý-Hề ở nước Ngụ, nhà Tần được Đồ-Dư ở nước Nhung, được Phi-Bá, Công-Tôn-Chi ở nước Sở, đều lập nên nghiệp bá. Dùng được kẻ hiền thì nước trị, lẽ dĩ-nhiên từ xưa, nhưng quả-nhơn ngày nay, cảnh ngộ lại rất khó. Quả-nhơn không tiếc tước lộc, không hà tiện áo mũ cân đai, hầu hết thảo-dạ hiền tài đã vui lòng ra giúp. Ngặt vì nhơn tài xứ nấy, sinh nơi biên viễn, nghe thấy hẹp hòi, dùng làm chức nọ quan kia, may cũng làm tròn nhiệm-vụ; còn như cầu người đạo cao đức trọng, đủ tài kinh luân, lời nói việc làm, khá nêu sư-pháp cho muôn thuở, những bậc « đại-hữu-vi » như thế, trừ phi Trung-hoa, quê hương của Thánh-hiền Phật-tổ, ắt chẳng nơi nào có vậy. Theo lẽ, vờ kẻ hiền chẳng vượt ra ngoài quốc-cảnh, mà Trung-hoa Đại-Việt, nơi ở lại cách xa nhau; nếu chẳng phải kẻ có kiến thức siêu phàm, chẳng bị lưới đời ràng buộc, thì làm sao mời được. Than ôi, cầu được kẻ hiền đã khó, cầu được bậc thầy lại càng khó. Trường-thọ Bản-sư Lão Hòa-Thượng, ta từ ngày đương ở sư-vị (đương làm thầy tử) đã nhiều năm ngưỡng mộ; Tiên-Vương (tức Nghĩa-vương) đưa thư rước mời hai lần không qua. Mùa

thu năm Giáp-Tuất, ta muốn thụ Bồ-tát-giới-pháp, nói chỉ Tiên-Vương sai người qua rước, may được Hòa-Thượng nhậm lời. Từ mùa xuân năm Ất-Hợi Hòa-Thượng qua đền nơi, lưu lại đền mùa hạ năm Bình-Tý, được gán gửi hôm sớm, cung dưỡng chuyện trò; sau những lúc giảng luận thiên-kinh, còn chỉ vẽ luân thường cương kỷ từ việc lớn đến việc nhỏ, rạch đường chỉ nẻo, lời lẽ rõ ràng; khác nào dắt người từ trong chỗ tối tăm, đem ra nơi thanh-thiên bạch-nhật; giúp ích cho Quả-nhơn trong việc chính-trị nhiều biết chừng nào. Hòa-thượng trích lục một hai việc, chép ra thành sách, nhan đề Hải-ngoại kỷ-sự; lúc trở thuyền về nước đưa cho ta xem và khiến ta viết bài tựa. Tự xét học hành ít ỏi, dám đâu cầm bút viết văn; hoặc giả, vì sách chép việc nước ngoài, lạ lẫm tai mắt, sợ độc-giả nghĩ là hoang đường, nên muốn ta chứng-thực một đôi lời, hầu được phụ chép sau kiệt-tác của Đại-hiền vậy. Còn về phần Phật-pháp văn-chương, tài tình đạo đức, thấy ta khai hóa hơn 30 năm, viết sách hơn 20 loại, lưu hành đã lâu, đã có định giá, lời tán dương của ta, nào có tăng ích được gì đâu. Tuy nhiên, đại-thiên thề-giới, bụi tro hạt cát đều do biển Hương-thủy kết thành; trong những ngày Quả-nhơn cùng với Lão Hòa-Thượng ngao-du trong Hương-thủy Hoang-nghiêm, thì chẳng có gì phân biệt nội ngoại. Nay đã cùng nhau cách xa đại-hải, ở Quảng-đông mà chép việc Đại-Việt, thì gọi là Hải-ngoại Kỷ-sự cũng đúng lắm rồi.

Giáp-tý (tức Khương-hy năm thứ 35, 1696), bổ-nguyệt (tháng 5), Đại-Việt Quốc-vương Nguyễn-phúc-Châu, thọ Bồ-tát-giới-đệ-tử, Pháp danh Hưng-Long, Kính lễ viết tại Tinh-danh phương-trượng ở Tây-cung Giác-vương Nội-viện.

BÀI TỰA CỦA NGŨ-GIANG TỪ-HOÀN

Khoảng mùa xuân năm Giáp-tý, ta được nghỉ việc về phương nam, qua núi La-Phù (1) hái thuốc, nghỉ chân tại thành Ngũ-dương ; (2) lần đầu được gặp Thạch-công Hòa-thượng tại một khách-tọa, trong lúc nói chuyện, nghe lời nói thanh cao, khí tượng hùng vĩ, dồi dào tỏ ra sắc mặt ; nghĩ bụng chắc là một đệ-nhơn, vì một cơ gì muốn lánh mình trong cửa Phật vậy. Phút chốc mười lăm năm qua, trở lại Châu-giang lần thứ hai, nghe nói có vị Thiên-sư mới từ nước cổ An-nam Hải-ngoại trở về, Quốc-vương nước ấy thọ-giới làm đệ-tử, bỏ-thí rất nhiều tiền bạc. Thiên-sư đem về xây cất Bửu-các ở phía tây Việt-tú-sơn, hiên lồng bóng nhật, nóc vút từng mây, tiếp liên điện-ngọc cung-châu, rực-rỡ Tung-khâu, Lan-nhã (nhà chùa), chẳng khác quỳnh lâu ngọc-vũ trong chốn động tiên vậy. Nhơn than rằng : Cặp-cô hóa-lạc (3), hiện lại nhơn gian, nhưng nếu Thiên-thân Bồ-tát chẳng ra đời, thì lấy ai diễn giảng « Tam-xa » (4) để gây mầm tốt Phật-giáo cho Chân-đán (5). Bèn chồng gây đèn chùa, hỏi thăm cho biết. Người ra đón tiếp, chính là Thạch-Hòa-thượng ngày xưa ! Mừng mặt bắt tay, cùng nhau trò chuyện việc mười lăm

- 1) Núi ở phía đông huyện Tăng-thành, tỉnh Quảng-dông, Trương-truyền, Cát-Hồng đời Đông-Tân tu tiên đắc đạo ở đó.
- 2) Biệt xưng của thị-thành Quảng-châu, tỉnh Quảng-đảng, xưng tắt Dương-thành. Thời chiến-quốc Cao-Cổ làm tướng nước Sở, có 5 con dê ngâm bóng lửa đèn trước sân, cho nên tòa sân-sự Quảng-châu có vẽ 5 con dê ở trên rường nhà. Hoàn-vũ-ký chép rằng : ngày xưa có 5 người tiên cỡi 5 con dê đèn phủ Quảng-châu, nên nay gọi Quảng-châu làm Ngũ-Dương Thành.
- 3) Trương-giả ở Xá-vệ-thành nước Ân-độ tên Cặp-Cô-Độc, vì tính từ thiên muốn châu cặp kẻ cô-độc, nên người ta gọi tên như thế. Cặp-cô-Độc mời Phật đến thuyết pháp, nhơn gọi tên vườn Cặp-cô-Độc.
- 4) Tiếng nói nhà Phật, tam xa gọi nguru-xa, lộc-xa và dương-xa để vi với Bồ-tát-thừa (đại-thừa), duyên-giác thừa (trung-thừa) và thanh-văn-thừa (tiểu-thừa).
- 5) Ngày xưa người Ân-độ gọi Trung-quốc làm Chân-đán.

năm qua, khác nào Thượng-Nguyên (6) Phu-nhơn gặp bà Ma-cô (7) nói chuyện Bồng-lai nước cạn vậy. Hòa-thượng nhơn lấy ra tập Hải-ngoại kỷ-sự và các tập khác đưa tôi xem. Văn chương lưu loát, như sấm vang chớp nhoáng, như núi chuyển biển reo, có lúc như cánh hồng bay vút từng mây, có lúc như gió bão reo vang rìng trúc ; thơ luật thì thanh tân uẩn súc, hùng hồn ly-kỳ, khiến người không còn chỗ nào có thể chỉ trích ; có lẽ nhờ đi ra Hải-ngoại, nghe thầy được thêm mở mang, nên văn khí ngày nay hùng bác khôi kỳ, so với ngày xưa còn hơn xa vậy. Ta già rồi, từ ngày lui về điền viên đến nay, tiểu tụy cô ngâm ; bao nhiêu thắng-tình cuồng-tử ngày xưa, tiêu tan hầu hết. Ve sầu khiêu gió, bỗng nghe loan phượng vang reo ; giọng tốt vẫn thanh, chỉ biết cúi đầu khen ngợi. Cho hay trong vũ-trụ những bậc Thiên-sư cao-sĩ, khác hẳn bọn tu hành khô khan ; văn chương của các ngài, so với bọn lưng lừa lựa chữ, (8) giọng vẫn như tiếng rồ kêu sấu, khác nhau chẳng biết chừng nào mà nói.

-
- 6) Tên một tiên nữ. Hán-vũ-dê Nội-truyện : mừng 7 tháng 7 Nguyên-phong nguyên niên, Tây-Vương-Mẫu ngự xuống Hán-cung khiến mời Thượng-nguyên Phu-nhơn đến ăn yến. Phu-nhơn là mẹ của Tam-Thiên Chân-hoàng, thông lãnh thập phương Ngọc-nữ.
- 7) Tiên-nữ ngày xưa, tu đạo ở Cô-dư-Sơn. Thời Đông-Hán Tiên nhơn Vương-phương-Bình đến nhà Thái-Kinh, mời Ma-cô đến, Ma-cô bảo Phương-Bình rằng : (từ ngày ta được thừa tiếp đến nay, đã thấy Thượng-hải 3 lần biên làm tang điển ; vừa rồi ta đến chơi Bồng-lai, thấy nước cạn hơn ngày trước, có lẽ sắp biên thành lục địa chăng).
- 8) Thời Đường thi-sĩ Giã-Đạo ngồi trên lưng lừa nghĩ được câu thơ : « Điều túc tri trung thọ, tăng « Xao » nguyệt hạ môn », chữ « Xao » lại muốn đổi làm chữ « thôi », cân nhắc hai chữ, không biết chữ nào hay hơn, suy nghĩ sưng sốt, đến đổi đạo lính hầu quan Kinh-Doãn đi đến cũng không biết.

BÀI TỰA CỦA TÂN-LĂNG MAO-ĐOAN-SĨ

Lớn mà hóa gọi là « Thánh », thần mà sáng gọi là « Kỳ ». Những bậc anh-sĩ phi-thường trong thiên-hạ, tùy theo xứ-cảnh của mình mà tỏ ra kỳ ; hoặc kẻ anh-hùng áo vải, hoặc kẻ đạo-sĩ mào vàng, địa-vị khác nhau, việc làm khác nhau, nhưng hễ làm đến tột bậc thì đều gọi là « Kỳ » cả. Đương lúc việc chưa thành, danh chưa lập, mà việc làm lời nói khác lạ hơn đời, kẻ tục-tử dung-phu, đi theo dóm hành và dị-nghị ; đến lúc việc đã thành, danh đã lập, cũng còn có kẻ dị-nghị, cho là khác tục trái đời ; đó chẳng qua vì những kẻ không « Kỳ » lại muốn khoe lõe cái « Kỳ » của mình ; muốn khoe lõe cái « Kỳ » mà sự thực không « Kỳ », lại kinh ngạc cái « Kỳ » của người khác, rồi sinh lòng nghi-kỵ ; bởi thế làm dung-phu tục-tử dễ, mà làm kỳ-nhơn hơn đời thực khó lắm vậy. Hán-Ông Hòa-thượng mới sinh ra đã « Kỳ » rồi, tuổi trẻ xuất gia, học hết ngũ-minh (1) chư luận, thông hiểu lý số âm dương, châu du thiên-hạ, tiếng tăm đầy dẫy khắp trong ngoài ; đến lúc cõi gió vượt sóng đáp ứng lời mời của Đại-Việt Quốc-vương ; những nơi trải qua, nào là sơn-xuyên hình thế, phong-thổ tập tục, đều ghi chép rõ ràng ; cao đàm hùng luận, tỏ ra có kinh-luân đại tài ; để vịnh văn thơ, thấy đều thanh cao hoa lệ ; góp hết tinh vi tam giáo, làm nên kiệt-tác một nhà, thực là một kỳ-quan trong biển học vậy. Kỳ-nhơn mới có kỳ-văn, đã có kỳ-văn, ắt phải có kỳ sự ; Hòa-thượng tha cho Thần-long miễn châu và sai khiến quỷ-thần ủng hộ, ấy là khai-đoan của kỳ-sự vậy ; cho đến việc sai gió khiến mưa, cảm thông trời đất, như Quảng-Minh Đại-sĩ thác mà vẫn sống, kẻ thức-giả cho đó là viên-thông diệu-khê (2), phương phát với tam-muội (3) chính-giác của Bửu-Chí, Đàm-Siêu, Phong-Can, Đổ-

-
- 1) Tây-vực-ký : Ngũ-minh đại-luận 1) Thanh-minh. 2) Càng-xảo-minh, 3) Y-phương-Minh, 4) Nhân-minh (luận-lý-học), 5) Nội-minh (Phật giáo lấy tam tạng 12 bộ làm Nội-minh).
 - 2) Tiếng phạn : giác tuệ châu viên, thông nhập pháp tính gọi là « viên-thông ».
 - 3) Tiếng phạn cũng gọi là « tam-ma-địa » tam muội nghĩa là thể tịch-tịnh lia khỏi các mối tà loạn.

Trùng (4) ; kẻ dốt nát thì cho đó là việc quái-dân rồi đua nhau chỉ trích dị-nghị om sòm. Nhưng biết đâu « đá bắt sinh rồng, trong miệng phóng ra hào-quang » (5), đời vẫn có sự kỳ lạ như thế ; khi chưa thấy đá bắt sinh rồng, trong miệng phóng ra hào-quang, chẳng nói làm gì ; đến lúc rồng đã sinh ra ở đá bắt, hào-quang đã phun ra từ trong miệng, đó là do pháp-lực cao cường, mới biến hóa được như vậy, thế mà còn cho là quái-dân, rồi ngạc-nhiên kinh dị, có phải vì không biết sự huyền-diệu của đạo viên-thông mà ra không. Tôn-Đặng (6) có nói : « Lửa sinh ra tức có sáng, nhưng chẳng dùng sáng ». Nếu quả dùng sáng, thì cái « kỳ » của Hòa-thượng, tức cái sáng của Hòa-thượng vậy. Hãy xem lúc Hòa-thượng đi thuyền vượt biển, sóng lặng gió yên, có chim thần dẫn đường, cá dữ xa lánh, ấy cũng do Hòa-thượng dùng sáng vậy ; nhưng người thường hốt hoảng, Hòa-thượng lại tự nhiên, thì Hòa-thượng quả đã dùng sáng chăng ? Nay thử đem tập Hải-ngoại Kỳ-sự ra bàn, tập sách ấy không có vẻ khô khan, cũng không có vẻ yêm bác, biểu dương trung hiền tiết nghĩa, đều những lời nói có bổ ích cho thế đạo hơn tâm, chính đại quang minh, chẳng khác gì cái học nguồn gốc của đạo nho ta vậy. Bởi thế cảm hóa được người dị-quốc, khiến quy thuận với Thiên-triều ; lấy kỳ-cương Trung-hoa, biến đổi tập tục xứ lạ ; đem vàng nước người, về xây dựng cảnh chùa bát hủ ; khoan thai đường hoàng, giữ lòng ngay thẳng ; đường đường chính chính, chẳng dỗi người cũng chẳng tùy người ; há chẳng phải dùng « Kỳ » mà chẳng lỗi với « Chánh », viên-thông mà chẳng quái dân hay sao. Ta vì thế phục sự « dụng kỳ », của Hòa-thượng thực thần minh khôn lường.

-
- 4) Tên các vị Cao-tăng. Bửu-chí, Cao-tăng đời Lục-triều, có phép linh, Tê-vũ-dê bắt giam vào ngục, sáng ngày đã thấy đi chơi ở chợ ; nhưng đến lúc kiểm tù lại vẫn thấy trong ngục. Phong-can, Cao-tăng đời nhà Đường, thường cỡi cộp ngậm khúc đạo-ca. Đổ-Trùng Cao-tăng đời nhà Tần.
 - 5) Tán-đạo-Xước, Đường-Tăng, mỗi lúc tụng kinh trong miệng phóng ra hào quang.
 - 6) Người thời Tam-Quốc, thường đánh đàn độc-huyền đọc kinh dịch.

BÀI TỰA CỦA DŨNG-GIANG CỬU-TRIỆU-NGAO

Từ xưa các bậc danh nhân, trong lúc ngao du sơn-thủy, thường hay vịnh cảnh để thơ ; hoặc bằng tuyết-cú, hoặc bằng trường-thiên, tuy thể chế khác nhau, đều cốt để hình dung cái tốt đẹp của cảnh vật. Từ-Hậu (1) qua chơi Liễu-Châu, không làm thơ nhưng có làm ký-sự; Thiều-Lãng (2) đi vào Ba-Thục, không làm ký-sự nhưng lại có làm thơ ; hoặc ký hoặc thơ, đều là những bài tả chân tuyệt diệu. Ta đọc tập Hải-ngoại Kỳ-sự của Thạch Hòa-thượng mừng thầy sách gồm cả cái hay của hai nhà văn-hào nói trên, và chứa đựng rất nhiều lời lẽ kinh bang tề thế; sơn xuyên hình thắng, phong thổ tập tục, đều ghi chép tỷ-mỹ từng việc, có quy cũ rõ ràng ; chẳng phải lòng bày đặt phô trương, để khoe những lạ lùng của Ngoại-quốc vậy. Trong khoảng vài tháng, trải qua hai muôn dặm tuyết-vực, thù ứng phân phiến, vãng lai bận rộn, thế mà Thạch-công ung dung đàm tiếu, viết ra mấy ngàn vạn lời. Khí trùm biển cả, bút lay non cao, nếu chẳng phải sẵn có đại-tài văn-chương, làm sao lạnh lẽo thần diệu được như thế. Vả lại, ông đi đến đâu cũng tuyên dương đức-hóa của Thánh-thiên-Tử (Thanh-triều), khiến những nước chưa từng tiếp xúc Vương-đình, cũng đều quy tâm hướng-hóa. Ông muốn lấy kỳ-cương Trung-Quốc, biến đổi tập tục viễn-phương, ấy tức là lòng « nhất-thị đồng nhơn », xem bốn biển như anh em, của thánh hiền vậy. Sách này lưu truyền vũ trụ, có thể bỏ khuyết cho những điều mà các sách Sơn-kinh Hải-chí, Chức-phương-ký, Vương-hội-đồ chưa từng nói đến. Vì khiến tay kinh luân như Thạch-công được thử tài một phen, thì công nghiệp của những kẻ « xưng bá Phù-dư (3),

1) Tên chữ của Liễu-tôn-Nguyên, văn sĩ đời nhà Đường.

2) Biệt hiệu của Đỗ-Phủ, thi-sĩ đời Đường.

3) Tên một nước ngày xưa, sau bị Cao-cú-Ly đánh dứt. Đời Đường, Tiết-nhơn-Quý đi đánh Cao-ly, đánh hạ được nước Phù-Dư. Nay thuộc phía Nam tỉnh Liêu-Ninh.

mở đất Nhật-bản » (4), cũng chẳng thấm vào đâu vậy. Than ôi, Hòa-thượng đã già rồi ! ôm tài thông hiểu thiên nhơn, nuôi chí kinh bang tề thế, phát nguyện Bồ-tát, ăn dầm thiền-lâm, sau những lúc vui đạo tu hành, mượn văn chương để giải bày tâm chí, nhơn đó cũng có thể tưởng thầy khi khái trác lạc phi thường của Hòa-thượng vậy.

Khương-hy ký-mão mạnh-xuân (1699), Dũng-Giang Cừu-Triệu-Ngao để tại Đoan-châu lữ thứ.

4) Không thầy sử chép có tướng Trung-quốc nào mở cương vực đến Nhật-Bản

HẢI-NGOẠI KỸ-SỰ

QUYỂN 1

MÙA xuân năm Giáp-tuất, (Khương-hy 33, 1694), ta tính đi lên phương bắc, vì có lệnh gọi của bề trên; tuyên lựa tôi tớ, sửa soạn hành lý, định đến đầu tháng hai, ngày tốt, sẽ khởi hành. Kê phát đau bịnh dạ-dày. Nhơn nghỉ, hiện nay xây cất nhà ở, gác kinh, công tác đương bề-bộn; biên tập bộ Đãng-đãi 100 quyển, hiệu-định chưa xong; hãy tạm lấy có đương đau, hoãn việc đi phương bắc. Thương lượng với các người đương-sự, nhờ kiếm lời từ chối. Được tạm nghỉ, bèn đóng cửa tạ khách, vui thú quyền kinh câu kệ, hoặc tưới hoa trồng cây; hôm sớm tiêu dao, hầu tránh phong trần phiền não. Bước qua ngày mùng 4 tháng 8, Tri-khách gõ cửa báo có sứ-nhơn nước Đại-Việt đến. Mời vào ra mắt, sứ-nhơn người tỉnh Mân (Phúc-kiên), tay nâng phong thư giấy vàng, rất kính cẩn lạy dâng lễ vật, các thứ vàng-nam, sông-hoa (hoa-đăng, thứ mây song có hoa), lụa vàng, kỳ-nam; đoạn quỳ gồi thưa rằng: «Đại-Việt Quốc-Vương ngưỡng mộ Lão Hòa-Thượng đã lâu năm, ngày nay đốt hương xa lạy, dâng phong thư trước tòa Sư-tử, cúi cầu Đạo-Giá lai lâm; nếu được nhậm lời, là phước lớn cho hạ-quốc vậy ». Hưng-Liên tự Quả-hoàng, người nôi dòng tu của ta, được Quốc-Vương phong làm Quốc-sư, cũng có gởi kèm thư riêng. Kể từ Tiên-vương (tức Nghĩa-vương) có thư mời, đến nay cả thấy ba lần, mời đến ba lần tưởng cũng đã thành tâm lắm vậy. Ta nay chưa đi phương bắc, nhơn còn nhàn rỗi, sao chẳng rong chơi hải-

ngoại cho được mới mẽ tai mắt ; hoặc giả sơn-xuyên, phong-thổ, nhơn-vật, còn nhiều mới lạ ngoài sự nghe thấy tầm-thường của ta chăng.

Cuối tháng chạp, tuyên cáo hành trình với các nhà quan-thân đương-cục và bạn bè làng-thơ. Kê đèn ra giêng, kê tiền người đưa, kê biếu quà, người cho vật dụng, rồi thì, chúc lên đường mạnh giỏi, đưa thơ ca tặng hành, tập nập từ sớm đèn chiều chẳng lúc nào rảnh. Định đi lần thứ nhất, đình lại; qua lần thứ hai, cũng lại đình; lần nữa đèn lần thứ ba mới quyết-định. Đêm Thượng-Nguyên, (15 tháng 1 năm Ất-hợi, Khương-hy thứ 34, tức 27-2-1966 D.L.) lên đò từ bên tây, đã có tàu biển chờ sẵn ở Hoàng-phổ. Đêm ấy nước ròng bên cạn, mây mười người dắc đò, mãi không ra đến Châu-Giang. Ngồi trên đò « Dưa-hầu », cùng đồ-đệ bày trà quả cơm bánh ra ăn bữa tối. Trời mưa lay-phay, dội vào hai chậu mẫu-đơn đặt trước mũi thuyền, mỗi chậu có vài mươi đóa hoa chớm nở ; xảy lúc ấy, trước gió, cách sông, có người tựa lầu thổi ống địch; sực nhớ truyện cũ Khai-nguyên, trong khi Huyền-tông đòi diện Dương-quý-Phi, uống rượu Bỏ-đào, đặt khúc hát mới, làm cho tiệc vui được thêm phần tươi đẹp. Nay danh-hoa lia nước, lòng hoa ủ-buồn, há không một lời nào để yên ủi hoa sao ! Nhơn bất chước Thanh-bình-điệu của Lý-Bạch làm thành ba bài tuyệt-cú như sau:

Bài thứ 1

*Trỗi khúc xuân-ca hừng chửa tàn.
Hương trời lạnh lẽo luồng riêng than.
Nhìn hoa, nhân thề nường trong mộng.
Ai kể đêm trường thức hỏi han ?*

Bài thứ 2

*Mây mưa che khuất bóng trăng rằm.
Tựa gò nhìn hoa, lắng sóng gấm.
Bề thăm muôn trùng ai dễ vượt.
Một cảnh bầu bạn bước xa xăm.*

Bài thứ 3

*Ngày xuân trăm thức thấy đua tươi.
Thượng-uyển xưng vương chỉ một người.
Nam-Quốc ngày nay khoe sắc thắm.
Tiếng thơm lừng lẫy nước non người.*

Qua canh hai, nước lên, dò ra Châu-Giang thẳng dòng đến bến Dịch-Lâu phía đông đậu lại. Gà gáy, nước ròng, dò thả nước xuôi đi xuống. Rạng sáng đến Hoàng-phổ. Núi thấp dần, biển rộng dần, thăm thẳm xa trông, thấy chiếc tàu biển đương nhập nhô trong khoảng mênh-mông sóng nước. Một lát bạn thuyền dọn cơm sáng. Chiếc đồ mui (lâu thuyền) này, trước ta thường ngồi đi lại trên Đoan-giang, kinh càn đã lầy làm lớn lắm, nhưng nay đậu cặp bên tàu biển (Đổng-mông), ngựa mặt trông lên, phải bắc thang mới lên được, thì hóa ra quá nhỏ nhoi ! Ta quay lại bảo các đệ-tử rằng : « Phàm vật chớ nên tự tôn tự đại, những người muốn xưng tôn ở nơi không Phật, có xem đây mà tỉnh ngộ lại chăng ».

Trên thuyền bốn năm trăm người, hàng hóa ngổn-ngang, tăng chúng đi theo ta hơn 50, hành lý cũng bộn. Các người chủ thuyền nhìn nhau không biết sắp đặt cách nào, định bớt khách hàng trở lui Dương-Thành (1), ta cũng bớt lại phần nửa tăng-chúng hành-lý, cho theo hai thuyền đi sau, bàn cãi một chặp lâu mới quyết định. Chuyển dọn hàng hóa lên xuống, người nói lao nhao, diễn thành một quang cảnh rộn-rịp. Chia dọn bốn khoang buồng, khoang rộng chứa 5, 6 người khách, hẹp cũng 3, 4 người, còn bao nhiêu đều ngồi ngoài trời.

Quá ngo, khai thuyền. Gió xuôi nước thuận, có hai thuyền nhỏ dò nước dẫn đường, trên cột buồm cắm hoa treo cờ rực rỡ. Khách tông hành hôm trước còn ở lại, chong mắt nhìn theo, rồi giải tán, đến lúc trên bờ không còn một ai. Đến thờ Thần Nam-Hải, thấp thoáng trong rừng sâu, bỗng-chốc quay nhìn đã không thấy. Nhơn vịnh hai bài thơ như sau :

Bài thứ 1

*Xa tít Phiên-ngung-quận. (2)
Đền-Thần ngoảnh lại trông.*

1. Tức tỉnh thành Quảng-dông (xem phụ-chú 2 ở bài Tự Từ-Phàm).
2. Thuộc tỉnh Quảng-Đông. Ngày xưa Triệu-Đà đóng đô ở đó.

Trời xanh liền nước biển.
 Ao lục khuất tường hồng.
 Côi Võ (3) trong mờ mịt.
 Bia Hàn (4) tạc đức công.
 Trương buồm nay vượt biển,
 Nhất lộ cầu hanh thông.

Bài thứ 2

Cao thấp gò liền núi.
 Đông nam sóng biển reo.
 Thẳng dòng giăng lưới cá.
 Quanh lời vắng chân tiêu.
 Mai nở ven bia xóm.
 Sương sa phủ ván kiêu.
 Tranh Vương-Duy (5) giông hệt.
 Ghi nét vẽ vờ theo.

Gắn chiếu, thuyền neo lại, trời hơi lay phay mưa. Phía nam Hồ-Môn, dòng nước trắng xóa, một ngôi tháp cao vút từng mây. Hối thăm, biết đây là huyện-ly huyện Đông-quán (東莞), đêm ấy ngủ lại trong địa giới huyện ấy. Khoang buồng chật hẹp, day trở không được, phải nằm ngửa mặt suốt đêm. Trời mưa lâm râm, mây mui người nằm ngoài trời, lẫn ép nhau gần sát bàn thờ thần, suốt đêm la lối giành chỗ. Ta nghĩ, ta vì phật-pháp đi qua Nam-Quốc, ngẫu-nhiên một phen vất-vã, còn chịu không nổi thay; bọn thương-khách đem hàng hóa bạc muôn, xông pha ba đào, để cầu lợi chút ít; suốt đời nguy hiểm, sinh kê sao quá đổi gian nan !

Sáng dậy, quá nửa hành-ly bị mưa ướt. Bọn tùy tùng bực tức, muốn than phiền nỗi khổ trong đêm, nhưng thấy ta ngồi lặng-thinh, lại thôi không dám nói. Bọn thuyền lo dọn vén sắp đặt, tạm thời cũng hơi được gọn gàng.

3) Vua Đại-Võ nhà Hạ chia khu-vực Trung-Quốc làm 9 Châu.

4) Hàn-Dũ làm Thứ-Sứ Triều-Châu, làm văn bia dựng ở thần-từ để ghi tạc công-đức.

5) Thi-sĩ kiêm họa-sĩ đời Đường.

Gần trưa, khai thuyền, gió xuôi nước thuận, thuyền đi mau như bay. Còn cách Hồ-Môn chừng một dặm, thuyền bỗng mắc cạn; lỗi do người coi lái tự ý làm tài, không theo đường lối do thuyền con chỉ dẫn. Bánh lái mắc kẹt ở dưới, thuyền không tiến được; gió dè ở trên, buồm chưa kịp thả lèo. Một tiếng ầm, thuyền nghiêng một bên, ve thuyền chắm nước, ai nấy đều thất sắc, cảm chắc thuyền phải vỡ tan. Vội vã xả buồm, mọi người đứng về phía trên gió, ba chiếc thuyền con và mấy trăm người lôi kéo, thuyền vẫn chẳng nhúc nhích chút nào.

Ta có làm phòng sãn bồn cây cờ nhỏ, trên mỗi lá cờ, phía trên đề 10 chữ : (Ngô bình Thích-Ca Vô-thượng Pháp-Vương tuệ mạng) (吾乘釋迦無上法王慧命), phía dưới, lá thứ nhất viết bồn chữ: (Đại-vũ tạm chỉ) (大雨暫止); lá thứ nhì viết (Thuận phong tương tòng) (順風相送); lá thứ ba viết : (Chư-thần ủng hộ) (諸神擁護); lá thứ tư viết (Long-Vương miễn triều) (龍王免朝). Thấy thề nguy, ta vội bảo lấy cây cờ (Chư-thần ủng hộ) cắm lên; cờ vừa trương ra, tức thì bánh lái rơi xuống, thuyền trở lại thẳng bằng, thực chẳng phải sức người làm được vậy. Xét chỗ có tiếng ầm hồi nãy, thầy miêng ván giáp-đa (phụ bánh lái) bị gãy, vì-lư (chỗ xỏ bánh lái) cũng hơi xé nứt. Tức thì tu bỏ lại. Nhờ dịp ngừng thuyền chốc lát, được ngắm xem hình thề nơi đây : Đồi diện gò Hồ-đầu, hai bên hai hòn núi trọc, phục xuống nhô lên; hai viên đá Đại-hồ, Tiểu-hồ chờn vờn giữa dòng nước chảy, như hình cộp gối xôm ngưỡng đầu lên, sắc đá cháy đen như màu sắt. Bên tả ngạn hòn Tiểu-hồ có một pháo-đài quày mặt ra biển, tựa trên sườn núi, tục gọi A-nương-hải (chiếc giầy cô nàng), vì hình giống chiếc hài vậy. Trong lùm cây, thẳng bìa dãy núi nhỏ, thầy có khói lửa, cư-dân toàn là phường chài và sò làm muối, không có dân cây. Những nơi cao hiểm đều có đặt đài canh gác. Chỗ eo núi dòm ra biển, tức là cửa Áo-Môn vậy. Nhon làm hai bài thơ thất ngôn, tả cảnh « Hồ-Môn vọng hải » như sau:

Bài thứ 1

*Bạch-mã cờ thiêng giải bóng tà,
Rắn rồng lớp lớp ruỗi phong ba.
Không cần gương nguyệt thâu đêm sáng,*

6) Hán-Vũ-Đề khiên Dương-Bộ làm Lâu-thuyền Tương-quân qua đánh Nam-Việt.

Khá cỡi bè tiên khắp xứ qua.
 Trời thấy có sao chia phận đạ,
 Đất nhìn không chỗ biệt Trung-Hoa.
 Lâu-thuyền (6) chuyện cũ dường trong mộng,
 Than tiếc nghìn xưa sứ Hán-gia (7)

Bài thứ 2

Ron reng giáp sắt tiếng xa đưa.
 Ngọc phá châu chìm cảnh xác xơ,
 Gió cuốn lưng trời non đồ sụp.
 Sóng xao mặt biển trông vang khua.
 Dầu xưa thành nguyệt chìm mây khói.
 Chợ quý lâu đài bóng ảo mơ (8)
 Kia biển Linh-đỉnh (9), non Lỗ-mạn (10)
 Bảy-châu (11) ngoài cõi biệt đầu thừa.

Đậu thuyền lại. Nửa đêm, bỗng gió bốc thổi mạnh, sóng vỗ ầm ầm; dây neo gấn đứt, thủy-thủ sợ hãi không dám xuống tam-bản để gieo chiếc neo thứ hai, nhưng bị chúng rầy mắng, sợ phải đi xuống, may thuyền lại được hơi yên. Nghĩ bọn chúng, công thuê tiền mướn chẳng bao nhiêu, mà liễu thân sông chết, coi sinh mạng như phù-du; trông đời những kẻ tham phú quý, chịu nguy cơ, thì cũng như bọn thủy-công kia mà thôi vậy.

Gần sáng, mưa gió dấy trời, ta bảo đem cây cờ (Đại-vũ tạm chỉ) dựng lên. Bỗng chốc, trời quang mây tạnh, bèn cho thuyền qua Hồ-môn. Có những đồng đá lúc nhúc thẳng bãi cát như hình bảy chó. Một lát có một người ngồi thuyền con đi đến, tức Công-Sai Việt-hải-quan ra thuê. Đậu thuyền chỉnh đốn lại mọi việc. Chèo thuyền nhỏ vào khe núi lấy nước ngọt, các thùng nước đều đầy mạp. Cho hai chiếc thuyền dẫn-lộ trở lại, thuê một chiếc xuống con chở nước ra thuyền. Lại trưng buồm chạy,

7. Hán-Cao-Tô khiên Lục-Giá đi sứ Việt-Nam, phong Triệu-Đà làm Nam-Việt-Vương.
8. Bóng lâu-dài ảo mơ thầy trên biển, tức là « Hải-thị thận-lâu » (Mirage) vậy.
9. Quảng-Đông, Trung-Sơn-huyện có núi Linh-đỉnh, mặt biển ở dưới núi ấy, gọi là « Linh-Đỉnh-Dương » (biển Linh-Đỉnh).
10. Lỗ-Mạn-Sơn, một đảo thuộc Quảng-Đông.
11. Thất-Châu-Dương (biển Bảy Châu), phần biển ở đông nam đảo Hải-Nam.

trên mặt nước còn giăng mây lớp núi, ra mãi chưa hết. Cho biết Đông-Việt là một nơi hình thắng, cửa biển dân cư đông đúc, giàu có là phải lắm.

Đền chiếu tôi, neo thuyền trước núi Ô-Trư. Trên núi có một thứ trà, mọc tự nhiên chẳng ai trồng, có thể dùng chữa lành bệnh sốt rét, một mỗi lợi của người đánh cá xứ nầy. Nước xanh biếc, bạn thuyền dùng dây gai cột chỉ dò mức sâu cạn. Có một thứ rêu xanh dài hàng thước, quấn vào trên dây, thứ rêu ấy dùng làm rau, mùi hơi tanh mặn, ăn được. Cá nước đi từng bầy, hình giống heo, sắc trắng, nổi lên lặn xuống, có con đứng trên mặt nước cả buổi rồi lặn mất. Vì ít thấy, nên thầy gì cũng cho làm lạ.

Có người hô : « Giốc-đái-tĩnh » (角帶井 = Giếng vòng-đai) ! Tục truyền, ngày xưa tướng Phục-ba (Mã-Viện) đi đánh giặc Mán, quân sĩ hết nước uống, ông đặt một vòng đai giữa biển, khiến binh-sĩ múc nước trong vòng ấy mà uống, nước ngọt, nhờ vậy khỏi nguy khốn ; đền nay người ta gọi « Giốc-đái-tĩnh » những vầng nước lóng lánh như gương, lơ dờ trên mặt biển khoảng một hai dặm, ai gặp thấy lầy làm điếm lành. Thực là một truyền-thuyết không có căn cứ.

Gần xa có vài mươi chiếc thuyền chài, trương buồm qua lại. Những eo núi bồng khối ngàn ngụt, ấy là các sở làm muối. Thắng biển, cá và muối là mỗi lợi giúp cho Bách-Việt (Quảng-đông) và Nam-Công (Quảng-Tây) được no đủ vậy.

Trên thuyền, đồ vật đều sắp xếp gọn gàng, chùi rửa sạch-sẽ. Bây giờ đánh trống khua chuông, dâng heo rót rượu, một bà bóng mặc áo xanh dài tay, đội mào Đa-la-di trắng, thắt dây lưng đỏ, tay cầm mộc-côn sơn son ; lạy múa lắc lư, ngửa mặt lên bàn thờ la hét ; mỗi lúc múa xong một lớp, lại đánh chiêng trống trợ oai ; chúng ta và các hành khách vây quanh đứng xem, bà bóng thẹn thùng khó chịu, múa lia lịa một vòng, xong rồi, muốn bỏ đi, bị người đứng coi cản lại la rầy, bèn vung tay áo múa lại một vòng nữa rồi bãi. Từ đó về sau trên thuyền không nghe tiếng chuông trống.

Đêm ấy khí trời mát mẽ, mây tạnh trời trong, người trên thuyền nằm ngõn ngang dưới bóng trăng thanh sao sáng ; bàng hoàng trông ra tứ phía, ngâm năm bài tuyệt cú, gọi bạn tri âm.

Bài thứ 1

Bắc nhiều đường phẳng, nam nhiều biển,
 Đi ngựa đi thuyền có thói quen.
 Riêng tớ bắc nam không định trú,
 Khi vung roi ngựa lúc buông thuyền.

Bài thứ 2

Không nước không thuyền gương gọi tên.
 Bao giờ gân cốt chẳng phân minh,
 Nhẹ như chiếc lá, thuyền muôn hộc,
 Cột lớn chèo dài vượt biển xanh.

Bài thứ 3

Biển cả khe sâu gió thổi ran,
 Năm canh sóng vỗ sầm rầm vang.
 Đèn ngư về bên trong đêm tối,
 Nhấp nhori mưa phun điểm điểm vàng.

Bài thứ 4

Xa ngắm cù-lao một ngàn xanh,
 Trái qua ngoài ấy biển mông mênh.
 Bỏ-đoàn dưới nguyệt ngồi yên định,
 Vô định ba đào hóa lặng thinh.

Bài thứ 5

Cờ-nhơn tiễn tớ tôi hôm rằm,
 Liệu tớ hôm nay đèn nước Nam.
 Ai biết Ô-Trư bên Hải-đảo,
 Trên tàu vẫn có lão-tăng nằm.

Sáng sớm ngày sau, cơm nước xong, khai thuyền, chạy suốt ngày mới đến một hòn đảo xa tít, đậu lại. Đảo này tên gọi Lỗ-mạn-Son. Tương truyền, chim anh-võ ngoài biển bay qua núi ấy, nếu không chết thì bay đi, người ta cho rằng thần Phục-ba thả đi vậy.

Có một tàu cùng đậu, sai thuyền nhỏ qua hỏi, nghe nói tàu ấy của người Gia-ri-ba, (12) mọi người đều sợ.

Ba đào húng dưng, tàu chúc mũi chúc lái, nghiêng qua nghiêng lại, dần dần có người say sóng, chóng mặt không ngồi dậy được. Ta nhờ ăn no, hơi yên, nhưng không được khoan khoái như hôm trước.

Đêm 19 tháng ấy, chùng canh hai, gió mưa nổi lên ầm ầm, nằm nghe tiếng hổ-lơ của bọn thủy-thủ. Bỗng chốc như nước thác nghìn tấm đổ xuống sườn núi ; như mưa rào gió bão xao lay rừng chuối ao sen, lại như ngựa sắt giáp đồng giông ruổi sa trường chiến lũy ; trời long đất lở, giao long bay múa tứ tung. Đền đây, nhất thiết cảnh ngộ phớ mặc tự nhiên, sức người quá nhỏ nhoi không sao định được. Sức nhớ Đại-tạng-ký bảo rằng : « Những Tỳ-Kheo thông hiểu ý kinh Lăng-nghiêm Pháp-hoa, đi vào núi rừng có quỷ thần ủng-hộ, đi ra hồ hải có Long-vương ứng chầu », bèn khiên lấy cây cờ « Long-vương miến triều » cắm lên, tức thì thuyền chạy yên ổn ; ngồi dậy dòm ra cửa sổ, thấy trời âm ỉ không mưa ; mặt mù trời nước một màu, trơ trọi con thuyền, như một chiếc lá thả trong một bầu hồng hoang hỗn độn ; mệnh mỏng tứ phía, không bám bấu nương tựa vào đâu, cảnh giới này không sao tả rõ được. Thường bảo miền núi Giang-bắc, không gò cao dốc trùng, chỉ thấy một vùng cao-nguyên đại lục ; nay mặt hải-dương cùng giông vậy, lượn sóng liên tục, bao la mệnh mỏng. Sắc nước xanh như chàm, dính áo cả tháng không khô, người xưa gọi chất dính ấy là « hải-dính ». Sách Nhĩ-nhã bảo rằng : nhựa chàm nhuộm được gọi là « dính », vì có thầy ở chỗ này.

Trên thuyền lặng lẽ, thủy-thủ và chủ thuyền mỗi người coi một phần việc đều tỏ dáng dăm dăm lo sợ ; ngoài ra những người khác mửa ọi bừa bãi ; đi đứng ăn uống như thường chỉ được hai ba người mà thôi ; Ta bị đau dạ dày, có người diu mới đi được, không thì té ngã xiêu. Ngày thường qua sông Dương-tử, gió bắc thổi hơi mạnh, đã rứt rề không dám đi, nay biển cả thả thuyền, xông pha sóng to gió lớn, nghĩ cũng thích thật. Mới biết thuyền lớn muôn học, chẳng gặp gió to sóng cả, làm sao biết sức chạy hay. Bởi thế những bậc Kỳ-sĩ ngang tàng, trong thời loạn, gặp Minh-vương, đều có thể kiến công lập nghiệp ; nếu ở thời bình, gặp chúa tể

12. Không rõ nước nào.

Bài thứ 1

Bắc nhiều đường phẳng, nam nhiều biển,
 Đi ngựa đi thuyền có thói quen.
 Riêng tớ bắc nam không định trú,
 Khi vung roi ngựa lúc buông thuyền.

Bài thứ 2

Không nước không thuyền gương gọi tên.
 Bao giờ gân cốt chẳng phân minh,
 Nhẹ như chiếc lá, thuyền muôn hộc,
 Cột lớn chèo dài vượt biển xanh.

Bài thứ 3

Biển cả khe sâu gió thổi ran,
 Năm canh sóng vỗ sầm rầm vang.
 Đèn ngư về bên trong đêm tối,
 Nhấp nhớt mưa phun điểm điểm vàng.

Bài thứ 4

Xa ngắm cù-lao một ngàn xanh,
 Trái qua ngoài ấy biển mông mênh.
 Bỏ-đoàn dưới nguyệt ngồi yên định,
 Vô định ba đào hóa lặng thinh.

Bài thứ 5

Cờ-nhơn tiền tớ tôi hôm rằm,
 Liệu tớ hôm nay đèn nước Nam.
 Ai biết Ô-Trư bên Hải-đảo,
 Trên tàu vẫn có lão-tăng nằm.

Sáng sớm ngày sau, cơm nước xong, khai thuyền, chạy suốt ngày mới đến một hòn đảo xa tít, đậu lại. Đảo này tên gọi Lỗ-mạn-Son. Tương truyền, chim anh-võ ngoài biển bay qua núi ấy, nếu không chết thì bay đi, người ta cho rằng thần Phục-ba thả đi vậy.

Có một tàu cùng đậu, sai thuyền nhỏ qua hỏi, nghe nói tàu ấy của người Gia-ri-ba, (12) mọi người đều sợ.

Ba đào húng dưng, tàu chúc mũi chúc lái, nghiêng qua nghiêng lại, dần dần có người say sóng, chóng mặt không ngồi dậy được. Ta nhờ ăn no, hơi yên, nhưng không được khoan khoái như hôm trước.

Đêm 19 tháng ấy, chừng canh hai, gió mưa nổi lên ầm ầm, nằm nghe tiếng hổ-lơ của bọn thủy-thủ. Bỗng chốc như nước thác nghìn tấm đổ xuống sườn núi ; như mưa rào gió bão xao lay rùng chuỗi ao sen, lại như ngựa sắt giáp đồng giông ruổi sa trường chiến lũy ; trời long đất lở, giao long bay múa tứ tung. Đền đây, nhất thiết cảnh ngộ phó mặc tự nhiên, sức người quá nhỏ nhoi không sao định được. Sức nhớ Đại-tạng-ký bảo rằng : « Những Tỳ-Kheo thông hiểu ý kinh Lăng-nghiêm Pháp-hoa, đi vào núi rừng có quý thần ủng-hộ, đi ra hồ hải có Long-vương ứng chầu », bèn khiến lấy cây cò « Long-vương miễn triều » cắm lên, tức thì thuyền chạy yên ổn ; ngồi dậy dòm ra cửa sổ, thấy trời âm ỉ không mưa ; mặt mù trời nước một màu, trơ trọi con thuyền, như một chiếc lá thả trong một bầu hồng hoang hỗn độn ; mệnh mệnh tứ phía, không bám bấu nương tựa vào đâu, cảnh giới nầy không sao tả rõ được. Thường bảo miền núi Giang-bắc, không gò cao dốc trũng, chỉ thấy một vùng cao-nguyên đại lục ; nay mặt hải-dương cùng giông vậy, lượn sóng liên tục, bao la mệnh mệnh. Sắc nước xanh như chàm, dính áo cả tháng không khô, người xưa gọi chất dính ấy là « hải-đính ». Sách Nhĩ-nhã bảo rằng : nhựa chàm nhuộm được gọi là « dính », vì có thầy ở chỗ nầy.

Trên thuyền lặng lẽ, thủy-thủ và chủ thuyền mỗi người coi một phần việc đều tỏ dáng dăm dăm lo sợ ; ngoài ra những người khác mưa ọi bừa bãi ; đi đứng ăn uống như thường chỉ được hai ba người mà thôi ; Ta bị đau dạ dày, có người diu mới đi được, không thì té ngã xiêu. Ngày thường qua sông Dương-tử, gió bắc thổi hơi mạnh, đã rụt rè không dám đi, nay biển cả thả thuyền, xông pha sóng to gió lớn, nghi cũng thích thật. Mới biết thuyền lớn muôn hộc, chẳng gặp gió to sóng cả, làm sao biết sức chạy hay. Bởi thế những bậc Kỳ-sĩ ngang tàng, trong thời loạn, gặp Minh-vương, đều có thể kiến công lập nghiệp ; nếu ở thời bình, gặp chúa tể

12. Không rõ nước nào.

thường, ắt không khỏi vấp ngã lao đao. Trang-sinh bảo rằng : « Đua cái chén vào vũng nước giọt thì cái chén mắc cạn », là ý ấy vậy. Kinh hồn mất vía, chẳng dám ngó lâu; ngâm vài quả thanh-mai, đóng cửa khoang buồng, nép gò nằm nghỉ. Làm thành bài « Độ-dương-ca », ghi nhớ Nương-Công, Thạch-Đại Tư-mã.

Bài Ca :

Tháng giêng buổi nửa đêm mười chín,
 Bỗng bắc-phong thổi dền ào ào.
 Đà-công thủy-thủ xông-xao,
 Hớt-hơ hớt-hãi kẻ gào người la.
 Thôi chẳng dám nhìn ra kinh khủng,
 Tựa be thuyền ngồi lóng hai tai.
 Nghe như gió táp mưa bay,
 Muôn rừng đổ lá rung cây ầm ầm.
 Suối treo ngược muôn tâm đỉnh núi,
 Nước đổ tuôn lùm bụi rung rinh.
 Lại như muôn đội hùng binh,
 Giáp đồng ngựa sắt về dinh kịp ngày.
 Muôn giàng ná buông giây một loạt,
 Rừng « tên-lông » tuôn-tuốt bay ra.
 Hải-thu hai mắt chớp lòà,
 Giao-long nép bóng, ngoan-đà thất kinh.
 Thân phó mặc linh đình trời biển,
 Một phút qua diêu viễn nghìn trùng.
 Sáng ngày nhìn lại hư không,
 Còn đâu cảnh vật hãi hùng đêm qua.
 Trờì vớ nước bao la ám đạm,
 Thầy chìm thân chẳng dám trở tay.
 Chìm đâu bay lại chôn nấy ?
 Chúc-dung (13) Hải-sứ về đây không chùng.
 Đòi Thái-cổ tăng dâng hồng-thủy,

Đắt bảy châu đáy biển vùi chôn.
 Đền nay uổng tử oan hồn,
 Xiết bao nước dập sóng dồn lênh đênh.
 Đòi phen lại hiện lên mặt biển,
 Cùng người trần giao chiến ra oai.
 Núi sâu đăm lớn xưa nay,
 Có đoàn sơn-quỷ có loài giao-nhơn (14).
 Kia chẳng thấy liên sơn Thái-Hạ,
 Tây-bắc-phương, cao đã nên cao.
 Chôn nẩy thấp-trùng vì sao ?
 Có cao có thấp hơi nào lo âu.
 Ôi biển cả nao nao dòng nước,
 Chẳng rửa tron ô-trược lòng người.
 Cho đời sạch-sẽ vui tươi,
 Khắp trong thiên-hạ nơi nơi thanh bình.
 Sao chẳng rửa giáp binh tàn khốc,
 Đẹp Xy-vuru, Trác-lộc (15) giao chinh,
 « An-lan » mở hội hòa-bình (16),
 Ba đào lặng lẽ cơn kinh vắng tanh.
 Làng mây nước sinh bình quen thói,
 Qua Sở Ngô đông ruỗi Lương Tế
 Động-đình Hoài-thủy đi về,
 Trường-giang mấy độ thả bè buông câu.
 Chôn Nam-Hải chưa bao giờ biêt,
 Miền cực-nam xa tít chân trời.
 Chim bằng bay chẳng đến nơi,
 Lái thuyền ta quyết băng vời hôm nay.
 Dòng nước chảy khôn lay trụ đá,
 Dâu sóng to biển cả không nao.
 Nhớ ông (17) ngày ở Nam-giao,
 Lòng ta thăm thẳm khác nào bề khơi.

14. Giồng người cá. Sách Thuật-Dị chép : « Trong biển Nam-hải, có giồng Giao-nhân, khóc nhỏ nước mắt thành ngọc-châu.

15. Xưa vua Hoàng-dê đánh Suy-Vuru ở đất Trác-Lộc.

16. An-lan là lễ mừng được sống êm gió lặng.

17. Nhớ Thạch-Nương-Công ngày còn làm quan ở Giao-Châu.

Như thế hai ngày đêm, mỗi sáng sớm có con chim Mũi-tên (箭鳥) từ trong lượn sóng bay vút lên, bay quanh thuyền một vòng, rồi bay thẳng tới trước. Người trong thuyền bảo rằng : « ấy là chim thần theo ủng-hộ Hòa-Thượng, đem đường đi cho khỏi sai hướng vậy ».

Ngày 22, gió lặng khí trời hơi âm, ta chỉ khoác một chiếc áo đơn, vì đã đến Quỳnh-Châu, giáp giới An-Nam, nên khí trời âm áp, đầu đương mùa xuân. Từ đây trở đi, mỗi ngày chỉ xuôi gió chừng hai ba giờ; ngoài ra, linh đình giữa biển, thuyền tuy di-động nhưng đi tới rất chậm.

Ngày 24, thuyền-chủ viết lên cột buồm mây chữ lớn như sau : « Ai thầy núi trước, thường tiền một quan ». Mỗi người đều hớn hờ , tỏ ý vui mừng. Trên thuyền có thủy-thủ tên A-Ban, người An-nam, chưa đầy 20 tuổi, cường-tráng lanh-lẹ ; mỗi lúc treo buồm, hắn leo tuốt lên ngọn cột, giăng dây thắt đôi, qua lại như đi đất bằng ; hắn vừa đứng trước mặt, ngó lên, đã thấy ngồi trên đọt buồm; nhẩy nhót xuống lên, chẳng chút ngưng-ngịu. Vì vậy mọi người đều bảo chắc hắn ta sẽ thầy núi trước vậy. Lúc ấy có bảy chim én bay quanh cột buồm. Suốt ba ngày còn tí mù chẳng thấy bóng núi. Qua ngày 27, gần đúng Ngọ, có người reo lớn trên đầu cột: (Kia kia, núi đó rồi) ! người ấy chính A-Ban vậy. Cả thuyền đều reo lên cười mừng, nhưng chưa ai thầy gì; mọi người trưng mắt chăm chú nhìn, chập lâu trăm người có một người thầy, lại chập lâu, mười người có một người thầy. Chừng ấy người coi lái bàn nên vào cửa nào ? thuyền-chủ lái-buôn muốn vào cửa Hội-an để bán hàng cho tiện, tăng-chúng muốn vào cửa Thuận-hóa được sớm yết kiến Quốc-Vương; bàn cãi giăng co, đều hướng về ta hỏi ý-kiến. Ta bảo rằng : Các ông muốn gấp đến bên chãng ? Chúng đều giả lời muốn gấp. Ta khiến lấy cây cờ « Thuận phong tương tông » cắm lên, và bảo rằng: Nay xem gió xuôi hướng nào, xuôi Hội-an thì vào Hội-an, xuôi Thuận-hóa thì vào Thuận-hóa, không cần phải lựa chọn chi hết. Chúng đều tán thành. Người coi lái nhắm hướng Hội-an, lúc ấy gió thổi thẳng buồm, tít vào Hội-an. Một chốc gió dần dần thổi ngang, lại quay hướng Thuận-hóa. Thủy-thủ lại xả buồm không đi nữa, xa nhìn rặng núi, còn cách trăm dặm ngoài. Sáng mai, ngẩng xem thể núi từ hướng tây chạy quanh co như hình vòng-câu nằm trên mặt nước. Nước Đại-Việt kiến thiết đô-ấp trên hình vòng-câu vậy. Ăn cơm sớm xong, ta hỏi: Nay gió vào Hội-an thuận, hoặc vào Thuận-hóa thuận chãng ? Đều giả lời vào Thuận-hóa

thuận. Ta cười bảo nếu vậy cứ vào Thuận-hóa. Người coi lái biết không thể cãi, nhìn nhau rồi quyết định. Buông gió một chặp vào đên vòng núi, ấy là đảo Tiêm-bích-La (Cù-lao-Chàm). Dần dần thấy gò cao rừng rậm, dần dần thấy nội phẳng đồng bằng, kia so le mây nóc nhà gianh, nọ phơ phất mây cây cỏ-thụ ; bãi cát trắng xóa, bờ nước biển dội sạch, xa trông một vòng bạc sáng ngời, giống như bờ đê khước-nguyệt. Nổ mây phát pháo lớn, ra hiệu cho trong bờ biết có tàu đên nơi. Cửa biển vẫn chưa trông thấy, chỉ thấy trên mặt biển có một làn sóng dợn xa xa. Bỗng chốc, một lá buồm hình lưới riu, từ phía mặt trời lặn chạy lại ; lúc đên nơi, trời đã nhá nhem tối. Nhìn thấy một người trần truồng mang khò, đầu bôi tóc có giắt lông nhím, răng đen, nói líu lo; người ấy vì không phải phụng mạng mà lại, nên không dám lên tàu. Trên tàu có người muốn xuống thuyền xem chơi, người ấy cũng không chịu. Hai phiên-tăng, nguyên người nhà vua sai sang Quảng-đông, ra hỏi chuyện, người ấy bèn thi lễ. Lây giấy giống Phiên-tăng xuống thuyền, để chạy đi thông báo với Quốc-Vương. Kể có một chiếc thuyền lại, có một viên quan cũng bôi tóc đi chân không, chong đèn ngồi canh giữ không đi.

Suốt đêm ồn ào, ngủ không yên giấc. Rạng sáng thuyền tứ phía chèo đên đông như kiến cỏ. Người bán-xứ chen lẫn, giành mua các thứ giầy, mào, bát-tật, quạt v.v... rất thích mua thứ dù che mưa.

Qua giờ thìn, có hai chiến-hạm của nhà vua sai Quốc-cậu đem ra đón, hai Phiên-tăng cũng trở lại, thi lễ xong, lập tức giục xuống thuyền, nói có Quốc-cậu đương kính chờ bên thuyền. Vài mươi thủy-quân võng ta xuống, nổi trông đồng hò hát chèo đi. Thuyền sơn son láng bóng soi mặt được, tả hữu đều 25 chèo, thủy quân rất mạnh mẽ, cửa khoang thuyền chạm long vân, sơn đỏ, trên che đệm có đăng-văn, dưới trái chiều lác mịn màu xanh lục, lò đốt kỳ-nam-hương, hộp vàng bày cau trầu, có đủ các thứ gỏi-tựa ông-giỏ.

Đên công-đường ở bờ biển, công đường tức nhà thầu thuê, chỉ có một gian lợp bằng cỏ-gianh. Quả-Quốc-sur và Quốc-Cậu rước ta lên bộ, bày lễ-vật của Quốc-Vương có các thứ kỳ-nam, trân-châu, vàng bạc v.v..., lạy và nói rằng : « Nhà vua bận Quốc-chánh, chưa có thể đón xa, nên biện chút lễ mọn, khiến chúng tôi kính rước. Nhà vua sẽ ra ngoài đô-môn

vài dặm để đón mừng đạo-giá, xin Lão-Hòa-Thượng lượng tình nhậm lễ cho ».

Kê đó kiểm điểm hành lý, từ biệt chủ-thuyền, một đoàn bốn chiếc thuyền nhỏ chèo đi. Hai bờ lúa ruộng xanh xanh chờ trở bông hỏi thăm, nghe nói ruộng không bỏ phân, một năm làm đến ba mùa cũng khá tốt. Rừng cây trong hút mắt. Nơi làng xóm ở, nhà tranh phên trúc, ngang dọc như bàn cờ. Giồng cây trồng có tre, mít, dứa, cau; hoa thì có thạch-lựu, đinh-hương, mộc-lan, hoa-lài v.v..., vì khí nóng nên mùi hương nức bay thấu ngoài giậu, chỉ không thấy có đào, lý, mai mà thôi. Thổ tục dân phong rõ ràng mới lạ. Bèn làm sáu bài thơ tả cảnh mới đến nước Đại-Việt như sau:

Bài thứ 1

*Vượt biển dầm mưa vừa đến bên,
Đầu-xuân đã mặc áo mùa hè.
Trên bờ chú Mán ca lãng-lú,
Trong phố cô hàng nói ồ-oe.
Muôn dặm cát vàng quân đón rước,
Một phong thư ngọc sứ đi về.
Đất kia ai bảo đông-nam khuyết,
Bóng ác chiều tà vạn núi che.*

Bài thứ 2

*Đài son Cú-lũ (18) thoáng trông qua,
Đồng-trụ (19) mờ màng góc biển xa.
Nhơn vật tướng đâu thay mới hãn,
Y quan vẫn giồng nếp xưa mà.
Chờ người đuốc ngọc thâu đêm sáng,
Hộ giá đao vàng thẳng cửa ra.
Vào chợ bán mua ròng bạn gái,
Vung tay trước gió mở hàng hoa.*

18. Cú-lũ-son ở tỉnh Hồ-Nam, chủ-phong núi Hành-son. Theo Đại-Sán cho đảo Tiêm-Bích-La (Cù-Lao Chàm) có núi Cú-lũ ở đó và chính nơi Cát-Hồng xin đến làm quan lệnh để luyện đơn-sa (xem tường thuật ở Quyển IV), sợ e không đúng.

Trên đảo Tiêm-Bích-La có đền thờ Mã-Phục-Ba

cửa giữa đi thẳng vào đến., Vua đứng đón ở thềm phía đông ; thoạt mới gặp nhau, như quen biết sẵn từ trước ; dắt vào trong cung, có bài trí tượng phật, phướn tàn chuông mõ, chẳng khác cảnh chùa. Ta bảo rằng : « Nhà vua thực khá gọi chẳng quên nghiệp-cũ vậy » (20). Vương ngó ta mà cười. Ta lễ Phật, nhà vua tự tay đánh khánh đốt hương. Kê khiên bày hương-án, lấy bạc thảy đái ta vào ngói giữa, Quốc sư ngói phía tả, rồi ngài ngói phía hữu. Sau mấy lời hàn huyên ủy-lạc, đứng dậy thưa rằng : « Đệ-tử tâm mộ Đạo-phong Lão Hòa-Thượng đã mấy năm nay, nay may mắn Hòa-Thượng chẳng vì có xa xuôi từ khước ; cầu xin rú lòng, bảo cho đệ-tử biết đường chánh để noi theo ». Ta bảo rằng : « Đạo nhà vua ở nơi việc trị nước an dân. Đạo chỉ có một, nhưng địa-vị mỗi người khác nhau. Nếu kẻ cai trị Quốc-gia, lảng bỏ tất cả pháp lệnh kỷ cương, để cưỡng cầu thanh-tịnh, ấy là chẳng biết thanh-tịnh vậy. Nếu hay những-nhưng không dục vọng, lạnh-lẽo không tham cầu, trong lòng hư linh, tùy việc thuận-lý, tùy vật ứng phó, thì tuy ngày xử trí muôn việc cũng chẳng phiền nhiễu mấy may.

Bài thứ 3

*Mù mịt ngắt trời chướng khí bay,
Mộc-lan gió cuốn xuôi khe đá.
Gần làng, người nói trong tre khói,
Bên bực, gà kêu giữa núi mây.
Chèo què nước xao tay thị-nữ,
Kỳ-nam hương nức áo quan-sai.
Công-nha chôn chôn khuyên mời rượu,
Đuốc đội đường về chênh-choáng say.*

Bài thứ 4

*Hán Đường khai thác bấy lâu nay,
Cảnh tượng lần lần đã đổi thay
Định-viên dầu mờ trăng trước ải,
Phục-ba tiếng dậy sóng bên trời.
Xuân về cỏ nội xinh xinh mọc,*

20) Câu nói này có ý nói Quốc-Vương với Đại-Xán nguyên kiếp trước cùng tu với nhau một chỗ ở Trung-Quốc. Nay Quốc-Vương đầu sanh làm vua Việt-Nam, vẫn thờ Phật tụng kinh, chẳng quên việc cũ.

Đêm đèn cờ thiêng phới phới bay,
 Man mác rừng cây trông hút mắt,
 Ngư tiêu chia nửa nước non này.

Bài thứ 5

Khói vàng ngoài nội mờ mờ tỏa,
 Mù trắng bên rừng phới phới bay.
 Xòa tóc ông chài vung lưới kéo,
 Kê sông nhà lá nửa then gài.
 Biển khơi nhiều gió chim bay vút,
 Ruộng cát không mưa lúa chẳng sây.
 Khúc-điệu Cao-miên, người Mán Mọi,
 Chiều hôm cỡi tượng hát lai rai.

Bài thứ 6

Khước-nguyệt quanh đê khói mịt mù,
 Đầu gành cát trắng nhóm ngư châu
 Trời thanh Ngải-Lãnh (núi Ái-Vân) mây cao thấp,
 Hoa phủ Bàn-giang (sông Vĩnh Điện thuộc phủ Điện-Bàn) nước
 Trưa nắng, trời xuân như tiết hạ. [chảy thâu.
 Chiều im, khí biển đượm màu thu.
 Chẳng nài công khó đường xa lạ,
 Chỉ muốn ngâm đề thích viễn du.

Bây giờ là 28 tháng giêng. Hai bên bờ người đi, gái nhiều hơn trai, áo mặc chuộng màu hồng, màu lục. Sắp đèn Vương-phủ, mệnh môn không có thành quách, chung quanh trồng tre gai làm rào ; trong tre cắt một hàng trại lợp bằng cỏ tranh; mỗi trại đều có đặt súng đồng, nặng từ vài trăm cân đến vài nghìn cân, đúc rất tinh xảo, khảm châu sa phi-túy, văn vẽ sáng ngời, nhờ công chùy đánh lâu năm mới được như thế ; nếu đem số đồng nầy đúc lư, đúc bình, làm đồ gia-dụng, quý giá chẳng biết bao nhiêu mà kể. Sau trại súng lại có hàng rào tre gai, phía trong có vòng tường thấp, rộng chừng một, hai dặm, Vương-phủ ở trong ấy.

Đi chẳng xa, phu-đò báo cáo nước cạn, Quốc-sư đứng dậy Bạch rằng :
 « Từ đây xin lên bộ ».

Lúc ấy quan dân trai gái tụ họp chen lẫn nhau đứng xem, võng không đi tới được. Đi quanh hai ba lớp núi, nghe trong rừng tre có tiếng trống chuông ; Quốc-sư rước vào ngồi trong một ngôi đền, ngồi chừng nửa giờ, những người đến lễ liên tiếp, Thông-ngôn giới thiệu, ông nầy ông kia làm quan chức nầy nọ,... Phần đông chẳng phân biệt được, ta chỉ ngúc đầu mà thôi.

Đương bàn với Quốc-sư tính nghỉ ngơi vài ngày rồi sẽ ra mắt Quốc-vương. Kê có quan Nội-giám quỳ gối thưa rằng : « Quốc-Vương trông đợi Lão-Hòa-thượng đã mấy ngày nay, nay chỉ trong gang tấc chẳng được hội-kiến, chắc suốt đêm trần trọc không ngủ yên. Huống chi, ngày mai là ngày mỗ, sau một ngày nữa là tháng mỗ, (tháng hai) Quốc-vương không muốn cùng Lão Hòa-Thượng tương-kiến lần đầu nhằm ngày mỗ tháng mỗ, vì « Mỗ » Người rất kiêng dèng vậy ». Sứ-giả đi lại liên-tiếp, Quốc-sư ép ta qua yết kiến một lần cho thỏa lòng Quốc-vương. Võng lộng từ Bồi thể nước trị dân an, hầu thầy rủ áo vòng tay, không làm mà thành đạo ; thanh tịnh tốt bậc, Đề-vương Phật-tổ nào có phân biệt, gì đâu ». Vương có ý hiểu, bảo rằng : « Ngày nay mới được nghe những điều chưa từng nghe ». Chỉ tiếc tiếng nói không thông hiểu nhau, những lý luận sâu xa, phần nhiều chưa hiểu hết ý, đó là diễm mà tôi rất ân hận. Trộm ngắm ông vua Ngoại-quốc, xuân thu chưa mảy mà phú tính thông minh, độ lượng khoan hòa, dung mạo đoan chính ; cho hay hưởng phước làm ông vua một nước, đâu phải việc ngẫu-nhiên ; vả lại nghiên-cứu kinh điển, đầu đầu lưu tâm, nếu chẳng phải người kiếp trước tu hành, nhưn túc-nguyện trở lại trần-gian, thì chẳng làm được như thế vậy.

Dọn cơm chay, nhiều món không biết tên, quá nửa dùng mật mía trộn đồ ăn nguội. Qua nửa đêm, còn lưu luyến chưa cho từ biệt. Quốc-sư nói rằng : « Lão Hòa-thượng đi thuyền quá mệt mỏi. Rồi đây đàm đạo còn nhiều ngày ». Về đền chùa Thiên-Lâm, canh ba đã diễm trông.

Kê nhà vua cho đem đèn cúng dường, từ tiền gạo, yên-sào, cho đèn giâm tương dầu muối vừng sấp, các thứ rau quả đầy đủ.

Còn có người chờ yết kiến, từ chời xin đèn sáng mai. Tắm rửa xong, nằm nghỉ. Chưa sáng, quan dân nam nữ đã đứng chật dưới thềm, bùng đội tiền bạc, trâu cau, trái cây, đèn lễ bái, tục gọi đi lễ-mừng ; từ bữa ấy liên tiếp cả tháng chẳng dứt. Chỉ nhà ở tôi tắm chật hẹp, chẳng đủ chỗ chứa 10 người, ban trưa còn thấp được. Ra cửa toàn người lạ. Đầu xuân

đã nóng nực. Ta làm 1 bài « Khải » và 4 bài « Thơ » dâng Quốc vương như sau :

Bài khải

Nay nhận thầy :

Quý Vương-quốc từ xưa khai sáng, Thuận-hóa, Thanh-hóa, hùng cứ Tam-giang bát-trần, thông-trị bốn mươi bảy châu.

Quý Đại-Vương nổi nghiệp thủ thành, Kiền-bình Tân-bình bao la vạn thủy thiên sơn, thuộc hạt trăm sáu mươi quận.

Xây thạch trụ chông ngăn dòng nước, ven biển làm nhà.

Đắp trường thành che chở vườn Thiên, phá rừng lập nghiệp.

Nay kính :

Đại-Việt Đức-chúa Ngân-an điện-hạ,

Đất chia Nam-thổ,

Ngôi á Bắc-thần.

Dựng nước gần Mân, Việt, Xuyên, Xân, núi dẫu mòn mà sông dẫu cạn.
Tiếp giới với Xiêm, Giao, Qua, Bột, gánh nặng thì lo càng nhiều.
Học dổi mài thành ý tu thân.

Đạo luyện tập ngoại vương nội thánh.

Nghiêu-diễn Vũ-mô Thang-cáo-mạng, cảm giữ mỗi trung.

Đường-thơ Tần-tự Hán-văn-Chương, tùy theo sở thích.

Triều đường nghiêm kính, nhưng không hách dịch ra oai.

Dân tục đổi thay, vẫn có khoan hồng rộng lượng.

Thông-minh phú tính, sao chiều từ-vi.

Hiếu để làm lòng, hoa khai đường-đệ.

Vua Hán-đại chẳng qua nhường ấy.

Sở Trang-vương nào đã hơn chi.

Giúp trí mưu chẳng thiếu hiền hào, vẫn có tướng « bạch-y », vũ có tướng « hắc mầu » (21), tả hữu thầy đều lương bật.

Thú tiêu khiển vui chơi yên tuyệt, khi xướng khúc mai-hoa, khi ngâm thơ dương-liễu, xướng thù gặp hội tân-xuân.

21) Bạch-Y Tề-Tướng là Lục-Chí đời nhà Đường. Hai câu này ý nói, dưới triều chúa Nguyễn, tướng văn tướng võ đều có người giỏi.

Bên Tây-hà trắng tỏ lâu lâu, cát đá hóa thành vàng ngọc.
 Miền đông-hải sao ngồi nhấp nhoáng, sóng mòi tràn ngập báu châu.
 Rỗng múa đồng-cung.
 Phượng bay chu-đề.
 Tiếng hay sắc đẹp, không tham thói quý tình phàm.
 Ngựa găm dao vàng, cảm phát lòng từ niềm đạo.
 Có sinh lại có sát.
 Làm vua kiêm làm thầy.
 Việc làm một thời.
 Tiếng lưu nghìn thuả.

Lão-tăng :

Từ thơ ầu thường hay bịnh hoạn, chẳng tham sông ở trong trần
 Lìa gia-đình lo việc tu hành, chỉ muốn lánh ra ngoài cõi.
 Lòng như tro lạnh.
 Áo khoác nâu sồng.
 Gậy thiền còn xa cắm ruộng hoa.
 Thư cá bống đưa qua thành Huệ. (22)
 Chắc kiếp trước có cùng nhau ước hẹn, đã kể vai còn lẳng lẳng đi qua.
 Nên kiếp nầy bống nhớ lại như duyên, vừa gặp mặt đã cười xòa vui vẻ.
 Ai bảo nhà nho đạm bạc, từng nhờ Không-thánh mở mang.
 Chín e đạo phật điều tàn, sẽ bị Cù-đàm trách móc.
 Yêu hèn xét phận,
 Cứu vãn không tài.
 Sáo thổi rừng hoang, để ai thương thức.
 Cò trông lầu ngọc, khôn nổi xói vun.
 Nay may gặp cổ tri.
 Để luận bàn việc ấy.
 Chẳng quên Linh-Thứ (23), bảo truyền tôi tớ hộ trì.
 Gặp hội Diêm-phù (24) chia mở trống cờ truyền đạo.

22) Huệ-thành tức Quảng-Đông, nơi Nguyễn-chúa đưa thư qua Quảng-Đông mời rước.

23) Núi ở trung-Ân-Độ, thuộc nước Ma-Yết-Đà, tức Như-Lai thường giảng Kinh Pháp-Hoa ở đó. Phật-gia lấy núi đó làm Thánh-địa. Trung-Quốc có các núi xưng hiệu Linh-Thứ hay Linh-Sơn, là nơi theo danh hiệu ấy.

24) Tức mở hội trai-đàn.

Há nệ mao treo anh lạc, cứ chuyển cơ thân.
 Chẳng chờ áo mặc thủy vân, mới lo việc phật. (25)

Phục nguyện :

Tín sâu biển-học.

Trí mở cõi danh.

Lương-Võ Tông-Huy, (26) có thiện-căn mới kiêm thông tôn-giáo.

Bùi-Công Lý-Tướng (27), hiểu đạo-lý nhờ vốn có gia-truyền.

Chẳng những phò-trì phật-pháp được lâu dài,

Lại cũng chân động hoàng-phong thêm lộng lẫy.

Lại trông mong :

Kinh-luân phát triển, mở rộng thêm cơ nghiệp Tiên-nhơn.

Ân-huệ dồi dào, cứu vớt khắp sinh linh bốn biển.

Cửa vàng truyền chỉ, phụng sắc phong trên chôn miếu-đường.

Xe báu dẫn đường, thường thuận-thú khắp miền viễn cận.

Lão-tăng đưa bửu-phiệt, trải qua đảo lạ sông kỳ.

Đại-Vương ngự bố-đoàn, thông thả dưới rừng bên nước.

Thơ quê mây vượn, hồ tặng lời mây.

Khải vãn một bài, kính dâng chuyện nguyệt.

THƠ :

Bài thứ 1

Giao-châu dựng nước chính nam-phương,

Một giải non sông vạn dặm trường.

Ngôi báu trải đời truyền thánh triết,

Ấu vàng muôn thửa vững phong-cương.

Đài cao chắt ngất treo vân-hán,

Biển rộng mênh mông lặng khói sương.

Đức hóa từ nay nhuần thấm khắp,

Nghìn thu quốc thái lại dân khương.

25) Hai câu này ý nói, dầu đương làm vua chúa (mao treo dải ngọc) cũng chăm lo việc đạo.

26) Lương-Vũ-Đề Tông-Huy-Tông đều rất tôn sùng đạo Phật.

27) Bùi-Độ, Lý-Bí đều là danh tướng đời nhà Đường.

Bài thứ 2

Thuyền chiến phẳng phẳng đường chớp nhoáng,
 Cờ ngà phới-phới tợ mây bay.
 Giáp thù hình thú quân hùng-hổ,
 Biển rộng tấm rờng lính hải đài.
 Cửa phật, sáu cung dăng lễ bái,
 Ngồi Trời muôn nước nể thiên oai.
 Gió xuân mây độ bên trời thổi,
 Rải khắp lòng non bốn cõi ngoài.

Bài thứ 3

Dương-thành năm ngoài gửi thư qua,
 Trọng đạo, khen người ở xứ xa.
 Chén nước chưa quên lời nguyện ước,
 Bè lau bao quản nổi phong-ba.
 Gạo thơm hơi bốc mây nhường trắng,
 Vàng báu ân ban đất chói lòa.
 Cho hay trong nước vua là quý,
 Vua quý mà còn lễ Thích-ca.

Bài thứ 4

Đại-Giám ngày nào về Giũ-Lĩnh (28)
 Ngày nay ta mở đạo Nam-bang.
 Dịch-hoa chưa có Cừu-ma (29) đến,
 Ứng hiện cùng theo Bửu-Chí (30) sang.
 Khen đó Việt-thường dâng trĩ trắng (31)
 Thẹn ta Cát-Liệu (32) tiếp mai vàng.
 Biện khời dẫu cách người không cách ?
 Mới rõ Linh-sơn đuốc chữa tàn (33).

28) Giũ-Lĩnh tức là Đại-Giũ-Lãnh, tức là Mai-Lãnh ở Quảng-Đông.

29) Cừu-Ma-La-Thập cao tăng người Thiên-Trúc, thời Hậu-Tần vào Quan-Trung, dịch các Kinh Pháp-Hoa, Kim-Cương hơn 300 quyển ra tiếng Trung-Hoa.

30) Cao-Tăng đời Lục-triều (xem chú-thích ở số 4, bài tựa của Mao-Đoan-Si, Quyển I).

31) Việt-thường đem bạch trĩ cống nhà Châu.

32) Tên một giồng người Mán.

33) Xem chú-thích số 23, quyển 1.

Sáng sớm ngày mồng một tháng hai, Nhà vua khiển Nội-giám đem thuyền đến mời ta vào ra mắt. Gắn đúng Ngọ, đèn phủ, nhà vua chờ đón ở cửa phía tây, lần nầy người mặc đạo-bào, không xiêm mào như lần trước, càng có vẻ hòa vui hơn. Ta bày dâng bài khải, bốn bài thơ và một ít trái cây, Nhà vua xem kỹ từng bài, rất thán thưởng, chấp lâu, đem ra các đồ vật ngự dụng, chỉ từng món, hỏi ta « có đẹp không ? Trung-hoa có món nầy chăng ? » Có ý muốn khoe khoang. Xem ra các món đều bằng vàng bạc châu báu chạm trổ công phu, tuy không văn nhã, thiều chất phác, nhưng thấy đều lạ lùng chóa mắt, có phong vị phú quý, một thứ phú quý của vua Mán.

Cơm nước xong, Quốc-vương hỏi rằng : « Trước mặt Lão Hòa-thượng, có thể lấy múa hát cung-dưỡng chăng ? » Ta bảo rằng : « Trong mười thứ cung-dưỡng, âm-nhạc là một vậy ». Vương nói rằng : « phải thưa qua Hòa-thượng mới dám ». Kể khiến gọi ra bốn, năm mươi cung-nữ, người nào cũng thoa son đánh phấn, bận áo hoa màu lục dài phết đất, đội mào vàng giồng mào « Thất-phật », hoặc tay cầm nhạc-khí, quả nửa giồng nhạc-khí Trung-hoa, chỉ có yêu-cổ (trồng e lưng) dài độ hai thước, giữa eo nhỏ, hai đầu bằng phẳng lớn hơn, dùng tay vỗ có tiếng vang hùng tráng, như tiếng trống đồng ; lại có thứ đàn giồng đàn tranh hình vuông dài, giữa trồng-bồng, giăng bốn giây có tua, ôm trên gò, để khảy, âm vận nghe rất thanh tao. Bốn cung-nữ nhịp nhàng sắp thành hàng ngũ, âm nhạc hòa tấu ; ca-nhi hát khúc « Thái-liên » (hái sen), ngân giọng chậm rãi cho ăn nhịp với trồng đàn, vũ-nữ hoa tay múa bộ như đương hái hoa sen vậy. Diễn tống xong, nhà vua lấy ra năm mươi ngàn đồng tiền (?) giao cho ta, bảo thưởng cho « Tiểu-hầu », « Tiểu-hầu » tức tên gọi đoàn « Lê-Viên » (Vũ-nữ), tên nghe cũng nhã vậy.

Trong lúc nói chuyện, Quốc-vương thường tỏ ý tưởng nhớ Đông-Kinh (Bắc-kỳ), nói Đông-kinh là đất nước bán-quốc, Tiên-thê từng làm rể An-nam, được phong làm phiên-thần ở xứ nầy, dần dần trong xứ trở nên cường thịnh ; từ ấy cát cứ lập thành một nước, đổi hiệu làm Đại-Việt. Nhà vua tưởng nhớ Đông-kinh, cũng như người ở đất Khúc-ôc làm bài thơ Tiêu-Liêu để tỏ lòng tưởng nhớ nhà Tần vậy. (34)

34) Tần-Chiêu-Hầu phong cho chú là Thành-sư ra ở đất Khúc-Ôc, sau người & Khúc-Ôc làm bài thơ Tiêu-liêu để tỏ lòng thương nhớ cô-quốc.

Mỗi lúc vắn đáp, thông-ngôn phiên-dịch thường hay sai lầm, nên ngày ấy không nói chuyện nhiều.

Hỏi : nhà ở được yên chăng ?

Trả lời : Chật hẹp tôi lắm, không được khoan khoái.

Hứa đến ngày mồng ba, sẽ khiến người khởi cất phương-trượng mới.

Bèn từ biệt lui về, làm năm bài thơ « Thiên-lâm tức sự » như sau :

Bài thứ 1

Mịt mờ mây khói ám hoa-cung,
 Ngồi đứng băng-khoãng những lạ lòng,
 Rừng thẳm ngày thường sinh gió mát,
 Trời chung đâu chẳng có trăng trong.
 Non xanh một dải chiều u ám,
 Xương trắng nghìn mô khói tỏa phong.
 Thề sự chắc gì không biến đổi,
 Mây đen bỗng trở bóng-dương hồng.

Bài thứ 2

Mưa gió phương xa bát ngát nhìn,
 Khói xanh nghi ngút tỏa từng trên.
 Lôi tiêu quanh núi khi mờ tỏ,
 Lều cỏ ven đồi khoảng hở liền.
 Một tiếng khánh vàng buồn gõ trúc,
 Đồi dòng nước biếc tưới ven biển.
 Thừa nhân cũng muốn tìm thơ hứng,
 Bận nổi quan dân lại cùng tiền.

Bài thứ 3

Quanh lời xanh um mít với dĩa,
 Trông chuông vắng vắng tiếng xa đưa,
 Kim-thằng chỉ nẻo trăng Đông-hải (35)

35) Kim-Thằng (dây vàng) tiếng nói nhà Phật. Kim-Thằng Khai giác lộ có ý nghĩa vượt Đông-Hải đưa đạo Phật qua Việt-Nam

Tích-trượng trong chùng gió Việt-khư (36)

*Mắt hút càn-khôn vui tự-tại,
Cảnh quên hồ hải tức chơn-như.
Làng chài quán-rượu đâu không bực.
Một tâm lòng chay chẳng bợn dơ.*

Bài thứ 4

*Chùa dựng đầu cầu cao chắt ngắt,
Xuyên ngang gò núi một đường thông.
Voi giày dặm cát le the cỏ,
Chim vượt khe rừng rải rác bông.
Bóng mát cây cao thấy nghỉ bước,
Câu kinh tiếng kệ khách khuây lòng.
Vui chơi kéo phụ bầu trăng sáng,
Đâu bề bàn chi chuyện viễn vong.*

Bài thứ 5

*Phương-trượng ba gian lợp bạch-mao,
Đồng xanh nửa mẫu tiếp gò cao,
Ven cồn rau cỏ quanh năm thiêu,
Ngoài ngõ tre gai tứ phía rào.
Hay bệnh việc đời theo quây nhiễu,
Tránh rầy, miệng thề lại xôn xao.
Ngày về, Hà-Lạc, thăm tin gió,
Được quẻ trùng-ly đệ lục-hào.*

Thấm bảo, chắc chùng một vài tháng sau, sẽ được an cư. Qua ngày sau, chùng canh ba, nghe ngoài cửa có tiếng ồn ào, thì ra một viên Nội-giám, hai viên Bộ-Công, dẫn đến vừa lính vừa thợ chùng nghìn người để xây dựng nhà cửa. Mờ sáng, kẻ vác tre, người vác gỗ, kẻ đánh tranh, người vót mây, lại có người cuốc đất đắp nền, hoặc leo lên mái nhà gọi nhau, hoặc đào hầm đất đi xuống. Từ sáng đến tối, liền ba ngày đêm, cất xong một tòa phương-trượng năm gian ba mươi hai cột, bốn phía có hành lang; vách tường, rầm-thượng, rầm-hạ đều bằng ván ; và một nhà hậu liêu

36) Tích-trượng (gậy có bịt thiếc) là gậy của nhà sư.

năm gian, hai mươi cột, cũng đồng thời làm xong. Nhơn hỏi chuyện, biết rằng, trong nước trăm thứ thợ đều do quân-nhơn làm. Mỗi năm vào khoảng tháng ba, tháng tư, quân-nhơn đi ra các làng, bắt dân từ 16 tuổi trở lên, những người thân thể cường tráng, đóng gông lại bằng một cái gông tre hình như cái thang nhưng hẹp hơn, để giải về phủ sung quân ; vào quân đội rồi, mỗi người bắt chuyên học một nghề, kẻ phân phái đi theo các chiến-thuyền để luyện tập ; có chiến tranh đem ra đánh giặc, lúc vô sự ở theo Vương-phủ làm râu ; tuổi chưa đến 60, chẳng được về làng cùng cha mẹ vợ con đoàn tụ ; hàng năm, thân thích đem áo quần vật thực đến thăm mà thôi. Vì có ấy, những dân còn lại ở nhà, toàn gầy yếu tàn tật, chẳng có mấy người mạnh mẽ. Cha mẹ sợ con phải đi lính, vừa lớn lên tức cho vào chùa làm sãi, hầu mong tròn tránh việc quan ; do đó bọn khoác áo nhà chùa rất đông, phật-pháp trở nên hỗn loạn, chẳng những « tôn-phái » không ai hỏi đến, mà các việc « Luật », « Luận » cũng đều xếp xó bỏ qua ; đến đổi những kẻ mao-ni áo-tràng, mà nết xấu tật hư, còn quá bọn dân quê ngoài làng mạc ! Cho đến những hạng trí thức tự xưng làm thầy người, cũng không cứu vãn được tệ-phong, luồng phụ lòng kính tin của quốc-dân và chùa-thượng. Tai nghe mắt thấy, há nữa làm thịnh ; bèn viết cáo bạch một bài, dán lên các cửa chùa cho mọi người được rõ...

Lời cáo bạch :

Tam giáo Thánh-nhơn, khai hóa thiên hạ, từ việc lớn đến việc nhỏ, đều có pháp độ chương-trình. Đạo phải có gốc, học phải có thầy, không phải xuyên tạc đặt bày, để mượn tiếng làm thầy thiên hạ được.

Nho, Đạo hai giáo phái, đều có truyền thông, ở đây ta không bàn đến. Ta chỉ nói riêng về Thích-giáo, đức Đại-hùng Văn-phật giáo hóa chúng sinh, lấy lòng từ bi làm lợi cho muôn vật, lấy trí-tuệ tiếp độ mọi người ; dạy học chia thành ba môn, để cho kẻ hậu-tiên tiện đường xu hướng. Được-sơn-Tô bảo rằng : « Luật có Luật sư, luận có luận sư ». Hiện nay, bảo là « Tôn sư, thì chưa hiểu « thuyền-chỉ », bảo rằng « luật-sư » thì chưa hiểu « giới-tướng », « luận-sư » lại chưa hiểu « kinh-nghĩa », hành động nhỏ nhẻ, nói năng lộn xộn, tự ý đặt điều, làm hại kẻ hậu học ; khinh trời dỗi phật, ăn hại thí-cúng của thập phương, thực là loài ma nghiệt số một trong pháp-môn vậy. Theo Kinh Duy-Ma nói, thời những hạng người ấy, ai mà cúng dường đã không được phước, còn người nhận của cúng dường đó, lại phải

đạo vào tam ác đạo (37). Ngày này đã xa cách thời thánh-nhơn, chính đương lúc ma mạnh pháp yếu. Những kẻ tự xưng «đại-tăng», phân đông bể ngoài nấu nướng cửa Phật, bể trong hoạt-động yêu ma; dẽ khoác lốt hùm, thỏ bảy chồn lữ; lộng hành khắp xứ, mười điếu sai chín. Than ôi, kẻ mù dẫn đường, dắt người xuống hồ, đau lòng biết chừng nào! Vì thế, Lão-tăng khai pháp ở Trung-hoa trải ba mươi năm nay, cắm trúc trượng một cây xông pha ngang dọc. Trái khắp nơi nơi diệt trừ sửa trị, quyết cùng bọn dôi thể trộm danh, tự xưng là trí-thức đại-sur ấy, ăn thua đên cùng. Ta vồn chẳng chịu vào hùa với bọn giả dôi, lấy bốn chữ «tu-hành lão thực» để chuộc tiếng khen với các thiện nam tín nữ Lão-tăng chỉ muốn mở rộng đường đạo, lập lại quy mô, phò chánh trừ tà, để đến ơn Phật-Tổ mà thôi.

Nay mong Quốc-vương triệu thỉnh, Lão-tăng từ phương xa đến, được Quốc-vương cung kính thân như cột nhục. Vả lại thần dân trong nước thấy đều quy y Tam-Bảo, thực là một quốc-gia ưa muốn làm lành rất hiếm có. Ta nữ nào mặc áo cà-sa, làm trái phép Phật, với «Phật» kết oan, với «Pháp» kết thù và với «Tăng» kết oán cho đánh. Lão-tăng thầy mà chẳng nói, thả ma làm bụi, còn tội nào lớn hơn, và rất phụ mỹ ý tín-ngưỡng của vua quan tứ chúng. Bởi thế, lược cử ra ba việc sau đây, nói rõ môi tệ, giúp cho thiện nam tín nữ trong nước, khỏi bị bọn tu hành giả-dôi lừa bịp.

Phật-Tổ đặt ra giới luật, cũng như Không-thánh dạy người «giới thận khùng cụ, khắc kỷ phục lễ» vậy. Ngài bảo rằng: «trái lễ chớ xem, trái lễ chớ nghe, trái lễ chớ làm, trái lễ chớ nói», nghĩa là gốc của thành-ý, chính-tâm, tu thân đều ở chỗ biết răn sợ. Đức Văn-phật độ thế, sợ người đời khí tập nặng nề, đắm đuối trong vòng tham, sân, si, ái, nên mới đặt ra các giới-pháp Sa-nhi, Tỳ-kheo, và Bồ-tát (38). Tại gia Bồ-tát có ngũ-giới, nhập quan giới, phát minh điều luật, gồm ba nghìn tề-hạnh, tám trăm uy-nghi, cốt khiến người đời giữ tâm thân cho đoan chính, trừ bỏ vọng tưởng tu hành cho đến cõi Bồ-đề. Đặt ra ba đàn đại giới, trên bày ba vị Tổ-sur, bảy vị tôn-chứng, nghiêm kết đàn trường nghi lễ; đòi với Bát

37) Phật-gia bảo rằng : Người ta làm ác-nghiệp phải đi vào 3 ác đạo : địa-ngục-đạo (nhưng người ác-nghiệp nặng), ngạ-quỷ-đạo (cho người ác-nghiệp không nặng) và súc-sinh-đạo (cho người ác-nghiệp hơi nhẹ).

38) Xem phụ-chú quyển II.

bộ long-thiên, Vân-tập Tứ-chúng, khiến những kẻ cầu giới, tự đem việc làm trong đời mình, hoặc cố lỗi, hoặc không phát nguyện sám hối. Hơn nữa, phải ba lần làm phép, bốn đạo hỏi tra, làm trọn thanh tịnh phép mầu mới cho thọ giới. Nếu xét có lỗi nặng thì sẽ bị từ khước tức thì. Gần đây có một bọn ma-sư truyền giới-pháp cho người, đầu người ấy chẳng lên đàn, chẳng hề chịu qua tam-sư truyền pháp, thật chứng chứng-minh, tức nghiệp chẳng hề sám hối, giới luật chẳng hề giảng bàn, khoác cà-sa cầm bình-bát, uy-nghi chẳng hề diễn tập, không cứ tăng hay tục, chỉ cần có một sô tiền hương đăng công đức, tức thì có pháp-y giới-diệp cấp đến tận tay ; khiến bọn vô tri cầu giới ngang nhiên tự cho mình đã đắc truyền đại-giới tam-đàn. Rất cuộc, kẻ truyền giới chẳng biết thọ giới là người nào, kẻ thọ giới chẳng biết thầy nào đã truyền giới ; hại pháp hại người như thế, pháp phật thành ra trò chơi, giới luật đi đến chỗ tiêu diệt, ấy là một điều mà Lão-tăng không nói không được.

Phật ban đầu hiện thân « lô-xá-na », diễn giải Kinh Hoa nghiêm, giải thích luận bàn, rất cô hao hơi mà hải-chúng thiên-long ngồi nghe như điếc, Ngài nhận thấy chúng sinh mê lầm, khó bề tiếp dẫn, bèn nói rằng : (Thôi ta không thuyết pháp nữa), liền trở vào Niết-bàn. Nhưng sau khi suy nghĩ 21 ngày, cuối cùng dùng phương-tiện khéo léo vào vườn Lộc-dạ, mở hội A-Hàm, theo pháp sinh lão bệnh tử diễn thành các chũng loại, các thứ âm thanh, tùy theo căn cơ riêng từng người mà dẫn đạo, khiến mọi người đều được bỏ ích. Bởi vì « Phật » nghĩa là « Giác », giác chẳng những tự mình giác-ngộ mà còn phải giác-ngộ cho đời nữa. Sách nho cũng bảo rằng : «khiến kẻ biết trước dạy bảo kẻ biết sau, kẻ tỉnh trước đánh thức kẻ tỉnh sau, lây đạo ấy giác ngộ dân ấy». Xem đó, đủ biết, đầu xuất thế hay ở thế-gian, tâm lòng giúp ích loài người của Phật-tổ và thánh-hiền, cũng giống nhau như một. Những bọn vô tri tâm thường, chẳng cần bàn đến. Còn những người gánh vác việc nhà Phật, giữ trọng trách làm thầy người, cần phải tiếp đãi tứ chúng thập phương, đối với ai cũng tận tâm khai hóa; vô luận việc tinh việc thô, việc lớn việc nhỏ, hễ có người thành tâm đến thỉnh giáo, đều phải diu dắc chỉ bày; cho đến những kẻ chẳng biết đến hỏi han, nếu mình nghe thấy, cũng kiếm cách ra công dạy dỗ; lựa lời dạy bảo, dầu có rất cô hao hơi, chẳng vì mệt mà nửa chừng bỏ dở, cốt sao cho người nghe giác ngộ, cải tà quy chính mới thôi ; dạy mỗi ngày mỗi tiền, học lâu thành quen, như thế dần dần sẽ tự nhiên hợp đạo. Gần đây thầy

có một bọn người giả dối, giả danh làm thầy mà giáo-điều giới luật mù mịt chẳng biết gì. Ngu dốt mà tự cho mình là lớn, khinh khi kẻ hậu học; khi thì nói : « bọn chúng không thể dạy được » khi lại nói : « đầu có dạy chúng nó cũng chẳng biết chi »; ngăn người tự ngăn mình, thành ra đôi người chính là tự đôi mình vậy. Nhất thiết chẳng biết giống gì là kinh-luận giáo-điền, tự phụ sáng suốt, chẳng hề nhắc nhở đến Phật Như-Lai, cho đến công việc hành động bình thường, cũng làm ngo chẳng hề lý luận ; chỉ ham danh trục lợi, tự tiện an nhàn; dưới mắt không người, ngoài miệng khoe khoang mà trong bụng trống rỗng. Phải biết rằng người sinh ở đời, trừ những bậc thượng-căn thượng-trí, mới có thể vào chôn trần-lao ngũ-trực (39), chẳng cần giữ gìn cũng không đến nỗi tiềm nhiệm bọn dơ; còn những căn-khí trung đẳng, phải nhờ sư-trưởng nung đúc rèn luyện mới có thể thành công. Ngày xưa đức Phật thuyết pháp trên hội Niết-bàn, trăm vạn ức chúng, một lúc thầy đều khề ngộ; chẳng phải người nay kém thông minh không bằng người xưa, chẳng qua do người xưa ngày thường nhờ có điều-độ tập rèn, huấn-luyện có phương-pháp. Nay xem người bản quốc, có lòng tin rất kiên-cò, chùa chiền khắp xứ, sãi vãi đầy đoàn, há phải thiếu kẻ tu hành có căn tính linh-lợi ; có sao ba môn học Tôn, Luật, Luận, không có một người chỉ vẽ, khiến đại-chúng, mịt mờ, đăm đuôi trong tà tịch tình si ; túng sử tập tục mê lảm, cũng ắt có một lần phát niệm trở về với ánh sáng ; khôn nổi những tiền bồi sư-trưởng chẳng những chẳng khích-lệ hướng-dẫn, lại còn khuôn phép chẳng chỉnh đốn, dạy dỗ không ra trò ; hỗn loạn hồ-đổ, chỉ muốn tìm xét di-vãng, liệu trước tương-lai, rồi xua đuôi tất cả hiện tại, chẳng muốn cùng người thay cũ đổi mới. Thường thường nhưn tình hướng lên bực trên nghịch mà khó, đi xuống chỗ thấp thuận mà dễ ; nếu chẳng có người xem chừng dạy dỗ, tùy bịnh cho thuốc, diu dắc cho đúng đắn, thì tự nhiên cứ thuận chiều đi xuống với tà tịch thói quen. Người ta bảo rằng đuôi chim vào rừng, đuôi cá xuống vực là vậy đó. Cho nên từ xưa đặt ra lễ lỗi phép tắc để ngăn ngừa, khuyến-khích khiến kẻ học-giá ngoài

39) Phật gia bảo thê-giới có 5 thức trục ác : chúng-sinh-trục, (bảo chúng sanh làm nhiều việc ác nghiệt, không sợ quả báo), Kiên-trục (bảo chúng sanh thầy nhiều tà đạo, chẳng tu thiện đạo vậy), Phiền-Não-trục (bảo chúng sanh có nhiều ham muốn, loạn não tâm thần), Mạng-trục (bảo chúng sanh làm nhiều việc ác, làm cho đời sống ngắn lại), Kiếp-trục (bảo thời đương mạng kiếp, người ta chết non, đói khát, tật dịch, binh đao, các tai nạn sinh ra liên liên.

nhờ thầy dạy, trong gắng chí dổi mài, dần dần đều thâm nhuần pháp hóa. Đền ngày nay, thiên-đạo suy vi, thuận phong tiêu tán ; có kẻ, giày cỏ chưa mang qua một đôi, cửa chùa chưa bước qua hai bậc, một mai ra làm thấy người, sợ người ta biết rõ chân tướng, làm bộ lim dim nhắm mắt, sửa giọng thanh cao, làm trò giải thoát, tham lam ghen ghét, giả dối bề ngoài, để được tiếng khen là « lão thực tu hành », lấy thẻ làm đặc sách. Rút cục, kẻ ngu dốt vẫn chịu ngu dốt, ta e những kẻ tự-phụ làm trí-thức ấy, cam tâm ở trong hang ma tổ quỷ làm kẻ sinh nhai, khi thẻ dôi người, phải chịu quả-báo vậy. Những hạng người như thế lạm dự vào sa-môn, chẳng biết hổ thẹn ; mượn danh hiệu phật-tổ làm việc buôn bán, điều lo lớn cho pháp-môn là ở chỗ đó. Hèn chi, ngồi yên ngó con cháu sa đọa, chẳng hề cứu vớt ; tự cứu còn chưa xong, hồng cứu được ai. Rồi thì giúp ma hại phật, đền đầu chỉ làm bậy, đầu đón biết chừng nào. Bọn ấy, ở cửa Phật gọi là «đoạn tuyệt tuệ mạng», ở triều đình gọi là «thiệt lộc cầu dung», (ăn hại lộc nước lây lắt qua ngày), ở chôn hương thôn gọi là « hương nguyện tặc đạo » (thực thà hại đạo). Từ-bi không phải « Phật », xây dựng không phải « pháp », tâm hạnh không phải « tăng ». Thẻ mà dám lãnh thụ thập phương lễ bái, tứ chúng quy y, lên mặt hơn sư, mạo danh pháp-chủ, há chẳng sợ nê-lê (địa ngục) quả báo hay sao. Ta tuy bắt tài lão hủ, chẳng bỏ ích gì cho pháp-môn ; nhưng biết rõ lưu tệ của bọn áo-lam, chẳng giữ giới-pháp, chẳng hiểu giáo-điều, gai mắt đau lòng, một lần nữa không nói không được.

Phật ở Linh-sơn thuyết pháp, đại-chúng đều lặng thính, chỉ có Ca-nhiếp Đầu-đà mỉm cười hơn hờ. Phật bảo rằng : « Chính-pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, giao phó nhà người phải ủng-hộ cho vĩnh viễn lưu thông, chớ khiến gián đoạn ». Từ đó lập nên tông phái, gọi là « giáo ngoại biệt truyền », khiến người noi theo đó mà tiền thù ; minh tâm kiến tính, nối đời truyền thụ cho nhau. Tây-thiên 28 Tổ-sư, Đông-độ 6 Tổ-sư, đền Tào-khê Đại-giám Tổ-sư thì hết ; truyền y-bát và truyền tâm-pháp, đời nối nhau. Sau lại chia thành hai phái là phái Thanh-nguyên và phái Nam-nhạc ; 5 chi là Vi-ngưông, Lâm-tê, Tào-động, Vân-môn và Pháp-nhãn. 5 chi hoạt-động, mở rộng phật-giáo cho đến ngày nay. Xưa nay đạo thành thì pháp lập, pháp nhờ người dựng nên ; bởi thế Tổ Tổ Sư Sư, dựng nên cảnh bụt, khua chuông gõ mõ, họp chúng an thiền ; khiến trong dứt niềm tà, ngoài ngăn việc quây ; tu trì hàng giây hàng phút, rèn luyện hàng tháng hàng năm, lấy giác-ngộ làm cứu cánh, tu cho đến chỗ « Muôn

hoa qua bụi rậm, một lá chẳng vương mình », gặp việc ứng theo việc, gặp lý ứng theo lý, dù công việc nghìn đầu muôn múi, dập dòn bòn mặt tám phương, mà đứng Chơn-nhơn không tước không ngôi, cũng chẳng chút mây may lay động. Bởi vì tự tính bản lai thanh tịnh, phải tu đến bậc ấy mới có thể rũ tay vào chõn trần hoàn, giải thoát cho nhơn loại ; nguyện cùng nhất thiết chúng sanh, đều thành chính giác, xem muôn vật cùng ta cũng như một thể, luôn luôn dắc diu yên ủi thức tỉnh cứu mê, chẳng nở quên đời, ra tay tế chúng ; nếu chẳng phải sẵn lòng từ bi, giữ vững nguyện lực Phật-tổ, thì không thể làm nổi.

Ôi, Phật là một chúng-sinh giác ngộ trước, chúng-sinh là một đức Phật chưa giác ngộ. Bởi thế phàm phu cố đủ tư cách thánh-nhơn, phàm-phu chẳng biết; thánh-nhơn cũng cố đủ tư cách phàm phu, thánh-nhơn chẳng hay. Thánh-nhơn nếu hiểu Thánh-nhơn tức thị phàm phu, phàm-phu nếu biết phàm-phu tức thị Thánh nhơn, thì sẽ biết Phật với chúng sinh phải tiếp dẫn lẫn nhau, mới có thể tề độ lẫn nhau, người khá độ, ta cũng khá độ, lộng lộng trần-gian, những người dắt vợ bẻ con, không ai chẳng khá độ, mà cũng không ai chẳng khá độ người vậy. Tiếc vì, chẳng hay từ không-chúng-sinh-giới làm phật-giới, từ không-chúng-sinh-danh làm Phật-danh, do đó chưa đánh vỡ được cửa sinh tử. Thường nhơn bị ngũ trược phiêu lưu, thất tình đằm đuối, bát phong (40) dón dập, tứ duy (41) buông lung, cửa sinh tử ở đó. Kẻ học đạo giữ chặt bên này, chẳng thông qua bên kia; thông qua bên kia, chẳng trở lại được bên này, đó là cửa sinh-tử. So sánh lại mà bàn, lời nói chẳng khá lắm, việc làm chẳng khá nói ; trái đạo theo tục, vọng tưởng đảo điên ; chưa dứt một niềm trần, tức thị một vòng tử sinh luân hồi trong tam giới, (42) nhị thập ngũ hữu (43). Ví khiến kẻ tu hành còn bị thói củ che lấp, thầy biết khí độ vẫn như tục-hán, tự mình còn chưa độ được, làm sao mong độ được người. Tóm lại chẳng biết tu-hành, chưa khai chánh nhãn, man muội giả trá,

40) Phật-gia gọi: lợi suy, hủy, dự, xung, cơ, khô, lạc, làm bát phong.

41) Lễ, nghĩa, liêm, sĩ, gọi là tứ duy, tức là 4 môi để giảng buộc lòng người.

42) Phật-gia gọi tử sinh qua lại trong 3 giới : Dục-giới, (thê-giới của chúng sanh ở), Sắc-giới (giới này chia làm 4 cấp gọi là tứ thuyến-thiên, do những bậc thuyến định ở). Vô-sắc-giới (giới này không có vật-chất, chỉ lấy tâm thức ở chỗ thuyến định, rất thâm diệu, gọi là tứ vô-sắc-thiên).

43) Theo triết-học Ấn-độ gọi nhị thập ngũ đề, như Thán-ngã, tự-tánh... là căn bản nguyên-lý của vũ-trụ vạn hữu.

lụy mình mà lại lụy người. Bọn ấy ở nơi đất bằng, còn chưa yên ổn, làm sao khiến lên tới đỉnh núi cao muôn trùng. Chỉ vì chẳng lên núi cao, sao biết đất bằng, thầy biết chỉ bằng con kiền, đã khoe khoang cao viễn; mới trèo lên mô đất, đã tưởng vượt qua núi Thái-Hàng, nếu thầy Họa-sơn cao vút tầng mây, chắc thế nào cũng ngựa mất thợ dài, bước lui cho mau vậy. Xưa Hàn-Xương-Lê tự phụ là tâm cao khí mạnh, một lần trèo lên thang mây núi Họa-sơn, ngó xuống, quang mắt hết hồn, phát cuồng la khóc, viết thư quảng xuống từ biệt người nhà. Quan huyện sở-tại phải kiếm đủ mọi cách mới đem xuống được. Than ôi, Xương-Lê bài-xích Phật Lão, có tài văn-chương, làm sư-biểu cho văn nhân thời ấy; sinh bình vị-trí, tự đặt cao trên đỉnh Họa-sơn; thế mà mới lên Họa-sơn, đã hồn bay mắt nhóa, sinh bình vị-trí nay ở đâu? Bởi vì từ trước chỉ lấy ý-thức ước lượng, chưa từng đi đến tận chỗ, nên khinh đời nói dõc, vậy thôi.

Đã làm con cháu Phật-tổ, nên kiền tâm tự nguyện mở giác-lộ cho người đời; phá ám khai mê, phản tà quy chánh, há việc nhỏ mọn hay sao. Nên nghĩ vườn Phật xuân tàn, sân chùa thu muộn, trong buổi pháp-môn liêu lạc, há nên lầy ngoa truyền ngoa; khiến khắp nước tăng nhơn, chẳng biết ra đời học đạo là cái gì, cạc cạc ù ù trong làng túy mộng.

Lão-tăng chẳng nỗ làm thính ngổ ngó, nên chẳng tránh nghiệp miệng, nói thẳng vài lời

Nay bỏ-cáo.

Nước Đại-Việt, phong-thổ khí-hậu, đại-tróc khí âm thịnh, khí dương suy. Nghiệm chứng: muôn vật phát sinh về thu đông, làm việc dùng ban đêm, con trai thông minh không bằng con gái. Hằng năm xuân hạ thường khô hạn, mùa hạ mặt trời đứng bóng nóng như lửa đốt; đất đỏ nghìn dặm, cây cỏ cháy khô. Vì ta có kẻ tùy tùng ăn đông, nên Quốc-sư thường lây sự thiếu rau làm lo. Trong nước tả, hữu Thừa-tướng, Tứ-Đại-đốn Đỉnh, Quốc-Nguyên-Lão Đông-triều-hầu, Học-sĩ Hào-đức-Hầu, Vương huyn hLệ-Truyền-Hầu, Thiếu-Dương-Hầu, các vị đại lão ấy thường cùng

ta tiếp kiến, nghe ta ở Trung-hoa có cử hành việc bán gió sấm và cầu mưa, muốn tâu với nhà vua thỉnh ta cầu một đàn.

Có người sao tờ cáo-bạch của ta dâng vua xem. Nhà vua cũng thương tâm vì thầy phật pháp trong nước hỗn-loạn, không có kẻ chơn chánh tu-hành; vả lại, lập quốc quy mô, chánh giáo kỷ cương, nhiều việc cần nên sửa đổi, muốn mỗi việc đem ra phỏng vấn. Sáng sớm ngày 15, bèn rước ta vào trong phủ, chuyện trò đến nửa đêm, luôn luôn sôt sáng chẳng biết mỏi; nhơn bàn đến việc cầu mưa, ta lặng thỉnh hồi lâu, trả lời rằng ; « Chẳng cần phải cầu, Lão-tăng từ xa đến đây, cảm lòng tin cậy của nhà vua, xin lấy 8 chữ « Phong điều vũ thuận, quốc thái dân an » báo đáp. Nhà vua chẳng nghĩ ra. Nhơn đọc một câu liễn, viết trình vua xem.

Câu đôi :

Phật tâm từ nguyện, tiên báo « Quốc thái dân an », phương hữu pháp luân chuyển xứ.

Vương hứ Phước-Châu, tọa hưởng « phong điều vũ thuận », hợp đương ngô đạo hành thì.

Dịch nghĩa :

Lòng Phật vẫn từ-bi, giữ cho « quốc thái dân an » mới có chỗ chuyển quay xe pháp.

Tên vua là Phước-Châu, ngồi hưởng « phong điều vũ thuận », chính đương lúc thi hành đạo ta.

Lúc trở về, viết câu liễn dán lên chùa Thiên-lâm : luôn mây ngày có gió mưa, chẳng biết vì sao mà lời nói của ta được trúng vậy. Vả nhơn vì có kẻ thực thà bày nhà vua nên dẹp bỏ chính vụ, nhất vị niệm phật tu-hành để cầu sinh tây-phương, cho nên về đầu câu liễn, ta nói như vậy.

Nhà vua nói, phần đông tăng chúng không giữ giới luật, ta sẽ phát lệnh-bài đi các phủ, bắt tăng-đồ đem về trình Lão-Hòa-Thượng, khiến cầu chịu 3 đàn giới-pháp, mới cấp cho giới điệp, miễn tha xâu thuế. Lão-Hòa-Thượng ra báo-đơn thông tri, từ mồng 1 đến mồng 8 tháng 4 làm viên mãn cả ba đàn cũng được. Ta sẽ thông suất quyền thuộc, các quan văn võ, ai có tín tâm, đều xin làm đệ-tử, chịu Bồ-tát-giới, xin Hòa-Thượng đặt cho pháp-danh đạo-hiệu.

Vừa rồi Lão-Hòa-Thượng truyền dạy, tuy thông-sự có dịch-thuật nhưng không được khúc chiết rõ ràng, nay xin chép lại từng điều đưa cho ta xem.

Ta bèn cáo về, điều trần Đại-Việt-sự-nghi dâng lên.

Bản điều trần.

« Lão-tăng đức bạc tài sơ, mong nhà vua đặc-cách tri ngộ, xa xuôi vài nghìn dặm, khiến sứ thỉnh cầu. Lão-tăng cảm thành tâm của nhà vua, vượt biển đến đây, xông pha ba đào, chẳng phải tra mệt, chỉ vì lòng yêu nhà vua rất sâu vậy. Từ ngày đến quý quốc đến nay, gần hai mươi ngày, ba phen triều kiến; nhà vua trọng lễ đãi đằng, chơn thành hỏi đạo; cho đến hậu-cung thích-thuộc bá quan văn vũ, cũng thấy đều nhất thể quy y; chẳng phải một nước lâu đời vui làm lành, há dễ được như thế.

Lão-tăng là người ngoại cuộc, vâng tuệ-mạng Đức-Phật, mở mang đạo pháp, kẻ người trước, khai hóa kẻ sau. Đại-Vương là chúa một nước, thông nhất bờ cõi, dùng hiền tài trần võ quân-nhân. Việc tuy khác nhau, nhưng đạo chỉ có một. Nếu đạo kẻ « ra đời » chẳng khá dùng để trị đời, thế thì đạo chia ra làm hai vậy. « Thiên hạ không hai đạo, Phật Thánh đồng một lòng ». Ôi đạo chỉ có một mà thôi, lời thầy Mạnh-tử, há đời người sao.

Nay trong nước nhà vua, biên phòng nghiêm mật; tướng võ giỏi, tướng văn hay, quân đội oai hùng, chiến thuyền rục rờ; chẳng những thời nay chẳng mấy nước được như thế, cho đến từ xưa lập quốc, quy mô rộng lớn, cũng chẳng qua nhường ấy mà thôi. Hoặc giả, giữ ngăn quan ải, muốn có phương pháp hay hơn; triều đình danh vị, muốn được quang minh chính đại hơn; chọn lính nuôi quân, sao cho ân oai tinh tế; cho đến vẽ đẹp của Vương-triều, sự tinh nhuệ của quân-khí, bao nhiêu kế-hoạch bảo dân hộ quốc, tỵ trung còn có một đôi việc cản trở nghĩ thêm. Thì vua tôi quý quốc, đều là những bậc hiền-thức cao minh, nghĩ rộng lo xa, chắc đã có đủ mưu hay chước lạ.

Nhưng thiết nghĩ, người xưa bảo rằng: « Kẻ ngu nghĩ nghìn điều cũng có một điều được », tôi đã ứng theo lời mời của nhà vua mà đến đây, nếu biết mà chẳng nói, ấy là phụ lòng nhà vua, mà cũng tự phụ lòng mình vậy. Sau đây trích ra vài điều, bày tỏ đại ý gọi là tỏ chút lòng thành. Chỉ

giận, tiếng nói chẳng thông hiểu nhau, dầu có thông ngôn, cũng vị tất hiểu lẽ, mười lời chẳng phiên dịch được hai ba; thành thử Lão-tăng trong bụng có bao nhiêu điều muốn nói, chẳng làm sao để đạt được rõ ràng lên nhà vua ; đôi diện như cách nghìn trùng, chịu phụ lòng nhau biết mấy. Bất-đắc-dĩ phải tỏ ra giấy mực một vài ý-kiến sau đây, để tùy ý nhà vua lựa chọn :

1. Nên tiên công Trung-triều, để chính danh hiệu.

Triều ta Khương-hy hoàng-thượng thông trị 9 châu 15 tỉnh, đất dài vài vạn dặm, giáp binh nghìn trăm vạn hùng cường ; mà bờ cõi quý bang lại cùng tỉnh Quảng-đông tiếp cận. Nay nếu nhà vua khiến sứ thông hảo với các quan Đốc, Vũ, Tướng-quân, rồi sau dâng biểu tiên công Triều-đình, xin phong vương để chính vị hiệu ; lấy thanh thế tỉnh Quảng-Đông làm ngoại viện, tự nhiên bọn tiểu-khẩu các nước lân-bang nể sợ chẳng dám dòm ngó, thực là danh chánh ngôn thuận, ngồi hưởng thái bình, đó là kế-hoạch vạn toàn. Lời thường bảo « Chẳng đánh mà binh địch khuất phục » là vị lẽ đó. Về lý-do thông khoản, nhà vua sẽ liệu mà tường trăn.

2. Đặt đồn thú để củng cố biên-thùy.

Bản-quốc cùng với Đông Kinh (Hà-nội) các xứ liên tiếp, chỉ cách một con sông mà thôi ; dọc biên-giới có nhiều chỗ nên đặt đồn binh phòng thủ, muốn dùng binh ít thì e đến khi xung đột, không đủ sức chống chọi ; muốn dùng binh nhiều, thì phân phối không có đủ số người, đều không phải thiện sách cả. Lão-tăng trải xem sơn xuyên quan yếu, có nhiều nơi có thể giảm binh-số chỉ đặt một đội kỳ-binh mà thôi, cũng có thể cố-thủ được. Nếu nhà-vua chịu dùng kế-hoạch này, Lão-tăng sẽ xin điều-trăn sau.

3. Thương yêu quân-sĩ, để cố vỏ lòng trung dũng.

Thời xưa trong việc võ bị, chẳng phân biệt binh với dân ; lúc quốc-gia vô-sự, người dân được an cư nơi vườn ruộng, lo việc cấy cày, đến lúc có chiến-tranh sẽ gọi ra nhập ngũ. Mỗi năm lúc việc nông rảnh rang, đem ra huấn-luyện, giảng cho biết nghĩa-vụ tôn-quân-thượng-thân, dạy cho biết vũ nghệ và phương pháp tác-chiến, nhưng vẫn được hưởng lạc thú ở với gia-đình. Như vậy, lúc hữu sự, mọi người đều có lòng yêu chúa, đem ra ngự

địch, tự nhiên đồng khí bội tăng, vui tòng quân để giết thù giúp nước. Nay nghe, dân trong nước một lúc đã biên tên số lính, trọn năm phải phục dịch cửa quan, chẳng được về làng, thăm viếng vợ con cha mẹ ; tuy chúng sợ phép chẳng dám làm trái, nhưng trong lòng sao khỏi oán hờn. Sao chẳng cho quân-sĩ luân phiên thao diễn, mỗi năm, hoặc nửa năm, hoặc một quý, cho ở quan phủ phục-dịch huấn-luyện ; rồi cho thay phiên nhau về làng cày cấy, đoàn tụ với gia-đình ; bắt chước theo phép quân đồn ngày xưa. Đền lúc có việc phải động binh, mới kêu gọi tất tập ra trận. Như vậy nhơn dân sẽ vui lòng tôn dới nhà vua, xung phong đánh giặc, binh càng thêm mạnh mà dân càng thêm giàu. Về các chi tiết sẽ điều-trần sau.

4. Mở trường học để giáo-dục nhơn tài.

Không-thánh là đứng « Vạn-thê-sur-biểu », Tứ Thư Ngũ-Kinh chép đủ phương-pháp trị-thê tu-thân ; chúng ta phải rán sức làm theo, xử sự mới có thể hợp lý. Nay nhà vua nên dựng nhà quốc-học, tôn thờ Không-thánh, tàng trữ sách nho ; mời các nhà lý-học danh nho ra làm thầy để giảng minh đạo thánh. Từ Vương-Thê-Tứ, con em các đại-thần, cho đến nhơn-dân tuần tú đều cho vào học ; rồi bày cách thi hạch, để phân biệt hơn thua ; nung đúc lâu ngày, tự nhiên mọi người hiểu biết cương thường luân-ly ; trị đạo chính đại, dần dần trở nên một nước văn-minh.

Lâu nay, vì Lão-tăng đền đây chưa được mấy ngày, hình thê trong nước chưa biết rõ, chính-trị lợi tệ cũng chưa được tòng, nên gặp việc chẳng nói, nói chẳng hết lời ; nay chẳng qua nhơn những điều mất thầy tai nghe, bày tỏ sơ lược một vài ý-kiến ; chờ ngày khảo sát tòng tất sẽ điều-trần thêm, để đáp lòng nhà vua. Vì muốn cho kỷ-cương được chính túc, lễ pháp được hoàn bị, trong có thể yên dân giữ nước, ngoài có thể ngăn giặc chống thù, bôn cõi thái-bình, nhà an nước trị, ra đời, trị đời, đạo có một mà không hai vậy.

Đền ngày 26, Nhà vua rước ta vào phương-trượng mới. Quốc-mẫu đài cơm chay, vương-huynh, công-chúa dâng hương, thỉnh ta thuyết pháp.

Có thuyền khách từ Quảng-đông đến, hỏi thăm tin tức thuyền sau ; nói vì khách hàng chưa tẻ tựu, có lẽ chậm vài ngày sẽ ra biển. Nhưng chờ mãi bật vô âm tín, quá kỳ rồi vẫn chưa đến nơi, trong bụng rất lầy làm lo.

Những tăng chúng theo hầu, bắt phục thù thổ, quá nửa bị bệnh. Ta nhờn bị tiết tả, dạ dày nóng, miệng lở, ăn uống rất khó khăn. Có kẻ vì ganh ghét quốc-sur, gieo lời gièm pha, bảo quốc-sur có tính hổ đồ, chẳng để ý chăm lo việc Phật ; những tiền lúa nhà vua đưa cúng dường Lão-Hòa-Thượng, phần nhiều bị ông ta xó bót. Phần thì viên tri-sự theo hầu, báo cáo hết lương. Nhơn tình chưa quen, tiếng tăm chẳng hiểu, quốc-sur chính mãng, đại chúng u ơ. Lúc ấy đương ngồi một mình, ngửa nhìn mây bay biển ảo, lắng nghe chim hót líu lo, ngùi ngùi than rằng : Truyện xưa chép Đức-Không đi đến nước Thái, nước Trần, bị hết lương thực, việc ấy có chẳng ? Ta đức chẳng sánh kịp cổ-nhơn, mà gặp gỡ lại đồng hoàn cảnh. Nhơn tấu bút làm thành hai bài thơ.

Bài thứ 1

Lều cỏ ngồi thơ thân,
Mưa xuân phới phới bay.
Gỏ mâm không định ý,
Bầu đảng khá thương thay.
Bếp nguội lương chiều hết,
Người xa tin nhận chầy.
Bơ vơ nhớ quê cũ,
Đỏ-vũ kêu tôi ngày.

Bài thứ 2

Ngoài biển mây thừa thớt,
Quanh rèm lớn-võn bay.
Vào rừng nguyên có hẹn,
Sao tở lãng quên ngay.
Giấc mộng dầu êm ái,
Cảnh đời thường đổi thay.
Ngõ ngoài ai gánh giỏ,
Gỏ khánh bảo cho hay.

Chùa Thiên-Lâm vì thiếu sắp đặt, nên lương thực tiếp tề, ngẫu nhiên bị thiếu hụt.

Riêng phần ta, Quốc-vương cung dưỡng rất trọng hậu, cho đến trăm quan lớn nhỏ, hậu cung quý thích, thấy đều đưa tiền bạc xin yết kiến.

Theo phong tục, những người dâng lễ, nếu chẳng phải tự mình đem đến, ấy là « bắt kính », nên từ khước ngay. Ta mới đến, chưa hiểu phong tục, phần thì công việc rộn ràng, cho nên bao nhiêu đồ tặng biếu, đều thu vào một nơi, chưa có thì giờ kiểm điểm. Đến nay mới lựa ra từng món, món nào chẳng phải tự tay người tặng đem đến, đều viết thư tạ ơn và khiến người đem trả lại.

Ngày nọ, có quan Đại-học-sĩ, ký-lục, Hào-đức-Hầu khiến con trai đem tiền bạc đến yết kiến, kèm thêm một bài thơ thất-ngôn Đường-luật. Thơ tuy chưa có thể nói là phong nhã, nhưng cũng biết thanh luật âm vận, cũng biết giải lý, có thể cho là xuất sắc, như cỏ linh-chi, như chim phượng-hoàng của xứ nầy, người con coi cũng có vẽ thanh tú.

Đem đến, cùng Quốc-sư nói chuyện phiếm, hơn hỏi thăm danh sĩ xứ nầy, có ai có thể mời vào Bạch-xã (tức thi-xã), để làm thơ xướng họa cho vui không ? Quốc sư liền giới-thiệu người ấy (tức Hào-đức-Hầu), hơn duyệt lại bài thơ bữa trước.

BÀI THƠ

*Nghe nói thiên-lâm mạch rộng khơi,
Thâm nhuần ơn trạch khắp nơi nơi.
Ma-ha trắng dội trên đàn hạnh,
Bát-nhã gió lồng trước cửa mai.
Kìa sắc ấy không, không ấy sắc,
Nào ai cầu tớ, tớ cầu ai.
Nhớ nhung đây đó lòng như một,
Suôi-Hổ (43) nhìn nhau hã hã cười.*

43) Lư-son-ký : dưới chùa Lư-son có khe gọi là Hồ-Khê, xưa Viên-Pháp-sư đưa khách qua đó, liền có cộp kêu, nên đặt là Hồ-khê. Ngày nọ Viên-sư tiên Đào-nguyên-Lượng và Lục-Tu-Tĩnh qua đó, ham nói chuyện đi qua khe, liền nghe cộp kêu, ba người nhìn nhau cả cười. Nay đời truyền : Hồ-Khê tam-tiêu-đó.

Thơ đề tả tình tình, câu thơ khéo hay vụng, chẳng bàn làm gì, nhưng ba chữ Trăng Ma-ha đòi Gió Bát-nhã, còn có chỗ cần chăm chú phê-bình. Nay hãy cứ theo nguyên vận họa lại bài thơ, và viết kèm một bức thư để thảo luận mấy lời trong bài nguyên tác.

BỨC THƯ

Tôi đền quý quốc mà chẳng đền yết-kiến các ông, chẳng phải có ý kiêu ngạo. Kẻ tu đạo chẳng muốn lầy thường-sáo ngoài đời đề đãi các ông. Nếu dập đầu trước thêm, để đua my bạc cao-minh, sẽ bị người đời cười chết. Xưa Thao-Quang làm thơ đáp Bạch-cư-Dị có câu rằng : «*Mây trắng khá bay về núi biếc, trăng thanh khôn khiến tách trời xanh* », rõ ràng khách ngoài đời chẳng muốn xu hướng kẻ quyền quý vậy. Bản-tặng tuy đạo đức mỏng manh, há chẳng lầy Bạch-cư-Dị đãi người quân-tử hay sao ?

Minh-công đã khiến công-tử hạ cò, lại còn ban cho quả quý với thơ hay. Đọc qua một lần, thấy lời thơ lưu-loát, tuy trong câu không dùng đến những chữ «*yên hà khâu hác* » của nhà thơ, mà ý tứ «*yên hà khâu hác* » đều ngụ ở trong ấy. Đỗ-Công-Bộ bảo rằng : «*Chính tự mình ông có cốt tiên, người đời làm sao biết rõ được* », chính là vì thế.

Vấn thơ đại nhã ban cho, quý hơn minh-châu mười hộc, nổi mừng xiết kể ; còn lễ biểu trọng hậu, bản-tặng chẳng dám lãnh thọ.

Một mặt đọc thơ, một mặt viết giấy trả lời, còn lo không có thơ đề đáp tạ. Đền khi ngâm nga kỹ câu thơ bông-bảy của Minh-Công, trong câu dùng chữ «*Trăng Ma-ha* » để đối với «*Gió Bát-nhã* » ví như ngọc bích có chút tí, tiếc chưa được toàn mỹ. Theo thiên ý xin đổi hai chữ «*Ma-ha* » làm «*Bồ-đề* », vì «*Gió Bát-nhã* » (Bát-nhã phong) là chữ trong bài thơ của Tô-Tử-Chiêm tặng Phật-Ăn, còn «*Bồ-đề-nguyệt* » là chữ trong bài thơ của Bạch-cư-Dị tặng Điều-Oa Lão-Tăng. Tôi chẳng dám ví với Điều-Oa Phật Ăn nhưng Minh-Công khá so sánh với họ Bạch, họ Tô ; ngụ ý như vậy, chẳng biết có thỏa đáng chăng ? Sau đây xin họa nguyên-vận bài thơ, nhờ Minh-Công chỉ giáo.

BÀI THƠ HỌA

*Mênh mông bể học sánh tài ba,
Nho Thích cùng thông một lễ mà.
Trước hãy vịnh để xem thói nước,*

Tặng nghe thi lễ tiếng con nhà.
 Sáng soi ta vẫn cảm gương báu,
 Tiền phát người đương giữa tuổi hoa.
 Nều gọi Ma-ha là bóng nguyệt,
 Sợ e lấm chiều đàng Duy Ma.

Có thương khách từ Huệ-châu đến, thuật chuyện : Tử-Thuyên Vương-sứ-quân hiện nay được thăng nhiệm tuần-vũ Xuyên-nam. Ta đương khách ngụ nước ngoài, chịu lỗi không được thân hành tông tiền. Tri kỷ làng thơ, phương trời xa cách, làm ít vần thơ gọi là để tỏ tình :

BÀI THƠ

Nhớ xưa Tuấn-châu đến nhiệm chức,
 Lều cỏ mai vàng đương trở bóng,
 Hiền Côi-không kia cởi dài áo,
 Diên-tâm-đỉnh nọ ngồi thung dung,
 Phong lưu Thái thú người kinh-kỳ.
 Từ bé học grom và học sử.
 Quyết chí làm quan chẳng kiếm tiền.
 Thơ ca chúng đều phục tài từ.
 Tính ra kết giao phương ngoại sĩ.
 Xem nhẹ phú quý, ai anh hào ?
 Phong nhã tài hoa đầy bốn biển,
 Nói cười chẳng ngán một người nào.
 Phong-hổ rãnh việc ngồi câu chơi.
 Gió thu mưa khói tôi đen trời.
 Đốt đèn lên bèn lại lên gác.
 Tựa gác ngâm nga ngâm tuyết rơi.
 Từ-Chiêm kiếp sau lại hơn trước,
 Khiên dân không kiện chúng khen hiền.
 Ngày đèn La-Phù thăm con trẻ,
 Rủ ta lập hội bàn đạo thiên.

Rửa gót dòng trong mỡ thanh hội,
 Trường giang đêm vắng tiếng âm thầm.
 Bỗng chốc reo lên chẳng hay biết,
 Nhìn nhau không nói ý thâm trầm.
 Khuyên ép Lão-Tăng làm dân say,
 Cỡi áo đổi rượu nghèo chẳng nài.
 Hễ đèn Ngũ-dương tìm viếng bạn,
 Mười năm tình thực như một ngày.
 Lướt lạc bỗng làm khách ngoại-dương
 Quay nhìn mây trắng trời một phương.
 Nghe đồn phụng chiếu tuần Ba-Thục,
 Đường qua Đại-Việt, ra Tiêu-Tương.
 Kia chẳng thấy
 Nga-My-son,
 Đèo đỏ lên xanh chẳng khá trèo.
 Lại chẳng thấy
 Thanh-Lương-đài
 Mây khói sản bìm đường chông gai.
 Thương ôi danh trắng sao tịch tịch;
 Ngừng xe phi bút để Kiềm-Các ;
 Quanh co uốn éo bậc thang mây,
 Trượng phu ruỗi bước mới kỳ tài.
 Đỉnh góc hang công bao hiểm trở,
 Suối đỏ lưu ly tán loạn bay.
 Thấp cao gò đồng nhiều cỏ thom,
 Núi non càng tiền càng xinh tốt.
 Đường đi quanh co đá chồm chồm,
 Đi mãi đường dài đèn cùng tột.
 Ông vào đất Thục núi nghìn trùng,
 Ta cỡi bè tiên muôn dặm thông.
 An-nam cách trở ngoài Viêm-hải,
 Đường cũ Phục-Ba thẳng ruỗi giông.
 Nhon sinh tán tụ nghìn muôn dặm,
 Kẻ ở người đi ai xui khiến,
 Ông đi lên núi, núi là núi,

Ta đi qua biển, biển là biển.
 Kẻ cỡi thuyền-từ vì phép đạo,
 Kẻ cầm cờ sứ kẻ Văn-ông (44).
 Nước biếc non xanh tuy khác thể,
 Hùng kỳ quyết quái cũng tương đồng.
 Nhớ lưôi búa ngọc hình bán-nguyệt.
 Nhớ bài điều-trấn bàn trị đạo.
 Giữ tập văn thơ bạn gởi cho.
 Xuân tàn góc biển cảnh thê lương,
 Thơ cũ lần xem lòng bi thương,
 Ngao ngán xuân sâu ngày thăm thẳm,
 Gió đông tán loạn cuốn hoa dương.
 Hạc vàng vô cánh bên Châu-giang,
 Ngọn triều trắng xóa sông Cừ-đường,
 Rừng rậm cây cao tiếng vượn hú,
 Biết đâu mai gió với chiều sương.
 Ba đèo bảy đoạn uốn đường đê,
 Vâng lệnh công-truyền phải gắng đi.
 Gốc biển bên trời dấu mộng tường,
 Sao bằng tiền bạn lúc phân kỳ.
 Ví phông bình-bát quay thuyền lại,
 Buồm lớn cột cao lướt gió bay.
 Gió biển dầu xuôi dầu mau chóng,
 Ngày về người đã chia đông tây.
 Chưa hẹn ngày nào ngày hậu hội,
 Ly-ca một khúc giải lòng này.

44) Người đời Hán, làm Thái-thú Thục-quận, có tiếng hiển lương.

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ

QUYÊN II

Sơ tuần tháng 3, đơng làm nhà Chiêu-đế trong cung, nhà vua tạm dời ra ở Thủy-Điện, không có chỗ tiếp khách, vì vậy nên ít khi được gặp nhau. Tăng-chúng thập phương đầu đơn xin thọ giới đã có hơn 600 người, nhưng liêu xá chỗ ở, và đồ dùng hằng ngày chẳng có một món gì. Tri-sự thương lượng với quốc-sur, chỉ nghe giả lời bằng hai tiếng « dễ dàng » mà thôi. Giới-tử hẹn đến ngày 15 sẽ tiền đàn, đọc luật và diễn lễ.

Thuyền sau vẫn chưa thầy đèn, các tăng chúng chức việc và nhất thiết các món trang nghiêm, cò phượng đều chưa tể tựu. Dầu không có việc gì xảy ra đáng lo, nhưng vì đã gần đến nhật-kỳ, nên cũng nóng lòng trông đợi. Bồi hồi dưới gốc dừa cây mít, làm thành « Khách trung khiển hứng » 27 bài.

Bài thứ 1

*Tháng ba hoa rụng hết,
Người bầy-châu chưa qua.
Cầu-mông tuôn mưa xuống,
Mặt trời nháy sóng ra.
Tiết hầu qua hạ-chí.
Gió hệt thổi xuân-hòa.
Tiếng địch ngân rừng vắng,
Sầu khôn giải ý ta.*

Bài thứ 2

Nam-cực ngoài ven cõi,
 Một vùng đất uồn quanh.
 Cát ngời bờ Khước-Nguyệt,
 Mây dày đảo Chiêm-Thành.
 Điền-xá thuyền đánh cá,
 Công-đường nhà lợp tranh.
 Chẳng cần hỏi cảm-lệ,
 Phóng khoáng kẻ tu hành.

Bài thứ 3

Tháng giêng vừa mới nửa,
 Lúa ruộng đã đơm bông.
 Lúa gặt năm ba vụ,
 Áo the mặc mùa đông.
 Khách vào, hái mít đãi,
 Nhà cất, sẵn tre trồng
 Những măng vui đùa giỡn
 Chiều xuân ngả bóng hồng.

Bài thứ 4

Bóng tà len cửa sổ,
 Xòa tóc đạo quanh sân.
 Tứ khách mê chiều xế,
 Ý thơ tiếc buổi xuân.
 Lá dứa sâu viết chữ,
 Hạt cỏ chim gieo vắn.
 Nhà kín quên xa lạ,
 Hồn quê khuấy khỏa dân.

Bài thứ 5

Sóng biển tung trời vô,
 Núi non quanh đất rào.
 Suốt đêm vang gió sấm,
 Cây còi vụt lên cao.

Tê-giác vẫn ngồi sáng,
Tiên cảm lông trắng phao.
Phiêu-lưu bọn chúng tớ,
Mây nước biết nơi nào.

Bài 6

Dòng nước cách tây đông,
Nửa làng toàn điều-ông.
Đầu đường, chân ăn cát,
Nước giềng, mạch lưu thông.
Cửa mở trong gió trúc,
Người đi dưới mưa đồng.
Cơm không no ba bữa,
Đầy phố người chơi rong.

Bài 7

Ngăn địch bày đồng-pháo,
Phòng gian rào tre gai.
Võ-biển đội khăn quặt,
Văn-chức mặc áo dài.
Quan-phủ khắp núi biển,
Chùa chiến tức cầm đài.
Quốc vương vì dân chúng,
Cầu Phật mở đàn chay.

Bài 8

Phiên-quan quen chuyện văn,
Tiếng nói chẳng hiểu nhau.
Cũng muốn thường qua lại,
Phần đông chỉ cháo rau.
Yêu ta lòng chẳng đổi,
Lo đói biết làm sao
Luồng gió bên rừng chuyển,
Tiếng hoa rụng ào ào.

Bài 9

Nhơn thề nào xa lạ,
 Lòng người tự ghét thương.
 Ôn ào không quản ngại,
 Quê vụng dám chán chường.
 Trò chuyện phất quạt ngọc,
 Tóc râu điểm hoa sương.
 Rèm thưa hơi gió lọt,
 Thơm phức Dạ-Lai-Hương (1).

Bài 10

Xuân về, người vẫn ở,
 Lê gậy đi một mình.
 Lây lắt nương trần tục,
 Thờ ơ ngắm vật tình.
 Cá kêu (?) gió hầu trở,
 Voi rông, trắng vừa lên.
 Gặp mặt khôn chào hỏi,
 Người đều không họ tên.

Bài 11

Bồn biển trời lồng lộng,
 Đền đầu cũng là nhà.
 Trắng thêm vài cội tóc,
 Đỏ rụng mây cành hoa.
 Đuôi lộc vui theo Hán,
 Cỡi thoi mộng chơi Hà.
 Luồng nhọc lòng à Chúc,
 Tặng đá chông cơ-xa (2).

1) Tên một thứ hoa.

2) Xưa có người chiêm bao thấy cỡi thoi đi chơi sông Ngân-Hà, gặp Chúc-Nữ tặng cho viên đá của nàng dùng kê khung dệt, ấy là một viên ngọc quý.

Bài 12

Bên giường cảnh cỏ-thụ,
Tiêu sơ giống cảnh thu.
Mây rừng bay lữn vãn,
Chim núi hát liú lo.
Khóm trúc bên khe mọc,
Quanh dòng, bóng âm u.
Nhà không chẳng đóng cửa,
Bóng nguyệt vừa đứng đầu.

Bài 13

Dân làng toàn lão nhượcc,
Trai tráng ra tòng quân.
Nuôi trẻ đành nhờ vợ,
Thờ vua phải hiến thân.
Nhà hư sợ mưa dột,
Cây héo mặc sương nhuận.
Nỗi khổ trong làng mạc,
Ai tâu lên chín tầng.

Bài 14

Bè nổi cắt nhà ở,
Bao quanh ngọn thủy triều.
Cỏ non xuân nhuộm sắc,
Núi biếc thu in màu.
Trong ấy như vừa đủ,
Ngoài ra chẳng chút cầu.
Đứng nhìn bên bãi cát,
Khói xanh tỏa Lục-châu.

Bài 15

Kiểm chác nghề nghiên bút,
Đầu ruồi lợi chẳng bao.
Hay hèn tự khác biệt,
Lớn nhỏ cách xa nhau.

Hang liền hầu xưng chúa,
 Cung rộng ai khoe giàu.
 Khai-nguyên (3) hiệu tiền quý,
 Đồng bỏ ở bên Tàu.

Bài 16

Gió nồng khi quá ngọ,
 Hơi mát lúc hừng đông.
 Đêm lặng nghe con sóng,
 Non cao dội tiếng giông.
 Xưởng voi nuôi mặt hậu,
 Chợ cá khít bên hông.
 Khách khứa thâu đêm đèn,
 Tiệp đãi có người trông.

Bài 17

Y-bát rong chơi khắp,
 Tha hương tự hiểu mình.
 Không thơ cầu yết-kiên,
 Có chữ gửi thăm tình.
 Gió thổi màn hoa ánh,
 Mưa sa tiếng nhái inh.
 Tuổi già giàu sức khỏe,
 Mừng gặp lúc thanh bình.

Bài 18

Không dám làm cao cách,
 Khen người quý xét lâu.
 Xem qua đường sắc cỏ,
 Đóng cửa nghiệm rìng sâu.
 Cá dờ, hàng thường ề,
 Đàn hay, khúc khó cầu.
 Thành-Liên-Từ muồn tạ (4),
 Mây khói biệt tìm đầu.

3) Niên-hiệu vua Huyền-Tông nhà Đường, khoảng 713-741 D.L.

4) Người thời Xuân-Thu, thầy dạy đàn cho Bá-Nha.

Bài 19

Thương-mãi giới sơn phần.
 Quan dân diện áo xanh.
 Khi trâu khấn gặm cỏ,
 Lúc chuyện bóng trời chênh.
 Tóc mái khoe tơ mịn,
 Chân hoa trở bước xinh.
 Châu-Nam chưa hiểu ý (5),
 Giang-Hán khó đồng thanh (6).

Bài 20

Nước Nam sông vạn phái,
 Sao Bắc núi ngàn châu.
 Nhor nhớn làm khách-trú,
 Kinh doanh có kẻ giàu.
 Chim bay tung quạt gió,
 Rồng múa tuôn mưa ngâu.
 Trông ngoài nhìn thiên-tượng,
 Thanh không sáng một bầu.

Bài 21

Lư-Tổ về Dù-Lãnh,
 Thiển-Tông mở phương nam.
 Huệ lan ta há dám,
 Dưa muối người không tham.
 Biền-quái thành số ngũ,
 Trùng-ly động hào tam.
 Học hành không nhắc nhủ,
 Chim én kêu làm nhàm.

5) Châu-Nam là một thiên chính-phong trong Kinh-Thi, khen phong-hóa của vua Văn-Vương.

6) Giang-Hán là một thiên Đại-Nhã trong Kinh-Thi, ca tụng công-dức của vua Tuyên-Vương. Hai câu thơ này tác-giả có ý chê phong-hóa Đại-Việt lúc bấy giờ chưa được tốt.

Bài 22

Mặt trắng răng đen nhân,
 Đứng cười tựa cửa tre.
 Khách sang ngồi chiều đất,
 Mâm gỗ cũng đem khoe.
 Nước mía uống ngon thật,
 Tinh dĩa ăn khỏe ghê.
 Đêm nghe chuông phải tránh,
 Voi cái đi săn về (7).

Bài 23

Ai bảo biển không đáy ?
 Giao-Châu đất tiên tiên.
 Bên đê mở tướng-phủ
 Dưới cửa buộc quân-thuyền.
 Già tháng tre sinh gạo,
 Lạnh trời bông may mền.
 Dân phong ít thuận hậu,
 Nhờ có quốc-vương hiền.

Bài 24

Lời nói nhiều câu bí,
 Việc làm ra dáng quê,
 Tánh tình thường thích thẳng,
 Cây trái cũng sum sê.
 Chữ lạ chẳng ai hỏi,
 Hương thơm không chỗ chê.
 Quả xoài lại rất quý,
 Ngày tôi ăn no nê.

7) Tác-giả chú-thích : thường đi săn voi, người ta dùng hai con voi cái để kèm voi đực đem về. Có người đi trước dẫn đường, đánh chuông cho người ta nghe để tránh.

Bài 25

Thân sóng thường phù hộ,
 Thuyền êm lúc lại qua.
 Buồm bay xem bẻ rộng,
 Mây dứt biết non xa.
 Ếch óp khi mưa lụt,
 Chim kêu lúc rụng hoa.
 Hình hài thường tự thích.
 Chẳng đợi gió xuân hòa.

Bài 26

Ngày xuân cô gái trẻ,
 Xắn áo lội bờ dâu.
 Lưới bện dây làm võng,
 Thúng đan cỏ đội đầu.
 Đương mùa gậy cúc giậu,
 Trờ mái hái sen bầu.
 Ẩm áp trời Nam-Việt,
 Trăm hoa hơn hờ màu.

Bài 27

Cà-sa đi khắp xứ,
 Kinh-kệ cũng tao đàn.
 Tài hèn thương tóc bạc,
 Sức khỏe đáng kho vàng.
 Hiềm trở tùy lòng thề,
 Thâm nghiêm mặc cửa quan.
 Hư danh lòng chẳng muốn,
 Đâu cũng cảnh hồ-san.

Chiều ngày 10, (tháng 3 năm ất-hợi) Quốc-Vương sai Nội-giám đến báo tin mừng : « Vừa tiếp báo-cáo của quan địa phương, nói thuyền sau của Lão-Hòa-Thượng đã đến đảo Tiêm-Bích-La. Quốc-Vương đã ra lệnh cho thuyền Điền-Xá (thuyền đánh cá) đón tiếp đồ đệ và vật hạng của Lão Hòa-Thượng, nay mai sẽ ra đến nơi ».

Đêm 13, (tháng 3 năm Ất-hợi) thuyền ra đèn Thuận-Hóa. Sáng sớm tăng chúng lên yết-kiến, người nào cũng chân tay lấm láp, mặt mày cháy đen. Chúng thuật chuyện rằng : « Thuyền ra cửa từ ngày 20 tháng 2, chỉ được một ngày một đêm thuận gió, còn quá nửa tháng dật dò trôi nổi trên mặt đại-dương. Chúng đã trông thấy biết bao quái lạ, có những chim quạ lớn, lông đuôi dài thông như đeo mũi tên, gọi là quạ « mũi tên » (tiểu nha), hằng ngày bay liệng trên cột buồm. Lại trên mặt sóng, có những cây cò lỉnh nhỏ, hoặc đỏ hoặc đen, khi chìm khi nổi, cây này trôi qua cây khác kéo đèn, liên tục hàng vài mươi cây. Người trong thuyền ngó nhau sợ hãi, không dám lên tiếng. Người ta bảo đó là những thuyền ma, ai gặp thấy thì bắt lợi. Ngày nọ ba-đào húng dưng, mây kéo mịt mù, phía tả thuyền có một con rồng đen uốn lượn lù lù hiện ra. Thủy thủ phải đốt lưu-huỳnh, lông gà, lầy đổ dơ uế vấy lên, khiến quái-vật không dám xáp lại. Lại một đêm nọ, mây kéo tối mò, trăng sao chẳng có; thỉnh linh một hòn núi lửa nổi lên ở sau thuyền, ánh sáng rọi lên mặt buồm, như ánh lửa cháy đồng phản chiếu ; dần dần núi lửa ấy đi lên ngang hàng với thuyền, bọn thủy thủ ủa ra lầy cây củi gỗ vào mạn thuyền liên thanh. Chừng hai canh sau, nghe bánh lái chạm vào mình vật ấy. Thuyền hơi quay lại, và quái-vật liền biến mất. Vật ấy tức là một loài cá hải-thu, ánh sáng là luồng điện của mắt cá, nhưng chẳng biết thân cá to bằng chừng nào. Bình bỗng trời nổi, ma quái hiện hình; trông ngóng Việt-Nam, tím mù tăm dạng. Gió nam thổi mạnh, mọi người đều tái mặt; cầu trời khẩn Phật, phù hộ cho gió xuôi. Vì người đà-công không thuộc đường, lại trễ thêm hai ngày, gạo nước dần dần hết trơn, hầu giam đói cả bọn giữa «lâu ma chợ bóng» (thần lâu hải thị) ». Mọi người kể chuyện, tui tui mừng mừng. Ta bảo : « Thôi, hãy lui xuống nghỉ ngơi tắm rửa ».

Lúc ấy sò tăng chúng đèn cầu giới, đã lên đèn số nghìn, mà vật-hạng cần dùng trong giới-đàn, Quốc-sur chẳng chút lo liệu. Xây có công-chúa đèn, ta lầy việc ấy trình bày. Công-chúa nói : « Lão Hòa-Thượng hãy vẽ đồ-hình và kê đơn các món cần dùng. Tôi đem trình Quốc-Vương, có thể ứng-biện xong lập tức.

Ngày hôm sau, Quốc-Vương khiến mời ta đem các tăng-nhơn vừa đèn thuyền sau, vào dự tiệc chay. Vương ân cần hỏi han từng người một. Tức thì phê lệnh. truyền quan quân các dinh chia nhau dựng cất liêu-xá, hạn trong ba ngày lặt thành, bàn ghế khí-mãnh hạn 10 ngày phải có đầy đủ.

Rồi thì, Vân-trù (nhà bếp), Thiên-đường, Vân-thủy-đường dựng lên ở phía tả; Thị-liêu, Trai-đường, Độc-luật-đường, Am-Chủ-Liêu dựng lên ở phía hữu; Ở giữa làm một giới-đàn. Suốt sáng thâu đêm, chỉ trong ba bốn ngày là xong. Ngoài ra, khuôn vác khí-cụ, hàng ngày trên đường đông như kiến-cỏ, hơn 2000 vân-thủy giới-tử ai lo phần việc này. Quốc-sư dọn cơm trưa, xin treo chuông mõ làm hiệu lệnh, tu chỉnh quy ước, và để những liễn đôi như sau:

Câu đôi trước cửa chùa :

« Annam quốc thổ bất nhị môn, mạc thác quá khứ.
Thuận-Hóa thiên-lâm đệ nhất bộ, hướng giá lý lai ».

Dịch nghĩa :

Đất nước An-nam chỉ một cửa, chớ lắm bỏ qua.
Rừng thiên Thuận-Hóa bước đầu tiên, tiền vào trong ấy.

Câu đôi dán ở Trai-đường (nhà cơm chay)

« Sa-oa lý hoạt chữ Phật thôn, hữu giá ban thủ cước, thủy thọ đắc Quốc-Vương cung dưỡng.

Khôi-vu trung sinh cảm Tổ trước, vô na dạng đồ bì, tránh nắng tiêu Diêm-Lão phạn tiền ».

Dịch nghĩa :

« Xanh chèo nấu đồ cúng Phật, có tay chân thế ấy, mới được nhờ Quốc-Chúa cúng dưỡng.

Bát mâm bày dọn cơm thấy, không dạ dày nhường kia, sao tiêu hết Diêm-Vương bỏ thí ».

Câu đôi trước Giới-Đàn :

« Thích-thị trì luật, nho-giã lý trung, tổng yêu tu thân thành ý, tự nhiên kính trực hổ nội, nghĩa phương hổ ngoại.

Quân-tử sắc cơ, thiên-nhơn tập định, đồng quy kiên tính minh tâm, doan do giới thận bất đồ, khùng-cụ bất văn ».

Dịch nghĩa :

« Cửa Phật giới luật, nhà nho trung dung, chỉ cốt thành ý chánh tâm, tự nhiên ngoài có nghĩa phương, trong có kính trực,

Quân-tử cơ-vi, thầy chùa nhập định, đều để minh tâm kiên tỉnh, bởi vì răn chỗ chẳng thầy, sợ chỗ chẳng nghe ».

Đền ngày 24 các đệ-tử tiến vào Giới-đường, oai nghi trang nghiêm, cử chỉ thuần thực. Khắp cả nước kéo nhau đến xem, đều hoan hỷ cho là một đại-hội chưa từng có bao giờ !

Đại-học-sĩ viết một bài « Khải » và họa vắn bài thơ trước, khiến người đưa đến.

Bài Khải :

Bản-quốc Học-sĩ, ký-lục-sự Hào-Đức-Hầu « Mồ » cúi đầu dâng thư, Thượng-quốc Trường-thọ Thạch-Ông Lão-Hòa-Thượng, Đại-Viên-Giác Tòa-hạ :

Gió thiên-tông thổi đến vườn Hươu,
Đường giác-ngộ mở thông rừng Hạc.
Muôn phương hướng hóa,
Vạn chúng quy y.

Kính nay :

Đại-Viên-Giác, ngũ nhãn giữ lòng,
Bát lưu rõ đạo.

Phượng-Hoàng cửa bụi, phong-nghi rục rỏ mảnh trắng tròn.
Kỳ-lân trên đời, khí chất dịu hòa luồng gió mát.

Xa đưa bè báu,

Sáng chói rừng châu.

Cắm bát vàng thẳng đến đông-bang, phương-tiện nhường cha, trí-độ nhường mẹ.

Thả chén gỗ vượt qua Nam-hải, pháp-hỷ là vợ, từ-bi là con.

Ngon tuệ-đăng soi sáng lâu lâu,

Nguồn trí-thủy tuôn ra cuộn cuộn.

Mồ, sinh nơi cô-lậu,
 Học thẹn sai lầm.
 Tập lễ học thi, qua sân Lý (8) chưa nghe lời dạy bảo,
 Tìm câu trích chữ, lẳng chí hồng (9) đã mang tiếng cười chê.
 Hằng lo bước đổi đường ngay,
 Chỉ sợ đi lầm ngõ vạy.
 Mạnh-Tử nghiêm, Khổng-tử thứ, xưa người nào nay lại người nào.
 Công Ông Vũ tài Ông Chu, ấy một buổi mà kia một buổi.
 Tuy xem biển biết đâu là bờ bên.
 Nhưng mười nhà ắt có kẻ ngay tin.
 Trước mộng hậu ý cho quà, lòng những ước chi lan bè bạn.
 Nên mới khiến dâng lễ mọn, dám nghĩ điều đào lý lại qua.
 Ước có ngày mở yên lộc-minh,
 Đầu tường nổi vô duyên nhận-tệ.
 Riêng lòng luống thẹn,
 Rộng lượng bao dung.
 Đã mộng sửa chữ sai lầm,
 Lại được cho thơ đáp họa.
 Bóng thiếu-quang rực rỡ sông văn, mở đường tiền thủ.
 Mây ngũ sắc vẽ vang biển học, khắc dạ tri ân.
 Ngưỡng mộ biết bao,
 Vui mừng xiết kể !

Thiệt nghĩ :

Người xưa làm thơ để hưng khởi lòng người (khá di hưng), để xem xét phong-tục ; (khá di quan) trong thơ phần nhiều ghi tên những cây cỏ chim muông, chẳng qua để ngâm vịnh tính-tình, sao cho « tư tưởng không quấy » (tư vô tà) là được. Đáng quý nhất là ý thơ trung hậu, đáng khinh nhất là lời văn phù hoa ; chẳng khá lây văn hại lời, lây lời hại ý vậy. Huồng « bồ-đề », « ma-ha », « bát-nhã », nguyên lai chẳng có vật gì hết. Ma-ha không có vật, ấy là không « trắng » vậy. Bồ-đề không cây, há có « trắng »

8) Con đức Khổng-Tử tên là Lý : lúc đi qua trước sân nhà, đức Khổng-tử khuyên nên học Kinh-Thi và Kinh Lễ.

9) Đương ngồi học mà ngược mặt nhìn chim hồng bay trên trời, thấy Mạnh-tử gọi là : « Hồng học kỳ tâm », để chê người không chăm học.

hay sao ? Bát-nhã không buồm, há có gió hay sao ? Chẳng qua người làm thơ lấy chữ gió để tượng trưng « thanh lương » (trong mát), lấy chữ « trắng » để tượng trưng « viên-minh » (trong sáng), cốt để hình dung cái tính sắc sắc không không vậy. Há có trắng thật gió thật, mà chúng ta phải bàn « Bồ-đề », « Ma-ha », « bát-nhã », chữ nầy đáng dùng, chữ kia không đáng dùng. Người xưa nói rằng: « Ma-ha là bàn-thê chơn-như, lớn không ngoài, nhỏ không trong, trời chẳng hay che, đất chẳng hay chõ, sáng sủa soi khắp mọi nơi », lại nói rằng: « Ma-ni hiện thành ngũ sắc, mặt trắng phát ra vành sáng », đều là trực chỉ toàn thể mà nói, chẳng phải thiên lệch nói trống không. Tôi dùng chữ « trắng ma-ha » là vì lẽ ấy. Nay nhơn Lão-Hòa-Thượng dạy cái chánh, nên phải biện bạch, chưa biết có phải vậy chăng ? Xin lượng trên chớ quở trách, thật tôi đã gánh nước bán cho biển vậy. Vồn nghe Đại-Viên-Giác, cao phong độ thể, thiện đạo giúp người, dám bày thiên-cận đôi lời, mong lượng khoan hồng tha thứ. Nay mai xin đền bái yết, ngõ được nghe lời dạy bảo cao minh. Giấy vắn tình dài, tạm xin gác bút.

THƠ RẮNG :

(Điệp vận bài trước)

*Nho Thích xưa nay vẫn khác dòng,
Mặc dầu dòng khác vẫn tương thông.
Chiếc thuyền cửa Pháp vành trăng tỏ,
Tay lái nhà nho ngọn gió lồng.
Rộng mở cửa thiên gương sáng chói,
Gạn khơi sông Tứ nước xanh trong.
Đền đây ắt có đem nguồn lợi
Ấu cũng nhơn duyên tự hóa-công.*

Bài « Khải » trên lời lẽ uyển-chuyển, ý-tứ sâu xa, nhưng bàn về « Ma-Ha », « Chơn-như » có hơi cưỡng-lý, chưa được thích đáng, cần phải có đôi lời tỏ lại cùng nhau.

Nhơn họa vắn bài thơ và viết bài « khải » trả lời rằng :

Mồ, chấp tay kính đáp thư,
Đại-Học-Sĩ Quân-hầu các-hạ.

Gió đức dịu hòa, dân chúng đội ơn mưa móc.
 Bóng thiếu sáng chói, quốc-gia vững thề phiên binh.
 Quân sĩ hân hoan,
 Gần xa chiêm ngưỡng.

Nay kính,
 Đại-Học-Sĩ ký-lục Tôn-Công,

Rồng thiêng trên thê,
 Ngựa hay nhà trời.

Văn võ toàn tài, trong bụng bao hàm tượng vĩ.
 Khuê-chương rạng vẽ, cõi ngoài coi việc tuần tuyên.

Chôn đơn-đỉnh cắm bút xuân-thu,
 Noi tứ-phủ vui tình phong nguyệt.

Học nho kiêm hiểu Phật, từ trí tri cách-vật, thấu dò tính mệnh gốc
 nguồn.

Giảng Dịch biệt đạo trời, do xem tượng chiêm hào, biết rõ âm-dương
 chí lý.

Trương-vô-Tận thuở trước, làm tướng-thần mà biệt đãi Đức-son.
 Lý-Tuân-Húc ngày xưa, làm Đô-Uý mà kính tôn Cốc-Ấn.

Chỉ muốn dốc lòng vì đạo,
 Há cam lãng bỏ niềm tu.

Thấy Chu học rộng, thấy Trinh hiểu sâu, chưa được thầy người, đã
 từng nghe tiếng.

Ông Hối như ngu, ông Sâm lỗ độn, nhớ nhung thuở trước, than
 tiếc ngày nay.

Lão-tăng,

Thẹn chữa đọc thư,
 Dám khoe biết chữ.

Chơi mây năm núi, đội trên đầu một nón kiến-khôn.

Thả chén qua sông, treo đầu gậy nửa bầu phong nguyệt

Muốn lấy pháp linh hàng tượng dữ,

Rắp đem bình bát úp rồng thiêng.

Lưới bủa khắp trời, chim chưa muốn bắt.

Cần gieo vòng nguyệt, cá chẳng vừa câu.

Ra núi vào đời,

Có người có tớ.

Đã xa thời thánh,

Ai kẻ chiêu hiền.

Mây Quốc-Vương đã gửi thư mời,

Kê hiền-sĩ lại đem lễ biếu.

Đại-nhơn chưa được tiếp, đã gặp công-tử qua chơi.

Tôn giá chữa đèn nơi, đã có giai-chương gửi tặng.

Tự thẹn gái quê làm tốt, gieo sành dẫn ngọc đỡ dang.

Chẳng qua thầy bói nói ma, điểm sắt làm vàng quây quá.

Chỉ muốn học đòi quân-tử,

Cho nên thù chính đại-phương.

Vừa nghe cao-luận mây lời.

Hầu khiến nhà chùa ngọng miệng.

Thiệt nghĩ,

Văn Lục-Kinh do cô-thánh chép truyền, mở nguồn tính đạo.

Sách Chư-Tử của tiền-hiền để lại, giải-nghĩa tinh vi.

Sáng tác từ xưa,

Lưu truyền hậu thế.

Phục tùng chẳng rãnh,

Nghiên-cứu dám lười.

Làm sách dạy đời, cô thánh còn đương khiêm nhường.

Theo khuôn ngày trước, hậu hiền cần phải gắng công.

Huông nay văn-hiền gặp thời, mỗi việc mỗi điều, cần xét gốc nguồn cho rõ.

Sẵn có điển-chương đầy-đủ, một câu một chữ, phải tìm xuất-xứ tại đâu.

Xem Đạo-nguyên chua sách Thủy-Kinh, mỗi câu văn đều có điển cứ.

Đọc Lục-Thần giải-nghĩa Văn-Tuyển, mỗi từ-ngữ đều có căn nguyên.

Bời thế, sách ghét đặt bày,

Học chê nói bướng, là ý ấy vậy.

Như nói về « Thơ », sau ba trăm thiên « Kinh-Thi », phải nói đến thơ Tứ-Đường. Đường thơ ắt khen Lý Đổ. Nay lấy thơ hai ông, trích ra một hai câu có dùng đến chữ « Phong », chữ « Nguyệt » mà nói. Lý-Bạch trong một bài cô-phong, có câu (Thiểm-thư bực thái-không, thực thứ Dao-tr

nguyệt) ; ba chữ « Dao-tri nguyệt », gốc do câu thơ (Bạch vân tự đề-hương, hàm thổ Dao-tri nguyệt) của Trầm-Uớc mà ra. Lại câu (Trường-an nhất phiến nguyệt), gốc do câu (Phiến nguyệt khuy hoa đàm) của Từ-Lãng-Câu (Ngã lai Kỳ-Kiểu thượng, hoài-cổ Khâm anh phong), gốc ở câu (trương anh phong ư hải điện), trong bài « Bắc-son di-văn » mà ra. Đồ-Phủ trong bài thơ : « Tiễn xuất tái » có câu (Di khứ Hán nguyệt viễn) gốc ở câu thơ (Sương lâu minh Hán nguyệt) của Trương-Chánh ; câu (Trung thiên huyền minh nguyệt), gốc ở câu (Huyền minh nguyệt di tự chiêu) trong bài « Trường-môn-phú » của Trương-Như. Câu (Sơn thâm khổ đa phong) gốc ở câu (Khê cốc đa phong) của Ngụy-Văn-Đề mà ra. Từ đời Hán Ngụy trở về sau, học giả dùng chữ đặt câu, bao giờ cũng căn cứ nguồn gốc, chẳng khi nào sáng tác những chữ sông sượng, những loại như thế, chẳng khá xiết kể.

Đền như « Bồ-đề » không phải trắng mà nói « trắng », « Bát-Nhã » không phải gió mà nói « gió » ; nghĩa là không phải thực gió, thực trắng, tai mắt có thể nhận thấy, nhưng có thể ngầm hiểu mà không thể nói ra vậy. Nhược bằng lấy « mát mẽ » (thanh lương), « tròn sáng » (viên minh), để ví với « gió trắng », không hư khoát lược mà xưng rằng « tỉnh », ấy là chưa thấu rõ chữ « tỉnh » của Phật-giáo, ấy chẳng qua một cách kiền-giải của học-giả, chưa có thể nói là trực chỉ toàn đẽ ; cho thể làm phải, nhưng tựu trung đã khúc-ly có khuyết-diêm rồi. Vì vậy, nên Lão-Tăng không thể không nói. Hà-huông đem một câu « trời chẳng che, đất chẳng chở » giáo đầu, dẫn làm chủ đề, muốn càn quét tất cả, chẳng quản hại đền người khác ; ấy là chẳng hiểu ý-cái « khi nói chính, khi nói thiên, khi nói hồi-hộ ». Xá-óa thiên lưu, coi mười người như một chục, rất trái với diệu mật toàn đẽ, xin Minh-Công chớ nên lập luận như thế. Tôn-chỉ nhà Phật chúng tôi, có « quyền » có « thực », có « chiêu », có « dụng ». Đoán chặn hai đầu là khoảng giữa chẳng đứng vững ; cho nên chỗ « hợp » có « phân », chỗ « phân » có « hợp », phân hợp tùy tự nhiên, chẳng phải cưỡng hợp cưỡng phân lấy làm nguyên-tắc cứu cánh. Ví như đồ thủy-ngân xuống đất, lớn ấy thành viên lớn, nhỏ thành viên nhỏ ; hoặc phân hoặc hợp, hoặc chạy hoặc ngừng ; đồng thì đồng nhau nhưng khác, khác thì khác nhau nhưng đồng, mỗi một viên phân biệt, nhưng viên nào viên nấy như nhau. Như thế mới có thể gọi « lớn không ngoài, nhỏ không trong », ấy cũng nói một cách quyền tạm, nêu lên một cách sơ-lược vậy thôi ; nếu chỉ rõ như mặt trăng sáng,

lại vẫn chẳng phải vậy. « Ma-ha » ; « Bát-nhã », « Bồ-Đề », cả ba đều có tên riêng, nếu như thiết lấy câu « vốn chẳng có một vật » làm định-luận, ấy là xét đoán một cách trông rỗng thiên-lệch. Như vì Tú-Công (10) bảo quây rằng : « mình giống cây Bồ-Đề, lòng như đài gương sáng », cho nên Đức Đại-Giám Tô-sur của ta mới dùng câu « vốn chẳng có một vật » để chỉ rõ « Bồ-đề không có cây, gương sáng chẳng phải đài », đánh đổ sự cố chấp rằng « có ». Cố chấp « có » đã chẳng phải, thì cố chấp « không » há phải hay sao ? Tại sao Minh-Công chẳng xét chỗ đó.

Vả lại « Bát-nhã phong, Bồ-đề nguyệt » là những chữ do trong hai bài thơ của Hương-sơn (11), My-sơn (12) làm tặng Oa-công và Ân-công. Còn chữ « Ma-Ha nguyệt », chẳng thấy chép ở sách vở nào ; Lão-Tăng há dám tự dòi mình chẳng nói thẳng ra, để dằn dỗi phải đắc tội với Minh-công sao. Theo tiếng Phạn, « Ma-ha » chỉ nghĩa rộng lớn. Tây-vực dùng hai chữ ấy để tán dương ý-nghĩa « rộng lớn ». Còn « Chân-Như » tức tính thể phát sinh muôn vật, cho nên người xưa bảo rằng : « Ma-ha bát-nhã là tán dương sự rộng lớn của trí tuệ », chẳng phải lấy Ma-ha làm bản thể « Chân-Như ». Như thể, chẳng là « trên đầu đặt thêm một cái đầu », tính và thể há có hai cái ? Sai một ly đi một dặm, ta trước sau chẳng chịu uốn mình chịu cho chữ « ma-ha nguyệt » là thỏa đáng. Nếu bảo làm thơ chỉ cốt ý, chẳng cần xét lời, chỉ nghĩ cái lớn, chẳng cần cái nhỏ mọn, sao chẳng xem trong bầu vũ-trụ, không không sắc sắc, có một cái gì bồ-trí chẳng tinh tường ? Nhưng đó cũng chỉ cứ những điều khá biết mà nói, chưa tiện bàn đến việc sâu sắc. Bài của ngài gửi đến là « thơ », thơ thì nói chuyện thơ, cũng khá hơn thơ mà nói chuyện « thiền » ; lia « thơ » mà nói chuyện « thiền » là chẳng khá nói « thơ », càng chẳng khá nói « thiền » mà nói « thơ » được sao ?

Bài thơ họa vắn, chữ chữ quý như châu ngọc, tôi được học thêm rất nhiều. Chỉ câu thứ tư có hai chữ « Kinh tiếp » (chèo sách 經楫). Lão-Tăng học ít, không biết xuất tự kinh điển nào. Nếu dùng điển trong bài luận của Tán-Nghi có câu rằng : « Kinh chèo vị am, như châu vô tiếp » (chưa hiểu phép kinh, như thuyền không lái), câu ấy bàn phép kinh, mượn lái thuyền làm ví dụ ; nếu lấy hai chữ « kinh tiếp » dùng liền nhau, thì làm lụy

10) Tức Thân-Tú đại sư.

11) Tức Bạch-Cur-Dị, Thi-sĩ đời nhà Đường.

12) Tức Tô-Thức, thi-sĩ đời nhà Tống.

cho « thơ » mà cũng làm lụy cho bài luận của Tán-Nghi nữa. Hai lẽ ấy đều không thể hiểu rõ. Hoặc giả dùng điển ở câu « Thí bi Kinh châu, chưng đồ tiếp chi » (Ví như chiếc thuyền trên sông Kinh, trai bạn chèo chông), thì chữ « Kinh » (涇) nên viết ba chấm thủy (冫), chứ không viết theo bộ mạch (糸), không biết có phải vậy không, xin Minh-Công chỉ giáo cho.

Lời nói dong dài chỉ làm rờm tai bậc cao-minh, chẳng qua muốn tỏ hết ý-khiên quê mùa, hầu đáp ơn quốc-sĩ tri ngộ mà thôi. Sau nấy xin Minh-công lưu ý tra cứu sách xưa, hầu thứ lỗi Lão-tăng già miệng. Biết Minh-công rộng lượng, chẳng để ý chấp trách, muốn được nghe thêm nhiều điều dạy bảo quý hóa hơn.

Giới-đàn gần đến ngày, chẳng bao lâu sẽ được gặp mặt. Nay xin họa lại nguyên vận hai bài, mong nhờ phủ chánh.

Bài 1

*Ao ào sóng vỗ biển mênh mông,
 Muôn dặm thuyền bè đạo thánh thông.
 Đàn khảy Vũ-Vu luồng gió mát (13),
 Dép lưu Sông-Lĩnh chiếc hòm không (14).
 Nội hoang còn có mầm thiêng mọc,
 Đường cỏ ai đem cỏ dại trồng.
 Nhìn rồi ở đây lòng luồng then,
 Đứng nhìn mây biển, chỉ trắng trong.*

Bài 2

*Biển cả gập reo khí thế hùng,
 Nghìn sông nào chỗ chẳng lưu thông.
 Thi thành Quốc-sĩ trăng dòm cửa,
 Kinh tụng Thiên-Tôn gió rải bông.*

13) Sách Luận-ngữ : « Thấy Tăng-Điêm nói rằng : « Chi tôi chỉ muốn tắm ở sông Nghi, hứng gió ở đàn Vũ-Vu, cùng 5, 3 đồng-tử ngâm vịnh rồi trở về ».

14) Thời Lương-Vũ-Đề, Đạt-Ma tổ-sư đã nhập tịch, chôn ở chùa Định-Lâm, núi Hùng-Nhĩ. Sau ba năm, Ngụy Tông-Vân đi sứ Tây-Vực trở về, gặp Đạt-Ma ở Sông-Lãnh (Ở Tây-Vực thuộc nước Nhục-Chi) đương đi, tay cầm một chiếc giày. Vân hỏi sư đi đâu ? Trả lời rằng : « Đi về Tây-Thiên ». Vân về thuật chuyện lại, Vua Minh-Đề khiển đào mã lên xem, thấy trong hòm chỉ còn một chiếc giày da.

*Hay giỏi người khoe tài tuấn kiệt,
Già nua tở lại học nhi-đồng.
Ngày nay khó nổi bàn nhơn nghĩa,
Chỉ có cười khan khép cửa lòng.*

Ngày 1 tháng 4, truyền Sa-Nhi-Giới, Quốc-Vương mở đàn chay dâng lễ, tự mình đèn thắp hương, mời ta thượng đàn thuyết pháp.

Trước đó một ngày, dọn dẹp đường xá. Từ sáng sớm, có đội quân mã đồ đẹp đường, bắt người ta phải tránh xa ngoài một hai dặm. Đạo ngự đi có người theo hầu tả hữu, đều cầm kim-đao kim-thương dài năm sáu thước. Quốc-vương ngồi trên kiệu luy-điền (累 甸), giống hình xe lừa. Quân khiêng kiệu 16 người, toàn người cao lớn, xóa tóc, mình trần truồng, chỉ có một sợi giây thắt ngang lưng, treo một vòng vải che đằng trước, quần lại cột treo ra sau lưng. Những tăng-nhơn cầu giới người Thổ, phủ phục đón rước ở dưới núi. Quốc-sư đứng hai hàng chực đón tại chùa, ta chờ ở phương-trượng. Quốc-Vương đội mũ xung-thiên cánh chuồn, mặc đạo bào mầu huyền, đi giày nhung, không mang bít tất, vào đền thắp hương, lễ Phật. Đoạn, đi quanh đàn chay, xem xét trần thiết, cả mừng than rằng : « May có Lão-Hòa-Thượng đèn đây, mới được thầy pháp-môn quảng-đại trang nghiêm như vậy ».

Vương tiến vào phương-trượng tham bái, Quốc-cậu mặc áo măng-bào, cầm kim-đao đứng hầu. Nhà chùa dâng trà quả cơm chay, đều không dùng, đã có Nội-Giám đem theo trà để ngự dụng. Trong câu chuyện, phần nhiều nói về việc Phật.

Ngoài vách chùa quân lính đứng vây hai lớp. Lớp ngoài toàn người cao lớn râu rìa, ai râu ít thì kẻ thêm râu giả, đội mũ bằng gỗ đỏ, thếp vàng, mặc áo đoạn đỏ, cầm kim-thương, đứng thẳng hàng khít rịt. Lớp trong toàn thanh-niên mạnh mẽ, chít khăn đà-la-ni đỏ, mặc áo nhung lục, cầm kim-đao, cũng đứng như lớp ngoài. Cán đao và cán thương đều sơn mầu anh-đào. Mỗi khi Quốc-vương trong điện bước ra, quân lính đều xây mặt ngó vào. Quốc-vương đi vào, thì sắp hàng đứng hai bên đôi diện nhau rất thẳng. Ngoài giậu có vài nghìn quân, thề mà trong ngự-tọa lặng thính, chỉ nghe tiếng chim kêu lá rụng mà thôi.

Lúc ấy Quốc-Vương đốt hương làm lễ xong, đặt ngự tọa, ngồi day mặt qua hướng tây, lắng nghe, cười tùm tùm, như có ý lãnh-hội. Đền khi đứng dậy đi xuống, thấy những người chấp-sự đều là tăng-nhơn Trung-quốc tùy trượng của ta, bèn bảo các tăng-nhơn bản-quốc rằng : « Các người ngày thường khoe miệng, tự phụ thông hiểu pháp-pháp, làm được những việc to lớn, ngày nay đứng trước đại-hội công chúng, trước bàn thờ trời phật, sao không có người nào dự đàn làm lễ, cứ đứng trượng mắt há miệng như tượng gỗ hệt thầy ? Từ nay đừng khoe khoang nữa nghe chưa ». Nói xong có ý giận. Ta bạch rằng : « Nhà vua chớ lấy làm lạ. Dưới pháp-tọa kỷ-luật rất nghiêm, có kẻ tu hành già đời, bản phận công phu đã có chút ít kiên-thức, thế mà lúc đứng trước Bửu-tọa, còn bỡ-ngỡ thiều sót, huống là những giới-tử mới phát tâm nguyện, trách bị họ sao được. Chẳng những bọn sơ học, khó đương nổi công việc, cho đến các đường-đầu trưởng-lão, vô luận kiến thức học hỏi thế nào, lúc đăng tọa, dung mạo thanh âm cũng không phải dễ dàng. Ất phải pháp-nhãn thông-minh, tay chân nhậm lẹ, hành động mới không bỡ-ngỡ, lại cần có oai-đức đầy đủ, mới có thể có cử-chỉ an-nhàn, nói năng sáng suốt, tay đe miệng chỉ, kẻ đương-sự, tức khắc hiểu ý nghe lời. Cũng có kẻ bình thời trí-thức cũng khá, nhưng vì oai-đức không đầy đủ, nên vừa bước lên Bửu-tọa, đã mất hết tinh-thần, nói chẳng ra lời. Việc trời phật cúng dường, đại-chúng lễ bái, đâu phải việc nhỏ mọn làm chơi ». Quốc-Vương nghe nói hết giận. Ngồi nói chuyện đến quá Ngọ, muốn ở lại xem truyền giới, Quốc-cậu giục hai ba lần, mới đứng dậy, day lại bảo rằng : « Đệ tử từ bé nghe hai chữ « pháp-pháp » đã sinh lòng kính ngưỡng, mỗi lúc gặp tu-sĩ áo lam, tức thì hoan hỷ. Chẳng biết kiếp trước là ai ? Làm phúc nghiệp gì ? Mà ngày nay sinh ra làm vua ở đây ? Xin Tôn-sư chỉ-điểm cho biết, hầu chẳng quên nghiệp trước, đội đức từ-bi vô lượng ». Nói rồi từ-giã ra về. Nhơn tâu bút viết bức thư sau đây báo thị.

Thư rằng :

Vừa muốn làm mặt lạ, chuyện trò chút đỉnh « xuân phong khách-sáo » vậy thôi. Nay thầy mới mẽ tươi vui, cảm có một phen sinh-thú.

Thoạt hỏi : « Chẳng biết kiếp trước, nguyên là người nào », thực là một câu hỏi rất đột ngột, « Khúc trọn người đầu vắng, trên sông một núi xanh » : Nếu ta đem hết tinh tể trong ấy nói cho nghe, chỉ cho khỏi lấy làm

lạ tai lắm vậy. Chẳng thế, sao lai-lịch của mình mà lại chẳng biết, há đã bị hai chữ phú-quý, kết thành một khối đen dày ba thước, che lấp trước mắt rồi sao ? Đền đổi gốc cũ nguồn xưa, toàn bị cách-âm che tòi.

Chẳng thầy Tô-Đông-Pha tự biết mình là hậu thân của Ngũ-Tô-Giới, làm câu thơ rằng : « Đòi trước Đức-Vân nay là ta, mừng-tượng còn nhớ Diệu-Cao-Đài » (16). Đông-Pha cũng là người trong công danh phú quý, sao chẳng bị cách-âm che tòi. Phàm những người ngời cao tước lớn, quyền cao lộc trọng trong thiên-hạ, đều là những người kiếp trước tu hành, ngời thủng mây chiếc bổ-đoàn, mà chẳng thành chính quả; chỉ vì lòng đạo có lúc gián đoạn, lòng trần chưa được rửa sạch, lỡ chân một bước, chuyên niệm sa vào lưới đời. Rồi có kẻ xuôi gió thẳng buồm, nguyên-lực không bền, công-phu thiếu sót, thay hình đổi lột, quên cả bản-lai ; càng ngày càng xa, dần dần đắm đuối, đến lúc muốn trở lại bổ-đoàn, sửa lại tâm tính không thể được nữa. Nếu những người muốn trở về bổ-đoàn ấy, tuy gặp thời thuận gió, cũng chẳng kéo hết buồm, xem vương hầu như cỏ rác, châu báu như ngói sành, sắc đẹp tiếng hay như xâu xa đờ-ue. Mình ở trong trần, lòng nương ngoài vật, chăm chăm mộ đạo, tìm thấy bạn đất diu, như nước với nước, như mây với mây, tự nhiên hợp thành một khối, không thể chia rẽ; ấy là chẳng quên gốc nguồn, đi thẳng đến chứng quả mới thôi. Nếu chẳng thế, thì gặm hết rễ rau, đi mòng giày cỏ, cũng chẳng có thú vị gì. Làm sao hơn được phú quý đình-chung, hầu vợ thành hàng, nghênh ngang dù võng, phồn-hoa vinh-hiến, ai lại chịu bỏ đường ấy để theo đường kia bao giờ.

Ồi ! ta nói thật với đây, xưa kia vốn cùng ta đồng đi, chẳng ngờ đó bước lầm đường, chạy qua ngã khác, bèn chuyển thân về làm Quốc-Vương ở đây. Nay trở lại hỏi chẳng biết tu hành mấy kiếp, lên đền vì vua. Quên rằng, nếu chẳng tu hành một phật, hai phật, ba bốn năm phật, làm sao trông được gốc lành.

Đền đây vui thì vui thật, chín e gió đòi tám hướng, thổi vào trong muôn trượng bùn lầy, lỡ một sa chân, không sao vực được.

16) Tô-Đông-Pha bị trích ra Huệ-Châu, thuyết ghé chùa Kim-Son, nằm chiêm bao thầy một nhà sư, mời ăn cơm chay với muối vừng. Hỏi các nhà sư ở chùa, nói rằng Tô-sư Đức-Vân, trước ưa ăn muối vừng, nên nay vẫn làm cúng. Đông-Pha bèn tỉnh-ngộ tiên-thân, làm bài thơ có câu : « Tiên thế Đức-Vân kim thị ngã, y hy thượng ức Diệu-cao-đài » v.v...

Cũng may chưa té sâu vào trong hang thất tình ngũ dục, còn ghi nhớ bóng vang thời cũ, tưởng đến Quảng-Đông tìm rước Lão-tăng, khác nào Đông-Pha-Công : « mừng trông còn nhớ Diệu-Cao-Đài » vậy.

Ngày nay gặp nhau giáp mặt, còn nhìn đặng chẳng ? Nếu nhìn đặng tự khác biệt mặt mũi xưa kia của mình, chẳng đợi chỉ trăng mà tự sáng.

Ôi ! thần-long sở-di làm thần-long, vì có tài hay ruỗi hay co, hay phi đảng biên hóa, chẳng khá lường đợc. Sau nầy nhà vua phi đảng biên hóa, phần bản quy nguyên, há chịu nhượng thần-long hay sao ? Vì thế Lão-tăng đặc biệt tặng nhà vua pháp danh Hưng-Long, biệt hiệu Thiên-Túng-Đạo-nhơn. Từ nay về sau, mong rằng trước chưa rõ thì sau sẽ rõ. Sau nầy đại chuyển pháp-cơ, theo Phật-tổ về nơi hằng sáng. Phong-Can (18) lẻo mép, chẳng giàu gì người.

Ngày mồng 6 truyền Tỳ-Kheo-Giới (19), quốc-mẫu và vương-huynh đặt tiệc chay, ghi chép các lời pháp-ngữ.

Phật-viện trong vương-cung lạc thành, Quốc-vương xin ta để bức hoành và câu đối.

Bức hoành viết bốn chữ : « Giác-vương nội viện ».

Câu đối khắc trước Đại-điện :

« Đẳng-giác-địa vi Diệu-Giác-địa, thành tâm minh tâm, đồng nhập tam ma trí tuệ chơn-như tạng »

« Nguyễn-vương-cung kiến Phạm-vương-cung, tại thể xuất thể, tổng thành nhất phiến nhơn từ đại-đạo-trường ».

18) Phong-Can là tăng-nhơn đời nhà Đường. Lúc ông đi khuyên-hóa ở Kinh-Triệu, gặp Lư-Khâu-Rần, sắp bỏ vào làm Thái-Thứ Thai-Châu. Lư hỏi thăm ở chùa Quốc-Thanh, núi Thiên-Thai có thầy nào giỏi. Phong-Can nói có Hàn-Sơn, Thập-Đặc hiện đang coi việc nấu cơm và rửa bát ở chùa ấy. Tức là Văn-Thù Bồ-Tát. Khâu-Rần đến chùa tìm yết kiến. Hàn-Sơn Thập-Đặc cười bảo rằng : « Phong-Can lẻo mép ».

19) Tỳ-Kheo nghĩa là kẻ xuất gia, đã chịu giới-pháp đầy đủ. Tỳ-kheo tức là Khất-sĩ, khất thực vậy.

Dịch nghĩa :

« Nơi đấng-giác đời làm nơi Diệu-giác, lòng thành lòng sáng, đồng vào nơi trí-tuệ chơn-như ».

« Cung Nguyễn-vương xây dựng cung Phạm-Vương, đời tục đời tu, hợp một trường nhơn-từ đại đạo ».

Câu liên ở tiền-điện :

« Hải-thủy yên hàm, dịch thê-giới, sai phiến ngao, phong khởi thanh lương nguyệt-điện ».

« Bồng-sơn điệp thúy, điện bang-kỳ, tác bàn-thạch, hoa thâm tĩnh khiết thiên -thiên »

Dịch nghĩa :

« Nước biển trong veo, rửa sạch trơn thê-giới phiến-ngao, gió thổi cung trăng mát mẽ ».

« Non bồng xanh ngắt, xây vững mãi bang-kỳ bàn thạch, hoa khai cõi bụi tốt tươi ».

Câu liên ở cột trụ tiền điện :

« Nguyệt điện ung dung, bắt quyền dạ-minh liêm, tịnh lý sum la vạn tượng ».

« Nhật luân chiều diệu, thường chiêm kim-sắc-tướng, quang trung phổ hiện thiên tường ».

Dịch nghĩa :

« Mặt nguyệt khoan thai, rèm ngọc rũ thâm nghiêm, muôn tượng báu sum la trong tĩnh mịch ».

« Bóng thiếu sáng chói, tượng vàng thường chiêm ngưỡng, nghìn điểm lạnh phổ hiện giữa quang minh ».

Câu đôi viết ở hậu điện :

« Thập thân điều ngự, ứng hiện nhơn vương, hợp-tác phật tâm đức-chủ ».

« Vạn đức trang nghiêm, tự thành bửu sở, tọa thâm hương-hải thân-cư »

Dịch nghĩa :

- « Mười kiếp tu hành, ứng hiện đức vua giàu lòng Phật.
« Muôn đức nghiêm kính, hợp thành cung chúa giữa giòng thơm ».

Câu liên đề La-Hán-Đường :

- « Thiên-thai sơn thượng thừa lương, cà-sa vong ký Thạch-Lương-Kiểu, chàng toái hư không, khởi thị phận ngoại tác dụng ».
« Hương-tích giới lý ứng cúng, thảo hài thác lạc Liên-Hoa-quốc, đạ phiến thủy nguyệt, vô phi cá lý thần thông ».

Dịch nghĩa :

- « Thừa-lương trên núi Thiên-thai, cầu Thạch-Lương quên áo cà-sa, đánh nát hư không, hiển phần tác dụng ».
« Ứng cúng trong chùa Hương-Tích, cõi Liên-Hoa đánh rơi giày cỏ, đạ nhào trắng nước, hóa phép thần thông ».

Câu liên cửa tiền-điện :

- « Phật đức cập quần sinh, thực khí nhân uân, kết bửu-quang ư từ thất ».
« Vương du châu bát biểu, tường phong phi phật, khai giác lộ dĩ đoan môn ».

Dịch nghĩa :

- « Đức Phật cứu chúng sanh, khí tốt xông un, nhà lành ngồi sáng báu ».
« Ông vua khắp tám cõi, gió từ phơ phật, cửa chánh mở đường ngay ».

Quốc-vương khai đàn ở Nội-viện, ngày Phật-đản (mồng 8 tháng 4) có quốc-mẫu, Công-chúa, hậu-cung quyền thuộc, đồng thọ Bồ-tát-giới (20). Vương tự đặt riêng một đàn. Ngày ấy nắng gắt. Vương mình mặc quỳ lâu; mồ hôi ướt thấm mảy lớp áo, người dẫn lễ mời Vương nghỉ một chút, lúc dâng lễ sẽ quỳ. Vương bảo rằng: «Ta ít tuổi, vui lòng chịu giới-phạm, chẳng lầy thê làm mệt ». Quỳ thọ-giới xong, đứng dậy, lại làm lễ, cầu xin chỉ bảo. Ta thường nghiệm thầy tín-căn của Vương rất bền vững, có lòng cầu đạo chơn thành, bền mừng rỡ viết quyển « Hộ-Pháp Kim-Thang-thư », tặng cho như sau :

20) Bồ-đề tức là chánh-giác. Có ba thứ Bồ-đề : Thanh-văn Bồ-đề, Duyên-giác Bồ-đề và Chư-Phật Bồ-đề. Phạm-ngữ gọi «A-Nậu Đa-La Tam-mịch tam bồ-đề » nghĩa là « Vô thượng chính-đẳng chính-giác ».

Thư rằng:

« Dấu ra đời, dấu ở thế-gian, đạo không có hai nẻo. Theo Nho-Giáo, Nghiêu Thuần nói chữ « trung ». Không-tử nói chữ « nhứt ». Sách Trung-Dung nói chữ « thành », danh-từ tuy chẳng đồng, nhưng nguồn gốc chỉ có một.

« Nhứt » là gì ? « Nhứt » tức tâm vậy. Giữ được nhứt tức tâm chánh, rồi lấy đó mà tu thân, thì thân được tu, tể-gia thì gia được tể, trị nước thì nước được trị. Nhứt thiết dụng-nhơn, hành-chánh, binh, hình, lễ, nhạc, việc lớn việc nhỏ, việc nào cũng hiểu biết một cách sáng suốt và xử-lý đều được thỏa đáng. Cho nên trời được « nhứt » mà trong xanh (thanh), đất được « nhứt » mà yên ổn (nhinh), hơn-quân được « nhứt » mà thiên-hạ thái-bình, chính do đạo ấy vậy.

Đức Đại-Hùng Thê-Tông của ta vì người đời tự mình có chỗ chưa hiểu rõ, nên lập ra giáo-hóa, thoát hết trần căn, chẳng lập văn-tự, trực-hỉ lòng người, khiến người ta phải tu tâm kiến tính thì thành Phật. Tây-Thiên-Đông-Thổ chia làm năm dòng, tâm ân chuyển nhau, cũng chỉ cốt khiến hiểu rõ lẽ ấy mà thôi. Lời xưa bảo rằng: « phương tiện có nhiều cửa, quy nguyên tính không hai », là vì lẽ ấy.

Đạo nho chủ trương lập nguyên-tắc « hữu vi » (phải làm), nên ở lẽ ấy biết vậy mà chẳng bàn. Đạo Phật đi đến chỗ « Vô thượng » (không còn gì cao hơn), nên ở lẽ ấy bàn mà chẳng dụng. Cho nên đức Thê-Tông thuyết pháp 49 năm, chưa từng nói đến chữ « nhứt », là vì lẽ ấy.

Nay xem nhà vua thông-minh hơn thứ, độ lượng khoan hồng, thông trị mọi việc, biết thể tuất thần dân, giúp người lợi vật; gần xa sang hèn thấy đều thâm nhuần ân trạch, lại hay chăm chăm gánh vác việc hơn-duyên tu hành; thế là, nếu nên lấy thân Quốc-Vương mà được độ, thì hiện thân Quốc-Vương để thuyết-pháp; nếu nên hiện thân tỳ-kheo mà được độ, thì hiện thân tỳ-kheo để tu hành. Hai đường ấy đối với nhà vua tuy phân biệt mà chẳng phân biệt. Chỉ có hướng về bậc trên, muốn nhờ Lão-Tăng bày báo cái lẽ ấy. Nói về cái « lẽ » ấy, thì mọi người đều đủ, ai ai cũng có, còn phải bày gì và báo gì ? Tiếc vì đại địa chúng sanh, mang kiếp tự đời nào (vô thủy), trí hiểu biết bị che lấp, luân-hồi triển chuyển, chẳng khá thoát ly, làm nhọc lòng đức Thê-Tông, lúc ngài ở trước núi Cảnh-Giác, nửa đêm trong thây sao sáng, thét lớn rằng: « Lạ thay! nhứt thiết chúng sanh đều có trí-tuệ đức tướng Như-Lai, chỉ hơn vọng tưởng chấp mê,

chẳng từng được chứng quả, thật là bán gan mổ ruột, chẳng gặp người mua vậy ».

Nay mừng thầy nhà vua, thân ở ngôi vua, mà linh nguyên chẳng bị mờ tối, y nhiên hành động như kẻ tu hành ; ấy đều do mắt bát-nhã kiếp trước bôi đắp cao dày, cho nên tuổi trẻ tốt bậc giàu sang, trong trường tối lạng, vẫn giữ được niềm tin bền vững như thề. Chỉ một chữ « tin », cũng đủ diệt trừ phiền não, thẳng vào cõi Như-Lai. Nếu trong lẽ ấy, vẫn giữ được niềm tin vững vàng, chẳng bị người lừa dối, chắc sẽ có kết-quả đền đầu đền đuôi vậy.

Lão-tăng không có tài-giới chi khác, chỉ xin xem câu chuyện trên đây, không mộng không tưởng, thề nào ta là chủ-nhân-ông ; không được đem ý-thức đo lường, không được đem nghĩa-lý giải-thích ; đem câu chuyện, không thú vị gì, không biết làm gì ấy, đặt ở đầu lòng ; đem ba ngày bốn, miệng niệm lâm nhâm, quyết tìm cho ra ý-chỉ ; vô luận lúc tọa triều bàn chánh sự, lúc thấp hương lạy Phật, cho đến lúc uống trà, lúc ăn cơm, lúc mừng lúc giận, lúc tiếp kiến quần-thần, lúc phụng thị mẫu-thân, lúc cùng với vợ con hội họp, lúc đi, lúc ngồi, lúc nằm, lúc xúc cảnh gặp duyên, lúc ưa lúc ghét, lúc ngồi trong nhà vắng một mình, lúc nào cũng chẳng được giây phút bỏ qua. Câu chuyện chớ bảo không thú vị gì, trong chỗ không thú vị, chính có thú vị tuyệt hảo, chớ bảo không biết làm gì, trong chỗ không biết làm gì, chính có việc làm tuyệt hảo. Xem đi xem lại, lâu ngày dài tháng, bỗng nhiên té xuống đất một tiếng ầm, rờ mó lỗ mũi mẹ đẻ, mới biết vẫn ở trên mặt. Đền địa-bộ ấy, chẳng ngại đem Đường-Nghiêu-Ngu-Thuần, Không-Tử, cho đến Tây-thiên, Đông-thổ Phật-Tổ, Ngũ-gia Tôn-sư, đều động cho một đá té nhào ; đỡ dậy chúng sanh, làm một đại-nhơn vượt bậc, còn gì khoái bằng.

Tuy nhiên như thế, kẻ chú-tri Trường-thọ này, cũng chưa chịu ngúc đầu. Vì có gì ? Nghìn nghe chẳng bằng một thầy. Nay nhà vua quy y với Lão-Tăng, chịu giữ Bồ-Tát đại-giới, thành tựu cho tăng-đồ cả nước đều giữ lòng Kim-Cang, làm công-đức-chủ, làm đại-đạo-trường, làm đại-phật-sư, tu-đại-công-hạnh, giải-đại-pháp-nghĩa, cho nên Phật lạy việc Kim-Thang Hộ-Pháp giao phó cho Quốc-Vương và đại-thần. Nhà vua đã thân hành việc phật, giàu lòng phở lợi vị-tha, lại hướng lên muốn rõ lẽ ấy, cầu Lão-Tăng bày bảo... Lão-Tăng nhờn lấy một chiếc áo là tía, viết bài này

vào ,để sau nầy ngộ đạo làm khê-khoán chứng-nghiệm. Nhà vua gắng bền chí hộ trì, mới khỏi phụ lòng Lão-tăng trông đợi ».

Quốc-vương cúi lạy tiếp thụ, tạ rằng : « Lão-Hòa-Thượng dạy bảo, ta chẳng dám quên, tự thẹn thói cũ thâm nhiễm, không thông hiểu việc cao cả, e phụ lòng từ-bi mà thôi ».

Ta bảo rằng : « Xưa kia trên Hội Linh-Sơn, nguyên lầy việc đứng ngoài hộ-pháp giao phó cho nhà vua, nay nhà vua cứ việc giữ vững tín-căn chứng vào đạo, sau nầy sẽ có ngày giải-thoát giác-ngộ ».

Quốc-vương hơn hờ, cáo lui. Chiều, ta trở về chùa Thiền-Lâm, truyền Bồ-Tát-Giới cho vương-huynh bọn Lệ-Truyền-Hầu, Thiệu-Dương-Hầu và Cai-Bá chúng quan.

Ngày sau (tức mồng 9 tháng 4), vì các giới-tử viên-mãn Bồ-Tát-Giới, vương-huynh, công-chúa, các giới-tử dọn cơm chay. Vương khiên Nguyên-Lão, Đông-Triều-Hầu dâng lễ thỉnh-tathượng đường thuyết-pháp.

Qua 3 ngày (tức ngày 12), ta suất lãnh Quốc-sư hai dãy, đem bọn tân-giới-tử làm phép « Cổ-Phật khất-thực », và tạ công-đức thành tựu của Quốc-Vương.

Vương mặc áo tía, hai tăng-nhơn cầm bình-bát, tích-trượng hầu hai bên, chực đón tại điện môn phía tây.

Chàng phan dẫn đường, hai dãy tăng-nhơn và hơn một nghìn bốn trăm tân-giới-tử, đều mang y cầm bát sắp hàng đứng tề-chỉnh, đồng thanh xưng tạ.

Vương mỉm cười, vui mừng an-ùi, rước tăng-nhơn vào dùng cơm chay và đãi trà các tân-giới-tử, cho thêm 300 quan tiền, 100 thạch gạo, khiến quân nhơn gánh đèn chùa Thiền-Lâm. Giới-diệp để cấp phát cho các giới-tử, đều đóng kiểm vương-ân.

Từ biệt trở về. Ngày hôm sau chứng đau bụng trở lại, xem chừng kịch liệt. Nhà vua nghe nói, khiến nội-quan cầm thư đến an-ùi. Bèn phúc thư rằng :

Lai thư bảo rằng,

« Hôm rày Lão-Hòa-Thượng quá nhọc mệt, tuy hậu-sanh tráng niên cũng không dậy nổi, huống người tuổi à không sinh bệnh sao được. Cầu xin

an-nhân tịnh dưỡng, ta mới được yên lòng ». Xem thư thầy lòng yêu Lão-Tăng rất thâm trọng. Nhưng thầy không thể phủ tay được.

Lão-Tăng cũng bảo, người tại gia không được thanh nhàn tự tại, kẻ xuất-gia mới được hưởng cái thú ấy. Chẳng ngờ xuất-gia làm Hòa-Thượng rồi, chẳng những không được hưởng thú « tự tại », đến cả chữ « nhàn » cũng tìm chẳng được. Vì sao vậy ? Tại sắp đặt chùa chiền bận rộn quá, tiếp đãi, vãng lai phiền lụy quá, ứng thù giầy mực nhọc nhằn quá, điều khiển sai vãi khó khăn quá, gặp phải ma-nghiệp tức tòi quá. Lôi kéo chẳng rồi, buồn cười quá, đến nông nổi này, còn thanh nhàn gì được. Ta e Quốc-vương Việt-Nam cũng vị tất được thanh nhàn tự tại vậy.

Tại thầy, xuất thầy, đồng một chữ « bận rộn ». Nhưng trong sự bận rộn có hơi không giống nhau. « Bận rộn » của kẻ tại gia, từ Thiên-Tử đến thứ-nhơn, chẳng qua vì phú quý công danh, thầy nhi lão tiểu., tức là vì mình vậy. « Bận rộn » của kẻ xuất-gia, chỉ vì Phật-Tổ đạo-pháp, lo tiếp dẫn hậu-nhơn, tức là vì người vậy. Biết đâu trong sự vì mình ấy là vì người khác, mà trong sự vì người khác lại chính vì mình. Cũng như nói, « Sửa mình theo lễ tức là điều nhơn », máy luân chuyển như hơi thở ở mũi, cần phải biết mình là tư, lễ là công, mình và lễ, công và tư, bốn điều ấy liên quan như một. Quý hồ biết sửa mình theo lễ, bỏ tư hướng công, ấy là nhơn vậy. Nếu chẳng hay sửa mình theo lễ, trái công hướng về tư, ấy là vì mình vậy. Chẳng lo nhơn hay chẳng nhơn, chỉ lo biết sửa mình hay chẳng biết sửa mình mà thôi ; bởi thầy sách xưa bảo: « Làm điều nhơn do mình, chẳng phải do người vậy ».

Đến bậc ấy, mới có chỗ để làm công-phu. Lão-Tăng bận rộn, cũng như sách nhỏ bảo: « Một ngày sửa mình theo lễ, thiên hạ theo về với kẻ có nhơn », vì người chính vì tự mình, cho nên vui lòng chịu lụy, đến nỗi sanh bệnh cũng chẳng hề chán mỏi. Còn như người đời bận rộn, là « vì người khác lo may áo cưới », nào có ích chi cho tự mình. Ta chẳng làm người thanh nhàn tự tại, chịu phiền lụy đến nay phải chống chọi với bệnh, chẳng là già đầu mà đại lắm sao ! Xưa Duy-Ma đau, Văn-Thù đến thăm, Duy-Ma lặng thinh mà mở « Bất-Nhị Pháp-Môn ». Nay Lão-Tăng đau, đức-vương sai nội-giám cầm thư đến thăm. Lão-Tăng lý-luận phiền toái. Duy-Ma đau cùng Lão-Tăng đau, một người lặng thinh, một người bàn nói, đồng chẳng ? Khác chẳng ? Xin đặt một câu hỏi.

Ngày 13, Quốc-Vương sai Nội-giám đến thưa rằng : « Ngày mai, Vương sẽ ra Diễn-Võ-Trường xem voi thao diễn, nửa tháng mới về ; muốn thỉnh Lão-Hòa-Thượng cùng đi, xem một lần cho biết ».

Ta nhận lời chịu cùng đi.

Đền ngày 15, mờ sáng, Nội-giám rước lên thuyền. Dòng nước lờ đờ sao mai thưa thớt, sương sa sông vắng, gà gáy rừng sâu. Thuyền chèo quanh co chừng 10 dặm, nghe trong khói mù có tiếng ồn ào, nội-giám bảo rằng : « Đã đến nơi ». Nhìn lên thấy người đi xem, đàn ông đàn bà đứng bao quanh bốn năm dặm, Quân hầu nạt người tránh, dẫn đường đi trước. Vương lên đài ở trung-ương, xường vương-tượng gần một bên, chứa toàn những voi cao lớn. Tả hữu la liệt những đồn lính và xường tượng, cỏ rom và mía để chắt đầy đồng.

Lúc dàn trận, voi sắp từng hàng 10 con, đứng ở phía tây, mỗi con trên lưng đặt một cỗ yên bằng gỗ sơn đỏ, hình như cái hộc. Trong hộc, có 3 người đứng, đầu đội hồng-kim-khôi, mình mặc áo nhung lục, tay cầm kim-câu trường-thương, một tên nài cầm câu-liêm ngồi trên vai voi. Phía đông, 500 quân cầm đao thương và đuốc châm lửa, xây mặt về phía voi đứng. Đằng sau đài đặt những bù-nhìn bện rom như hình quân lính.

Cờ lệnh trên đài phát lên. Ba quân múa đao thương, nhắm hàng voi xông tới. Hỏa-khí đốt lên, khói bay mù mịt, voi vẫn đứng yên. Bỗng chốc, trống đồng đánh liên hồi, các quân phân dũng xông vào voi, bọn nài bỏ câu liêm vào đầu, võ-sĩ đâm vào đuôi. Bảy voi chạy thẳng đến rượt đuổi. Quân lính lui tránh; mỗi con voi lay vòi quăn một bù-nhìn bằng rom đem về. Thót voi nào chạy hơi chậm, liền bị thương đâm búa bổ, chảy máu đứt da, đến đôi có con quá mệt, phục quy không thể dậy nổi. Tan trận, lấy đó phân hơn thua.

Vương thuật chuyện rằng : « Bản-quốc có những tê-ngưu và voi đi từng bầy trong núi. Muốn bắt voi sông, người ta đem hai con voi cái thuần đi dụ, voi cái kèm voi rừng cho người ta lấy giầy lớn cột chân vào gốc cây, giam cho đói khát ít ngày, rồi người nài lần đến gần, cho ăn uống. Lâu dần quen, hai voi cái bèn kèm voi mới về giao cho một viên quản tượng.

Thường thường có 50 lính coi việc diễn tập. Mấy năm gần đây, những trận đánh với Đông-Kinh, (Hà-Nội) Chiêm-Thành, quân ta thắng trận phần lớn nhờ sức voi vậy. Thời Tiên-Vương có một con voi ra xung phong hãm trận, chủ-tướng bị địch giết bèn lấy vôi quân thấy chạy vào hang núi giấu kín ; quay trở ra, nòi xung chạy vào trận địch, đánh phá tung hoành. Ba quân hòa theo, kết quả được toàn thắng. Sau lúc thu quân, voi đến quỳ trước tướng, dẫn người đi tìm hài cốt chủ cũ đem về chôn cất, rồi bỏ ăn, chết theo chủ. Đền nay, mà nghĩa-tượng đương còn. Nhơn hỏi thăm việc diễn binh tập tượng ở Trung-quốc, ta trình bày tỉ mỉ phép diễn võ cho nghe, và làm bài « Thao tượng hành » để hoài-niệm Bái-Tướng-quân rằng :

*Quốc-Vương thành tâm việc cung dưỡng,
Rước ta đi thuyền xem tập tượng.*

*Ban mai sương khói đương mịt mờ,
Gió thổi mặt sông nước nhấp nhào.*

*Mười dặm đã đến Diên-Võ-Trường,
Bên bên người đứng như vây tường.
Vương ngồi cao-đài mặc long-cổn
Cầm-bào thị-vệ cầm đao thương.*

*Voi Việt-Nam như ngựa Ký-Bắc,
Từng bầy đồng cao ăn rã rác.
Người đem voi cái đi dụ về,
Bộc chân gốc cây giam đói khát.*

*Dụ về nuôi dưỡng mấy lâu nay,
Nước nhà nuôi tượng hậu hơn người.
Lúa đậu lương ăn ngày một hộc,
Quân-sĩ cắt cỏ lo hằng ngày.*

*Nửa tháng trước ngày ra điếm thị,
Voi đực voi cái chia từng đoàn.
Mỗi đoàn năm mươi lính tập luyện,
Lúc tiền lúc thời nghe lệnh toàn.*

*Tháng tư ngày dài, buổi ban mai,
Nón hồng mũi bạc tuốt sáng ngời.*

Đứng trên lưng voi ba võ-sĩ,
 Tay cầm xà-mâu dáng hùng oai.
 Phía đông mười voi làm một đội,
 Phía tây quân-sĩ năm trăm người.
 Cờ trắng phất lên quân-sĩ tiền,
 Hò reo đôt lửa khói mù trời.
 Cờ trắng hạ xuống phất cờ xanh,
 Nài cứ đầu voi búa chan chát.
 Voi quật bù-nhìn cuốn đem về,
 Mau thì có thưởng chậm bị phạt.
 Bỗng chốc tập xong định hơn thua,
 Xiết bao máu chảy, thịt da nát.
 Xiết bao khó nhọc quy sa-trường,
 Lính bị roi đòn quan bị cách.

Nghe nói :

Xưa có một voi mạnh và trung,
 Quan quân cỡi ra đi tiền-phong.
 Chủ-tướng hãm trận bị giặc giết,
 Lấy vôi cuốn thân giấu hang cùng.
 Trở ra, xông vào phá trận giặc,
 Quan quân theo gót được thành công.
 Về dinh voi quỳ trước đại-trướng,
 Dắt người tìm thấy, chôn cất xong,
 Voi ta bỏ ăn chệt theo chủ,
 Nằm mổ nghĩa-tượng lưu non sông.

Vương hỏi :

Trung-hoa võ-bị như thế nào ?
 Trình bày Lãn-Hải Bái-Tướng-quân.
 Liêm-Pha Lão-tướng bước lên đàn,
 Ba quân hùng hổ như phong vân.
 Tướng quân chẳng chuyên dùng võ-lực,
 Chỉ lấy nhơn-nghĩa làm can qua.
 Xẽ ngọt chia đặng với quân-sĩ
 Quân-sĩ yêu mến như mẹ cha.

Thành công ngồi dưới gốc đại-thụ,
 Mào cao áo rộng rất khoan thai.
 Bỏ người dùng thú mạnh chẳng chuộng,
 Canh gác chẳng được chút nghỉ ngơi.
 Thanh-triều thiên-tử tề Nam-Giao,
 Thái-bình nghỉ vệ có voi châu.
 Ngự-tượng tại triều cấp bổng tướng,
 Minh phủ yên gâm gắn kim châu.
 Thường đem việc ấy răn quần thần.
 Voi vì có ngà phải thất thân.

Sanh bình ta sợ nóng nực. Ngày nọ giải nắng, nhớ chùa xưa lúc nầy hoa rừng đua nở, ngôi Điện-tâm-Đình bẻ sen gọt ầu, bòn mặt gió hổ, thật là một khoái sự. Chợt thấy trên án có cắm một đóa hoa sen, khiến người tìm một cọng sen tươi, khắp nơi chẳng có. Đều thưa rằng: « Sen chỉ có hoa và lá, không có cọng dài ». Nhơn biết rằng, hoa và lá nhờ có nước mà sinh, còn cọng sen dài phải nhờ có đất mới mọc được. Xứ nầy toàn phù-sa, nên không có cọng sen dài. Những kẻ tâm-đức không đầy đủ, chỉ phân sức bề ngoài, cũng giống như sen Đại-Việt vậy.

Có tiếng đồn ta ưa ăn trái cây, mọi người đua nhau đem trái tươi đến dâng. Liều-xá chắt đầy ngỗng ngang, nào là mít, xoài, dưa hấu, chuối và hường... Những loại trái ngọt gắt, ta cũng chẳng ưa mây. Ngày kia, Vương sai nội-giám đem biếu một giỏ xoài đầy, bảo rằng thứ xoài ngon thượng-phẩm, đem dâng Lão-Hòa-Thượng. Ta có ý khinh rẽ, xem kỹ, thấy thứ xoài hơi tròn lớn, dùng dao gọt vỏ, cắt một lát ăn, thấy thơm ngon khác hẳn giống thường. So với giống xoài Việt-đông, sồng thì chua, chín thì thối, khác xa biệt chừng nào. Cho biết sách Tăng-diễn chép trái Am-Ma-La (菴摩羅) chính là thứ trái nầy. Nay sách Dư-Ký chép làm trái Am-La, bỏ sót chữ « Ma »; tục gọi mông-quả (檬菓), đổi hẳn ra tên khác; tuy danh-xưng có sai ngoa, nhưng giống xoài cũng có hơn kém. Chúng ta thấy vật mà chẳng tìm cho biết tên là không đúng, mà nghe tên đã vội tin vật cũng không đúng vậy.

Trước ba ngày, Thiếu-Dương-Hầu lấy một cái hộp đựng mười trái vải đem đến biếu, vải dày vỏ lớn hột, cũng như thứ vải « đường-phò » ở tỉnh Việt. Vải nầy ở đây cũng đã hiếm có. Muốn tìm thứ vải « hắc-diệp »

đã không thể được, mong gì có thứ vải « ngưng-băng » như ở Quảng-Đông. Nếu so sánh quả xoài, thì xoài xứ này quý hơn xoài Việt-đông; trái lại, vải Việt-Đông quý hơn vải Nam-Việt. Xem đó, người ta không nên khoe khoang một tài hay của mình, dùng người cũng nên tùy tài từng người mà chọn lọc. Nhơn ăn trái vải, hoài-niệm Trương-Phương-Bá, làm thành một bài ngũ-ngôn cổ-thơ.

BÀI THƠ

Ta đèn Cổ Giao-Châu,
 Ngày đêm chịu nóng nực.
 Đêm mát dạo quanh thêm
 Ngửa mặt nhìn Nam-trực.
 Trông ngóng cung Tử-vi,
 Xa xuôi chẳng đèn được.
 Đè-tọa chiều hào quang.
 Dưới rèm thưa sáng rục.
 Hoa sen dầm sương nở.
 Cá ao nhảy bóng trắng,
 Sống vui nhìn cảnh vật.
 Ngồi nghĩ được hay chăng.
 Xưa Thiệu-Bá tuần hành,
 Cam-đường trồng Nam-quốc,
 Giao-châu cách đại-dương,
 Xa tít miền Nam-cực.
 Tiền triều sửa bản-đồ,
 Quận huyện định pháp-thức.
 Ngày xưa Hoàng-thượng-Thư, (21)
 Bỏ, An có oai-đức.
 Người sau sắp đặt sai,
 Nam dân sinh phần trắc.
 Đẳng đẳng mấy trăm năm.
 Đèn nay thành thuyết vực.
 Dầu có lòng hướng hóa,

21) Có lẽ chi Hoàng-Phúc đời nhà Minh, ông có qua làm Bô-Chánh ở Nam-Việt.

Chưa dám tu công-chức.
 Lễ-giáo thoảng nghe bàn,
 Liền than thờ bực tức.
 Chỉ sợ Việt với Hoa,
 Tiếng nói người khác nước.
 Lời nói và tinh-thần,
 Làm sao phiên-dịch được.
 Mít mật ăn quá ngọt,
 Hoa cau mùi khá ưa.
 Thơm tho thua trái vãi,
 Tháng năm nhớ quê xưa.
 Suối trong tưới bồn ngọc,
 Thung dung lui nghỉ trưa.
 Gió nam nay gặp dịp,
 Buồm về thẳng cánh đưa.

Vương định đến ngày 24, sẽ rước tất cả tùy-trượng tăng-chúng, mở một kỳ sầm tụng Đại-Bi Đà-La-Ni. Một là vì năm nay nhờ có thỉnh ta đến, trong nước được phong hòa vũ thuận, vật phụ dân an, nên muốn đặt đàn tụng kinh để tạ ơn Long-Thiên Phật-Tổ. Một là vì, 18 tháng 5 là ngày đản-nhật khánh chúc, sợ đến ngày ấy việc triều-đình bận rộn, không được thanh tịnh như ý, nên muốn trai giới trước ngày. Vương ban hỏi những công việc nên làm. Ta thưa rằng : « Việc trai giới chẳng phải chỉ giữ cho sạch miệng sạch mình, tư-tưởng trong sạch mà thôi. Việc trai giới của nhà vua, cần phải đem việc quốc-gia trên dưới thanh lý chính-tể, không một người nào chưa được yên sở, không một việc nào chưa được thỏa đáng, như thế mới gọi là viên-mãn. Nay trước hết, nên thanh-lý oan ngục, tha tù bị giam cầm, chẩn cấp kẻ nghèo thiếu, khởi dụng kẻ yếm trệ, bãi bỏ cầm điều nghiêm khắc, thương xót kẻ buôn bán, thi ân cho thợ thấy. Nói tóm lại nên đem tất cả công việc giúp người lợi vật, chăm chước cử hành. Đến như nghi-lễ đàn trường, tăng-chúng y bát, vật dụng hương hoa... sẽ kê đơn chề biện ».

Ngày nọ, trong lúc đem tăng-chúng vào cung, gặp một người đàn bà, tay cầm một tờ giấy kêu khóc, đón ta và thưa rằng : « Có chồng tên Tăng-Văn-Lão, người tỉnh Mãn (Phúc-Kiến), phạm tội nặng, bị xử tử hình.

Lúc đương giam trong ngục, chờ ngày hành quyết; Tăng-Lão bỏ ăn uống, chết đói. Người vợ mua quan tài tẩm liệm, đem chôn ngoài đồng và lấy phen đập lại. Sau 5 ngày, làm cơm canh đem cúng, nghe trong hòm có tiếng rên khóc ; vỡ hòm kêu, Tăng-Lão biết có vợ đến, bảo rằng : « tội ta chưa đáng chết, Diêm-Vương đuổi về và bảo đền cầu Quảng-Minh Đại-sĩ cứu cho sẽ được sống ». Người vợ chạy báo quan địa-phương, mở hòm khám nghiệm, thấy hơi thở ngoi ngóp chưa dứt, bèn đổ nước cháo cho uống. Hiện nay còn giam lại trong ngục để chờ mệnh-lệnh nhà vua. Thiết nghĩ, (người đàn bà nói tiếp) Lão-Hòa-Thượng là người Đại-Minh, lại từ Quảng-Đông đến, chống tôi bảo Quảng-Minh Đại-sĩ, chắc là phải. Hòa-Thượng mới có thể cứu sống chống tôi, cúi xin rũ lòng từ-bi làm phước ». Y Thị kêu cầu rất khẩn thiết. Vừa rồi xưng Trung-Hoa làm Đại-Minh, người ấy chỉ biết tiên-triều, cũng như các phụ-lão ở Đào-nguyên chỉ biết có nhà Tần vậy. Ta hứa chịu và đi, vào cáo việc ấy với nhà vua, liền được hạ lệnh tra cứu tha ngay. Như đó các tù tội nhẹ đều được phóng thích, tội nặng được giảm khinh, bao nhiêu thiện chánh cử hành, khắp nước thấy đều ca tụng.

Ngày ấy cắm phan treo cờ, trên báu la liệt, khói hương sức nước, hoa quả huy hoàng, Quốc-Vương mở đàn cúng dường. Chúng-tăng trai giới tiền đàn, từ đầu đến gót y phục mào giày đều mới tinh ; ngân nga trong trẻo, điệu-bộ khoan thai. Những người đi xem, đều lặng thình tử bễ cung kính. Mỗi một lúc tiền đàn, Quốc-Vương ắt đứng ngoài đàn sửa lễ, đứng ngồi xen lẫn với tăng chúng chẳng chút giải đãi. Ta ở lại Nội-Viện để chứng-minh. Lúc rảnh, cùng nhà vua bàn luận cổ kim trị đạo, chỉ dẫn mọi đường lỗi khoan hình chuộng đức, yêu quân, hậu dân, thông thương giảm thuế v.v... Nhà vua đều vui vẻ tin nghe, giận mình tuổi trẻ kiên-văn không được rộng rãi.

Trong lúc nói chuyện, bỗng có một viên Nội-giám từ ngoài bước vào, nói vài câu tiếng Việt, Vương vội chạy ra. Nghe ngoài điện đánh 3 hồi trống. Hồi lâu, Vương trở vào, thở hào hển. Ta thấy lạ hỏi thăm. Vương nói : « Vừa rồi, trại quân bị lửa cháy, sáng sôt chạy qua cứu chữa, xin chịu thất lễ, không được bồi tiếp Lão-Tăng ». Ta hỏi : « Vương tự mình qua cứu » ? « Thừa phải, chẳng kịp chờ xa giá, ta đến, quan quân mới tể tỵu cứu chữa ». Ta nói rằng : « Sao, nói gì lạ thế ? Đưa con nghìn vàng, chẳng ngồi cheo

leo nơi thêm cao ; huông chi ông vua thiên-thặng, trên quan hệ đối với trọng trách Tôn miếu Xã-tắc, dưới quan hệ đối với sự an-ninh của trăm họ muôn dân, há nên khinh thân vào nơi nước sôi lửa cháy. Vẫn biết đức-trạch nhà vua, thăm khắp trăm họ, nhưng biết đâu không có cuồng-phu oán-tốt dòm hành ; hoặc cò ý phóng hỏa để dụ Vương ra, rồi thừa hư phạm giá, há chẳng nguy thay ? Bởi thế, nhơn-quân lúc đi ra có đường kính, đi vào có đường tắt (đường cam), không phải bày đặt vô-vị đâu ». Vương nghe nói thật sắc, bảo rằng : « Phải, nhưng biết thế nào, trong nước toàn nhà tranh, năm nào cũng có hỏa-hoạn, mỗi lần cháy lan hàng mấy dặm, nếu chẳng cứu, nhà dân sẽ ra tro hết ». Ta nói : « Đã có cách hay, nhà vua nên đặt làm một thứ lệnh-tiền, gặp lúc trong nước có việc gấp, cần nhà vua phải thân hành đến tận nơi, chỉ sai Nội-Giám cùng quan quân cầm lệnh-tiền đến. Lệnh đến cũng như vua đến vậy... Lệnh đến, nếu quan quân có người nào không đến, lập tức trị tội chẳng tha. Như thế không có gì hại cả ». Vua vui vẻ bảo rằng : « Nếu chẳng phải Lão-Hòa-Thượng yêu ta, bao giờ được nghe lời ấy. Mấy ngày rày đàm đạo, và trong sự nghe thầy, nếu có những chánh kiến vì nước vì dân, cầu xin Hòa-Thượng bày bảo từng điều một thật rõ ràng, hầu khiến khắc yết lên triều môn, vĩnh viễn cùng thần dân noi giữ vậy ».

Những lúc ra ao câu cá, thả thuyền hái sen, Vương đều đón ta đi, mỗi người cỡi một thớt tượng. Có lúc đổ cát vào bao, khiến tượng nhối ném. Trong nước có tượng-hình, bắt tù trọng phạm giao cho voi quật, voi nhối phạm-nhơn lên cao mấy trượng, rồi lấy ngà xóc đỡ, ngà xoi thủng gan ruột, phạm-nhơn chết liền. Ta khuyên nhà vua trừ bỏ hình phạt ấy.

Chiều hôm làm đàn « hòa-diệm », nghi-lễ đàn Bộ-châu vừa bày xong, thì mây kéo đen trời, mưa gió chẳng ngớt. Vương ngửa xem dặm chân bảo rằng : « Làm sao được một hôm tạnh ráo, để Pháp-sư được chân-thực như ý, phật sự viên mãn, thì quý biết chừng nào ? » Ta nghĩ, nhà vua một lần công-đức, tốn phí bạc nghìn, bèn lấy hết tín thành cầu đảo, niệm « Uê Tịch-Kim-Cang thần-chú » 108 biển, đốt hai đạo bùa. Nghỉ một lát, lại niệm chú 48 biển. Mưa gió tạnh dần, một chốc vén mây thấy rõ trời xanh, rọi bóng tà dương phản chiếu nóc nhà, suốt đêm đầy trời saosáng. Vương mừng rỡ tạ lễ, ý muốn học phù chú ấy. Ta bảo : « Học thì rất dễ, nhưng muốn cho linh-ứng cần phải tu luyện hằng tháng hằng năm, mới có thể tùy

cơ ứng dụng». Vương nói rằng: «Xin cầu Lão-Tăng cứ truyền dạy cho». Ngày sau cáo từ lui về, Vương lại cầu khẩn. Ta bèn đem những việc chính trị bàn luận mấy ngày nay, chép ra từng điều một, hơn điều trăm « lập quốc chánh ước » 18 điều, đều là những việc thương lính, yêu dân, thông thương, lợi quốc, kỳ-cương pháp-độ, chép từng chi tiết rõ ràng. Vương đọc xem rất mừng, bảo nội-quan Chương-sự rằng : « Nước ta pháp-độ dân tình đều chưa được đúng đắn, nay nhờ Lão-Hòa-Thượng đem lễ-phép Trung-quốc chỉ dạy, liệt trăm 18 điều ; nên khắc bảng yết lên cửa phủ, hiệu dụ văn võ quan dân đều biết, và khắc 24 thẻ bài, chia loại nêu rõ. Nếu ai trái điều-lệ, phạm phép, cho kẻ bị thiệt hại, cầm thẻ bài đến kêu. Vô luận văn võ quân dân vương thân quốc thích đều cứ pháp-luật trị tội. Vĩnh viễn lấy đó làm quốc chánh vậy.

HẢI-NGOẠI KỸ-SỰ

QUYỂN III

TA nonh được tạm nghỉ, đi qua Việt-Nam. Nguyên dự-định còn phải đi lên Bắc-Kinh có việc, vả lại nhà thường-trú xây cất chưa xong, đại-chúng trông đợi. Vì vậy quyết định đến tháng 6 sẽ liệu lý trở buồm. Có người cho Quốc-vương hay ý định của ta. Vương búi người bảo rằng : « Tuy hạ-quốc buồn tẻ, Lão-Hòa-Thượng đã làm ơn chiếu cồ, dầu chẳng chịu ở lại năm ba năm, cũng gắng gổ một hai năm, cho thỏa lòng đệ-tử cung dưỡng, sao đột nhiên đã vội nói ly-biệt, bỏ người bơ vơ cho đành ».

Ngày sau Quốc-Vương rước ta vào cung, đàm đạo tâm sự. Nhớ lại từ lúc ta mới đến, đã khuyên Quốc-vương nhập công Trung-Quốc, để xin phong tước cho được chính danh vị. Nay ta gần về, nonh nói cho biết Thái-tổ Thái-tông Thanh-triều ta, đều là những bậc thánh-quân, lấy đức trung hậu mở nước. Đức Thê-tổ-Hoàng-đề là một vị vua nhân-từ, lại có lòng sùng tín Tam-Bảo, từng rước Ngọc-Lâm Mộc, Trần-Hòa-thượng vào Tiêu-viên để cúng dưỡng, ngự thư hai chữ « Kính Phật » ban tặng. Người giữ theo kinh kệ phép phật, thường bảo rằng tỳ-kheo là những người ra ngoài cõi đời, chẳng nên quỳ lạy Thiên-tử Vương-hầu ; lại có ban hành một quyển sách, nét chữ cứng rắn, đủ làm khuôn thước cho đời sau ; tính ưa đọc sách, tự tay sao chép một quyển cồ-văn ; phụng cúng một tượng Phật cao mấy thước có khảm thắt-bửu và đưa hai Hòa-thượng về núi, mọi

cử chỉ đều khiến người thần phục. Hoàng-thượng đương-kim (1) lại phú tính thần minh, văn hay võ giỏi, đẹp yên bền bề, đạo rộng hơn dày ; chân tể dân đối, tha thuế luôn mây tình ; muôn dân thiên hạ thấy đều mến đức sợ oai, thực là một vị vua hiem có. Quân thần văn võ, đều thể theo lòng vua. Hiện nay tại hai tỉnh Quảng các quan tông-độc, tướng-quân, đế-độc, tư-đạo đều thanh-liêm chánh đại, ngồi trần xứ Bách-Việt ; làm việc quan chuộng đức, pháp-lệnh chuộng nghiêm, ôn-hậu hòa-bình, chẳng giận mà có oai, quân dân đều xưng tụng, rất có thể-thông đại-thần trần nhậm biên cương. Chúa thánh tôi hiền, thực đúng thời thịnh trị của một Triều-đình hữu đạo. Vương nên dâng biểu xin quy thuận, chớ do dự chần chờ.

Wương nói rằng : « Nay nghe Lão-Hòa-Thượng thuật chuyện, mới biết rõ ràng. Chỉ e, ta ở nơi cô-lậu, không hiểu lễ-giáo, lòng hướng-hóa tuy có, nhưng tiểu-quốc từ trước chưa xin phép tiền công, nay đường đột dâng biểu, nếu biên-giới đại-thần chẳng chịu thông báo lên triều-đình, chỉ mất công qua lại không ích gì. Lão-Hòa-Thượng đã chẳng chịu yêm-lưu hạ-quốc, sau ngày về núi, xin đem chơn-tình của ta trần thuật với các nhà đương-cục Việt-đông ; nay mai có tin cho tiền công, ta lập tức sắm sửa lễ vật, làm biểu, sai người dâng lên triều-đình, quyết chẳng sai lời hẹn vậy ».

Nhơn hỏi thăm các bậc trụ-thạch lão-thành trong triều ngoài quận, và các tay anh tuấn tài hoa Trung-triều. Ta lược cử các vị đại-thần, các quan nội-các, những người ta biết tiếng, kể cho nghe.

Chiếu tôi, trở về Thiên-Lâm, làm một bài thơ ngũ ngôn cổ-phong gởi cho Đinh-Thường-Thị Hàm-Quang Thôi-sứ.

Bài thơ

Việt-nam nhìn thẳng cảnh.

Hình câu cổ uốn cong.

Trắng phao ngồi động cát.

Núi thăm đầy chìm hồng.

Kỳ-nam-hương, long-não.

Chim Khổng-trước, mây song

Thổ-sản bán ngoại-quốc.

Thương-mãi lợi giao thông.

1) Tức Khương-hy Hoàng-đề.

Đất tốt chẳng phân bón.
 Ba mùa lúa trở bông.
 Chiến trường lừa tượng đánh.
 Thành quách sẵn tre trồng.
 Cương thường tuy chẳng biết,
 Thờ chúa vẫn hết lòng.
 Hỏi thăm triều Trung-quốc.
 Ai tài tuấn anh hùng ?
 Rằng : ra trần Đại-Dũ.
 Có Đinh-Hoàng-Môn-Công.
 Thân-thần gọi tai mắt.
 Phê phũ giữ biên-phòng.
 Tiễn hành bày tiệc ngọc,
 Ngự-bào ban áo rồng.
 Bản triều trang anh tuấn
 Như thề còn nhiều ông.
 Thăm thăm nguồn ân-trạch.
 Hầu ra khắp biển đông
 Nay ra trần ngoại quận.
 Tôi sớm về Triều Trung.
 Ta về sẽ trần thuật.
 Đại-việt muôn cầu phong.

Trong nước dân rất khổ, đất ruộng ít ỏi, lúa chẳng đủ ăn. Dân thổ-trước một dải Thuận-hóa Hội-an đều sống nhờ lúa của các hạt khác. Thổ-âm gọi « Phạn » là « Cơm », kiếm đủ cơm ăn không phải chuyện dễ ; hoặc dùng cá tôm rau quả ăn trừ cơm, hằng ngày bữa no bữa đói thật thường. Sau núi trước biển chỗ nào có bãi cát thì dân cắt nhà ở ; tùy số dân nhiều ít, tập hợp làm một xã, xã có cai, có xã-trưởng. Ruộng cây lúa, hoa-lợi phải nộp vào công-khò chừng bảy tám phần mười, dân chỉ được hưởng hai ba phần mà thôi. Ngoài ra có người làm nghề đánh cá hái củi, đem về nộp cả cho bọn Cai, Trưởng. Bọn này cấp hoàn cho bao nhiêu được nhờ bấy nhiêu. Thế mà còn phải nộp thuế thân mỗi năm 12.000 đồng tiền (hai quan), và các thứ tre gỗ muối gạo tùy theo thổ-sản. Gặp lúc nhà vua có việc công, Cai-xã bắt dân phu ra ứng dịch, mọi người phải lo cơm đùm gạo bó đi làm. Chợ hàng buôn bán đều đàn bà con gái, không phân biệt « nam

ngoại nữ nội » chỉ hết, phong tục tiết nghĩa hầu như chẳng còn. Xem kỹ, dân chẳng phải ngu ngoan, đẽo đổi không giáo hóa được ; chỉ vì người trên chẳng biết thi hành chánh sách giáo-dục mà thôi. Nếu có vị vua thánh, biết dùng kẻ hiền để chấn dân, ngăn cấm nết xấu thói tà, dạy cho biết hiếu để trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, khiến dân ăn ở đều do theo đường chính nẻo ngay, thì mười năm sinh tự, mười năm dạy dỗ học hành, làm sao lậu tục mán mừng, chẳng trở nên hoa-phong lạc-thổ. Ấy cũng là một điều không may cho nhân dân chăng. Nhon cảm khái nhớ Trần-Quảng-Châu, làm một bài thơ cổ-phong.

Ngày xưa,

Năm tiên cỡi dê đến thành Dương (2).

Ngày nay,

Thái-thú ngũ-mã ngựa Hoàng-Đường. (3)

Tiên nhân tuy bỏ đi, kẻo năm vẫn phong năm.

Thái-thú từ đảo nhậm, muốn dân được an khương.

Quảng-châu thuộc hạt mười bảy huyện.

Núi non hiểm trở,

Trộm cướp tung hoành.

Phải chờ vài mươi năm sắp đặt,

Xóm làng yên ổn,

Cày cấy làm ăn.

Bồng đầu nước lụt gặp thiên tai,

Ngày ấy xe ông vừa đến nơi.

Dầm nước lội bùn đến thăm hỏi.

Nhìn xem cảnh tượng lòng buồn ngùi.

Lúa chín ngâm bùn đều thối nát.

Nhân, vãi cây trái đều rụng rời.

Nghe đồn xứ ấy nhiều báu ngọc,

2) Hoàn-vũ-ký : Ngũ-dương-thành ở Quảng-châu-phủ, Nam-hải-huyện, xưa có năm tiên-nhon cỡi năm con dê ngũ-sắc, cắm 5 bông lúa đi đến, nhơn gọi tên Ngũ-dương-thành.

3) Hán-Quan-nghi : Theo lệ thường dùng bốn ngựa kéo xe, chỉ có quan Thái-thú mỗi lúc đi ra, dùng thêm một ngựa, cho nên xưng Thái-thú làm ngũ-mã.

Vàng tặng sứ-thần túi đầy dóc (4).
 Mạch suối Thạch-môn cỏ dầu dầu,
 Lông thúy hạt châu, luồng than khóc.
 Trải qua mây độ nhớ người xưa.
 Đèn thờ Đại-phu lưu gió mưa,
 Ai bảo người xưa chẳng khá thầy.
 Ông với Ngô-hầu phượng phát như.
 Biệt ly thắm thoát bao tháng ngày,
 Sĩ tập dân phong cả đổi thay.
 Nhớ ông thành thực vì sinh dân,
 Mắt xanh dài kẻ quê-mùa nầy.
 Cung dưỡng Duy-Ma viêng chùa Hương.
 Còn mong châu ngọc tặng văn-chương.
 Thắm thoát chia tay đã năm tháng,
 Nhật-nam lưu lạc chôn biên-cương.
 Giáo hóa nếu có người như ông,
 Biên đời man rợ thành hoa phong.

Thê-giới nguyên chẳng có gì gọi là kẻ-chợ và man-di, từ thánh-nhơn ra đời, mới có phân biệt. Lúc đầu hồng-hoang khai sáng, loài người ăn lông uống huyết, ù ù cạc cạc, chẳng khác gì chim muông. Đến lúc sinh tự càng ngày càng đông, những kẻ gian ngoan bèn dùng quyền thuật mà xưng hùng xưng bá, nhưng chẳng phải lấy đạo đức phục người. Chừng ấy trời sinh thánh-nhơn, chẳng nở nhìn đồng-loại tương tàn tương-sát, bèn đặt ra binh hình để trị kẻ bạo loạn, lễ nhạc để dạy kẻ gian tà ; có chính có giáo hẳn hoi, dựng nên thành quách cung thất, tôn miếu tế tự ; tôn ty quý tiên có trật tự phân minh, tạo nên đời văn trị. Thê là tiếng « kẻ-chợ » (Hoa) đo thánh-nhơn mà có vậy. Còn những nơi vì núi biển cách trở, thánh-vương đánh dẹp chẳng đến, lễ giáo khó thông ; dân-cư tụ tập, tự làm quân trưởng với nhau, quen tập thói quê mùa hủ lậu ; chẳng biết lễ nghĩa là gì. Chỉ biết lấy oai-lực phục nhau, thì hay sinh ra chiến tranh, mà trong việc chiến tranh, cần phải biến ảo thần kỳ mới hơn người được. Vì thế trong nước hay bàn việc võ-bị, chẳng chuộng văn-đức.

4) Triệu-Đà tặng nghìn vàng cho Hán-sứ Lục-Giá.

Ta đến Đại-việt, có Tư-triều Nguyên-Lão Đông-Triều-Hầu đến ra mắt đầu tiên, cùng với con là Văn-chức thế-nam đều quy y thọ-giới. Người xứ này ưa đòi trá, chỉ có Đông-triều-Hầu phụ tử, cùng người giao hữu rất chơn thành, chẳng khoe khoang phú quý công danh, đặm bạc thanh cao, có phong độ văn-minh kẻ chợ. Thường ân cần cầu học các môn số-học, cơ-môn độn-giáp v.v...

Ta bảo rằng : « Kẻ lão hủ này chưa bao giờ học tập các môn ấy ».

— « Nếu chưa học, làm sao ngày làm chay ở Vương-phủ, Lão-Hòa-Thượng khiến lặng gió tạnh mưa được ngay ? Nghe nói ngày Hòa-thượng tu luyện ở Họa-sơn, từng gặp dị-nhơn truyền dạy pháp-thuật phải chăng ? »
 Ân cần cầu khẩn hai ba lần.

Ta bảo rằng : « Nói về phép « ngũ hành diễn độn », là một phương tiện để cứu thời. Ngẫu-nhiên, nhưn khi trời hạn hán, ta có một lần tề gió cầu mưa, rồi thiên-hạ đốn tiếng ra vậy thôi. Nay đem phép ấy truyền cho ông chẳng khó gì, nhưng phép khá truyền mà dùng phép thì tùy ở người, cần phải chuyên nhứt tinh thành, tu trì hàng năm hàng tháng, khiến phép thành do ta, mới có thể biến hóa vô cùng, tùy cơ ứng dụng. Nếu chẳng thế, thì luồng giữ phép suông, mà biến ảo đa đoan, làm sao ứng dụng cho khỏi trở ngại được. »

Nhưng ông vẫn yêu-cầu khẩn thiết chẳng thôi. Ông nói rằng : « Lão-Hòa-thượng từ-tâm chịu truyền dạy cho, đệ tử thế một lòng kiên quyết, bất luận 5 năm, 10 năm, quyết học phép cho được cảm cách ứng-nghiệm mới thôi. Nguyên xin trọn đời hy-sinh, làm việc cứu dân lợi nước ; nhứt thiết chẳng dám tổn nhưn ích kỷ, để mang tội với cao xanh vậy ».

Ta nghĩ, ông có lòng tin rất thành khẩn, bèn soạn phép « Ngũ-hành diễn độn », ghi rõ giờ khắc tề luyện, phối hợp độ số đại khái, truyền cho ông, và làm một bài tựa.

« Phàm ở đời, cái gì mà người ta có thể nghe thấy ý-thức được, gọi là thường, không thể nghe thấy ý-thức được, gọi là lạ; lạ thì thần minh chẳng lường, lạ hơn nữa thì biến ảo chớp nhoáng, chẳng thấy múi manh, có thể đoạt quyền hóa công, chuyển cơ sinh sát, tự mình làm chủ tề vậy. Bởi vì từ lúc âm dương phán định, chia làm ngũ hành, quyền do tạo-hóa chuyển vận, nhứt định không thể dời đổi. Những bậc kỳ-nhơn vận dụng máy « hỗn nguyên nhứt khí », từ thừa hồng mông

chưa phân trời đất, đuổi âm dương, phá ngũ hành, làm cho quyền tạo hóa cũng không thể hạn chế được. Nhưng việc làm có nhiều loại, trên là trời, dưới là đất, giữa là người. Trong ấy hoặc pháp, hoặc lý, hoặc sự, hoặc vật đều chia thành môn loại. Lúc động, lúc tĩnh, lúc làm, lúc nghỉ, lúc tiền, lúc thời, nhứt thiết đều ra vào từ đó, tự nhiên ra ngoài ý tưởng của người thường. Nhưng thường đủ quyền chế ngự người, cho tạo hóa cũng không thể hạn chế được. Bởi thế có lúc « diễn », thì phơi bày ra vô cùng, có lúc « độn » thì tiêu tan về chỗ không có ; có lúc « diễn » mà « độn » thì bớt nhiều làm ít ; có lúc « độn » mà « diễn » thì hóa không làm có ; chuyển « diễn » về « độn » thì dùng sinh để sát, chuyển « độn » về « diễn » thì toàn sát để sinh. Cho nên trong « diễn » có « độn », trong « độn » có « diễn », thần minh biến ảo, chẳng khá suy lường, không phải giống như Cơ-môn vậy. Cốt yếu lấy âm-dương ngũ-hành để định phương-vị sinh, vượng, tử, tuyệt. Lấy âm-dương ngũ hành để tính ngày-giờ cô, hư, vượng, tướng. Dương phương-vị sinh vượng, đúng độ số vượng tướng, toàn diễn toàn độn, tuy khá thù thắng, nhưng còn e sai lầm hào ly. Dương phương-vị tử tuyệt, gặp độ số cô hư, nhưng dùng diễn dùng độn, lại có thể chuyển hung thành cát. Vận dụng phép diễn độn, kỳ diệu do ở lòng ta. Nhưng lấy được cơ « Hồn-nguyên nhứt khí », chẳng phải đúng người chẳng được. Bởi thế người ta bảo « có người hay không có phép hay » là vậy đó. Nay ta phân môn biệt loại để truyền cho người, kẻ tu trì cần phải biết thận trọng ».

Nghe nói Đại-Học-Sĩ Hào-Đức-Hầu đọc bài khải « bàn thơ luận đạo » của ta, tuy rất thần phục, nhưng vẫn cho câu « Ma-ha làm thể Chơn-Như » là đúng. Thế là ông lấy « bịnh » làm « thuốc », tự cho là phải. Ta đã có nghe, nữ nào làm thính chẳng có một lời nói lại cho sáng tỏ. Nhơn viết một bức thư như sau :

« Trước đây, có tiếp được lai thư của Quân-Hầu, nhưng vì gần ngày mở giới-đàn, nên chỉ đáp tạ sơ lược, chưa tỏ hết niềm riêng. Nay đọc kỹ lời dạy bảo, tắc lòng khoan khoái, khác nào ngồi trong gió mát mùa xuân vậy. Xưa Lý-Đô-Uý có làm bài thơ « Thiên-vân bình-thủy » tặng thầy Dược-Sơn, hai người nhơn đó trở nên bạn thâm giao. Các giới đàn nay còn truyền làm câu chuyện tốt đẹp. Nay Quân-Hầu ngâm thơ, tặng ta câu « Bát-Nhã-phong, Ma-Ha nguyệt » và lời bàn « Thanh lương viên-minh » ; thế là Quân-Hầu chẳng kém Lý-Công ngày xưa vậy. Trong giới

si-quân-tử, cầu có một người lưu tâm đến đạo ta, chẳng những như mặt trăng trong chòm sao, chim hạc trong đàn gà, mà có thể ví như hoa sen trong lửa vậy. Há chẳng khá sánh vai với Lý-Công mà xưng « Song mỹ » hay sao. Chỉ như Hạo-Nhiên-Linh-Nhứt, chỉ nhờ thanh luật từ hoa được biết tiếng, như bọn Trường-Khanh lại làm sao dám ví với Quân-Hầu.

Nay Quân-Hầu ngồi đèn tam công, quyền coi sáu bộ, mình ở trong vòng thế lợi thanh sắc, chẳng lia ngũ dục thất tình, thế mà đạm bạc yên vui, chẳng bị giàu sang đâm đuôi. Nếu chẳng phải gieo trồng linh-căn trong chỗ vô lượng nghìn muôn Phật, ôm lương-tri sẵn có mà trở lại cõi đời, thì làm sao được như thế.

Lão-tăng mong ơn hạ cớ, chẳng xét phạm ngu. Thiệt nghĩ trong bài thơ của Quân-Hầu, dùng chữ « Ma-Ha » để hình dung « Quảng-đại », chữ « Bát-nhã » để chỉ « trí tuệ ». Ma-Ha nguyên không định thế, Bát-nhã vốn có do lai, Nhưng ta từng nghe chữ « Bát-nhã phong », chưa thấy chữ « Ma-ha nguyệt » ; ví khiến lầy trắng Ma-ha, (Ma-ha ấy chỉ « lớn » mà nói) để đòi gió Bát-nhã, thì chữ phải mà nghĩa sai, câu được mà ý chẳng được vậy.

Phương chi, thơ thật ngôn cận thể, luật phép rất nghiêm. Ta lấy tình bề bạn đòi chữ « Bồ-đề nguyệt » để đòi chữ « Bát-nhã phong », thì cũng rất ổn đáng. Bức thư trước ta chưa nói rõ, nghĩ rằng Quân-Hầu là bậc văn-nhơn minh tuệ, chắc tự hiểu lầy. Chẳng ngờ tiếp thư trả lời, lại bảo « Ma-ha làm thế chơn-như, viên-minh ví như mặt trăng ». Lời bàn ấy phải thì phải vậy, nhưng chẳng biết Quân-Hầu cho « Chơn-Như » làm vật gì mà khá lầy Ma-ha làm thế Chơn-như ? Xin hãy hiểu lẽ ấy mới tránh khỏi lấm đường lạc nẻo, mới mong được tiên-bộ cao siêu vậy. Nếu chẳng thế, thì dấu cho lời lời đúng thế, câu câu đúng phép, cũng chỉ những lời nói suông thiên lệch mà thôi.

Lão-tăng thực lòng yêu Quân-Hầu, kính bày lời thẳng thắn ; chẳng phải ăn cắp « bọt miệng » người khác, đem làm kiện-thức của mình, rồi trông-không lầy 3 chữ « người xua bảo » để bắt nạt. Lão-tăng đâu có cả gan dám thế. Việc lớn bốn phạm của Lão-tăng là làm can thành chông giữ một tòa nước Phật, há dám chẳng hay bảo trọng, mình tự khen mình, chẳng sợ người ngoài chỉ trích hay sao. Mừng thầy Quân-Hầu hay dung người ăn nhân, chẳng hề động lòng, nên mới dám mạo muội khích nhau như thế. Xưa Hàn-Tín gặp thẳng nhỏ đất Hoài-Âm, lòn tròn chịu nhục. Tứ-Phòng

gặp ông già ở cầu Dý-Hạ, cũng chịu nhục lượm giày. Cái nhục tuy người hèn, con gái cũng không nhịn được, thế mà họ Trương, họ Hàn chịu nhịn. Sau nấy thỏa chí phong vân, phụ thành vương-nghiệp, mới thầy rõ chí-khí trượng-phu. Do đó mà xem, đủ biết đời chẳng phải không kẻ anh-hùng, thiếu bậc vương-sur, chỉ tiếc chẳng gặp Tiêu-Hà, Hoàng-Thạch, (7) khiến người lỗ mãng làm càn, tiêu diệt anh-hùng mà chẳng thầy vậy.

Ngọc báu Kinh-son, Biện-Hòa mới biết. Cung cấm lưu-thủy, Từ-Kỳ mới hay. Đời vẫn thường xó tòi gieo châu, sông sâu chìm kiếm, luồng than biết nhau chẳng dễ, mà người ngoài cõi biết nhau lại khó biết chừng nào !

Phương-chi, xưa nay cách tiếp người của tông phái ta, chỉ đồng nói tây chẳng bao giờ nói rõ vỡ lẽ, muốn cho người nghe tự mình phát minh lấy ; phát minh được cái bản-minh của mình, thì mọi lẽ đều sáng tỏ, chẳng bị một lời lẽ nào che mờ mắt mình; bởi thế có lời rằng: « Ta không có một phép nào cho người, ta chỉ vì người chỉ đường mà thôi vậy ».

Quân-Hầu lưu tâm nghiên cứu đã lâu, học có căn-bản, thâm hiểu Thi Thư Lục Nghệ, đọc hết Nội-diễn Tam-Tạng, há chẳng biết đích xác Chơn-Như mà lại nói như thế. Than ôi có lẽ Quân-Hầu nghĩ Lão-Tăng không thể đồng bậc với cổ-nhơn, nên cố ý tự mình làm cổ-nhơn, xem Lão-tăng giả lời cách nào, để vỗ tay cười chơi cho vui vậy. Nhưng từ xưa đến nay, hễ bàn về thiên-đạo, ai cũng tùy cơ lập luận, tuy lời nói có tinh thô khéo vụng, hoặc dẫn một đôi câu thành-ngữ để lý giải, nhưng chưa ai đem câu văn trong Kinh-diễn, lập danh từ ép, dùng làm khí-cụ để lừa dối người thiên hạ bao giờ. Chẳng những trong phép phật đạo thiên mà thôi, cho đến làm thơ, làm văn, viết chữ, vẽ đồ, đều chẳng khá lay ý kiến riêng của mình mà lập lời ngụy biện. Điều quý nhất là sáng-tác chẳng chút miễn cưỡng, lòng hiểu tay làm, tự nhiên nhập diệu. Dấu xuất thế, dấu ở thế-gian, xưa nay không có hai đạo-lý bao giờ. Nay thử đem việc thơ văn tự họa cùng việc thuyết thiên của các nhà tu hành, hợp lại để so sánh. Từ đời Tấn, Hán trở về trước chẳng bàn làm gì, chỉ nói sơ lược các danh-gia từ Đường Tống trở về sau. Như bọn Lâm-tê, Hưng-hóa, Triệu-châu, Phò-Hóa thuyết thiên, cùng với thơ Đào-Tĩnh-Tiết, văn Liễu-tử-Hậu, chữ Trương-Điền, họa Mễ-Nam-Cung, thầy đều chơn thực chất phác, nhàn

7) Tiêu-Hà tiền Hàn-Tín, Hoàng-Thạch-công dạy Trương-Lương.

nhã khoáng đạt, sinh thú lưu động, ý và hứng thẳng mà đều độc-đáo, ấy là khí thể đồng nhau vậy. Bọn Động-son, Tuyết-phong, Đức-son, Vân-môn thuyết thiên, cùng với thơ của Lý-Thanh-liên, văn Tô-My-Son, chữ Nhan-Lỗ-Công, họa Cừu-Thập-Châu, thấy đều thanh cao đường hoàng, tinh và lý thẳng mà đều độc-đáo, làm thần-phẩm đồng nhau vậy. Đền như bọn Đại-tuệ, Viên-ngộ, Cao-phong thuyết thiên, pháp-thức rõ ràng, mực thước đầy đủ, thì cùng với thơ Đỗ-Thiều-Lãng, văn Hàn-Xương-Lê, chữ Vương-Hữu-Quân, họa Vương-Ma-Cật, thấy đều tinh-vi uyên-bác, ý hứng tinh lý đều đến tột bậc, ấy là thể dụng điều độ đồng như nhau vậy. Khi cao vòi vọi, như ngọn sóng tung trời, lúc chạy âm âm, như gió mây cuốn đất, thanh u như hang lan suối trúc, phức phức hương thơm ; kinh khủng như trời lở đất long, biển nghiêng núi đổ, sấm vang chớp nhoáng đùng đùng ; ấy đều là tác-phẩm tự nhiên của cô-nhơn, chẳng chút mây may ép uổng. Người nay dầu mô phỏng phượng phật, nhất định không có đủ tinh-thần khí-lực toàn-bộ, thôi chi bằng tự ta làm cô-nhơn còn hay hơn. Gần đây, những người học nho học phật, đều từ bên ngoài đánh vào, biết đâu cô-nhơn đều từ mặt trong đánh ra, cho nên kiên-thức học văn, mỗi việc phân minh, đều có thể tiên được. Nói đến đây, ta biết đã làm chán tai Quân-Hầu lắm rồi. Tôn có tôn-chỉ, giáo có giáo-nguyên. Nếu nói chia làm hai, thì lại lộn xộn lẫn giáo nói thiên, chỉ Ma-Ha làm Chơn-Như-Thê, rồi xáo trộn vào một câu « trời chẳng che, đất chẳng chở », muốn đời trông con mắt người ta, nói điều người ta chẳng nói, làm việc người ta chẳng làm vậy. Chẳng chịu từ mặt trong đánh ra, chỉ chuyên từ bên ngoài đánh vào, riêng thành một lối lập luận, Lão-Tăng cũng ví như Tử-Du, Tử-Hạ đọc sách Xuân-thu, chẳng dám để một lời phê-bình vậy. Xưa Vương-Kinh-Công hỏi Trương-văn-Định-Công rằng : « Cách Không-tử một trăm năm có thấy Mạnh-Tử ra đời, sau thấy Mạnh-tử tuyệt nhiên không có một người nào , sao vậy » ? Văn-Định-Công trả lời : « Vì nhà nho đạm bạc, chẳng thu lượm được ». Nhưng xem kỹ lại nhà nho có đạm bạc đâu. Tiếc Định-Công chẳng gặp bọn người như Quân-Hầu, nếu gặp, đã chẳng trả lời Kinh-Công bằng câu nói ấy. Bởi vì Quân-Hầu, thật chẳng đầy mâm, áo chẳng phết đất, ôm mình để béo nước, chuyên tác thành nhơn tài, hay khiến già yên trẻ mèn, đức rộng ơn dày, làm được những việc tuy cô-nhơn cũng chẳng khá làm, ai bảo Quân-Hầu chẳng đủ sức để kể thầy Mạnh-tử. Quân-Hầu danh vang trong ngoài, đức khắp Đại-Việt, thanh giá cao biết chừng nào. Khổ nỗi Lão-

Tăng tuy mình chẳng có gì tài giỏi, then liệt vào pháp-môn ba bốn mươi năm nay, lại chẳng chịu uốn mình khúm núm, chìm nổi theo thời, thực là một quái-vật ly kỳ trong vũ-trụ vậy. Quân-Hầu chẳng khứng dạy bảo thì thôi, lại còn khen tặng rằng : « Phụng-hoàng cửa Phật, kỳ-lân trên đời », chẳng khiến Lão-tăng then chết, hay người ngoài cười chết hay sao ! Trọng-Ni là bậc thánh-nhơn, Lão-tử còn bảo rằng : « Hãy bỏ thói quen khoe khoang trừ chí dâm dật ». Nào phải Trọng-Ni có thói khoe khoang, chí dâm dật, sao Lão-tử lại nói như thế ? Ý Lão-tử muốn mượn điều không có của Trọng Ni, làm thạng thuốc « chẳng uống », để trị bệnh thiên-hạ đời sau, những người thực hẳn khoe khoang, thực hẳn dâm dật, khiến sửa chữa để gắng theo cho đúng vậy. Trọng-Ni vui chịu lời, mới biết thánh-hiền phật-tổ, đều nhờ thấy bạn khích lệ lẫn nhau, mới thành gương-mẫu nghìn xưa làm thấy đời vậy. Nay ta cũng lấy ý ấy làm nhảm tai Quân-Hầu, cúi xin rộng lòng dạy bảo. Biển trời mưa gió, Quân-Hầu vì nước vì dân, hãy giữ mình trân trọng ».

Cách Vương-Cung chừng một dặm, tức là phủ Quốc-mẫu. Lâu đài đối diện, chỉ cách một con sông. Cửa lâu cao lớn rộng rãi, suối nước bao quanh, lùm cây dâm mát; thông ngang cầu ván, rào kín đậu tre. Trong vườn mít sây trái chín, dứa kết chùm xanh, đậu thuốc thấp cao, giàn hoa rực rỡ. Không-tước lượn bay phía dưới, hươu nai ăn ngũ bện trong. Chính giữa là phật-điện, sạch sẽ thanh u, siêu trần thoát tục, có ý vị một cõi Đào-nguyên. Tuy đương mùa hạ nắng oi, ở đây vẫn chiều giương mát lạnh. Quốc-mẫu có tính nhơn từ, ưa làm phước, thường vì người cứu nạn giải nguy; sẵn lòng hiền sinh, chim chóc làm tổ đầy vườn, thấy người chẳng sợ. Từ ngày ta đến đây, đã bốn lần đãi tiệc chay, bữa nào cũng rất đổi tinh khiết. Những khí-cụ dầu quý báu đèn đầu, ta vừa để mắt nhìn đến, tức thì đem cúng. Nghe ta sắp sửa về Tàu, chẳng được chiêm ngưỡng lâu đài, hằng nói với Quốc-sư, tỏ dáng buồn bã. Bữa nay lại dọn cỗ chay thịnh soạn thỉnh ta và hai thầy tùy trượng tăng chúng, lạ mà nói rằng : « Đệ tử sinh trưởng phương xa. Lão-Hòa-thượng Trung-hoa Phật-tổ, cùng nhau cách trở biển khơi, bỗng một mai thầy bóng Từ-quang, được thân làm đệ-tử dưới Bửu-tọa, thực là phước tu nhiều kiếp, may mắn biết chừng nào. Chẳng ngờ Trú-tích chữa bao lâu, thoát đã giày mây trở gót, khiến trong nước không được thường mong pháp-hóa, đệ-tử chúng tôi hầu biết nương cậy vào đâu » ? Nói xong trả lễ, ai nghe cũng mũi lòng thương cảm.

Ta an ủi rằng : « Ta, lão hủ không tài năng gì, mong được nhà vua cùng các đệ-tử quy y cung kính như thế, há nỡ vội nói việc về ; nay muốn từ biệt, chẳng những vì đệ-tử bên kia mong đợi, mà cũng vì mình còn bận nhiều nỗi, thế chẳng khá dừng vậy. Nhưng nhơn-sinh tan họp chẳng ở chỗ hình hài. Quốc mã-cứ thường làm việc thiện, như tâm niệm phật, chẳng chút gián đoạn, tức là thân gắn nhau mãi mãi vậy. Nhược bằng lúc niệm lúc không, dần mình theo tục lụy, thì dầu ở Lão-tăng ở đây, hằng ngày đối diện cũng như xa cách muôn trùng, nào có ích chi ». Nghe nói, hoan hỷ vái thưa rằng : « Nghe Lão-Hòa-Thượng đàm luận bữa nay, khiến người như vén mây mù thấy rõ trời xanh. Xin viết lời dạy bảo lên giấy để lại cho đệ-tử, khiến trong chôn thảo-đường, thường lưu Pháp-chỉ, đệ-tử sẽ luôn luôn vâng theo ».

Cơm chay xong, ta từ-giã lui về, và viết « Tự-tính Di-đà-thuyết » :

« Quốc-mẫu, vì Lão-Tăng già từ lui về chùa cũ, xin một lời lưu lại, để suốt đời gìn giữ, muốn đời đời kiếp kiếp, thường được thân gần vậy.

Nhơn bảo rằng : « Đường tu-hành giản tiện, không chi bằng niệm Phật. Quý hổ, ngăn dứt mọi trần-duyên, tâm niệm sáu chữ ; (8) tâm chẳng tán loạn, niệm át tinh thành, sáng niệm chiếu niệm, sao cho chẳng niệm mà niệm, niệm đến chỗ không niệm, niệm niệm chẳng ngừng, niệm thành một phiến. Tự nhiên đạo hợp thể đồng, cùng trời đồng cao, cùng đất đồng dày, cùng mặt trời mặt trăng các ngôi sao đồng sáng. Non sông cây cỏ nhơn vật quý thần đồng tiêu tức, đồng họa phước, đồng quý tiện, đồng nam nữ, đồng xa, đồng gần, đồng đi, đồng lại, đồng đối ăn một ngủ, đồng mừng giận thương vui ; đã cùng muôn vật đồng một thể, thì Di-đà vốn chẳng phải có một thể riêng biệt. Di-đà chỉ ở trong tâm lòng chẳng loạn hiện ra. Ai bảo Di-đà ở Tây-phương, Lão-tăng ở Quảng-đông, Quốc-mẫu ở Đại-Việt ? Một niệm chẳng sinh, toàn thể tự hiện vậy. Nếu hơi tán loạn một tý, Di-đà sẽ xa lia mười vạn tám nghìn dặm, Lão-tăng cách trở bốn mươi lăm ngày đường, Quốc-mẫu ở bên kia Đại-hải, bên bờ Khước-nguyệt, lục căn lay động (9) bị mây che vậy. Bỏ lẽ ấy mà bàn tan họp, thầy nghe đều giả mà thôi. Ví như tre xanh hoa vàng ở trong vườn trước mắt đây, chẳng tự bảo ta là tre xanh,

8) Tức 6 chữ : Nam-vô A-Di-Đà-Phật.

9) Sáu căn : Tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu căn sinh sáu thức.

là hoa vàng, lầy mắt hợp sắc, sắc-thức của ta thấy vậy ; như gió lay nước chảy trong ao sen kia, chẳng tự bảo ta là gió lay, là nước chảy, lầy tai hợp thanh (tiếng), thanh-thức của ta nghe vậy ; cho đèn mũi, lưỡi, thân, ý, hương-vị, tiếp-xúc, suy-niệm, cũng đều một lẽ nhường ấy (10). Ất phải, thấy sắc chẳng nhiễm, nghe tiếng chẳng chú ý, động tĩnh hai tướng, tuyệt-nhiên chẳng sinh, giữ lòng hư không, tinh-đỗ đều là pháp-giới.

Tự-tính Di-đà, Di-Đà đã tự tính, thì Lão-tăng có bao giờ xa lia đâu ; bởi thế có lời bảo rằng : « Một niệm xem khắp vô lượng kiếp, không đi không lại cũng không ở » ; chỉ cốt niệm lên cái tên của ta, mười phương hư không, tự nhiên đáp ứng. Đèn bậc ấy rồi, hà tất đợi Lão-tăng nhiều lời, thế giới bằng hạt bụi nầy, tự nó chẳng chia cách mây may vậy. Chỉ e chẳng có đức tin, nếu đã tin vào đó, Kinh Hoa-Nghiêm bảo rằng : « Tin là nguồn đạo, mẹ công đức, nuôi thành tất cả các phép lành », bởi thế ta tặng Quốc-mẫu pháp danh làm Hưng-Tín. Ta viết một bài kệ để làm chứng-tín khê-khoán rằng :

BÀI KỆ:

*Mây bay trên trời, cát dưới đất,
 Trong nước Đại-Việt Nguyễn-Quốc-Mẫu.
 Một tiếng gọi lên một tiếng ứng,
 Tây-thiên Đông-thổ biệt không Tô.
 Chẳng thấy, Tấn-quốc-phu-nhơn Bàn-Đạo-Bà.
 Vỡ tay nào từng dùng tay múa.
 Chẳng thấy, trên lầu Hoàng-Hạc tện nghìn Phật
 Thôi-Hạo để thơ, Trương-Chuyết bỏ.
 Chẳng thề, Tam muội (11) của người ta biệt đầu,
 Hai chữ trình từ dễ ví nào.
 Di-Đà, Lão-hủ chẳng đồng thời.
 Đồng thời ngồi nằm há lia nhau.
 Nếu bảo lia nhau đều thất lạc,
 Cây cung vua Sở ai tìm được ? (12)*

10) Đoạn nầy nói lục căn sinh lục thức, tức nhận-căn đối với sắc mà sinh ra nhận-thức v.v...

11) Tiếng nhà Phật : tam muội có nghĩa là chánh định, cũng có nghĩa là giải-thoát.

12) Sở-Cung-Vương đi chơi, mất cây cung ô-hiệu, tôi tớ muốn đi tìm lại, Vua bảo rằng : « Thôi, vua nước Sở mất cung sẽ có người nước Sở được, chẳng tìm làm gì ».

*Hỏi là trả lời,
 Trả lời là hỏi.
 Tâm thân có một, tâm chủ chia hai,
 Đi nam về bắc, đều hiện tại đây.
 Phải biết ngày nay là ngày nào,
 Mới hay năm sau như năm trước.*

Âm-dương là lẽ chánh trời đất, vợ chồng là bước đầu non-luân. Kinh Dịch dạy phò dương át âm, Kinh Lễ định phu phụ hôn nhân, cho nam đứng trước nữ; nam lo việc ngoài, nữ lo việc trong; chồng làm giếng mỗi cho vợ, vợ phải kính thuận đôi với chồng. Ấy chẳng những chia ra âm dương tôn ty có định-vị, cốt-yêu muốn nghiêm phòng quẻ-khôn, khiến chẳng đến đổi phá lẽ vượt lỗi, sinh ra tệ trên bực trong dẫu. Phong tục nước Đại-Việt lại trái hẳn, phụ nữ muốn đi đâu tùy ý, tự-do qua lại mua bán, cha mẹ chồng con chẳng lấy thể làm xấu hổ hiểm nghi. Bởi thế tặng lý gieo đào, chỗ nào cũng có; phong tục quá đổi đổi tệ. Tiếc chẳng có thánh-nhơn ra đời, để dạy dân biến đổi tệ phong.

Xảy có người khách thuật chuyện Chiêm-thành Trương-tiết-phụ như sau : Trương phụ tồ-tịch người Chiết-giang, khách ngụ xứ nầy đã mấy đời vậy. Từ bé tính tình nhân nhã, lớn lên gả làm vợ chàng họ Từ, thờ mẹ chồng chí hiếu. Chồng ra đi lính, nàng thường lấy trung nghĩa khuyên chồng. Sinh được một trai vừa giáp năm, thì bỗng có chiến-tranh giữa Chiêm-thành và Đại-Việt. Đánh thua trận, người chồng bị chết giữa biển. Được tin, nàng chạy tìm thầy để chôn cất. Tìm mãi chẳng thấy, kêu khóc thảm thiết đêm ngày. Bỗng sóng bỏ xoai vào bãi cát, cát lở, lộ ra một thân áo, nhìn kỹ chính là áo của chồng tự tay nàng khâu; đào cát lên xem, rõ ràng là thân chồng, bèn tần liệm, đem về chôn cất. Trương-phụ thường muốn tự tận, nhưng nghĩ « Mẹ già dẫu bạc ai nuôi, con thơ mắng sửa ấy ai ẵm bồng »; thôi thì, « lần hỏi theo việc nữ-công, nuôi con thờ mẹ thay chồng đảm đương ». Trương-phụ thể thủ tiết trọn đời, bao nhiêu đũa cường bạo không thể ép được.

Than ôi ! nếu chẳng phải chánh-khí trời đất un đúc, làm sao ở nơi non biển xa xuôi, phong tục dâm đảng, lại có người tiết-nghĩa độc-lập như thế ? Tiếc không ai chép truyền việc ấy. Ta nghe chuyện, liền vội vàng nêu lên, hầu trong xứ mán, mừng, biết thế nào là cương thường đạo chánh ; và

những kẻ dâm đảng, hoặc giả nghe chuyện tự biết xấu hổ chẳng. Nhon làm một bài khái, và một bài thơ tứ-ngôn cổ-phong, hầu mong cứu vãn tệ tục.

BÀI KHẢI

Thiết nghĩ :

Chánh khí trời đất, sao đã sinh Trung-hoa, lại còn sinh ngoại-quốc,
đã phú cho nam-tử, còn chung đúc ở phụ-nhơn.

Gánh nặng cương thường, sao chẳng ở đại-gia, lại ở nơi tiểu-hộ, bại
hoại ở người đầu bạc, lại cảm vững bởi tuổi thanh xuân.

Tuy rằng phú tính tùy người,

Thực bởi dày công tích đức,

Gìn giữ đá vàng lòng chẳng đổi,

Dãi dầu sương gió tiết thêm bền.

Tiết chẳng lung lay, một mình cả làm thầy, làm bò.

Việc nên toàn vẹn, nghìn thu khen trọn tiết, trọn trinh.

Đáy nước vàng chìm, hài cốt ấy ai thấu lượm.

Phòng thu roi lụy, khói hương lo việc phụng thờ.

Cân quốc đường kia, từ xưa hiếm có.

Tu-mi thử hỏi, nay được mấy người ?

Tổ tiên gốc ở Chiết-giang.

Sinh-trưởng ở nơi Chiêm-quốc.

Bà Trương tiết phụ.

Vợ gả Từ-Lang.

Con nhà bình dân.

Kết duyên tráng-sĩ.

Biển trời lộng-lộng, một mảnh gương thềm.

Bển nước mười hai, linh đình thuyền bá.

Mười bảy tuổi tơ hồng buộc gót, ân cần lo thờ mẹ trọn niềm.

Nghìn muôn trùng sóng bạc chôn xương, khẳng khái quyết tim chống
mai táng.

Gái Hạ-Lệnh (13) đành cam thủ tiết, âu cũng nhường nấy.

13) Điền này không biết xuất xứ.

Vợ Kỳ-Lương (14) vội vã bồn tang, chẳng qua thế ấy.

Bờn Man tặc ải ngoài gây họa.

Nên Lang quân bệ thăm quyền sinh.

Vương-tôn công-tử thương ời, gặp lúc nhà tan nước vỡ.

Áo vải dãi gai chút phận, há đành tiết lỗi mình dơ.

Chín từng mây toan chấp cánh loan hoàng, chẳng được vuông tròn ước cũ.

Nơi tuyến-hạ dấm trái lòng phu tề, phải lo gánh vác việc sau.

Kẻ chẳng biết ta, luống những mĩa mai gái góa.

Ta nào đòi dạ, chỉ lo nuôi nấng con thơ.

Dưới tổ hư gìn giữ trứng non.

Đêm nguyệt lạnh gối ôm đàn gảy.

Cửa nhà chềch mác, chỉ e Bá-thị (15) không con.

Dòng dõi lưu truyền, may có trưởng nam kẻ tự.

Cho người chín suối, nay cũng hả lòng.

Mong kẻ bên trời, bao giờ thấy bóng.

Việc ấy ai biên vào quốc-sử ?

Tiếng thơm nên để lại nghìn đời.

Lão-Tăng,

Hồ hải ruỗi giông.

Khuê phòng than thở.

Thư-hiên vắng vẻ, ngao du còn khuất nẻo Trường-an.

Khách-xá thân-thơ, ngậm vịnh muốn mời người thượng-quốc.

Ai là kẻ cự-khanh danh-sĩ,

Chớ tiếc lời nhả ngọc phun châu.

Hoặc đoán cú, hoặc trường-thiên.

Tụng lòng trình, ca tiết sáng.

Chong đèn giờ sách, vờn từng tuyết xuống bờn bờn.

14) Xuân-thu, Kỳ-Lương theo Tề-Trang-Công đánh nước Cử, bị tử trận. Vợ Kỳ-Lương gôi thầy chổng khóc 10 ngày rất thảm thiết, người qua đường đều sa nước mắt ; sau khi đã chôn cất, bà nhảy xuống sông Ty-thủy tự tử.

15) Đặng-Du người đời nhà Tần, tên chữ là Bá-đạo, lúc chạy giặc ngặt quá, phải bỏ con mình mà dắt con của người em. Sau làm quan đến Thượng-thư, không có con nối dòng. Người đương thời làm câu ca rằng : • Thiên đạo vô tri, Đặng-Bá-Đạo vô nhi •.

Giải giấy viết văn, án ngọc hương thơm phức phức.
 Phò vào đàn sáo, mai-hoa minh-nguyệt gieo văn.
 Diễn thành thơ ca, vi-quyết tây-sơn (16) sinh sắc.
 Thử gieo gạch vờ.
 Mong dẫn ngọc lành (17).
 Nêu tiếng tốt một bà.
 Thỏa lòng ai chín suối.
 Nêu Thái-sử Quốc-phong lượm lật, phải lấy danh tiết làm đầu.
 Hoặc hậu-hiền cổ-sự cảm hoài, nên gắng tâm thân trau luyện.
 Vài lời thô thiển.
 Rao truyền gần xa.

Bài thơ

Tứ-Ngôn cổ-phong
 Trời cao lồng lộng,
 Bao phủ muôn hình.
 Chín châu mộng mênh,
 Nhỏ bằng hạt thóc.
 Loài người khó nhọc,
 Đào sông đắp đàng.
 Dựng nên cương thường,
 Quý hơn loài vật.
 Lễ nghĩa nghiêm mật,
 Thánh hiền dạy đời.
 Văn chất bờ bờ,
 Rực rỡ sáng chói.
 Há chia bờ cõi,
 Hạng biệt Hoa Di,
 Nước Chiêm-thành kia,
 Cũng trong bờ cõi.
 Hùm voi len lỏi,
 Làm bụi làm nhà.

16) Tây-sơn tức Thú-dương-sơn. Bá-Di hái rau vi ở Tây-sơn cho trọn tiết làm tôi.

17) Phao chuyên dẫn ngọc (gieo gạch dẫn ngọc), lời nói khiêm của kẻ làm văn, mỗi lúc đưa thơ văn mời người khác đáp họa.

Nhà có chó gà,
 Rừng đầy tre nứa.
 Khôn-nghi ai sửa,
 Nữ-tắc ai truyền.
 Sao chồn hoang yên,
 Sinh người trinh thực.
 Chiết-giang vồn gốc,
 Sinh trường bên nẩy.
 Tuốt xuống ngọn cây,
 Đi vào hang tối (18).
 Mùi mù đường lồi,
 Đuộc tắt đêm trường.
 Chỉ có một nàng,
 Sáng lờ rực rỡ.
 Đoan trang từ thuở,
 Hiền kính làm dâu.
 Trung nghĩa khuyên nhau,
 Chàng ra đi lính.
 Chày sương vừa nện,
 Gà gáy bên tường.
 Chắp cánh oan-ương,
 Chưa vui sum hiệp.
 Vũ-thư bỗng tiếp,
 Lừa dậy biên-cương.
 Chàng ruổi lên đường,
 Việc vua dám trể.
 Phần đầu vì nghĩa,
 Há tham phong hầu.
 Biển cả đánh nhau,
 Mũi thuyền xung đột.
 Sa-cơ một chút,
 Bụng cá chôn thây.

18) Ý nói bỏ chồn văn minh vào ở nơi man rợ, cũng như tuốt xuống cây cao, vào nơi hang tối (hạ kiểu mọc nhập vu u-cốc).

Toàn quân toi bời,
 Từ sĩ ai vớt.
 Kỹ-lương đã mất,
 Hoa-châu khóc rờng.
 Nước biển mênh mông,
 Biền đâu mò kiếm.
 Trời cao thăm thẳm,
 Xót ả Tào-nga (19).
 Ngày tháng trôi qua,
 Xương vùi cát trắng,
 Bổng may tìm đặng,
 Tẫn-liệm đem về,
 Tổ mộ chôn kẻ,
 Trăm năm vĩnh quyết.
 Lờn thể đồng huyết,
 Thân thiếp quản chi.
 Còn chút cô-nhi,
 Phải lo dòng dõi.
 Đầu bù tóc rôi,
 Cơm cháo lẫn hời,
 Gió dập mưa vùi,
 Chim non tổ vỡ.
 Tháng ngày xây trở,
 Thác chẳng sờn lòng.
 Trách kẻ cường hùng,
 Dâm tà quen thói.
 Tiết trinh chói rọi,
 Chẳng chút đơn sai,
 Nhật-Nam cõi ngoài.
 Vượng-tinh sáng rực,
 Ở bên Trung-quốc.

19) Hiền-nữ thời Đông-Hán, cha chết đuối, nàng mới 14 tuổi, đêm ngày đi quanh bờ sông than khóc, sau cũng nhảy xuống sông tự tử, ôm thầy cha nổi lên, người đời sau lập bia bên sông để kỷ-niệm.

Hiền-đức thiếu gì.
 Khen chôn man-di,
 Cương-thường vẹn vẽ.
 Triều-đình những kẻ,
 Triều Sở mộ Tần.
 Luồn cái tâm thân,
 Mà y râu luống hổ.
 Bắc Nam kim cổ,
 Chung mỗi cương thường.
 Nều chẳng biểu dương,
 Châu chìm ngọc nát.
 Làm một bài hát,
 Rạng tiết nghìn thu.

Khách-xá trong những ngày mưa gió, cùng các đồ đệ nhắc chuyện chùa cũ, hiện nay đại-chúng trông chờ. Bỗng nghe tin Lão-Tăng sắp sửa hoàn sơn, thết chay biểu quà, thập phương đua nhau cúng dường, thực khá gọi đệ nhứt pháp-hỷ công-đức vậy. Bào kẻ hầu ra đón tiếp nhân khuyên mộ các thí-chủ, tùy hỷ lạc cúng lương tiền. Ta bèn làm một lá sớ rằng :

Quảng-đông là nơi tụ-hợp của khách vân-thủy năm hồ bốn biển,
 Trường-thọ là nơi dừng chân của các Sa-môn tam đảo thập châu.
 Ấy Di-lặc, ấy Thích-ca, ai chẳng đình cơ trong ấy.
 Kia tăng-thiền, Kia tiên-khách, thầy đều đạo gót nơi kia.
 Quấy dấy vân-du, thánh tham bái phạm cũng tham bái.
 Mở bình phở khuyến, mai lo ăn chiều lại lo ăn.
 Lòng từ-thiện hãy bỏ thí một phen.
 Truyện bong-long nào có đỡ được đói.
 Kẻ tu hành tuy pháp hỷ cũng no.
 Người giàu có nhờ lòng tin sẵn có.
 Múc nước sông làm rượu ngọt, luông có tiếng đồn.
 Biên đất sỏi thành vàng thoi, chỉ nghe truyện cũ.
 Đạo Tào-Khê, dòng Lâm-tê, đói bụng làm sao mở mang.
 Cơm Ma-Cật, trà Triệu-châu, có thực mới vực được đạo.
 Cháo cơm chay lột, cả trăm nghìn thấy.

Đường sá xa xuôi, chừng hai vạn dặm.

Tơ Ngô lúa Việt, ở Trung-hoa có thí-chủ Trung-hoa.

Áo pháp mao ni, hóa ngoại-quốc nhờ kẻ hiền ngoại-quốc,

Tam không là thể.

Lưỡng túc trọn lành. (20)

Lợi kỹ trước nên lợi tha.

Tu tâm cần phải tu phước.

Túng sử tiền rừng bạc bể, chẳng qua một thân an dưỡng, nào có ích chi.

Nếu muốn lập biển đời non, cần có đồng người ra tay, mới làm nên việc.

Chỗ xa kêu thì chỗ gần ứng.

Một tiếng xướng có muôn tiếng họa.

Bắt câu lúa Trịnh-châu, gạo Lư-lãng.

Bắt phân rau Hương-tích, vàng Cam-chí.

Gạch xanh ngói đỏ, mọi vật đều chuyển vào kho.

Ngựa kéo trâu xe, các thứ đều đem thuyền chở.

Sao cho đầy căng bọc-chứa.

Tha hồ tiêu dùng hàng ngày.

Trong trời đất phương nào lại chẳng có hiền tài, như sinh trưởng Trung-hoa, nơi thánh-hiền phật-tổ khai thác đã lâu, lại ở chôn đò hội thành thị, có hiền-sĩ đại phu làm khuôn mẫu, có cao-nhơn thạch-sĩ nung đúc lẫn nhau ; nghe rộng thấy xa, hằng ngày lấy thi thư lễ nhạc đào luyện ; đã có nho-giáo để duy trì thể đạo, lại có phật-giáo để khai hóa nhân tâm, như vậy con người dễ tiến tới bậc đức hạnh chính đại. Nhược bằng sinh ở nơi eo núi góc biển, từ xưa nho thích thánh-hiền chưa từng khai hóa đến, ít có lời hay nét tốt để làm khuôn mẫu ; tai mắt tập quán, thấy đều việc xấu nét hư ; thỉnh thoảng có một hai người muốn giữ chánh đạo, thì bao nhiêu người khác ganh ghét, theo sau mà chiết tỏa chê bai ; nếu chẳng phải kẻ có khí chất khác thường, khó nổi tự đứng vững được vậy.

Ta từ ngày đến nước nầy, thường lưu tâm dò xét trong đám sĩ-phu văn-võ, như bọn Chương-Thanh, Đông-Triều, Hào-Đức, Lê-Tuyển, Cai-Bá, đều những tay cừ khôi trác lạc ; nhưng mấy ông ấy đều gặp thuận cảnh, chỉ có Thiệu-Dương-Hầu, anh thứ ba của vua, ở trong hoàn-cảnh rất khó

20) Lưỡng túc là chữ trong Kinh, đủ ba điều sáng và đủ muôn nét.

khăn ; tính nết cao kỳ, chẳng chịu uốn mình theo lưu-tục ; thường bị phong ba chiết tỏa, may nhờ Quốc-vương rộng lượng sáng soi, mới được khỏi tội, nhưng ông vẫn chẳng vì thế mà đổi tiết. Ở tựa mé sông, tiêu điều mấy gian nhà cỏ ; trồng cây chơi cảnh, ngồi đất uống trà, tuyệt nhiên không có vẽ vương hầu quý phái ; chơi với bạn, giao tình thành khẩn khiêm hòa, nhưng trong bụng chẳng lằm trong đục ; đối với mấy người tùy-trượng của ta đều coi như bạn tri kỷ. Nhà rất nghèo, nhưng kiếm được đồng nào, tức thì tiêu vung hết, vui vẻ như không. Từ ngày ta đến, vắng lai thân mật tặc lòng quyền uyển chẳng phai ; mỗi lúc phụng mạng đi đâu, liền sai người thông báo ; đi về, có món gì thô-sản, dầu sơ sài cũng đem đến cho. Có lần vay Quốc-vương được 200 quan tiền, tức thì làm một tiệc chay, bày biện rất sang trọng, nửa tháng tiêu hết số tiền. Biết ta không thể lưu lại, thường thường đến chùa bạch rằng : « Đệ-tử xưa nay cô lập, có ý muốn cắt tóc xuất gia đã lâu rồi ; may gặp Lão-Hòa-thượng qua đây, được có nơi nương tựa ; nay lại bỏ ta lui gót, thôi ta chẳng còn có ý gì ở thế-gian nầy. Tuy ta có lòng mộ đạo xuất thế, nhưng phú tính ngu tối, chẳng biết lý thú trong ấy như thế nào, hằng ngày nên công phu làm sao cho có định hướng ? Cúi xin dũ lòng từ-bi, vì đệ-tử một phen chỉ giáo ; sau nầy may được chút ít hiểu biết, chẳng phụ lòng quy y ». Như thế, Thiệu-Dương-Hầu khá gọi đặc-sắc trong hàng quý phái, chẳng kém phường tân-thân đạt-sĩ ở Trung-hoa. Sau vài ngày, lại viết thư đến, cầu xin dạy bảo. Đã yêu người lại thắm khen bền chí ta nên viết thư giả lời, khuyên gắng sức tu tiên, và tặng cho một bài kệ như sau :

BÀI THU

Vừa tiếp lai-thư, khẩn cầu Lão-Tăng một vài lời nói để theo đó làm công-phu tu hành. Nếu chẳng phải Đại-Tướng-quân oai phong lẫm lẫm, sao hay mình ở thế-gian, lòng ngoài trần tục, suy nghĩ đến chỗ ấy. Đáng kính đáng phục.

Lão-tăng chẳng tìm được một lời nào thù đáp. Sức nhớ câu chuyện Hàn-Tín đánh nước Triệu, xây lưng ra bờ sông mà dàn trận. Xây lưng ra sông, khiến ba quân tiền được thoái chẳng được, nghĩa là hãm vào chỗ chết, sau mới có thể sống vậy. Nhược bằng trước khi giao phong với địch, trong bụng mọi người đều có một con đường sống, tiền được thời được,

thì đến lúc tên đạn tới tập, người nào cũng lo tìm đường sống để thoát thân, chẳng ai chịu liều mình đê-tiền. Binh Pháp như thế, người học đạo dùng công-phu cũng như thế. Trước hết cần xa lánh con đường quen thuộc chẳng sợ đường lạ nẻo xa; bắt chước việc Hàn-Tin đánh Triệu, giữ gìn từng giờ từng khắc, chớ chạy lăm đường. Nếu tìm đường sống để thoát thân, thì chẳng hay xây lưng ra sông để dàn trận vậy. Nay Lão-Tăng dựng cây cờ đỏ của nhà Hán, xin Quý-công cứ gắng sức tiến lên.

BÀI KỆ

Tháng năm Nhật-Nam chơn-hỏa vương,

Đầy ao Chu-minh nãy sen xanh.

Cây vàng lá ngọc dòng quý phái.

Lòng hướng mây rừng dóc tu hành.

Tám mặt oai phong ý danh-tướng.

Một khe nước biếc tình đạo-nhân.

Làm ngọc chẳng hát khúc thương-lãng,

Trân trọng yên ba biệt diệu thanh.

Khách có người bảo, mùa gió xuôi trở về Quảng-đông chừng vào độ nửa tháng trước sau tiết Lập-thu ; chừng ấy, gió tây-nam thổi mạnh, chạy một lèo gió xuôi chừng bốn năm ngày đêm có thể đến Hồ-môn. Nếu chờ đến sau mùa nắng, gió bắc dần dần thổi lên, nước chảy về hướng đông, sức gió nam yếu, không chống nổi dòng nước chảy mạnh về đông, lúc ấy sẽ khó giữ được ổn tiện vậy. Bởi vì có những cồn cát nằm thẳng bờ biển, chạy dài từ đông-bắc qua tây-nam ; động cao dựng đứng như vách tường, bãi thấp cũng ngang mặt nước biển ; mặt cát khô rắn như sắt, rũi thuyền chạm phải ắt tan tành ; bãi cát rộng cả trăm dặm, chiều dài thăm thẳm chẳng biết bao nhiêu mà kể, gọi là « vạn lý trường-sa », mù tít chẳng thấy cỏ cây nhà cửa ; nếu thuyền bị trái gió trái nước tạt vào, dẫu không tan nát, cũng không gạo không nước, trở thành ma đói mà thôi. Quảng-ây cách Đại-Việt bảy ngày đường, chừng bảy trăm dặm. Thời Quốc-vương trước, hằng năm sai thuyền đánh cá đi dọc theo bãi cát, lượm vàng bạc khí cụ của các thuyền hư tạt vào. Mùa thu nước dòng cạn, chảy rút về hướng đông, bị một ngọn sóng đưa đi thuyền có thể trôi xa cả trăm dặm ; sức gió chẳng mạnh, sợ có hiểm họa trường-sa.

Mùng 3 tháng 6, cáo từ Quốc-vương, định đèn ngày 15 sẽ xuống Hội-an, liệu lý đường về cho kịp gió mùa lập-thu. Vương lưu lại thết chay, mỗi lúc nói đèn từ biệt, liền buồn bã nghẹn ngào nói rằng : Từ ngày Lão-Hòa-thượng đèn đây, trong nước mang ơn được tám chữ « phong điều vũ thuận, quốc thái dân an »; vả lại, các năm trước thuyền ngoại-dương đèn buồn, một năm chừng sáu, bảy chiếc, năm nay số thuyền lên đèn mười sáu, mười bảy chiếc, trong nước nhờ đó tiêu dùng được dư dũ ; ày đều nhờ phước đức Hòa-thượng che chở vậy. Chưa biết lần này Đạo-giá hoàn-son, còn khứng một phen trở lại hay chẳng ? Nửa năm náo nhiệt, một phút lạnh lùng, khiến người khôn cảm giọt lụy. Đạo-giá đã không khứng lưu, cúi xin lựa trong hàng tùy tùng cho lưu lại hai người ; ngộ được cùng ta hôm sớm bàn hoàn, cũng như trông thầy mặt thấy vậy. Lão-Hòa-thượng mọi lần sai bảo, ta đều vâng theo ; nay ta sở-nguyện có bảy nhiều, xin Hòa-thượng hãy chiếu lòng ưng thuận. Ta bảo rằng : « Quốc-vương đương thành tâm quy y cung dưỡng, nỡ nào vội dảm trái lòng. Nhưng sự về bắc của ta, thề chẳng đùng được. Rồi đây, công việc tạm xong, sẽ xin trở lại. Đèn như trong bọn tăng-chúng tùy tùng, có người đang đau, có người vì có mẹ già, hoặc vì tuổi trẻ chưa có thể xa lìa sư-trưởng ; nhưng Vương đã có lòng thành khẩn, xin về chùa thương nghị, sẽ lựa hai người cho lưu lại hầu hạ hương đăng ».

Hẹn ngày 13 đặt tiệc tiễn hành. Ta khiến người hầu đi cáo tạ cá c vị quan-tể. Trong nửa tháng, các đệ-tử tứ chúng đàn-việt, biểu lễ tặng quà tập nập, cũng như ngày khởi hành ở Việt-đông vậy. Chỉ có nhà Quốc-cậu Tả-Thái-úy, người hầu đèn cửa ba lần, đều bị vấy lụy, ôm danh thiệp trở về ; có lẽ lỗi tự bọn lính canh cửa, nhơn đưa thư cáo cho biết.

BÀI THƯ :

Tăng (僧), nghĩa là tăng làm người (曾人), chẳng tăng làm người, làm tăng sao được. Đòi có kẻ bôn tẩu công danh, chẳng được toại nguyện, bèn tự xưng mình có chí cao ; xu phụ quyền thế, không được vừa lòng, bèn tự khoe mình biết giữ đạo ; mặt nạ ngạo đời, ngoài phải trong quây, tu hành ngoài miệng, mà mình làm những việc đời người. Những phường trọc-đầu như thế, khi đòi đòi tục, làm hại người quân-tử, làm nhục Phật-

tỏ pháp-môn, há chẳng đáng đau xót lắm thay ! Kẻ lão-hủ này, ngày đương ở chùa cũ, mỗi lần được các bậc quan quyền yêu mến đón mời, cũng phải hai ba phen rồi sau mới đến ; chẳng qua vì xây dựng thuyền-môn, tiếp đãi vân-thúy, vạ-bắt-đắc-di tùy cơ ứng thù, nên chẳng dám khinh dễ vội vàng. Từ ngày đến Quý-quốc, vô luận vương-thân quý-thích, tướng tướng công khanh, nhứt-luật chẳng đến yết kiến ai. Nếu có ngài nào hạ cô đến thăm, cũng chỉ khiến kẻ tùy-tòng thay mặt đáp lễ mà thôi, chính vì muốn tránh sự hiểm nguy vậy.

Trước đây, mong Quý-nhơn khiến người đem thư đến, hậu ban cho vàng lụa, xáy lúc ấy Lão-Tăng đang đau, đã từ chối một cách bất-kính, lòng rất lầy lăm áy náy, chưa kịp viết thư xin lỗi ; nhưng nghĩ Quý-nhơn sẽ sẵn lòng tha thứ ngoài vòng lễ phép, nên chẳng xoắn-vó quan tâm cho lắm. Hiện nay sắp trở về chùa, khiến người hầu đến thông cáo hành trình, ấy là một việc nhân-tình không thể thiếu sót vậy. Nhưng lúc đến Quý-phủ gặp người giữ cửa bảo rằng : Ngày nay Quốc-cậu đi việc quan vắng. Cũng không chịu giữ danh-thiếp lại. Thôi cũng có lẽ. Qua ngày sau lại đem thư qua, người giữ cửa lại từ chối rằng : Ngày nay Quốc-cậu đương hội với các quan, chẳng coi đến việc không quan hệ. Than ôi, chú tiểu ba lần đến cửa phủ, đều bị khoát lui, chẳng được đưa thư đến Các-hạ, thực tự thẹn lầy lăm than tiếc vô cùng ! Chẳng những tự than tự tiếc cho mình mà thôi, xưa Chu-công làm tướng, lễ hiền đài sĩ ; nhả cơm bôi tóc, cần cù trong buổi tắm bữa ăn, (21) bởi thế được khen làm bậc thánh-nhơn. Trộm nghe Quý-công đứng trong Triều-đình, hay trừ kẻ gian, hay phò người chánh, giao thiệp tất cả mọi người, chỉnh lý tất cả mọi việc ; cần thận từng lời nói, nghiêm minh mỗi lệnh truyền ; ngày kia lên chức thủ-tướng, thì cũng một Chu-công của bản-quốc vậy. Chừng ấy kẻ sĩ bốn phương, tụ tập ở cửa phủ, nhưng được tiếp hay bị đuổi, đều tự tay người lính giữ cửa cầm quyền ; khiến Quý-công ở chức-vị của Chu-công, mà chẳng được « bôi tóc nhả cơm », nòi đức tốt của Chu-công, thì lại đáng than đáng tiếc biết chừng nào ! Chẳng thế, há tên lính giữ cửa có đủ nhân-lực, khiến những kẻ được cho tiền-kiến đều là kẻ hiền, và những kẻ bị khoát lui đều người dở hay sao ? Lại chẳng thế, thì hễ thầy người nào mao cao áo dài,

21) Châu-công trong một buổi tắm, ba lần bôi tóc lại để tiếp khác, trong một bữa ăn cũng ba lần nhả cơm để ra tiếp kẻ hiền sĩ.

cứ việc cúi chào mời vào, cõn thầy bọn sãi lờm khờm vô dụng, cứ việc xua tay đuổi lui hay sao ? Kê Lão-hủ nẩy tuy chỉ là một người bỏ ngoài cõi đời, nhưng từng mong Quý-công đưa thư, có câu rằng: « Đã lâu ngày ngưỡng mộ lòng từ bi độ thể của Lão-Hòa-thượng, hiện nay vì công việc ràng buộc, chưa kịp thân đến bái yết trước Bửu-tòa ; kính khiến đờng-quan thay mặt, đội lễ mọn đến đưng, cúi xin mĩm cười thấu nhận. Chờ dịp khác sẽ xin đến nghe dạy dỗ v.v...» Lại nghe Quý công thường nói với các bạn thân đồng triều rằng: « Lão-Hòa-thượng chẳng hiểm tiêu-Quốc xa xuôi, Pháp-giá đời đến, đã dạy bảo cho chúng ta mọi điều kỷ cương lễ pháp, đạo đức thuyên-tông, ấy là phước lớn cho vua tôi nước ta vậy». Suy gẫm những lời nói trên, đều có ý hộ trì đạo ta rất sòt sảng, quyết chẳng phải trước kính mà sau ngạo vậy. Xem đó đủ biết Quý-công bị tên lính giữ cửa che dõ. Một bức thư của Lão-tăng chẳng đến tay Quý-công, chẳng quan hệ gì, chỉ sợ một ngày kia có những bậc cao-hiền dị-sĩ, có mưu hay chức lạ có thể giúp ích Quốc-gia, cũng sẽ bị che ngăn ; những kẻ kia chẳng chịu cúi luồn trước cửa quan, sẽ chịu khuất lụy chẳng ít vậy. Một tên lính giữ cửa biết đâu trong bách gia chư tử đều là những kẻ phi thường, và há biết rằng nhà nhỏ chẳng phải ở chỗ khăn đen áo dài, nhà thích chẳng phải ở chỗ áo tràng đầu trọc ; thể mà thiên hạ cầu nhỏ cầu thích, lại từ chỗ hình thức ấy suy cầu, làm sao tránh đợc sự lầm lẫn đáng tiếc vậy. Vài lời trung-cáo, biết ta đâu chẳng biết ta.

Mấy ngày thương lượng, muốn lưu lại hai người để lo việc thấp hương niệm Phật ở Giác-vương Nội-viện. Nhưng khó lựa đợc người xứng đáng thù chung. Đại-ước người xứ nầy chưa thâm hiểu đạo pháp, chỉ thầy người nào đầu trọc, chẳng hỏi xanh vàng đen trắng, cứ gọi là Đại-sur, rồi thiện-nam tín nữ hòa nhau cúng bái ; rớt cuộc vì tham tài hiểu sắc, thay đổi lòng tu ; tìm cho đợc người giữ đạo vững bền thực rất hiếm có ; vả lại, trong bọn tăng chúng tùy-trợng phần đông bắt phục thùy-thỏ, có người vì có cha mẹ già không thể yếm lưu hải-ngoại ; chỉ có Hậu-Đờng Khánh-Ngu và Tri-Khách Thiên-Vũ hai người ấy có thể về sau, bèn quyết định lưu họ ở lại.

Ngày 13, Quốc-vương cũng chưa có ý tiền đưa. Lại trở qua cáo từ, và nói việc lưu hai người ấy ở lại, Vương rất lấy làm mừng. Đến ngày 15, bày tiệc cúng lớn và diễn kịch. Sáng sớm khiến Nội-Giám rước ta vào cung, bày đồ lễ tặng, thắp hương, mặc áo lễ, lạy đứng nói rằng : « Mông Lão-nhân chẳng tiếc từ-bi, dạy bảo mọi việc trị chánh dân-tinh, tu thân lễ pháp. Tự thẹn nước nghèo đất hẹp, chẳng đủ ngưỡng đáp hồng-ân trong muôn một. Chỉ có lễ mọn một cái bát và một cái gậy bằng vàng, xin kính dâng trước án, cũng ví như ta thường hầu hạ hai bên vậy. Bản ý muốn lưu Lão-nhơn ở lại thêm vài tháng, chờ hết nắng qua mùa mát, sẽ bắt thuyền đưa Lão-nhân về. Nay đã quyết định ngày 28 khởi hành, chẳng dám nài ép. Ta sẽ suất lãnh Vương-thân Quốc-thích, văn võ quần thần cả nước, đồng ra chực ở cửa bể, để tiễn đưa Liên-giá, khiến Trung-hoa nghe tiếng, biết nước chúng tôi tôn trọng Lão-Hòa-Thượng như thế, ngõ thỏa tắc lòng vậy thôi ».

Tiệc chay xong, từ giả lui về. Qua ngày sau, Công chúa dọn tiệc chay tiễn hành. Trong tiệc có diễn kịch, Quốc-vương dắt bọn tiểu-hầu (nữ-ca-vũ) đến ; dọn lại bàn tiệc, nhường bọn tiểu-hầu của Vương hát trước. Trong cuộc hát, chủ nhơn đặt một cái trống lớn (trống chầu) bên sân khấu, thính thoảng điểm hai ba tiếng trống, cũng một ý nghĩa như gõ nhịp thuở xưa vậy. Ngày ấy Vương rất cao hứng, tự đánh trống điểm nhịp cho bọn hát ; thanh điệu lạ lùng, bộ tịch đường lối cũng khác, người trong tiệc ngồi xem rất thú vị, riêng ta cảm thấy buồn buồn. Vương ra về trước. Ta cũng xin cáo lui. Công-chúa khấn khoản cầm lại rằng : « Lão-Hòa-Thượng còn ở đây hai ba ngày, há nỡ chẳng ngồi rờn một hai giờ, cho thỏa tắc lòng quyền luyện. Lại hát thêm vài màn. Ta lại cáo từ. Công-chúa làm lễ, cầu xin để lời dạy.báo. Cấm được trở lại chùa, ta viết bài thư trao công chúa.

Bài thư

« Hiên-vương, em bà, thỉnh Lão-tăng đến Quý-quốc, quy y cung phụng lòng vì đạo đức thực đã rất mực tinh thành. Ngờ đâu Hiên-Công-chúa, thân ở trong vòng giàu sang, đã thụ Bồ-tát-giới, lại cầu xin để lời khai hóa, khá gọi có tín-tâm tốt bậc vậy. Nhưng cần biết hai chữ « Tín tâm » quý ở một chữ « Vô ». Vì có, đã « hữu-tín » thì « hữu bất-tín », còn « vô-tín » thì « vô-bất-tín » (nghĩa là không khi nào chẳng tin). Ví khiên, nương một vật « mà khởi lòng tin, chưa chắc lòng tin ban đầu khởi có ngày thoái lui. Trái

lại, chơn tâm như ở chỗ không, thì chẳng còn chỗ nào để thoát. Cho nên Đức Tỉnh-Danh (22) bảo rằng : « Chẳng tin một phép nào, ấy gọi lòng-tin thực » Gắn đây, bọn Sa-môn mặc áo cà-sa ở các chùa chiền, toàn thị có mắt không trông hễ thấy ai đèn thấp hương lễ bái, có chút ít tiền bạc bỏ thí, tức thì bảo người ấy có tín-tâm ; chẳng biết rằng tâm có thể chuyển dời muôn vật, nhưng muôn vật chẳng khá chuyển dời tâm ; vì tôn chỉ chẳng bị ngoại-vật chuyển dời, mới có thể xử cảnh sang chẳng khoe, xử cảnh giàu chẳng ngạo, ở chỗ náo-nhiệt vẫn yên tĩnh, ở chỗ đậm-đà vẫn nhữnng-nhữnng, mắt chẳng giận được cũng chẳng mừng vậy; cũng như Công-chúa nay há không căn-tính nam-tử, đâu có phải vì có chị của Quốc-vương, vợ của Phò-mã, bèn coi người là nữ-lưu. Đại-phàm làm người có thân hình, sợ nhất là si tình luyện ái, tập nhiễm thói quen ; ấy gọi là tính « thủy » (nước), tính « thủy » tức đàn-bà vậy. Nếu như tình chẳng si, ái chẳng luyện, chẳng hề say đắm thính sắc thói quen; lại hay suy lòng ấy ra đến người khác, mở lớn tín-tâm cho nhau, làm tròn việc bản-phận, ấy là giải-thoát, giải-thoát tức đàn-ông vậy. Há khá lây quần thoa son phấn mà phân biệt, nếu thế thì Điều-đạt (23) chẳng sinh hãm địa-ngục, mà Long-nữ (24) không thể tu thành chánh-giác vậy. Kinh Kim-cang nói rằng : Nếu lây sắc thầy ta, lây âm thanh cầu ta, ấy là kẻ làm tà-đạo, chẳng bao giờ thầy Như-Lai. Ấy là đại-hoạn của thế-gian chúng sinh vậy. Vì thanh sắc thiên tà phải trảm nịch trong vòng luân hồi sinh tử, chỉ do một niềm si ái, chẳng hay lia bỏ, ngày thường mộng寐, bị si ái buộc ràng, quanh quẩn trong vòng, cho đến ngày già, ngày chết; lúc nhắm mắt qua đời, tùy theo si-ái cảnh quen, mà biến hiện trong chôn mê luyện ; bồng cảnh ấy hóa làm sấm chớp nước lửa, dạ-soa la-sát, núi dao rừng kiếm, cho đến mãnh-hổ sài-lang, độc-xà ác-thú đều bu lại cắn xé; hoảng hốt sợ hãi, muốn chạy không đường, mới ăn-năn hồi tiếc từ trước sinh chỉ cái niềm si-ái ấy ; nhưng đã quen mất nết, ăn-năn cũng đã muộn rồi. Nếu muốn thoát ly cái khổ ấy, ắt phải trong lúc mình đương trẻ mạnh, khí huyết chưa suy, sớm đem mỗi tình quyền luyện hằng ngày, dẹp bỏ ra một bên,

22) Tức đức Duy-ma-Khiết, tỉnh, nghĩa là thanh-tịnh không dơ bẩn, danh, nghĩa là thanh-danh viên bả (tiếng tâm xa đốn).

23) Có lẽ tức Điều-ngự Trượng-phu, chỉ con trai, đàn ông mà nói.

24) Văn-thù-Sư-lợi nói rằng : « Con gái của Sa-Kiệt-La Long-vương, mới tám tuổi, có trí tuệ lợi căn, thông hiểu các phép, phát Bồ đề tâm ». Thời ấy Long-nữ dâng ngọc châu lên Thê-Tôn, hốt-nhiên biến làm nm-nữ, qua nam-phương, ngồi Bửu-liên-hoa, thành Chánh-giác.

chẳng chút hệ lụy ; chỉ tin tưởng « tâm » ấy vô sinh vô diệt, quyết định thành phật, tự nhiên có khoái lạc, tùy mình hưởng thụ, hơn trăm nghìn vạn bội cảnh khoái lạc hiện-tiến ; khiến cây cỏ đều hóa thành điện ngọc lầu quỳnh chẳng lay gì làm lạ ; cũng chớ bảo như thể đã thành phật, đã biến hóa thần thông vậy. Than ôi, người đời tự lòng mê muội, chẳng hướng trên bản-tính tìm đường nhân quả báo ứng, làm sao khỏi mê luyến bởi cảnh quen thuộc tình-si ? Nay thử lấy gốc cỏ mà bàn, gốc cỏ là một vật rất khinh hèn, dưới thêm bên đường, chỗ nào cũng có ; từ thiên-tử vương-hầu sĩ đại-phu gồm cả hậu-phi Công-chúa cho đến thứ-dân giàu nghèo, không người nào không có cỏ ấy ; chỉ e chẳng khứng xem bằng cỏ rác, nếu xem được vờ lẽ, thì có kẻ xem cảnh vui tam-giới như cỏ rác ấy, có kẻ bỏ trăm năm phú quý phồn hoa như cỏ rác ấy, có kẻ bỏ lâu đài phượng-trượng, hầu vợ đầy đàn như cỏ rác ấy, có kẻ bỏ nhứt thân tứ đại (25) ngũ uẩn (26) như cỏ rác ấy, có kẻ bỏ hang vàng Quách-gia (27), núi đồng Đặng-thị như cỏ rác ấy. Chỉ cần hay lập tâm chuyển muôn vật, xem có như không, chẳng si ái những thứ cỏ rác dễ thời nát ngoài cõi tâm, chăm chăm lo sinh tử đại-sur, đem những thứ như cỏ rác vất đi, để thành tựu cái an cư bất hoại của tự mình, rồi tha hồ tùy mình thụ dụng ; ấy gọi là « trên một cảnh cỏ, hiện thành điện ngọc lầu quỳnh » vậy. Ấy chẳng phải tự nhiên mà được, cũng chẳng phải nhờ ai mà được, chỉ đem bình nhật tình si dục ái vất hết, còn lại chỉ có « tự tâm bản lai » « thanh tịnh bản lai », thì đầy đủ hết thảy phật-quả bồ-đề đều ở trong tâm ấy hiện ra vậy. Cho nên bảo « Chẳng tin một phép nào, ấy gọi lòng tin thực ». Công chúa cứ thể tu niệm, ấy là đệ-tử hiền thuận của ta vậy ».

Ngày 18, Vương đi thuyền ra cửa biển trước, cỡi cây dao bằng vàng thường đeo, khiến Nội-Giám đưa tặng ta để dùng làm giới-đao. Nội-Giám đạo-đạt ý Quốc-vương sở-dĩ tặng cây dao nầy, muốn được ta tự tay thường

25. Phật-gia gọi tứ đại là địa, thủy, hỏa, phong. Trong mình người, thịt da xương tủy trở về đất, huyết-dịch nước-miêng, tiểu-tiến v.v... trở về nước, khí nóng về hỏa, chuyển-động về phong.
26. Phật-gia gọi sắc, thụ, tướng-hành, thức là ngũ uẩn. Uẩn nghĩa là tích-tập (chưa hợp), chúng sinh do sắc, thụ, tướng, hành, thức, năm phép ấy tích tập mà thành thân.
27. Quách-gia không hiểu chỉ người nào, có lẽ Thạch-gia Kim-cốc, tức là hang vàng của Thạch-Sùng đời nhà Tần.

ngày lau chùi cho sáng loáng, để cắt đứt phiền não vậy. Các quan văn võ đều theo hầu Vương-giá, đón chực đường trước để tiễn đưa. Cửa biển là cửa ngõ của Vương-đô, Thuận-hóa, để đi thông qua các phủ khác. Vì đất nước Đại-Việt chỉ là một dải núi dọc theo mé biển, các đèo ập đều tựa núi day mặt ra biển, núi cao sông hiểm, cây rừng rậm rạp, nhiều tên trộm hùm beo, các phủ không có đường lối thông nhau, mỗi phủ đều do một cửa biển đi vào; muốn đi từ phủ này qua phủ khác tất do đường biển, thuyền đi biển khó đi gần bờ vì sóng lớn ; gặp gió xuôi đi chừng một ngày, nếu ngược gió không chừng mười ngày, nửa tháng mới có thể đi thông từ cửa này qua cửa khác. Tàu ngoại-quốc thường vào khoảng tháng 5 chạy đến Hội-an, Hội-an thuộc phủ Thăng-hoa, từ Thuận-hóa vào Hội-an đường bộ tất do Ngã-lãnh (đèo Hải-Vân). Sách Dư-ký bảo rằng : « Khoảng tháng 2 tháng 3, hoa ngãi nở, trôi ra biển, cá ăn hoa ấy hóa rồng », tức hoa ngãi ở núi này vậy. Núi cao nắng gắt, trèo qua rất khó, nên đi thuyền theo đường biển tiện hơn.

Đến ngày 28, chừng canh 3, Cai-bá, Giám-quan bắt Hồng-tuyển và thuyền Điền-xá (thuyền đánh cá) mỗi thứ 8 chiếc để chở chuyên hành-lý. Rạng sáng, giới-từ tứ-chúng tập-nập, quân lính cầm đao thương dàn ra hai hàng, người đi xem đông như kiến cỏ, chen nhau từ cửa chùa thẳng đến bờ sông. Lúc ta lên thuyền, tứ-chúng lạy đưa tung bụi mờ mịt. Thanh-la khởi lệnh, mở neo buông thuyền ; dân chúng vẫy nước mắt thành mưa, có kẻ kêu khóc vang trời động đất ; thuyền đi giữa dòng, người đi đưa, đi dọc sông thẳng hai bên bờ, đến nút đường mới đứng lại khóc nức nở lây mắt nhìn theo ; ta cũng ngùi ngùi rơi lụy, cảm thương chúng chẳng được theo ta cùng về.

Đầu thuyền ngồi một vị quan, đuôi thuyền đứng một người cầm lái, giữa thuyền sáu mươi bốn quân-nhơn đứng chèo ; giữa khoang thuyền có bốn cọc-nặng sơn son, trên bắc ngang một cây mỡ gỗ, một người lính ngồi gõ mỡ làm nhịp cho những người đứng chèo ; thuyền cạy qua tả là qua tả, bát qua hữu là qua hữu, miệng hò-lo, chân dậm ván, đều rậm rập theo nhịp mỡ chẳng chút đơn sai, mới nghe qua thực chẳng hiểu dịp gì lạ vậy. Thuyền dài mà hẹp, như hình long-chu, mũi cất cao, đuôi thuyền sơn đỏ, giữa không thấy để bệp nầu, thắm nghĩ, bao nhiêu người sẽ ăn uống vào đâu ? Riêng ta đem theo đồ ăn và nước trà để dùng, quân lính đều ở trần trụi-trục, dưới nắng cháy như thiêu, chỉ có trừ một vò nước lạnh, khát thì lấy gáo

múc ồng, bụng đói trông trơn, mà sức chèo chẳng giảm, sự khó nhọc vẫn đáng thương thay ; nhưng cũng khá nghiệm thầy thân xác không nên an dưỡng quá chừng, sinh ra biếng lười ; đến lúc có sự khó nhọc, lại chẳng chịu nổi vậy..

Thuyền ra đền sông lớn, sắp thành từng hàng, quân lính rón sức chèo đi mau như tên bắn ; trông lên hai bờ, chẳng phân biệt rõ hình ngựa với trâu.

Gần đứng bóng, đền chùa Hà-Trung. Man mác xa trông, đây là một vũng eo của biển cả, ba đào chẳng gọn, phẳng lặng như tờ, một vũng cạn bùn lầy, cỏ rêu xanh xát, nơi ẩn núp của tôm tép cá cua. Thẳng bờ có đóng cừ, mọc đầy những cây dương nước ; một gian chòi cỏ, nơi nướng nấu của những kẻ làm nghề lưới chài. Chùa cất trên một đám đất bằng, nước bao quanh ba mặt ; ngoài cửa chừng trăm bước là nơi bùn lầy ; đắp đất làm đê, thẳng đê trồng dương liễu ; gió hiu hiu thổi, lau lách phát phơ, cá lội cua bò, ốc hào lển-nghẽn ; người đi đường quanh co đùa giỡn, nhắm nhìn phong cảnh, hứng thú xiết bao ! Chợt thấy một cây tùng xanh rợp bóng, một cổ-thụ đã mấy trăm năm ! Các chùa nước Đại-Việt, chùa nào cũng trồng đầy những thứ tạp-mộc, cau dừa xoài mít v.v..., còn cây tùng chỉ thấy đây là một. Xuyên bóng tùng đi vào, chùa không có vòng tường ngoài. Một ao vuông trước điện, nước ao lên xuống ăn rập với nước lên nước ròng ngoài sông, vì gần biển đất thấp, lẽ cò-nhiên như vậy. Trong ao cá gáy đỏ vô số, mấy người tùy tùng bẻ bánh tai-voi quăng xuống, từng bầy nhảy lên đớp ; lội qua lội lại, tự-nhiên chẳng sợ người. Luồng rau giàn bầu, bồn hoa bụi cúc, rải-rác ở các nơi đất trồng dưới gốc tùng. Sau điện có những cây tùng lớn mây ôm, ngọn queo cành cỗi, rậm rạp ly kỳ, thực là những thiên-niên cổ-thụ ; trên đọt tùng sẫm uất, lá xoắn thành từng nắm tròn ; theo lời Truyện-ký bảo đọt tùng xoắn thành nắm tròn, đào dưới gốc có củ phục-linh và hồ-phách ; nhưng ta chẳng dám nói « Thuyết » ấy ra, sợ làm hại đền cây quý. Cai-bá, Giám-tự rước ta vào trong điện đề cúng chay. Giám-tự nguyên cũng là một thụ-giới đệ-tử.

Cơm chay xong, trở ra thuyền, kéo neo đi nữa. Đoái nhìn chùa son điện ngọc, lấp-lánh trong bờ biển rừng tùng. Nước mây man-mác, trập-trùng bóng dương, phưởng phất chồn Bồng-lai Lang-uyển. Nhon có ba bài thơ vịnh chùa Hà-trung.

Bài thứ 1

Che khuất ngàn dương nẻo Cửa-không,
 Chuông vàng buồn tiếng gió bên sông.
 Giậu tre lời cỏ xông hơi biếc,
 Gành đá lâu mây ngã bóng hồng.
 Cá đò chờ mỗi lên mặt nước,
 Chim xanh huýt gió xuống giàn bông.
 Miếu đền vua chúa nơi u-tịch,
 Muôn thuở linh-quang chiều biển đông.

Bài thứ 2

Sắc nước màu non lọt vẽ thu,
 Xanh xanh mây đỉnh đôi Nam-hồ.
 Gạo vàng đất Bụt lặn-tăn nở,
 Mây biếc non Bồng lớp-lớp phờ.
 Trúc múa nghìn cây sương nặng trĩu,
 Trùng reo bốn mặt sóng vang ù.
 Tìm đâu bạn cũ chùa xưa nhỉ,
 Trăng sáng bên cầu hội họp nhau.

Bài thứ 3

Gà ai xao xác gáy bên thôn,
 Một nóc chùa mây dựng giữa cồn.
 Thanh-thảo đau lòng người viễn-lữ,
 Bạch-vân êm giấc sãi thiền-môn.
 Xa dòng núi biếc, dòng sông chảy,
 Lặng tiếng chim kêu, tiếng mõ đồn.
 Dưới góc tùng xanh thông thả chán,
 Buông thuyền ngâm vịnh buổi hoàng-hôn.

Chiều đền cửa biển, dừng thuyền. Vương đã khiến người làm cơm chờ sẵn. Còn cách chỗ Vương tạm trú chừng một dặm, đêm tối chưa có thể gặp, chỉ khiến người thông tin mà thôi. Sáng bữa sau xin chèo thuyền đến ra mắt. Vương cắt một thủy-các ở giữa dòng, bốn mặt chiến-hạm bao quanh, giữa chùa một cửa đi vào. Thấy mặt, Vương rất vui-mừng nói :

« Nỗi mừng ngày nay tức là nỗi buồn ngày mai; ngày nay gặp gỡ, ngày mai trời biển hai phương, muốn gặp Từ-nhan, chưa biết ngày nào được gặp. Chỉ mong, hằng khiên Tuy-Tăng độ hải, ngõ hầu như thầy Đạo-dung. Hoặc giả, chùa cũ công việc viên mãn rồi, chẳng nài xông pha, Từ-hàng lại trở qua một phen, ấy là trông mong sự bất-ngờ vậy. Ta cũng ở ngôi vài ba năm nữa, chờ Thê-tử trưởng thành, có thể trông coi việc nước, chừng ấy sẽ chọn người phụ bật hiển lương, rồi truyền ngôi cho Thê-tử. Ta sẽ cạo đầu làm sãi vậy. Việc lớn chung-cục của ta, đã mong nhờ Lão-Hòa-Thượng chỉ rõ, biết rằng kiếp trước là Tăng-nhơn nước Đại-minh, ngẫu-nhiên lạc bước đến đây; há khứng trọn đời đắm đuối trong vòng thanh sắc phú quý mà mờ quên nguồn gốc của mình hay sao ». Lưu luyện thành khẩn, hẹn ngày mai lại thiết tiệc tiền hành tại chùa Vĩnh-hoa ở núi Khuê-phong, ở đây, nhìn suốt biển cả, có thể nhìn theo đưa bướm về vậy.

Chiều tối, lấy ra một cái gối-mát, một viên đá nam-châm Tây-vực và các món tinh xảo khác tặng biếu.

Qua ngày sau, võng giá chực sẵn, bắt đầu lên đường bộ. Cai-bá dẫn một tiểu-đội làm hướng đạo. Bóng mai mờ tỏ, đi lên một gò cao. Đi được một đôi, sương mù buổi sáng chưa tan, người đứng cách nhau chừng vài thước, chỉ nghe ồn ào tiếng nói; trong tia sáng mặt trời, có lúc chỉ thấy nón đội không thấy nửa người phía dưới, lại có lúc chỉ thấy chân di-động, không thấy nửa người phía trên. Đường cát có nhiều cỏ gai giày muông. Đất ruộng phần nhiều trồng khoai. Dân làng có người đương bới khoai và đất bỏ cho ăn giầy khoai; khoai có củ rất lớn, đường kính độ 3,4 tấc, vì đất cát mềm trồng khoai rất hợp vậy. Đền chân núi, phu lính nghỉ xả hơi để trò đùa. Theo đường quanh co đi lên, đường đèo làm tùy theo chỗ đất chỗ đá, ở triển núi dốc có trồng lan-can để phòng nguy hiểm, đều quét dọn sạch sẽ. Bộc-phu lau mồ hôi thở hào hển. Trong rừng cây đã nghe tiếng chuông trông rất gần, nhưng đi quanh mắt hàng giờ mới đến. Chùa Vĩnh-hòa cất trên chóp núi, tuy không mây trắng lè nhưng cũng kiên cố chỉnh tề, khuôn khổ chùa ở núi chỉ phải làm như vậy. Các quan mời vào, bày trà xong, các ông đạo ra sơn-môn mời mọc. Thửa đất bằng phần chừng vài mươi mẫu, cây cối xanh tốt, có thể ngồi nghỉ mát dưới bóng cây. Lúc ấy vừa đúng ngọ, khí trời trong sáng; buông mắt trông ra, trời nước mênh mông, muôn khoảnh ba đào như núi bạc non vàng, rất đáng kinh hãi,

nhưng biết đâu ở đây còn cách biển mấy dặm vậy. Người xưa bảo : « Lên núi Thái-Họa thầy sông Hoàng-hà đánh thẳng vào chân núi », chắc cũng như thế này. Vì núi Thái-Họa cao nên thầy xa như gần, bây giờ đây vì biển lớn thầy xa, nếu đến gần lại thầy khác vậy. Ta tức cảnh làm 4 bài thơ :

Bài thứ 1

Võng xe mưòi dặm đền cao-phong,
 Hang núi nghe chuyền mảy tiếng chuông.
 Xa thầy ngườì đi ngoài dặm khói.
 Chợt nghe trái rụng giữa sân tòng.
 Chìm hồng tiu-tít mưa chùa cỏ,
 Rỗng bạc chòn vờn sóng biển đông.
 Buồng mắt kiền-khôn kêu một tiếng,
 Đầu non chông gậy ngó mênh mông.

Bài thứ 2

Từng mây yên hội mở chiêu-đế,
 Lìa nước xa nhà dạ tái-tê.
 Hoa nở đầu non thầy đạo mát.
 Khánh vang rừng thẳm hạc bay về.
 Lôi quanh lần bước theo phương thảo,
 Cảnh lạ thừa nhân ngắm thúy-vi.
 Bên chôn hương đài ngồi nghĩ mệt,
 Chiều rêu ngát-ngường, tóc ly-phi.

Bài thứ 3

Đỉnh xưa khắc chữ « Vinh-hòa-niên » (29).
 Bên mé biển xanh, mở cửa chiến.
 Mặt đất mù sa non dọn sóng,
 Lưng trời mây bủa nóc như thuyền.
 Tre xanh nghìn xóm màu thu rặng,

29) Đông-Hán Thuận-đề niên-hiệu (C.N. 345). Thời Ngũ-Đại Mân Vương-Diên Quân niên-hiệu (C.N. 935).

*Khe đá một bầu bóng nhật xuyên.
Ham ngắm dáng chiều bên đỉnh núi,
Phiên-tăng lễ bái thỉnh khô-thiền (30).*

Bài thứ 4

*Non xanh muôn lớp đạo chơi rong,
Rừng suối liên-miên nẻo chẳng cùng.
Nhà cỏ nửa rèm mưa lún phún.
Thúy vi bốn mặt khói mông-lung.
Biển khơi man mác vờng mây bùa,
Gió núi lao xao ngọn cỏ rung.
Thắng cảnh ngày nay ghi mây nét,
Đặng lâm biệt có dịp nào không.*

Khuê-phong nằm giở ra bờ biển, thành thử ngó phía nào cũng thấy biển ; phía tay phải một dải núi xanh tức Ngã-lãnh, theo đường núi từ đông-bắc đi vào đền cửa Hội-an ; thuyền sẽ đi đường tắt. Mây hòn núi đều cao chắt ngát, những viên đá tròn như hình búi-tóc (búi tóc) nằm rải rác ở chân núi, hơi giống Thất-tinh nham ở Quảng-đông. Giám-quan chỉ tay bảo rằng : « Đây là núi Tam-thai, ngôi chùa trong ấy tức là đạo-trường của Quả-Hoàng Quốc-sư. Núi ấy có nhiều nham động như cửa ngõ, như cửa sổ, làm đường hang, làm nhà, làm phòng, như hình vung nổi, như hình chuồng câu, v.v... thấy đều linh lung khoáng đảng ; nằm ngồi được, ngồi gầy đàn, ngâm thơ được. Mỗi lúc nổi lên, có tiếng vang đáp họa. Ngày mai Lão-Hòa-Thượng chắc sẽ qua đó chơi ». Ta đương nghĩ Khuê-phong tuy đẹp nhưng không có nham động u thúy, để dạo chơi cho vui. Nghe Giám-quan nói, giận không thể buông thuyền đi đền tức thì.

Dùng cơm chay xong, lại ra dạo chơi một vòng, lúc trở về, trời đã xế chiều, muốn đến từ tạ Quốc-vương và cáo việc khai thuyền ; xảy có Vương-huynh và các quan xách cơm chay đến mời ăn, nói chuyện phiếm, lúc tan tiệc đã canh hai, hơn mỗi một bèn đi nằm nghỉ.

30) Kô-thiền nghĩa là khó tọa tham thiền, quên hết mọi sự.

Sáng mai, Vương cùng các quan lui thuyền dạo chơi Hà-trung, phải chờ người trở về để giả từ ; vả lại tắc lòng lưu luyến, như uống rượu ngọt đương ngấm ngấm say, nỡ nào bỏ đi dứt khoát. Ngày ấy thông thả, hơn làm thêm 4 bài thơ, tả cảnh sáng đi từ Tô-hổ đến cửa biển.

Bài thứ 1

Thuyền hồng khởi phát buổi ban mai,
 Gõ nhịp đưa chèo lướt gió bay.
 Chiếc bóng tha-hương trắng bóng lãng,
 Mỗi tình cô-quốc nước voi đầy.
 Rắn vàng muôn đợt toe môi sóng,
 Mây biếc nghìn trùng khuất rặng cây.
 Nội cỏ xa nhìn trong nắng sớm,
 Kìa ai khéo vẽ cảnh chùa mây!

Bài thứ 2

Êm trời buống mái lướt như bay.
 Thoát đã thuyền qua chôn điều-đài.
 Ngựa hý trên ngàn tìm thú bắn,
 Người phở bên bên giục đồ quay.
 Non xanh chào đón đeo sương nặng,
 Chim trắng bồi hồi sợ gió lay.
 Man mác biển trời như dải-lụa,
 Cách rìng mưa nhỏ bụi lay phay.

Bài thứ 3

Chiêng trông khua vang bên bãi cát,
 Lửa chài nhấp nhởi giữa lòng sông.
 Mù sa cách bên người mờ mịt,
 Khói tỏa mặt hồ thuyền lướt xông.
 Tiếng địch phương nào nghe nã-nuyệt,
 Bóng thu ban sáng tỏa mông-lung.
 Chuông vàng thức tỉnh người trong mộng,
 Châu-phổ là đây có phải không ?

Bài thứ 4

*Lách lách buông thuyền quanh mé núi,
 Một đường khói tỏa, bấy thâm u.
 Kinh-châu chở nặng tình phương-thảo,
 Vân-thủy pha màu áo hiệu-thu.
 Bên bên kìa ai thơ-thần đứng,
 Giữa sông xem cá nhõn như đua.
 Sương sa nguyệt lặn chim kêu sáng,
 Lão-khách buồm xuôi kịp gió mùa.*

Đền nửa đêm mới nghe Vương về đền thủy-các. Rạng sáng Quốc-sư lại yết-kiến, nghe ta sắp sửa qua từ giả Quốc-vương, bèn nói với ta rằng : « Vương rất nặng tình, nay nếu Lão-nhơn qua yết-kiến, thế nào người cũng cầm lại chưa cho đi, như thế phải trì trệ hành trình. Chi bằng cứ thâu thập buông thuyền đi ngay, rồi làm thư khiến người hầu đem đền cáo biệt cũng đủ rồi. Tôi nay đền ra mắt Vương, rồi theo đường bộ đi trước vào Hội-an để sắp đặt chờ đón Lão-Hòa-thượng ». Ta giả lời rằng : « phải ». Nhơn khiến Quốc-sư đi trước. Tứ chúng từ Thuận-hóa đưa chân vào, đều an ủi khiến về. Truyền các thuyền quan-quân, quyết định đêm nay đền canh hai khai thuyền. Làm một bài trường-ca lưu biệt và một bức thư khiến kẻ hầu đem đền từ tạ Quốc-vương.

Bài thư

« Quốc-vương cùng Lão-tăng, xa cách thiên-sơn vạn thủy, nếu chẳng phải kiếp xưa có hẹn, làm sao có cuộc tao phùng đặc biệt như ngày nay.

Thấy trò một đoàn hơn 50 người, đền quý quốc suốt 6 tháng nay, no hưởng của thiên-trù cúng-dưỡng ; suốt ngày ngắm non cao, hứng gió mát, ngâm thơ vẽ cảnh, luận cổ đàm kim, hưởng vô-lượng-phước tiêu dao tự tại. Lẽ nào chẳng đem lòng quyền luyện, lại nỡ vội từ giả lui về cho đành!

Ngặt vì, chùa cũ bị phá hư sáu bảy chỗ, xây cất chưa xong; tăng chúng theo học bốn năm trăm, công phu chưa trọn ; thêm vào đó, còn cúng lễ bao nhiêu công việc, đều trông chờ một mình Lão-tăng. Bất-đắc-dĩ định đền ngày 29 tháng 6 sẽ trở thuyền. Đã cáo từ Quốc-vương từ ngày mùng

3, Vương thành khẩn cảm lại, cúng dường các thứ bình bát, y trượng, trầm hương, hoàng lạp, cỏ lạ hoa thơm ; trời phật hoan hỷ, kẻ đạo người phạm đều tán dương phước điển của nhà vua, so với tầm thường có khác vậy. Tự thẹn lười vắn lời dài, chẳng biết xưng tạ theo thường-tình sáo-ngữ. Lão-tăng chỉ đòi Tam-Bảo chấp tay tụng niệm, cầu cho quốc thái dân an mà thôi. Tuy vẫn danh phận thầy trò, cần gì đầu-đầu việc nhỏ mọn, nhưng cũng khó nổi dứt khoát vẫy tay ra đi. Lục soát hành nang chẳng có vật gì đáng giá để lưu-biệt ; suy đi nghĩ lại, chỉ có văn thơ khá dễ biểu dương đạo đức ; bèn làm một bài thất -ngôn trường-ca, và lấy đá Thọ-sơn làm một cái triện vuông, khắc 10 chữ: « Tích nhật Trung-hoa tặng, kim triều Nam-quốc-Chúa » chỉ nghĩa Quốc vương không quên gốc tích kiếp trước và để cầu chúc Vương-nghiệp như núi gò bền vững ; chút gọi là vật mọn lông hồng, đặt ở đầu bàn, gọi một trận cười cho vui vậy ».

Kéo neo vì gần đến giờ, muốn trở lại giả từ một phen nữa ; chĩn e, một là quây nhiễu, hai là lại phiền thêm đưa đón xa xuôi, vì thế lại thôi, chỉ khiến người cảm mây hàng nẩy thay mặt.

Thôi Lão-tăng xin đi. Gió thu vừa thổi, âm lạnh một mình. Cúi xin, trân trọng giữ gìn đạo-thể, lâu dài làm chúa hải-bang.

Nay kính.

Bài thơ thất-ngôn trường-ca lưu tặng

Chùa cũ chia tay từ thuở nọ,
 Kẻ nam người bắc biệt tấm hao.
 Vương ra thế-gian ta giữ đạo,
 Linh-quang một điểm chiều thông nhau.
 Muốn dậm trùng trùng cách đại-dương,
 Lão-Tăng bỗng tiếp thư Quốc-Vương.
 Sắp lên Kinh-bắc bỗng sinh bệnh,
 Sắp đi, lại chẳng biết đâu lường.
 Ta đến chính đờng mùa hoa nở,
 Dưới hoa gặp nhau mừng hơn hờ.
 Mà phượng cảm hùm mặt nở nang.
 Chính ngôi Nam-chúa chẳng khoe khoang.
 Đón chào Hòa-thương cười vui vẻ,

Trong điện Ngân-an đặt bổ-đoàn.
 Giúp nghìn tăng-nhơn đủ y-bát,
 Giới điệp cho dùng bửu ấn kiem.
 Chăm lo việc phật không biết mệt,
 Tiềng hay sắc đẹp chẳng mê đam.
 Trong cung lúc rảnh lần tràng hạt,
 Chẳng làm Quốc-Vương làm Bồ-tát.
 Nửa đêm nghe chuông dậy tụng kinh,
 Cung dưỡng Lão-tăng lo chay lạt.
 Tự đem quyền thuộc và thần dân.
 Kiền cầu phật-pháp hiền gia-trần.
 Nghĩ ta đức mỏng càng tự-then.
 Ân tình khăng-khít ngày thêm thân.
 Hương-hải đoàn viên vừa nửa năm.
 Nhớ nhung chùa củ muốn về thăm.
 Nhìn nhau chẳng nở phò ly-biệt.
 Gió mùa đã thổi thuyền khôn cảm.
 Hỏi ta tái ngộ chừng ngày nào ?
 Muốn nói, chẳng nói lòng ngán-ngao.
 Tạm lưu hai sãi ở hầu hạ,
 Hôm sớm cũng như thấy mặt nhau.
 Vương và quyền-thuộc thành phật-từ.
 Chùa chiến chung ở làm tăng lữ.
 Thần quang tả hữu chiều thông nhau.
 Muốn dậm trùng dương há cách trở.
 Từ nay hai ngã chia sấm thương.
 Tạm thời chia tay lại gặp gỡ.
 Mây phen từ giả lại lưu-liên.
 Dứt khoát tình thâm ôi chẳng nở !
 Chia tay cõi tặng kim-giới-đao.
 Lấy gì đền đáp, lòng nao-nao.
 Trường-ca một bài chẳng nên câu.
 Trước song mai trúc, gió ào ào.
 Đêm nào dưới nguyệt nhớ nhung nhau.
 Lại ngồi một mình viết thao-thao.

Ngày 26, sau giờ Ngọ, có người từ hành-dinh Quốc-vương trở về, báo việc chuẩn-bị khai thuyền ; Bỗng gió tây bắc vụt thổi, cát bay cây đổ, mưa như xối, trên đường người đi, vượt mặt không kịp. Đoàn thuyền đều cột neo thẳng bờ, ta đi một chiếc thuyền lớn dùng làm nơi hội khách, và làm chỗ nằm ngồi cho các tăng-chúng theo hầu. Ta sợ nóng cho cột hồng-thuyền ra bên ngoài. Nhon vì dây neo không chắc, thuyền bị sóng đánh trôi, quân giữ thuyền thiếu sức không chống vào được, quân trên bờ phải nhảy xuống nước bốn năm mươi người để kéo phụ, nhưng gió to mưa lớn, sóng quá dữ dội, không sao kéo nổi ; thuyền bị gió thổi trôi ra giữa dòng, gặp nơi có cồn cát, nước hơi cạn mới đứng yên được. Mọi người đều hoảng sợ, ta biết sức gió chỉ đến thế, dầu có trôi cũng không sao, bởi thế ngồi nhìn yên lặng phó mặc sóng tạt mưa dầm.

Mưa tạnh, thuyền đã neo vững, có người bàn nên đi đường bộ chắc chuyện hơn, cũng có người bàn nên đi theo thuyền Điền-xá (thuyền đánh cá) rất ổn tiện. Bàn cãi phân vân, các quan đều mỉm cười, lặng thinh nhìn ta chờ quyết định. Ta bảo « Các người nói đều không đúng. Từ lúc khởi hành, ta đã trừ tính kỳ-lưỡng, quyết định đi hồng thuyền thẳng đến cửa Hội-an, nay há nhơn một trận mưa gió xoàng mà thay đổi chương trình hay sao. Nếu đi đường bộ với năm sáu mươi người hộ tòng, võng lộng ngựa xe, phu đài hai ba trăm, khổ dân biết mấy. Vả lại trời nắng đường dài, đèo cao núi hiểm, hiện đã có mấy người bị bệnh, há không đáng lo hay sao. Còn nếu đi thuyền Điền-xá, chỉ nặng nề chậm chạp thêm mất ngày giờ. Hoặc sợ mưa gió đến như ngày nay, nhưng mưa gió không phải mỗi ngày đều có, nếu có chẳng nữa, cũng vào khoảng giờ mùi, giờ thân, quyết đêm nay trời chắc tạnh ráo. Chúng ta chiều nay, chờ gió xuôi, chừng canh hai khai thuyền đi đường biển, sáng ngày đã đến cửa Hội-an, chừng giờ Ngọ sẽ đến chùa Tam-thai. Lúc ấy chỉ sợ không có mưa gió như ngày nay, nếu có càng thêm một phần cảnh sắc vậy. Các ông thôi chớ bàn cãi, ta chỉ nghĩ theo chương trình đã định, không thay đổi làm gì ». Các quan đều chấp tay cười rằng : « Quả nhiên Lão-Hòa-Thượng kiên-thức rất đúng ». Chờ đến lúc ra biển, mới biết đi hồng thuyền rất tiện-nghi. Nhưng trong bọn cũng có người đòi hành-lý qua thuyền điền-xá. Giây lát lo cụ bị lương thực, trừ nước ngọt để cung cấp quân-nhon.

Ăn cơm chiều xong, có nhiều thuyền chèo lại tòng tiền, các quý-thần đều nói rằng : « Chuyện nầy hợp mật, chẳng biết ngày nào sẽ gặp lại ». « Từ dung ». Nói đoạn, bồi hồi quyền luyện, gạt lụy chia tay.

HẢI-NGOẠI KỸ-SỰ

QUYỂN IV

khởi đầu một cuộc sống mới. Xã hội mới, xã hội công nhân và nông dân. Xã hội mới, xã hội công nhân và nông dân. Xã hội mới, xã hội công nhân và nông dân.

Trong những ngày đầu tiên của mùa xuân, khi mà những cánh chim trời bay lượn trên bầu trời xanh thẳm, lòng người cũng như được thanh thản. Những cánh chim trời bay lượn trên bầu trời xanh thẳm, lòng người cũng như được thanh thản.

Chuyến thuyền ra biển là một chuyến đi rất thú vị. Trên thuyền, mọi người đều cảm thấy thoải mái và vui vẻ. Những cánh chim trời bay lượn trên bầu trời xanh thẳm, lòng người cũng như được thanh thản.

MÔNG 1 tháng 7 thuyền ra cửa biển. Hôm ấy, sắc trời trong sáng, bốn mặt linh lung, giăng giăng đèn xóm lửa chài, nhấp nhàoang đầy trời tinh tú ; xa nhà lia nước, lòng riêng chạnh thấy ngùi ngùi.

Cai-Bá khởi ba hồi trống lệnh, các thuyền đều lên chèo. Trong thuyền đèn lửa tắt hết. Cai-Bá đứng trước mũi thuyền, cầm một dây hỏa-mai ra hiệu ; hoặc bát hoặc cạy, khi chậm khi mau, các thuyền đều ngó theo hỏa hiệu lái chèo, chẳng hề sai chệch.

Thuyền ra khỏi cồn cát mé biển đậu lại, triệt hết bông che mát, mọi thuyền đều để khoang trần. Chờ đèn canh hai, trống đồng lại nổi lệnh. Trăm thuyền chuyển động, ba-đào húng dững, vang dội núi gò. Chúng quân nỗ lực chèo, mái chèo chém sóng, nước mặn tỏa sáng ngời ; xem trong biển sóng dậy chớp giăng, như mây mười con hỏa-long đương múa nhảy trên gò núi biếc, an nguy thân thể chẳng biết đường nào. Chợp ngủ chừng nửa giờ, đã thấy phương đông sáng bạch. Khoác áo choàng ngồi dậy, thấy sóng yên nước lặng, té ra thuyền đã vào vũng, ở trong vòng núi bao quanh. Dọc bờ biển, đá lèn lờm chồm, trên cây vượn trắng nhảy nhót từng bầy ;

trái đối hoa núi, xanh đỏ sum sê. Xa trông cách bờ, cột buồm như rừng tên xúm xít, hồi ra mới biết đó là đoàn thuyền chở lương, đậu chờ gió tại cửa Hội-an vậy.

Tám thuyền đều đèn, tạm đình ở cửa biển. Bãi cát phẳng như tâm gương, xa trông mát mắt. Trên bãi đầy vỏ sò vỏ ốc, cảnh trí rất xinh. Lại khiến giăng bong lên để nằm ngồi nghỉ ngơi, mới biết Hồng thuyền rất tiện lợi vô cùng, có thể lầy sức chèo lướt sóng, dẫu sóng dốc cũng phẳng tới rất êm.

Chuyến thuyền ra mũi cát, một chốc đã đến chỗ thuyền lương đậu, neo lại. Hai bên bờ, nhà cửa đông đúc, người đi đường xôn xao, kẻ gánh người gồng, người ta đã đi chợ sáng. Một chiếc Hồng thuyền đậu trước ở đó, quan trấn-thủ Hội-An đèn yết-kiên, cung đồn bữa cơm sáng rất tươm tất. Mới biết dọc đường có người lo cung đồn cơm nước đúng theo ngày giờ đã định, chẳng chút sai chệch. Chúng ta khỏi lo thiếu đồ nấu nướng, nhưng thương hại quân lính khó nhọc, cũng nhân đó, thầy lệnh vua cứng rắn như sắt, chẳng ai dám đơn sai. Quay lại bảo kẻ tùy-tùng rằng : « Đức tu mỏng kém, làm sao đương nổi cúng dưỡng thể ấy cho khỏi chiết phước ».

Giới-gử tập họp ở đó và tứ chúng thiện nam tín nữ đều đem cau trâu hoa quả đồ ăn đèn dâng lễ.

Cơm nước xong, trông đồng lại nói lệnh. Các quân-nhân đương thối cơm trên bờ, có kẻ đương ăn, có kẻ chưa ăn, cũng có kẻ đương nấu hoặc đương vò gạo, đều dẹp lại, vội vàng chạy đến mở dây thuyền. Mỡ đánh giữa giòng, các thuyền khi đi hàng dọc, khi sắp hàng ngang, khi đi thẳng một hàng, khi chia thành hai dãy; ba quân miệng hò khoan, chân dậm ván, thầy đều đúng nhịp, rập ràng.

Gió thổi hiu hiu, nước xanh lẻo lẻo, rừng tre thâm thâm, bãi cát sáng ngời ; đã vui mừng gió thuận buồm xuôi, lại hớn hờ gần ngày về nước, tặc lòng khoan khoái, biết lầy chi cần. Thừa hứng làm bài thơ tả cảnh : « đêm thu vượt biển, sáng đến Hội-An ».

Bài thứ 1

*Thu về Hải-quốc, nhớ hương quan,
Đêm vắng buồm thuyền dạ chứa chan.*

Thơ tứ nẩy sanh trong hiện cảnh,
 Tiếng người nghe nói giữa không-gian.
 Sao thưa lác đác gieo lòng biển,
 Đền chớp xa xa sáng đỉnh ngàn.
 Cửa Hội-An đâu ? Còn dọ hỏi,
 Thuyền Hồng đã đền Lục-Hoa-Loan.

Bài thứ 2

Núi đổ chằm nghiêng đón đông tuyết,
 Còn ngờ tiếng sấm dậy từng không.
 Đầu thuyền khoác áo ra ngồi ngó,
 Tiếng nước dường như dưới đất thông.
 Sóng xóa ngọn cây lòa lửa chớp,
 Nguyệt ta eo núi nép thân rồng.
 Người Phiên tông cúng ngoài đồng nội,
 Nhà cỏ Trần-quan cách bực sông.

Bài thứ 3

Lụm cụm già nua rudi khách trình
 Yên ba đi giữa biển mông-mênh.
 Sườn non gió lạnh, vượn kêu gập,
 Bãi cát sóng xao, mây kéo quanh.
 Sơ lược người cười ta ngạo mạn,
 Nội chìm ta chẳng chuộng hư danh.
 Cửa tùng ví phỏng nay về đền,
 Dưới nguyệt xem hoa chán thích tình.

Bồng chồ đã trông thấy núi Tam-Thai trước mắt. Nghìn đôi quanh co, đều bằng đất, chỉ có gò núi đá Tam-Thai đứng cao chắt ngất, hai hòn lớn day mặt ra nước, còn một hòn hơi nhỏ hơn. Nhìn xa, hình núi sông sẽ, lại gần, trông lên, có nhiều cây lớn hai ba vòng ôm, mọc từ trong hốc đá. Đi quanh theo mé núi, thấy đá có viên mọc đứng thẳng lên, có viên chúc ngược thông xuống. Có chỗ sâu lõm vào thành hang, lại có chỗ đứng dựng như bức vách, nhưng chẳng thấy chùa ở đâu, mới trông qua thấy thô lỗ, tưởng chẳng có gì kỳ thú vậy. Chúng tôi đi cách núi còn chừng nửa dặm, thấy một thầy sãi đứng nhìn chăm chỉ, rồi chạy vội chui vào kẽ đá sau núi

đi mắt. Trước núi có một cái gò, trước gò trèo lên chừng trăm bước có một ngôi chùa cổ ; sãi trông chùa đánh chuông trống, mặc áo tràng ra rước vào lễ Phật. Mời ngồi, thết trà, cung đôn tươm tăt. Nghĩ sao nhanh chóng thế ! Mới biết, vừa rồi thấy tăng đứng trông chừng rồi chạy lui, cốt để thông báo cho nhà chùa chuẩn-bị trước vậy. Nhà chùa muồn dọn chay, ta bảo hãy chờ sau khi lên núi về sẽ hay.

Ta chông gậy ra cửa. Núi ở phía vai trái chùa. Quanh núi đều cát trắng mịn, gò cao đồng thấp, gió thổi mặt cát gợn thành thủy-ba. Vách đá nứt nẻ từng đường, từng lớp, xem như lượn sóng. Mặt trời dọi vào rêu đá, nơi đỏ nơi đen. Trông ra bồn phía núi cao chắt ngắt, chẳng có lối leo lên. Bỗng thấy trong hai vách đá có một đường hẻm, có những viên đá trắng như ghê ngồi, trên đỉnh núi thường có nước rỉ xuống, nghỉ mát ở dưới như ngồi trông đường hầm. Gió mát lạnh lùng, khiến người gôi đá nằm chơi thiu thiu buồn ngủ. Trèo lên hết hẻm đá, một vùng rộng rãi bằng phẳng, cây cối um tùm. Một ngôi đền cất tựa vách đá không cao lắm nhưng kiên-cồ có thể chịu đựng lâu dài. Đền do Quốc-Sur Hóa-Vương (?) xây dựng vậy. Ra trước đền, một lối đi qua phía hữu, đến cuối đường bẻ qua phía tả, có hai bờ đá rất cao, cây cối dây leo chằng chịt. Cửa động tối mờ, bước vào từng bậc thêm thấy sáng dần. Vào hết bậc thêm, thấy mặt trời sáng trưng, từ kẻ hở trên động dọi xuống ; động tròn lại bằng phẳng, có thể chứa hàng nghìn người ; phía trên có mây khe hở, cành lá giao bóng trập trùng ; khi vượn leo bò ở trên, cúi xuống dòm người, nạt đuôi cũng không chạy. Tăng-nhân ở đó bảo rằng : « Người ít, chúng nó đông từng bầy, cho nên khinh lờn chẳng sợ vậy ». Có một dây song già từ trên hẻm đá thông xuống tận đất, hình tròn bằng miệng chén, dài cả trăm thước, thẳng như dây cung, Đông-Dương-Di (người Nhật-Bản) từng giả nghìn vàng đòi mua, nhưng không bán. Ta sinh bình du-lịch khe động rất nhiều, thấy động nấy sạch sẽ đẹp hơn hết. Tiếc vì bò-trí thần phật, tướng mạo ác tục, làm giảm giá động rất nhiều. Uống trà chưa xong, nghe ón lạnh, liền tìm cửa động đi ra ; trải xem núi hang vài chỗ phong cảnh hẳn như lời người đã nói lúc còn ở Khuê-Phong. Đền sườn núi có hai viên đá dựng đứng như trụ cửa. Đứng trong cửa trông ra, mênh mông biển cả, gió lùa vào quá mạnh, đứng giữa cửa muồn xiêu cả người. Quanh co chuyển qua tay phải, nơi an-trú của tăng-ni ; lối quanh u-tịch, phới phới hoa rơi, chỉ có bấy ong núi vù vù đua nhau cướp nhụy. Am-Chủ mời ngồi, uống một chung

trà, lại đi. Phía tả thềm điện, một lối hẹp quanh co đi xuống, ấy là đường đi gánh nước ; đường dài chừng trăm bước, bắc một cây tre lớn làm tay vịn lan-can ; xuống hết đường, đên gò đá dưới chân gò có hai giếng nước róc rách chảy ngầm ; thông gàu giầy múc nước lên, nước trong veo mát lạnh, uống vào lạnh ghê cả răng. Trèo lên, đi rẽ qua phía hữu, lại có một động rất cao, có một cửa đá, nhìn vào trong mờ mờ có ánh sáng ; người đi theo bảo, đi vào trong, mái động có khe ngách mở sáng như cửa sổ vậy. Lúc ấy đương ngồi trên thạch bàn, sực nhớ nửa năm nay nằm núp ở chùa Thiên-Lâm, chỉ thấy lô-nhờ những nằm mở đồng mã ; nay được một phen du ngoạn, thực đã rửa sạch cả tai mắt trông bấy lâu nay. Chỉ tiếc tòa núi đẹp thế này mà chủ-nhân không gia công đũa gọt ; khiến chỗ nào cũng gai góc dơ dáy, dun dề âu sấu ; ví biết sẵn sóc sửa sang, thì phiến đá góc cây, đều phát ra sinh-thú tốt đẹp vậy. Nhon than sơn-thủy sinh ra trên đời, cũng có chỗ may, chỗ không may ; ở Trung-Hoa một gò đá, một giếng khe, cũng lâu các đình đài, đua chiêm phong-cảnh ; rồi một phen trải qua cao-sĩ, văn-nhân để vịnh, bèn trở nên danh-thắng nghìn xưa. Còn ở nơi xó tối hang cùng, tuy đá tốt núi xinh cũng chôn vùi trông gai cỏ ; may ra chỉ làm nơi ca ngâm cho bọn tiểu mục, nơi ăn nằm cho đàn trâu dê. Rồi một mai chẳng may bị bọn tục tử chú ý, bỏ-trí què mùa, điểm trang dơ dáy, làm cho thần núi thất kinh, khách qua đường ái ngại, thì lại đáng tiếc biết chừng nào.

Cuộc du-lãm hôm nay, không có thơ không được, ít ra cũng phải vì non động ghi danh. Biết đâu nghìn năm sau, nơi rừng bụi hoang-vu, chẳng trở nên phồn hoa đô ập; ve than dề khốc, chẳng đòi ra xướng hát đờn ca; thì danh của núi này, từ ta gây dựng, phải có một vài bài thơ để phẩm đẽ.

Có kẻ bảo, nếu muốn đi xuống, có thể đi theo thang « trăm trượng », đường sau núi để về chùa. Ta bảo. « Thôi thôi, hãy lưu liên vài ngày, để xem khắp phong-cảnh núi này, cần chi phải vội vàng như thế ».

Xuống đên Viện, ăn chay xong, liền thấy võng Quốc-sư, đi theo đường bộ mới đên. Thất kinh : « Sao thuyền đên chóng thế ! Lão Hòa-thượng hãy ở đây du-ngượn vài ngày. Ăn cơm trưa xong, tôi sẽ đi trước vào Hội-An, dặn Cai-Bá lo dọn dẹp sắp đặt ; vài hôm sau, Tôn-Giá sẽ vào cũng được ».

Đương nghĩ để tên núi làm « Hải-Dũng-Phong », tên động làm « Hoa-Nghiêm-Động ». Làm một bài ca, rồi mài đá khắc vào. Giám-quan nghe vậy, bèn thưa rằng « Quốc-Vương khiến ngày nay phải đưa Hòa-thượng đến Hội-An, nếu trề, chúng tôi sợ có lỗi trái lệnh. Vả lại quân-nhân hàng nghìn, chỗ nầy không kiếm đâu ra lương-thực. Xin Hòa-Thượng về thuyền, ngày khác rãnh rang sẽ trở lại. » Ta tiếc sơn-thủy thắng-du, tạo vật ghét ghen gì bấy ! Kê lên thuyền, mở neo chưa bao lâu, mặt trời đã về tối. Thuyền do sông nhánh đi đường tắt, nước rờng cạn, bị thuyền lương ngáng đường, quân-nhân nhảy xuống bùn lầy, kéo đẩy không nhúc nhích. Nội-Giám giận đánh lung tung, quân-nhân nỗ lực vác thuyền đẩy đi. Qua canh hai, đến bờ Hội-an. Vẫn nằm lại trong thuyền, làm một bài trường-ca « Chơi núi Tam-Thai », và hai bài thơ thất ngôn.

BÀI TRƯỜNG-CA Chơi núi Tam-Thai.

Rày ngọn gió tây-nam đã thổi,
 Ruổi Hồng-thuyền ra lời Hà-Trung.
 Đa tình chi bấy Chúa-công,
 Bối hối chưa nỡ dứt lòng phân ly.
 Bên cửa biển sơn kỳ thủy tú.
 Cùng dạo xem cảnh thú Khuê-phong.
 Thuyền về chỉ nẻo Việt-đông,
 Nhìn theo đưa mắt muôn trùng xa xa.
 Trên chóp núi « Vinh-hòa » sơn-tự,
 Cây xanh um, mây từ phía bao.
 Một đoàn quân lính xôn xao,
 Vỡng dù rực rỡ, thương đao sáng lòa.
 Lướt gai góc xông pha cùng tiền,
 Hết bờ dài lại đền rìng sâu.
 Biển khơi xanh ngắt một màu,
 Xa xa nghe tiếng chuông đầu vang rền.
 Lăn bước một, bước lên chậm rãi,
 Dầu nhọc nhằn cũng phải gắng công,
 Đỉnh non buông mắt xa rộng,
 Nước trời man mác hồng-mông một vùng.

Thề hung hiểm xui lòng run sợ,
 Sóng âm vang như rồng lở núi sông.
 Khói đôi diêm diêm từng không,
 Sắc trời đã thây sáng trong dần dần.
 Chỉ đường bảo : « Đi lần theo đó »,
 Đền Tam-Thai ấy chỗ Bồng-lai,
 Thoắt nghe hằng đợi sáng ngày,
 Mỏ thuyền vượt sóng lướt bay tức thì.
 Chèo chém sóng khác chi rồng múa,
 Bọn giao đũa nép ngủ lặng yên.
 Một đêm suốt sáng băng miền,
 Non cao thoắt thây nhân tiền ba ngôi.
 Làn sóng biển đập xoi chân núi,
 Đá lở loang cây cối toi bời.
 Gậy thiền lần bước dạo chơi,
 Đường đi cát nóng mặt trời giữa trưa.
 Vào sơn-tự rau dưa tiếp đãi,
 Trên bửu-tòa hoa giải phù-dung.
 Mờ mờ vách đá rêu phong,
 Vẽ xanh phi-túy, vẽ hồng đon-sa.
 Đi lần đền sơn pha hai đỉnh,
 Ngửa mặt nhìn thây ánh thiếu-quang.
 Vạch cây luôn đá trông sang,
 Cây chằng-chịt mọc, đá ngang-ngổn nằm.
 Núi Thái-Họa nghìn tằm cao vút,
 Cửa Hàm-Quan trét một viên bùn.
 Sơn-đông mách bảo ôn tồn,
 Rằng đây mười bảy động môn rành rành.
 Có một động thiên thành mát mẽ,
 Trong nắng hè như rồng thê ba đông.
 Cứ theo đường tắt cong cong,
 Đi ra sau điện quanh vòng đền nơi.
 Gắn đền cửa có hai vách đá,
 Bước ngập ngừng trong dạ âu lo.
 Mới vô trông thây tôi mò,

Nhường như sơn quý theo dò dàu chân,
 Gai góc vướng áo quần lồi lại,
 Lá bàng khô trở ngại gót chân.
 Lom khom chân bước tới dần,
 Tầng trên như có hé vằng kim-ô.
 Ai khéo trở tròn vo một lỗ,
 Sáng như gương trên đó trông không.
 Trấn hang dòm suốt thiên thông,
 Nhụ-toan lóng lánh như lỏng đèn treo.
 Đá lớn nhỏ cheo leo thẳng cửa,
 Lớn tày đình, nhỏ tựa trướng ga.
 Thiên-công khéo tạo một tòa,
 Một tòa không-động văn-hoa rõ ràng.
 Nơi rộng hẹp có hàng có lối,
 Thấp lại cao, dứt nổi khôn cùng.
 Cửa hang một gốc mây-sông,
 Dài ba trăm thước như rồng có vây.
 Ngồi sờ mó liền tay chẳng ngán,
 Ngồi đã lâu bỗng ớn lạnh lưng.
 Tìm nơi động khẩu ruổi giông,
 Ra ngoài du lãm một vòng thử coi.
 Đưa mắt ngó núi đôi chớm chớ,
 Khấp nơi nơi rục rở linh lung.
 Lên cao nhìn xuống quanh vùng,
 Một giòng suối ngọt đùng đùng chảy tuôn.
 Một tảng đá cũng nguồn hứng thú,
 Một cành cây cũng đủ ngâm nga.
 Tiếc thay thẳng-cảnh sinh ra,
 Không may chẳng gặp văn-gia phẩm-đề.
 Nhiều gai góc bốn bề quái-thạch,
 Điểm tô, thêm quê kịch những loài.
 Than ôi ! thẳng tích nhường nầy,
 Tiếc thay không có tay người sửa sang.
 Nếu trong chôn phủ phường đô-thị,

Có Tam-thai hùng-vĩ danh sơn,
 Thiều chi tài-từ văn-nhơn,
 Rượu tiên vui chuốc, thơ thần ca ngâm.
 Kia chẳng thấy Sơn-âm Nghiệm-thủ,
 Hội Dương-Công (1) vui thú quán hiền.
 Đèn nay danh tiếng còn truyền,
 Không sơn há để dề phiến kêu đêm.
 Nay ta đặt Hoa-Nghiên tên động,
 Đoàn-trường-thiên Hải-Dũng bi minh.
 Tạc ghi nhơn sự sơn linh,
 Tháng ngày mãi mãi để dành về sau.
 Mộc-Loan-Từ đồng du cư-sĩ,
 Thạch Hán-Ông lưu ký đôi lời,
 Nam-Bang để tiếng muôn đời.

BÀI THƠ VỊNH TAM-THAI

Bài thứ 1

Nam-Minh một vũng dựng phan mây,
 Chật ngất từng không khí biển xây.
 Quét sạch mưa mù lên bừu điện,
 Tỏa ra ánh sáng chiều linh-dài,
 Hoa rừng đưa khách đờng thông một,
 Khe núi chia dòng nước rẽ hai.
 Sơn-quỳ đuổi nhau rỗng nếp bóng,
 Khói mây cửa động nửa phen gài.

Bài thứ 2

Sấm vang gió thét sóng ào ào,
 Đàn vượn bên khe thót nháy cao
 Mắt ngắm biển khơi xanh thăm thẳm,

1) Dương-Hữu đời nhà Tần, lúc làm Tổng-Trần Trương-Dương, thường lên chơi núi Nghiệm-sơn, sau chết, dân dựng bia trên núi kỷ-niệm, ai thấy bia cũng chảy nước mắt, thời ấy xưng làm Trụ-Lệ-bi.

*Chân giày dậm cát trắng phao phao.
Cỏ-đăng nghìn trượng xuyên hang đá,
Bích-nhụ muôn tua rù động-đào.
Cát nóng giữa trướng ngồi nghỉ mệt,
Hơi thu bỗng đã lạnh nao nao.*

Sáng bữa sau (tức mồng 2 tháng 7), đình trú ở chùa Di-Đà. Nhà chùa chật hẹp, không đủ chỗ chứa đồngngười, phải phân tán ở Quan-Âm-Đường và các nơi khác. Nghĩ ở tạm ít ngày, sẽ lên tàu về nước; chẳng cần làm thêm nhà cửa, sợ phiền khổ quân dân. Nhưng Cai-Bá chẳng dám làm trái lệnh Quốc-Vương, rạng ngày đã thầy tre gỗ tập nập, buổi sáng khởi công, chiếu đã làm xong tám chín gian liêu-xá, chính giữa dựng một gian nhà rộng để tiếp khách. Vì Hội-An là một mã-đầu lớn, nơi tập hợp của khách hàng các nước; thẳng bờ sông, một con đường dài ba bốn dặm, gọi là Đại-Đường-Cái, hai bên đường hàng phố ở liền nhau khít rịt, chủ phố thầy đều người Phúc-Kiên, vẫn ăn mặc theo lối tiền-triều (nhà Minh). Phần đông phụ-nữ coi việc mua bán. Những khách trú ở đây hay cưới vợ bán-xứ cho tiện việc thương-mãi. Cuối đường là cầu Nhật-Bản, tức Cẩm-Phô ; cách bờ bên kia tức Trà-Nhiêu, nơi đình bạc của các tàu ngoại quốc. Nhân dân đông đúc, cá tôm rau quả tập hợp mua bán suốt ngày. Thuộc Bắc hay các món hàng khác, tìm mua ở Thuận-Hóa không có thì người ta vào mua ở đây. Đại ước Hội-An đông nam bắc ba mặt gần biển, chỉ có phía tây đường núi liền tiếp, thông Tây-Việt và Đông-Kinh. Vì thế cách phía tây chừng mười dặm có đặt một nha trần-thổ như Vương-phủ để phòng ngự lân bang. Khách trú đông đảo, sông thì làm ăn, đèn lúc lâm chung, bơ-vơ lữ-thần, nắm xương đành gửi quê người. Ta nghe nói rất lay làm động lòng, bảo Quốc-sư nói với khách Phúc-Kiên, thủ xương mộ quyền, lập một nơi nghĩa-địa để quy tụ di-hài của những người quá-vãng. Ta Nhân làm một bài Dẫn như sau.

Trộm nghe :

Khánh sinh điều-tử, bè bạn thường tình,
Đắp diêm xương tàn, lòng người phước đức.

Vi thầy di-hài bọc lộ,

Thương thay lữ-thần bơ vơ.

Xa quê hương biết cậy nhờ ai,
 Không giúp đỡ làm sao nên việc.
 Nay nước Đại-Việt phủ Hội-An ấy,
 Ngủ hổ tứ hải, trạm qua lại của thuyền bè.
 Bách Việt bát Mân, nơi tập họp khách buôn bán.
 Thiều chi kẻ Đào-Chu (1) trí phú,
 Há không ai Bào-Thúc (3) chia vàng.
 Thương ôi ngòi rãnh chôn xương,
 Phó mặc trâu dê dậm đập.
 Có kẻ quê miền Giang-Tả, làm sao trở lại Thái-hàng.
 Có người sanh quán Hồ-Nam, khó nổi quay về Hoành-Nhạc.
 Quanh năm trôi nổi, những là nước mắt tuôn rơi,
 Một phút nguy vong, thôi đã tay chân rời rã.
 Đã không kẻ họ hàng thân-thích,
 Lại ở nơi trời biển xa xuôi.
 Oán chắt trời thu, bơ vơ phách quẻ.
 Mộng về cô quận, lập lóe lửa trời.
 Thi-hài bộc lộ ở hoang giao,
 Tin tức ai đưa về cô-lý.
 Lợi danh theo mãi, thân thể hao mòn.
 Hải cốt ai chôn, tở thấy xa lánh.
 Ai ngỡ nửa đường bỏ xác,
 Thương ôi xứ lạ cô hồn.
 Biết đâu tìm hỏi tấm hơi, phương trời nhận lạc.
 Luồng những mong chờ tin-tức, buồng cũ bướm mơ.
 Nhớ ngày nào khằng khái bi ca, buồng dòng nước chảy.
 Nay xứ lạ chu toàn đắp diêm, nhờ khách qua đường.
 Gạo com giúp bạn ngặt nghèo, gương tốt Phạm-Hy-Văn còn đó (4).
 Bó cỏ viếng người quá vãng, thói hay Từ-Nhự-Từ nên theo. (5)
 Giúp đỡ nhau hạt gạo đồng tiền,
 Ơn đức ấy ngậm vành kết cỏ.

2) Tức Phạm-Lãi, năm lần làm giàu, năm lần tán của.

3) Bào-Thúc chia vàng cho bạn là Quân-Trọng.

4) Tức Phạm-Trọng-Yêm, làm tướng đời Tống.

5) Hiên-sĩ đời nhà Hán.

Muôn lập nghĩa trang một sở,
 Phải nhờ thiện-sĩ thập phương.
 Kẻ ít người nhiều,
 Công đức vô lượng.
 Dám ví hạc về hoa-biểu. (6)
 Xin cho trâu ngũ Giới-son (7).
 Treo kiềm Diên-Lãng. (8),
 Chôn cắm Tứ-Kính. (9)
 Chớ từ hợp lực,
 Bỏ cáo đồng tâm.

Viết bài Dẫn trao cho người thủ-xưởng để mộ quyền, Quốc-sư đọc xong, đĩnh lễ thưa rằng : « Chùa Di-Đà nầy ở nơi xung yếu, khách vân-thủy thập phương qua lại đều nghỉ nơi nầy; nay vì lâu năm gió mưa đổ nát, tôi muôn tu bỏ lại một phen, cúi xin Lão-Hòa-Thượng giúp cho một lời làm tiền dẫn. Lão-Hòa-thượng thường lấy bút mực làm việc Phật, chút tình bực bạch, xin từ-bi nhậm lời ». Ta Nhơn làm một bài sớ để khuyến mộ tu-bồ chùa Di-Đà như sau :

Duy-tâm tinh-đỗ, tuy rằng khắp xứ hiện thành,
 Tự tính Di-Đà, há dễ mọi điều đầy đủ.
 Vô-vi ắt nhờ hữu-vi mới tỏ,
 Chơn-đề phải nương thê-đề mới thành.
 Luyện đá vá trời, khen ngợi Nữ-Oa tài giỏi.
 Đem vàng cúng Phật, suy tôn Trương-giả thần thông.
 Kỳ công toàn cậy sức người làm,
 Thiện sự há khoan tay ngồi ngó.
 Nay nhân Phật-tự,
 Dựng tự Đường-triều.

- 6) Đĩnh-Lệnh-Oai học đạo ở Lệnh-Hư-Son, sau hóa làm chim hạc, đậu ở hoa-biểu mà kêu.
- 7) Đào-Khản dời nhà Tần, lúc gần đi chôn mẹ, thầy một Lão-nhơn chỉ bảo trước gò núi nơi có con trâu đương nằm ngủ, ở đó có một huyết mã rất tốt.
- 8) Quý-Trát người nước Ngô, đi sứ ngang qua nước Từ-quân thầy có cây grom bán có ý muôn nhưng không nói ra. Lúc Quý-Trát đi sứ về, Từ-quân đã chết, bèn treo grom trước mộ để tặng. Diên-Lãng là phong-ấp của Quý-Trát.
- 9) Tức Lô-Túc, nghe bạn là Châu-Do chết, bèn chôn đàn không gảy nữa.

Chùa ở Hội-An, thông nẻo tám châu ba quận.
 Tầng đền Đại-Việt, trên đường nước lại mây qua.
 Cửa tiếp-dẫn mở ra,
 Nơi an-thiền ở đó.
 Phía đông trông ra biển, minh-hà liền Bột-hải thần-lâu,
 Mươi dặm cách phía nam, hoa thảo nhuộm Chiêm-thành xuân sắc.
 Pha trà đôi Ngãi-sơn ngồi uống, tha hồ Cao-sĩ ngâm nga.
 Hái sen quanh Sa-chiều dạo chơi, mặc sức danh hiền hội họp.
 Hải hồ ngừng bước,
 Phạm thánh ở chung.
 Đạo trường mở tự ngày nào,
 Nhơn quả còn lưu hiện tại.
 Tuy linh đài không biến hoại,
 Nhưng ngày tháng có đôi dòi.
 Thời xưa đồ, thời nay xây, mặt Phật đương còn mặt người khác.
 Ba ngày mưa, năm ngày gió, nhà tu xiêu đổ nhà trai hư.
 Tượng Kim-Cương bùn đất ở hoen, khó lấy tay không chông đỡ.
 Cột Di-Lặc gỗ cây mục nát, dễ đem lời nói tô bồi.
 Khói lạnh hương tàn, rêu cỏ mọc đầy trừ-thắt.
 Đông qua hạ lại, nắng mưa dầu dãi pháp-thân.
 Tai nghe cũng đã thương tâm,
 Mắt thấy dễ không động niệm.
 Nay có Quả-Quốc-Sư phát nguyện tu-bồ,
 Muốn cùng hảo-tâm-Hán hiệp lực đồng tâm.
 Chớ bảo Tây-phương mười vạn dặm, ngành mặt làm lơ.
 Tuy rằng khổ-hải không bến bờ, quay đầu vượt khỏi.
 Quan quyền dân giả, hãy mau nhờ bè pháp đưa qua.
 Tín nữ thiện nam, chớ chờ đền cùng đường trở lại.
 Có sẵn tín tâm là cực lạc,
 Kịp thời quyền cúng ấy cơ duyên.
 Sao cho đại-diện sơn-môn, lạc thành mau chóng.
 Tất cả tăng-phòng trừ-thắt, mới mẽ sửa sang.
 Biết một cây làm chẳng nên non,
 Xin góp gió chung nhau làm bão.
 Lòng lành vô lượng, vàng từ Trương-thủy tuôn ra.

Công-đức biết bao, của tợ phong lôi đem đến.

Trang nghiêm đã từng biết rõ,

Phước thiện chẳng cần nói nhiều.

Đền đây chưa bao nhiêu ngày, có những tăng nhân chưa kịp thụ giới trong ngày đăng đàn ở Thuận-Hóa, suốt ngày đèn lể. Tàu buôn vì có thâu tiền hàng chưa thanh khoản, nên chưa kéo neo ra cửa. Ta phải tâu xin Quốc-vương phê giấy, phạm quan quân ai còn thiếu tiền của Tàu buôn, bắt buộc phải thanh toán kịp kỳ hạn. Nhật định đèn ngày mồng 10, dời thuyền ra đảo Tiêm Bích La, dự-bị củi nước ; qua ngày 15, 16 sẽ lên thuyền chờ xuôi cho kịp giới.

Tăng tục luôn luôn đèn xin truyền giới, hơn nghĩ còn mười ngày nữa mới khai thuyền, bọn chúng đã thành tâm khẩn cầu, tiếc chi khó nhọc hai ba ngày, không thành tựu cho vẹn toàn công đức ; bèn truyền rao xa gần, hẹn đèn ngày mồng 7 truyền giới.

Đền ngày kỳ hẹn, tứ chúng giới-tử hơn 300 người, đều thụ giới hoàn tất. Khiên Quốc-sư và Hậu-đường cấp phát điệp-văn cho họ, mặt khác tư giấy trình Quốc-vương xin dùng ấn để đóng kiểm điệp-văn.

Khí trời đã sang thu, nhưng càng nắng gắt. Các tăng-chúng tùy trọng nôi nhau ngã nắng, phát hỏa-ban, thang thuốc chi cũng không lành, chỉ ăn dưa hấu uống nước lạnh là khỏi.

Phía hữu chùa, có miếu Quan-Phu-Tử, thờ tự rất huy hoàng ; đây cũng là Hội-quán Phúc-kiến, viên Hội-chủ xin một bài chúc-văn để đọc khi có cúng tế, bèn cầm bút viết cho một bài thơ sau :

Chúc văn

Nên thánh nên thần,

Hay văn hay vũ.

Đọc sách thông đại-nghĩa, mắt từng xem một bộ kinh lân.

Báo quốc tỏ tình trung, lòng ôm giận ba phần chân vạc.

Lòng chỉ có Hán, Thọ-Đình-Hầu há chịu tước Tào-Man.

Mắt đã không Ngô, Kinh-Châu-Hội xem thường mưu Tử-Kinh.

Thâu đêm cảm đức,

Treo ân từ vàng.

Nhứt sinh giữ vẹn lòng trung,

Muôn thuở vãng vang hiển thánh.

Anh hùng từ xưa, xưng vương xưng đế, chưa ai xưng Phu-Tử bao giờ.

Hào kiệt thiên-hạ, khen thẳng khen ngay, được khen tiếng thánh hiển
mây kẻ.

Cao nhân liệt sĩ, nghĩa-khí ngạo vương hầu, nhưng thầy tượng Mỹ-
Diêm-Công, thầy đều thờ lạy.

Hiếu-tử nghĩa-phu, tôn thờ trong một xứ, nay sùng bái khắp thiên-hạ,
đâu cũng cảm-thông.

Xứ xứ phụng thờ,

Năm năm tế tự.

Chúng tôi,

Gặp ngày Thánh-đản, ngày mười ba tháng năm, năm nay.

Dâng lễ điện tiền, hơn hai trăm sáu mươi đồng-chí.

Tôn-thần thượng hưởng,

Thánh đức phò trì.

Phục nguyện :

Sông trong biển lặng, mọi người đều hưởng phúc thái-bình.

Nhà đủ người no, trăm họ thầy mang ơn bảo hộ.

Cẩn cáo.

Ngày 13 tháng 7, thuyền rời đậu chỗ khác, đem những vật hạng nặng chở trước, nhưng phải chờ đến ngày 15 mới ra đảo Tiêm-Bích-La, chừng ngày 20 mới lên thuyền để chờ gió. Vương khiển Phiến quan Thông-lại Đạo và sãi Thiết-phạm đưa ta về nước. Ngày 19 sáng sớm, Giám-quan chinh-bị 40 chiếc thuyền Điền-xá (thuyền đánh cá), chở ta bằng Hồng-thuyền. Sau giờ ngọ, mở neo, lúc ấy ta tuy mừng đã gần về nước. Nhưng nghe tin gió, thể nước đã quá kỳ, chưa chắc đi được. Lo không nói ra, sợ điềm xấu. Đèn cửa biển đậu lại, chờ con nước đêm để ra cửa. Canh ba, mọi thuyền đều khởi hành, rạng sáng đến Tiêm-Bích-La. Trên tàu định chia làm 12 « mã-ly » (chia từng ô để nằm), tuy chật hẹp nhưng vì hồi hương, nên cũng không quan tâm lắm. Vương sai người hỏi thăm, mọi thứ cẩn dùng, xem chẳng thiếu món gì, nhưng còn trở gió, nếu

trì trễ lâu ngày, cản trở thêm gạo nước, nhưn viết giấy giao cho công-sai trở về báo-cáo. Hai ngày sau, đã thấy chở đên 40 gánh vừa gạo trắng, vừa gạo đỏ. Ta rất lầy lăm lạ lúng về sự tiếp tế mau chóng. Có người biết thừa rằng : « Trong ấy có đường voi đi, một lối đường tắt để thông hành khi có việc cần kíp, có thể một ngày đi đên Thuận-Hóa ; có lệnh truyền đên, các thuyền lương đậu trong cửa biển, lập tức chi phát, cho nhen mau chóng như vậy ».

Nội-Giám Cai-Bá cáo từ lui về. Thuyền cũng chinh-bị, lầy thêm nước, chờ có gió là kéo buồm. Các tăng-chúng tùy trượng, lúc ở trong chùa Di-Đà, không một người nào chẳng lên ban phát nóng. Chỉ có ta chưa chi, trông chừng tránh khỏi ; ngờ đâu lên thuyền đợc ba ngày, đã phát nóng phát lạnh.

Mây ngày liền đều thổi gió đông bắc, hơi mưa mù mịt, trông chẳng thấy núi. Những người lão luyện ở đây bảo rằng : trời đã « làm xuân ». Khí hậu nước Đại-Việt, lầy thu đông làm xuân hạ, trong mùa thu đông thường khi mưa dầm liên miên mây mù tứ phía, các khe nước đầy dẫy, đường vắng người đi. Những lúc ấy thứ gì cũng lên giá. Một bó củi 10 đồng tiền, nẫu chẳng chín nổi cơm. Bởi thế người ở đây đều lo dự phòng mọi thứ, gọi là « Làm xuân ». Lúc ấy thì, trăm núi mịt mờ, mênh mông biển cả, thuyền chẳng dám rời bến đi xa.

Chúng bịnh vì gió mưa thêm nặng, còn một chút hơi ngoi ngóp, nằm xếp nép trong thuyền. Khiến sãi Thiệt-Phạm chèo thuyền trở lại Hội-An đón thầy thuốc, luôn tiện báo cho nhà vua biết việc thuyền đơng trở gió.

Đền ngày 27, quá ngo, trời hơi tạnh, suốt đêm trời có sao, sáng ngày sa mù. Sáng bữa sau, tức tốc khai thuyền. Thuyền chủ vẫn lo gió không đợc thuận, phàn nàn bảo rằng : « thầy sãi sai đi chưa về, Lão-Hòa-Thượng đơng đau, không có thầy thuốc thì sao » ?

Lòng về nóng như lửa đốt, bèn đốt đuốc thắp hương, day về hướng tây-nam quỳ lạy, đợc chú cầu gió. Chiếu lại, gió tây-nam bắt đầu thổi, sãi Thiệt-Phạm cũng đã về đên.

Qua ngày 30, đánh thanh-la nhỏ neo. Mây mười chiếc điển-cô, (thuyền đánh cá) cột dây dắt thuyền ra cửa. Gió thổi thẳng buồm, đơng khao khát trở về, lòng vui xiết kể.

Đêm ấy, Mộc-Loan chiêm bao thấy một người mình mặc áo cầu, đai mao rất phong nhã, đương trong mộng, kinh ngạc làm sao chồn nẩy có được người phong-nhã như thế kia ! Người ấy bảo Mộc-Loan rằng : « người từng đọc sách Giới-Tử, tự nhiên biết ta. Còn về Lão-Hòa-Thượng, giúp nhau chẳng khó gì nhưng ta có lời báo trước cho biết ». Nói đoạn, người ấy cởi chiếc thắt-lưng bằng da giao cho Mộc-Loan và bảo rằng : « người vì ta trao lại vật nầy cho Lão-Hòa-Thượng, nhân-duyên sau nầy đều ở trong ấy ». Tỉnh dậy, còn nhớ rành rành tất cả, thuật lại với ta. Chẳng hiểu ý gì, nhưng lúc ấy thuyền đang đi mau, chẳng để ý bàn giải.

Gió nam thổi dịu dần, thuyền chạy vát tới vát lui, chẳng tiền được bao nhiêu. Bỗng chốc mưa lớn, gió bắc thổi mạnh, thê không chạy tới được, cả thuyền đều lo ngại vì quãng đường Trường-Sa (Bãi dài). Ta khoác y vào niệm chú. Hồi lâu, phía đông-nam một trận gió bão nổi lên, đêm tối mây mù, ngửa bàn tay chẳng thấy. Mọi người đều sáng hớn, mừng-tượng trông thấy rồng bay múa hai bên thuyền, ước chừng một canh, rồng bay đi. Khoảng đường gió bắc thổi đi nầy giờ, trong giây phút đã thấy thuyền trở lại chỗ cũ. Sau cơn mưa, màu trời sắc biển sáng suốt gần xa ; đèn đây lòng về đã nguội lạnh hết vậy.

Sáng ngày, mây tạnh trời quang, xa xa trông thấy ngàn núi, cách chừng vài mươi dặm, vẫn thấy đảo Tiêm Bích-La. Theo gió xuôi vào sơn-cảng, người trong thuyền đánh trống tạ thần, đều giơ tay lên trán nói rằng : « Thực là sông sót ».

Luôn mấy ngày gió to sóng lớn, các thuyền nhỏ ở mé biển đều kéo lên bãi cát. Ta lúc ấy tuy nóng lạnh và đau bụng hơi bớt, nhưng ăn uống không được, vả lại bị sóng nổi mấy ngày, thân hình gầy gò, chỉ còn xương tàn một nắm mà thôi. Mộc-Loan bảo với người hầu tên Diệc-Nhi rằng : « Nay trời biển như thế, coi mời thuyền không chạy được. Nghe nói trên núi nầy có am thờ Quan-âm, sao không mời Lão-Nhân lên bộ, cho huyết mạch được lưu thông, may ra có thể ăn uống được. Vừa rồi nghe người ta nói, đèn ngày mồng 6, chắc có gió lớn. Người xứ biển am tường sóng gió, không thể không tin. Há nỡ để Lão-Nhân trong lúc đương đau, cứ nằm chịu sóng nổi như vậy » ? Diệc-Nhi không nói rõ với ta. Y lên bờ dạo xem, rồi đem hai chiếc thuyền nhỏ đèn giục ta lên bộ. Lúc ấy, sóng gió dần dần nổi lên rất lớn.

Quan-Âm-Đường cách xa vài dặm, không thể đi đến. Ghé vào một ngôi nhà tranh nghỉ tạm; cửa nhà rất thấp, đi vào phải khom lưng tránh khỏi đụng đầu. Kiểu nhà gần biển, sợ gió thốc, nên đều làm thấp như thế. Vừa ngồi yên, sóng gió nổi lên ùng ùng. Đèn đêm sóng gió lại càng dữ dội, cát bay đá chuyển, nhà lá đều đổ xiêu. Sóng đánh vào núi nghe âm âm, kinh hồn lạc phách. Ta may được mảnh đất gởi thân, nghĩ mấy người đương ở trên thuyền, gặp lúc hiểm nghèo, sông thác chỉ cách nhau sợi tóc, đêm nay sẽ lo sợ biết chừng nào. Nhưng đêm tôi sóng to, biết làm sao được. Suốt đêm trần trọc, nằm ngủ không yên. Sáng ngày, có người ở thuyền chạy lên, reo mừng « sông sót ». Tình trạng đêm qua như thế nào, thôi khỏi phải nói.

Qua một ngày, khí trời quang tạnh, ta gắng chống gậy đi ra ; hỏi thăm người bản-xứ, mới biết đây là núi Cú-Lũ (six), nơi Cát-Hồng xin bỏ làm quan Lệnh ; tuy nay đơn-sa không còn, nhưng hình thế rất tốt, chắc địa-mạch vẫn còn thiêng vậy. Mấy hòn đảo bao quanh như vành ghê, ở giữa một vùng đất bằng phẳng ; phía đông khuyết, có hai hòn núi, hai bên đối nhau như cửa ải, làm cửa cho tàu thuyền ra vào. Trực tiếp dưới hòn núi chính (chủ phong), có miếu Bàn-Đầu-Công ; phía tả miếu chừng một trăm bước, có một suối đá, nước trong và ngọt, người trong thôn ra đó múc uống. Đàn Ông đàn bà đến suối tắm rửa suốt ngày, không khi nào hờ. Sách Tục-Ký chép rằng : « Dân ưa tắm », thực quả đúng chẳng sai. Dưới chân núi, một bãi cát bằng phẳng hình bán-nguyệt. Có rã rác chừng non trăm chiếc nhà gianh. Trừ những người già cả và trẻ con, có chừng 300 tráng-dinh, dân nội-tịch, sanh nhai bằng hai nghề đánh cá và hái củi. Cá mắm bảy mùi hôi, nhà nào cũng vậy. Núi toàn đá, cây cối rậm rạp, hoa quả khắp núi, làm đồ ăn cho chim chuột và mục-đồng. Ngôi miếu cũng khá rộng lớn, thần rất thiêng. Thuyền bè qua lại đều lên cầu cúng. Ta khiến Cai-Xã mở khóa cửa, người theo-hầu thấp hương ; xem thần-tượng, đọc phong-hàm, mới biết miếu thờ Hán-Phục-Ba Tướng-quân, người trong nước tôn xưng thụ-hiệu làm Bàn-đầu-Công vậy. Kéo màn xem thần-tượng, thấy rất nhỏ nhả phong lưu. Mộc-Loan thất kinh nói rằng : « người trong mộng tôi thấy đêm trước, giống hệt tượng này vậy ». Mới nhớ ra, « Giới-Tử-Thư » (10) là sách của Phục-Ba làm. Ngài coi đây da đưa cho, là lấy nghĩa « Bội

10) Mã-Viện có làm Giới-Tử-Thư để dạy con.

vi » (11). Thần báo mộng rõ ràng, cho biết như duyên còn nên hoãn lại, năm nay chắc chẳng được về vậy. Có một tấm bảng phân treo ở vách tường, trên có khắc một bài thơ thất-ngôn của Từ-Phu-Viễn, chữ bị bụi mờ, chùi ra còn đọc được. Bài thơ rất hay. Ta cũng bắt chước làm một bài viết lên vách như sau.

BÀI THƠ

Sóng xao cuộn cuộn, đá nham nham,
 Hán-Tướng đến thờ đỉnh núi lam.
 Giới hạn từ xưa non rẽ cỏ,
 Bắc Nam nay thấy biển giăng buồm.
 Gẫm trong thần mộng câu « tam phục »,
 Báo trước ngày về thư một hòm.
 Nghìn thuở oai linh lưu tượng cũ,
 Trời thu bóng xế nước An-nam.

Một chiếc tàu hiệu « Mã-Tào (tàu ngựa) ra biển chạy trước thuyền ta mấy ngày, bữa nay cũng lui trở lại. Tàu ấy có tiếng chạy hay như trên biển, bạn thuyền cũng tinh-nhuệ, đèn nay đã ba lần ra chạy, đều phải trở lui; bởi vậy mọi người đều quyết ý « áp đông ». Áp-đông là một danh-từ dùng chỉ sự đình lưu qua mùa đông của các tàu buôn vậy. Thiết-Phàm ra báo cho biết Vương chưa trở về. Bồi hồi ta ngồi trên bàn thạch làm mười bài thơ « Cú-Lũ trở gió » như sau.

Bài thứ 1

Đã đi còn trở lại,
 Sương gió động lòng quê.
 Niềm vẫn lo thân phận,
 Duyên còn vướng sơn Khê.
 Đảo hoang không vướng hú,

11) Hàn-Phi-Tử, thiên Quan-hạnh : « Tây-Môn-Báu, tánh cấp, thường bội vi dĩ tự hoãn » (Người Tây-Môn-Báu có tính nóng, thường đeo dây da để hoãn tính lại). Nay chiêm bao thấy thần cõi dây da cho, ý thần bảo còn phải hoãn lại, chưa về được.

Gò cũ có chim về.
 Gió bắc liên ngày thổi,
 Trước rừng mưa dầm dề.

Bài thứ 2

Năm đã thu hầu nửa,
 An-nam mới « làm xuân ».
 Sóng mòi vang suốt sáng,
 Mưa gió luôn cả tuần.
 Khói núi un xanh biếc,
 Nước khe chảy trắng ngần.
 Du-đồ-ký có chép :
 « Ưa tắm tục phương-dân ».

Bài thứ 3

Điện-cô mây chục chiếc,
 Dây buộc kéo đưa tàu.
 Chiêng trông tiếng vang dội,
 Tây-Nam gió gập châu.
 Trở về cảng « Cú-Lũ »,
 Hời đèn am Bần-đầu.
 Muốn cậy sức thần thánh,
 Dương bướm về Quảng-Châu.

Bài thứ 4

Lưu-luyện ý thuyền chũ,
 Chậm trễ bởi sóng sa.
 Nhơn tình nhưòng ấy đó,
 Thời-tiết thề kia a !
 Gió dậu thuyền khôn tiên,
 Nước xoay chèo khó qua.
 Quê nhà lưỡng mộng nhớ,
 Về trễ riêng gì ta.

Bài thứ 5

Cõi bờ đời Hán mở,
Huyện-lệnh Cát-Hồng qua.
Tu luyện vắng Tiên-lại,
Đền thiêng thờ Phục-Ba.
Núi gò đầy mưa gió,
Phường phật chuyện đơn-sa.
Chỉ thấy đoàn ngư mục,
Tơi nón đạo yên hà.

Bài thứ 6

Mình ôm lại say sóng,
Vào nhà lưng uốn cong.
Trời thu đương bão lớn,
Mái cỏ bị gió tung.
Đền xóm leo heo ngọn,
Chim rừng ướt xù lông.
Lênh đênh giữa dòng nước,
Thương mây gã tùy tòng.

Bài thứ 7

Sắc thu gượng dậy ngắm,
Chông gậy tới bờ khe.
Sầm vang, sóng dưới núi,
Cát nhóang trắng bên đê.
Hoa trái quan cầm hái,
Vượn kêu đói thắm thê.
Chiều hôm bướm trở cánh,
Con vợ mừng cá về.

Bài thứ 8

Sinh nhai nghề chài lưới,
Vật thực sẵn cá cua.
Không lúa lo kiếm gạo,
Có tiền ra chợ mua.

Chiều màn nức mùi mấm,
 Cây cỏ nhuộm màu thu.
 Nam-Việt nay lưu trệ,
 Ngày dài biệt về đâu.

Bài thứ 9

Trăng thu dọi nhà cỏ,
 Gió biển thổi rừng sâu.
 Quê nhà mây nước khuất,
 Đất khách gió mưa sâu.
 Rùa biển nhào sóng giỡn.
 Chuột đồng đứng núi kêu,
 Giật mình trong cơn lạnh,
 Bóng trúc ngã đầu đầu.

Bài thứ 10

Tặng ta rau một bó,
 Nhìn nhau mỉm miệng cười.
 Rau đâu xứ biển có ?
 Thăm viếng cảm ơn người.
 Tàu biển còn lưu trú,
 Sứ Phiên chữa đẹn nơi.
 Dưới trên không bè bạn,
 Lòng quê luông bồi hồi.

Ngày ấy Thiết-Phạm đã đem thuyền đến rước. Chiều lại trở về Hội-An, Vương khiến Nội-Giám đưa thư đến, muốn phái Hồng-thuyền rước ta trở ra Thuận-Hóa để cung dưỡng. Ngặt vì trong mình đương đau, không chịu nổi đồ giang nhọc nhằn. Bèn trở lại chùa Di-Đà, tu bỏ nhà cửa để an trú đồ đệ. Ta sẽ kiếm thuốc thang điều-dưỡng, vui tình văn mặc, tiêu-khiên cho qua tháng ngày. Thong thả sẽ trở ra Thuận-Hóa, để yết kiến Quốc-Vương. Chẳng ngờ Vương nghe ta chưa về được, mừng rỡ nói rằng: « Ta khản khoản cảm Lão Hòa-Thượng ở lại chẳng được. Nay nhờ thần-gió vì ta ngăn lại, há chẳng phải vì nhân duyên túc thế, nên trời cô lưu Hòa-Thượng lại nước ta đó sao ? » Vương giục Quốc-Sư vào đón, nhưng vì

trời mưa lụt chưa đi được, bèn khiến triết phương-trượng ở chùa Thiên Lâm, sửa soạn lại chùa Thiên-Mụ, sai người vào thỉnh ; kế tiếp được tin ta đương bệnh, chưa có thể ra được ; bèn khiến người đưa thư và nhơn-sâm vào cho. Ta thâm cảm tâm lòng quyền uyển của Quốc-Vương, làm một bức thư, khiến người đem ra đáp tạ.

BÀI THƠ

« Trước đây Lão-Tăng vạn bất đắc dĩ muốn trở về chùa cũ, điều đó Vương cũng đã thông cảm cho.

Lúc ấy Vương khẩn khoản bảo rằng : « Lão-tăng chẳng đành lưu được hai ba năm. Cũng nên rón ở chừng một năm, cho ta được thỏa chút lòng cung dưỡng ».

Lão-tăng nghĩ mình phước mỏng, buộc phải đau lòng từ biệt ; Vương thông lãnh văn võ bá quan, tiễn chân ra đến cửa biển, lên viếng cảnh Khuê-Phong, rồi cho thuyền đưa vào Hội-An, đến đảo Tiêm-Bích-La. Đến lúc Lão-tăng lên tàu, tiết thu đã muộn. Thuyền-chủ và đồng bạn đều bảo rằng gió bắc thổi mạnh, chẳng khá buông buồm. Lão-tăng niệm chú cầu gió nam. Qua ngày sau, gió tây-nam thổi lên, trông đánh chiêm hồi, dương buồm ra biển, đi được hai ngày đêm, gió bắc lại thổi lên, thuyền không đi được. Lão-tăng lại cầu gió. Chiều lại gió nam thổi thẳng buồm. Thuyền đương đi rất mau, bỗng gió bắc nổi dậy, mưa như trút vò, rần múa rống bay, trời long đất lở, cơ-hổ giữa bãi dài muôn dặm, chẳng khỏi bụng cá chôn thây Ta chỉ ngồi lặng thinh niệm chú. Trong lúc hoang mang bó tay chờ chết, bỗng một trận gió đông-nam đưa thuyền trở lại đảo Tiêm-Bích-La. Nghĩ bụng trời cũng có ý khi nghèo trọng giàu, chẳng thể, sao thổi gió ngược làm gì, cho Lão-Tăng đi chẳng được đi, mà Quốc-Vương lại được toại nguyện « một năm cung dưỡng ».

Quốc-Vương nghe Lão-Tăng chưa đi được, mừng rỡ nói rằng : « Trời chịu lòng nguyện của ta vậy. » Bèn lập tức khiến Nội-quan phát Hồng-thuyền đón ta về Hội-An.

Lão-Tăng muốn ra triều-kiến ngay, nhưng vì sóng gió dỗi đập hơn 20 ngày nay, hiện nay đương đầu nhưc, bụng đau, phát nóng phát lạnh.

Các tăng-chúng tùy tùng cũng đều đau cả. Lão-Tăng đương phàn nàn vì đau chưa ra yết-kiến được. Thê mà chưa đầy nửa tháng., Vương lại đưa thư hỏi thăm và mỗi lần đều biếu cho hơn-sâm. Lão-tăng thực thâm cảm, rất lây làm áy náy. Lòng ân cần của Vương tỏ ra thấy trò chí tình. Nhưng luôn luôn phiền lụy Quốc-Vương, Lão-Tăng cũng chẳng biết lây lời nào cảm tạ ; chỉ biết khăn vái mây trời trắng biển, xin soi sáng cho « Thiên-Túng Đạo-Nhơn » của ta.

Ngày gặp gỡ chẳng xa, sẽ còn nhiều chuyện thưa gửi. Trời thu mưa gió, chẳng nói dong dài.

Mưa dầm luôn mấy ngày., nước sông tràn ngập. Đâu thuyền ngay trước cửa chùa. Khí-hậu dần dần trở nên mát mẽ. Có người hầu từ Thuận Hóa trở về, thuật chuyện khi yết-kiến, Quốc-Vương tỏ ý thân thiết mừng rỡ, hỏi thăm Lão-Hòa-Thượng ăn ngủ như thế nào ? Được biết Lão-Hòa-Thượng đương đau, Vương bảo rằng : « Nếu thê tùy Lão Hòa-Thượng phương tiện, hãy nghỉ ngơi điều-dưỡng, ngày nào muốn ra Thuận-Hóa, Ta sẽ sức bắt phu ngựa tiếp đón. Nhưng chớ mãi lưu luyến Hội-An, ta trông Hòa-thượng như nhà nông trông được mùa vậy. Nay đường xa cách trở, nhứt thiết cung dưỡng, không làm sao cho chu đáo được, lòng ta áy náy chẳng yên. Xin gửi vào một cây vải Hoa-Lang (Pháp-quốc) và các thứ tơ đoạn, để Lão-Hòa-Thượng may thêm áo mùa đông ; còn các tăng chúng, đều may cho mỗi người một bộ áo vải quỳên » Quốc Vương lại sai một viên Nội-Giám theo vào hầu hạ.

Băng-nhãn Văn-chức Thê-Nam, Vương-huynh Lệ-Tuyên-Hầu và Thiệu-Dương-Hầu, nghe tin ta trở lại, đều mừng rỡ khiến người đem thư vào mời. Ta làm thư hồi đáp.

THƯ GỬI CHO VĂN-CHỨC THÊ-NAM

Lão-Tăng vốn là một người có tính quyết liệt, nhưng giờ đây, ở đi hai ngã, chẳng được tự-do theo ý muốn của mình.

Mùa thu trước mong Quốc-Vương thành khẩn cho mời, tự bảo dướ i chân đã dứt mỗi chỉ hồng, chẳng còn bị ràng buộc, bèn nhảy tót ra núi, lên tàu thẳng đên Đại-Việt.

Từ ngày đèn quý-quốc, mộng vương-thần nhiều người quy y, cũng muốn cùng quý-công được bàn hoãn sớm thôi.

Nhưng ở nơi chùa cũ có một cái câu móc « đại chúng » nó cứ móc mãi lòng ta, chẳng về chẳng được. Ở đây, Quốc-Vương muốn lấy quả neo neo ta lại, cũng neo chẳng được, ta chỉ muốn về chùa cũ mà thôi. Ngờ đâu Long-thiên ngoài biển, muốn hợp theo ý Quốc-Vương, chẳng dùng móc, chẳng dùng neo, chỉ dùng mây trận bắc-phong thổi ta trở lại.

Muốn đi đi chẳng được, muốn ở ở chẳng yên, khôn tới khôn lui, bối hồi đạo lộ. Gắn đây bị sóng gió dổi đập, phải lui lại dưỡng bệnh ở Hội-An, khác nào con chuột già chui vào sừng trâu, quay mình chẳng được ; cò chân duỗi chân, nếu chẳng bị câu móc chùa cũ kéo lui, thì lại bị quả neo quý-quốc tri lại. Mây ngày nay lại bị thổ-dân kéo đến quây nhiễu. Thêm vào đó, trong ngoài ma quỷ, phá phách lung tung, làm ta phải mất công để phòng ngăn chông. Tìm đâu thầy giải-cứu Bồ-Tát, đâu Phật Dược-Sur trở lại, cũng chẳng chữa lành bệnh ta.

Xây vừa có người Tàu biểu cho một ít rau cải Nhật-Bản, ăn được vài bát cháo loãng, nghe trong bụng khoan khoái ít nhiều ; nhưn nghĩ làm một vài bài thơ, tiêu sầu khiển hứng ; nhưng nghĩ quanh nghĩ quẩn, nghĩ mãi chẳng được một câu. Ngẫu nhiên ra ngoài, ngồi xôm trên ván cầu nửa ngày mới nghĩ được một bài bát cú ; trở về phòng nằm ngủ, lầy chần trùn đầu, nằm trên gòai nghĩ mẩn mò mãi, được thêm ý tứ một bài nữa ; làm luôn mấy bài, tính viết ra trình Quý-Công ; ngộ hẩu trong bữa ăn gia đình, cùng với Cụ-Cồ, làm món quà cho các Ngài vỗ tay cười chơi cho vui.

Nay ta lại tiếp trước thư của Quý-Công, bởi vậy chẳng chờ làm xong thơ, vội vàng viết mấy hàng này gửi ra hậu báii.

Tuy tán tỵ việc thường, chẳng cần bận nghĩ. Ta chỉ nghĩ, sau lúc chia tay, chẳng biết Quý-Công, ngoài giờ thăm viếng Cụ-Cồ, có từ tạ hết tục-vụ để lặng ngồi đọc sách hay chẳng ? Trong lúc tuổi trẻ, một tấc quang-âm là một tấc vàng ; thế mà nhiều người coi vàng ấy như phân-thổ, phung phí một cách rất đáng tiếc. Như Lão-Tăng đây, lúc tuổi trẻ cũng ham đọc sách, nhưng chỉ vì nhiều bệnh, nên học thư học kiếm, môn nào cũng không thành. Sau theo Hoàng-Diện Lão-Tử (Lão-Tử mặt vàng : Phật), học theo lời chẳng cần văn-tự, trải ba bốn mươi năm nay, gọi là có chút ít trí-thức ;

thường khi mở đàn chủ tiệc, có mấy trăm đại-chúng la liệt trước tòa ; nhưng tự xét kiến-vấn hẹp hòi, vẫn lầy việc chẳng từng đọc sách làm hồ thẹn. Thường nghĩ, nếu lúc nấy cho mình được như lúc mới 21, 22 tuổi, ra công học hỏi thêm mười năm nữa, đến lúc 33, 34 tuổi mới ra đời truyền đạo Phật-Tổ, chẳng là được thêm một phen sáng sủa hơn hay sao. Trong trời đất không ai đã già còn trẻ lại, chẳng qua chỉ mơ ước hảo huyền vậy thôi. Việc đời mười phần đã bỏ đi hết tám chín, ăn năn cũng chẳng kịp nào. Nay mừng Quý-Công sinh trưởng trong gia-đình lễ-nghĩa, trên có Cụ-Cô là bậc đại-thần đương triều, tả hữu có thầy hay bạn giỏi vừa giúp ; chẳng qua mười năm mài kiếm, đã hay ra biển chém rồng, còn gì sung sướng hơn nữa. Chỉ sợ lãng-phí thì-giờ, nên lầy lời hồi hận của Lão-tăng, làm roi quật bóng ngựa Truy-phong vậy.

Quá yêu Quý-Công, hạ bút nói thẳng, lỗi lầm xúc phạm, xin rộng lòng tha thứ cho.

Bài thơ phúc Lệ-Truyền-Hầu, anh thứ hai của Quốc-Vương.

Gấp gấp muốn về, vội vàng từ biệt ; trong lúc bồi rồi công việc, được anh em Hiến-Vương tiễn đưa một đỗi rất xa.

Vào đảo Tiêm-Bích-La, đã lên tàu vượt biển ; chỉ vì gió nam chẳng tiện, buộc lòng phải trở lộn lui.

Lại được Hiến-Hầu khiến người đem thư thăm hỏi, mới biết trong khoảng tháng tám, Hiến-Hầu được gia quan thăng lộc, chẳng xiết vui mừng. Một bậc lang-miêu nguyên-huân, chẳng bỏ roi kẻ già nua ngoài cục, ấy là chỗ hơn người của Hiến-Hầu vậy. Tưởng tượng : trung-thu giai tiết, trong lúc Hiến-Hầu được dâng rượu, chắc có xướng bài « Thụ vinh hoa phú quý trường xuân ». Lão-Tăng nên chông gậy vượt núi ra nói với Hiến-Hầu rằng : « Người học đạo tại gia chẳng bị công danh phú quý mai một, nếu ở trong phú quý biết dùng công-phu, cũng sẽ đi đến kết-quả tốt đẹp. Lời xưa bảo rằng : « Xứ xứ lục dương kham hệ mã, gia gia hữu lộ đáo Trường-an », (Nơi nào cũng có cây dương để buộc ngựa, nhà nào cũng có

đường đi đến Trường-An) là vậy đó». Chúng ta sẽ cùng nhau nói chuyện mười ngày cho thỏa thích, một là để mừng Hiên-Hầu, hai là để mở lòng, ba là vì học đạo, một dịp được làm ba việc tốt, còn gì vui hơn.

Nhưng nay Lão-Tăng còn yêm lưu ở chùa Di-Đà, vì bị sóng gió đối đập mây bủa trên tàu, vừa thỏ vừa tả, gân cốt rã rời, chỉ còn mấy đoạn xương cứng chưa gãy mà thôi. Hằng ngày đương chống chọi với ma bệnh, cũng tưởng mượn bệnh để qua loa cho rồi việc, ngờ đâu bệnh chẳng thành bệnh, việc chẳng thành việc, ngơ ngơ ngật ngật, nghĩ cũng buồn cười.

Nay được ngài hỏi đến, xin cho thư thả ít ngày, hết bệnh sẽ ra hầu. Trong bụng còn bao nhiêu chuyện muốn nói, thư chẳng hết lời, xin chờ ngày gặp mặt.

Thư gửi Thiếu-Dương-Hầu, vương-huynh thứ ba.

Đại-Si Đạo-thê không được yên. Lão-Tăng cũng đương đau, không thể bay đến hầu thăm, trong lòng rất lấy làm ân hận. Người ngoài cuộc chẳng có gì hệ lụy, chỉ thiên giai tri kỷ, đạo nghĩa ưa nhau, chưa được hầu thăm trước giường, làm sao khỏi ngùi ngùi tắc dạ.

Vừa tiếp lai-thư, mừng rỡ khôn xiết. Vâng lời dạy rằng : « Tinh đời âm lạnh, biển đời chẳng thương ». Xưa nay đều than như vậy, nhưng biết đâu cả thê-giới chỉ có một chữ lạnh, làm gì có chữ ấm, điều đó Hiên-Hầu đã biết rõ, khá phát một trận cười dài.

Trong ngày Thọ-Đãn, Lão-Tăng lú lẫn, không ra chúc mừng, thật có lỗi rất lớn.

Gần đây, khách-song vừa ốm dậy, chăm mực vẽ được một bức « Thương tùng điệp chướng » (cây tùng xanh trong rặng núi), để từ một câu : « Chỉ tại thứ sơn trung, vân thâm bất tri xứ » (chỉ ở trong núi ấy, mây kín biết nơi nào), xin gửi dâng để hình dung dáng điệu cô kính của Hiên-Hầu ; tuy chẳng tả hết cao-hoài, cũng chút tỏ bản sắc của Lão-Tăng vậy. Chẳng biết có xứng đáng với tinh cao đức tốt hay chẳng. Lão thảo đôi lời, ý riêng khôn tỏ.

Ngày nọ ốm dậy, đương ngồi ở nhà cỏ, có khách ghé qua hỏi rằng : « Mùa xuân sinh, mùa hạ lớn, mùa thu thu liễm, mùa đông tàn tạ, ấy là khí hậu chánh của bốn mùa. Chỉ có nước Đại-Việt trái hẳn, thu đông mưa gió, muôn vật tốt tươi, đến xuân hạ lại khô héo hết, tại có sao vậy » ? Ta trả lời rằng : « trời đất rất lớn, khó lấy danh-từ để chỉ rõ, đại-ước chỉ một khí xoay vắn chẳng nghỉ, chẳng có thu đông riêng biệt, cũng chẳng có khí-hậu chánh với bất chánh khác nhau ; chẳng qua tự người ta gượng lập danh-từ, theo thói quen để gọi vậy thôi. Do một khí chia ra làm âm dương, định theo phương-vị thì đông nam thuộc dương, tây bắc thuộc âm ; tây-bắc là núi, đông-nam là biển ; núi thuộc dương sinh ra âm-phương, biển thuộc âm sinh ra dương-vị, ấy là âm-dương sinh ra phương-vị, đắp đổi làm « thể, dụng » lẫn nhau vậy. Chúng ta thấy rằng sô lẽ (cơ) là gốc của sô chẵn (ngẫu), sô chẵn do sô lẽ sinh ra ; độc dương chẳng sanh, cô âm chẳng trưởng, đông nam dương-vị, nhiều nước, làm dương-chất mà âm-dụng. Do đó mà phân tách, thì nước cũng là âm dụng mà dương chất. Nước mặn ban đêm phát ra ngời sáng, ấy là một chứng-nghiệm. Nước Việt ở về cực-nam, chung quanh bao bọc bởi biển, thuận-âm làm dụng mà hàm có chất dương ; đến thu đông là mùa cùng âm, đất mỏng nước nhiều chất dương bị xao động không giữ chặt được phải phát tiết ra, rồi xông bốc lên thượng tầng, khí âm sa xuống làm mưa móc tưới nhuần muôn vật ; dương-phương đất ẩm, muôn vật nhờ vậy mà phát sanh. Còn ở tây bắc-phương đất dày, trong mùa thu đông, dương-khí giấu nép, khí âm ngưng ở thượng tầng, không giao thông được với khí-dương, sa xuống làm sương tuyết, làm cho muôn vật bị tàn tạ. Ấy là điều dễ biết, có thể nói được. Đến như Tạo-vật mật mờ, không đầu không cuối, có điều chỉ lấy thần trí mà lý-hội, không thể lấy lời nói mà giải rõ được. Điều đó, kẻ cư-sĩ này chẳng sao biết được ». Khách nghe nói vâng lời lui ra.

Nhơn khí-hậu bất đồng như thế, nên người bản chất bắc-phương đến đây hay sinh bệnh, thêm vào điều dưỡng không đúng phương-pháp, bệnh dễ sinh nặng. Trước đây mấy ngày, được tin người hầu tên Cỗ-Nhai người Giang-bắc, vừa qua đời ở Thuận-hóa. Nay chủ-nhơn Điểm-Ba-Đường, người Sơn-Tả, cũng vừa viên-tịch ở Hội-an. Vẫn biết sông thác do mệnh trời, nhưng người ta cũng có quyền di-chuyển. Sự đau yếu chết chóc, phần nhiều cũng do bắc nam bất phục thủy thổ mà ra.

Ngày tổng chung Diêm-Ba-Đường chủ-nhơn, Phiên-trần phái mây trăm quân-nhơn phục dịch, đao thương cờ phướn bày la liệt thẳng đường, tất cả dân-chúng Hội-An đều đèn đưa đám. Ta châm lửa làm lễ đắp mả.

Đại phạm những kẻ tu hành chưa sáng tỏ « bát thức » (12), trong khi ngoạ bệnh, đau đớn rên la, tỏ ra trạng thái không chịu nổi. Ta viết mấy lời sau đây, để an ủi Diêm-Ba-Đường trong lúc đương đau :

« Khoan nói, trên đời muôn việc đều giả, cho đến tâm thân của chúng ta cũng chỉ giả hợp mà sinh ra. Có sinh thì có lão, huồng-hổ trải qua gió mưa sáng tối, rét nóng đổi thay ; mừng giận không thường, ăn uống lỗi độ ; trăm lo dấn dập, tứ đại (13) khó hòa ; hơi xúc phát một chút là trăm bệnh đều sinh, theo sau lại có một cái chết đi đến, làm sao khỏi chân tay rụng rời cho được. Lão-Đam nói rằng : « Ta có cái lo lớn, vì ta có cái thân ». Cỗ-thánh tiên-hiền, sờ di coi cái thân làm cái lo lớn, vì biết rằng người ta bị ngũ dục (14) kéo lôi, thất tình ràng buộc ; đã sa vào khổ-hải, nghìn đời muôn kiếp không thể thoát ly. « lờ một bước trăm năm ôm hận, quay đầu về chín suối làm ma », đau đớn biết chừng nào. Chỉ có một đường giải thoát, ấy là đường minh đạo. Đức Không-tử nói rằng: « Buổi mai nghe đạo, chiều chết cũng được vậy ». Nếu chẳng minh đạo, thì dầu ở thiên-cung vui vẻ, rốt cuộc cũng chỉ bị thiêu đốt bởi muôn nghìn khổ não mà thôi. Bởi thế đức Đại-giác chẳng màng Kim-Luân vương-vị, vui sướng giàu sang, đương đêm vượt thành, vào học đạo ở núi tuyết. Nay ví khiến đem địa-vị Đại-Giác cho ta, được trở lại xuất thế độ sanh, chịu nhân thiên tứ chúng đưỡng ; thì phước điển tam giới, ta chỉ xem như nơi dơ uế, nhắm mắt bít mũi, chạy tránh đi không kịp, há lại chịu dấn thân vào đó làm gì. Vì có thân là có khổ, chỉ có một cái thân đã chịu khổ không rồi, lại còn đa mang thêm khổ lụy khác làm gì nữa. Chẳng những lúc già nua lắm cảm là khổ, lúc thơ ấu không biết chi cũng đã khổ lắm rồi ; chẳng những bị bệnh hoạn đau đớn là khổ, dầu vô bệnh mà đa dục cũng đã khổ rồi ; chẳng những

12) Tức Nhan-thức, nhĩ-thức, tỷ-thức, thiệt-thức, thân-thức, ý-thức, mật-na-thức (thức nảy lầy tư-lượng làm tự tính) và A-Lại-Na-Thức (tức tàng-thức, thức nảy nhiếp tàng hạt giống. Người ta luân hồi tam giới lục đạo, thức nảy làm chủ nghiệp-báo ; lúc gần chết, thức nảy tức lìa ra khỏi xác).

13) Xem phụ-chú số 25, quyển III.

14) Phật-gia gọi sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục, làm ngũ dục. Còn Đạo-gia gọi dục thứ năm (xúc dục) làm tâm-dục ái-tăng (yêu ghét).

đền lúc chết mới có cái khổ biệt ly đau đớn, lúc chưa chết bị điên đảo thác loạn cũng đã khổ rồi. Chẳng những nghèo hèn nhỏ mọn, không nơi nương nhờ là khổ, cho đến giàu sang kiêu ngạo, khinh bạc phóng túng để cầu vui, cũng đều khổ cả. Than ôi, người đời si mê, nếu biết vui là mầm khổ, tức khắc biết cảnh giới cực khổ là con đường để cho ta phát tâm cầu đạo vậy. Những người không lo giải thoát, cam tâm trong cái thú khổ ấy, khác nào con bọ-hung, nằm trong đồng phân, tự cho là suốt đời hưởng thụ không cùng ; trong đồng phân ấy vui thú biết bao, mặc ai đá ngựa xô nghiêng, bọ-hung vẫn khư khư ôm phân. Nghiệt chương tham luyến, chẳng ai cứu khổ điềm mê, những loài ấy bắt tât nói đến làm gì. Còn như chúng ta đây, cắt đứt tình yêu, lìa bỏ thân-thích, xa trần lánh tục, học đạo tham thiền thì phải cần nghiên-cứu lẽ sinh tử cho rõ ràng mới được. Chẳng thế thì mang y cấm bát cũng chỉ vô ích mà thôi. Có kẻ bảo, nổi gót theo thầy, chuyên cầu học đạo; chẳng ngờ càng cầu càng xa, đạo chẳng thấu rõ; năm lại tháng qua, rồi dần dần già đến, bệnh đến, khổ não xúm đến, cho đến lúc đường cùng chiếu xê, khôn tới khôn lui, chẳng biết kẻ làm thầy người sẽ liệu cách nào để đem đường chỉ lối ? Thương ôi, đạo chẳng xa người, chỉ người tự xa đạo mà thôi. Ta với người sớm cùng Phật dạy, tôi ôm Phật nằm ; ấm lạnh đói no, chẳng từng lìa Phật nửa bước, nằm ngồi đi lại, thầy đều có Phật ở chung. Chẳng qua vì gần hóa quên, giáp mặt như xa nghìn dặm. Khác nào người thường thể-gian hằng ngày đeo đuổi đường danh nẻo lợi, xây lưng sắp mặt, chẳng lo tìm hướng sáng trở về ; cho đến khi thân ốm tuổi già, mới chợt thấy mọi việc chẳng vui, đường nào cũng khổ ; muốn cầu giải thoát, bó tay chẳng biết làm sao. Nếu kẻ học đạo chân chánh, thì chẳng lấy vui làm vui, lấy khổ làm khổ ; « già » là ông thầy dẫn đường chỉ nẻo cho chúng ta, « đau » là thuốc hay, « chết » là rượu ngọt. Nếu chẳng già thì ai chịu nguôi lòng, chẳng đau thì ai chịu lui bước, mà chẳng chết thì ai chịu tu hành. Như Lão-Tăng mấy năm gần đây, ôm chứng đau bụng, không ngày nào không tương đối với cảnh bệnh cảnh già. Đã không tránh khỏi, thì trong cảnh già bệnh, mặc cho năm tháng tiêu mòn, ta cứ an tâm để chờ chết vậy. Nay tuy chưa chết, nhưng thiên-hạ chẳng có người không chết bao giờ. Ví khiến có người không chết, cũng chẳng qua « xa trông núi có sắc, gần lắng nước không tăm », vậy thôi. Huống chi gần đây ta đi trên tàu biển, bị sóng dổi gió dập, phát hàn phát nhiệt, vừa thỏ vừa tả ; đến lúc đau quá không thể làm sao được, ta bèn lạnh lùng nhìn đời,

kiểm điểm lại cuộc đời của ta từ đầu: Quang cảnh 30 năm trước, lúc mới ra đời, không còn một tý sinh-khí, chỉ là một vị Hòa-thượng chết, té ra chết rồi khó được sống lại. Kể đó 10 năm, hơi có ý sống, làm nên vị Hòa-thượng sống, chẳng ngờ sống rồi lại khó được chết. Lại 10 năm gần đây, nghe có chút hơi động đậy, lại trở nên một vị Hòa-Thượng chẳng sống chẳng chết, ôm cái đẫy da, chạy đông chạy tây, quần bao đất lở trời long, qua một ngày hay một ngày, gặp việc nào làm việc ấy. Nếu ngày nay được chết cứ chết, chẳng chết lại chờ đến ngày mai, nếu năm nay chẳng chết chờ đến năm sau, năm sau cũng chẳng chết thì tháng tháng năm năm lại cứ trôi qua như vậy. Tuy vậy, chẳng thấy chết đến, vẫn thấy cái già đến làm bầu bạn, cái bệnh đến đòi thuốc thang; một đôi lúc được chút tự tại tiêu dao, lại chẳng tránh khỏi thái cực sinh bi. Lại còn một bọn ngu dốt làm quái làm ma, bói lông tìm vết, bày đặt bao nhiêu chuyện thị thị phi phi; những chuyện thị phi ấy chẳng phải có rõ ràng, chỉ từ trong bóng tối, quây cho sống động mờ ảo; vì lòng ghen ghét, bày chuyện đặt điều, làm cho người ta không chịu nổi để khoái ý riêng của mình. Nhưng ta vẫn chẳng núng chẳng nao, rồi mọi việc đều vô ảnh vô tông, trôi xuôi theo dòng nước chảy. Ta lại nhờ mọi thứ thách ấy làm cho ý-chí càng tinh, hành nguyện càng vững; càng mài càng chẳng mòn, càng nhuộm càng chẳng đen, ấy cho biết bọn quỷ-sứ làm bậy ấy, chẳng phải ganh ghét tranh đua; chúng nó là thấy nghiêm bạn tốt của chúng ta vậy.

Mỗi lúc chờ cái chết đến, chết vẫn chẳng đến; thừa dịp cái thân của ta chưa chết, ta hãy cho cái tâm chết trước; khiến cái chẳng chết ấy chết trước, tự khắc biết chết mà chẳng chết vậy. Điểm-Ba-Đường-Chủ nếu chẳng cho lời ta là sai, hãy nên lấy tam muội (15) của ta đã dùng, mở mắt nhìn cho kỹ, nếu ở trong Điểm-Ba-Đường làm được chủ, thì ở đâu lại chẳng khá làm chủ; chẳng những lão bệnh đến, cho cái chết đến ngay trước mặt, cũng vạt hết đều coi như không; bao nhiêu sanh lão bệnh tử gọi là khổ ấy, cũng đều trở nên đại-giải-thoát-trường cho ta vậy. Thâu hiểu đến chỗ đó, thì mọi cảnh tiêu dao, toàn thân khoái lạc; chẳng những không khổ, lại còn được vui; Điểm-Ba-Đường Chủ-nhơn sẽ vỗ tay cười hả hả vậy.

15) Tam-muội cũng gọi là tam-ma-địa, nghĩa là chính-định, tịch-mịch, không tà loạn.

Qua ít ngày có ai-tín Chương-Thanh Tả-Xu-Mật đưa đến... Chương Thanh là một vị đại-thần rường cột nước Đại-Việt, giữ chức Cơ-mật, luôn bên triều vua, lão-thành luyện đạt, trung-hậu, trầm nghị, có dũng-lực hơn người. Trong lúc Chiêm-Thành gây hấn, ông phụng mạng cầm quân đánh dẹp, thắng luôn mấy trận, chém tướng bắt vua Chiêm-Thành, mở thêm đất đai cho nước nhà hơn vài nghìn dặm ; làm cho quân xà-qùy Hắc-man (mọi đen qùy rắn), nghe danh ông đều vỡ mặt. Quân ông đi đến đâu, một mảy của dân, cũng không đụng chạm, nên rất được lòng dân. Sau khi đã ca khúc khải-hoàn, bọn chúng đến nay vẫn còn mền đức. Ông có 5 con trai đều làm quan tại triều. Quốc-Vương sắp bổ nhiệm ông làm Trần-Thổ Đại-tướng-quân để coi việc biên phòng. Năm nay ông 63 tuổi, bỗng một hôm không đau mà chết. Quốc-Vương thương xót sa nước mắt, bỏ cơm không ăn. Gần xa mọi người nghe tin thấy đều đau xót. Từ ngày ta mới đến, cùng nhau qua lại rất thân. Sau ông quy y làm Bồ-Tát-Giới đệ-tử. Tin buồn đưa đến, ta rất lay làm thương tiếc vô cùng, bèn khiến Tự-phó sắm lễ nghi đem qua phúng điệu. Ta làm một bài thơ và một bài tựa để ai-văn, và viết thư an ủi 5 công-tử.

BÀI TỰA

Trộm nghĩ,

Trượng-phu lập công-danh với nước nhà, dầu đến khi nhắm mắt về thân, sinh-khí vẫn còn mãi mãi.

Anh-hùng ra chinh chiến ngoài biên-ải, chờ đến lúc gia-phong tặng thụy, công-luận mới thấy rành rành.

Sông đội ơn vua, tiếng tăm lừng lẫy.

Thác còn kỷ-niệm, hương khói phụng thờ.

Thú điển-viên chưa rù áo lui về.,

Ngày chung-cục đã nắp hòm sớm dậy.

Công-nghiệp thật đáng ca đáng vịnh,

Nhơn-tài gồm hay võ hay văn.

Nay kính,

Đại-tướng-quân Chương-Thanh Nguyễn-Công,

Tôi giúp bên triều,

Công cao một nước.

Sinh trưởng chôn phân mao Cú-Lũ, công-danh nổi gót Phục-Ba (16).
 Hiền-ngang ra đầu bút nhung-hiền, chí-khí noi gương Định-Viễn (17).
 Dưới mắt không tám nghìn đệ-tử,
 Trong bụng có trăm vạn giáp binh.
 Hăm hồ huơ roi, chẳng đợi nghe gà vùng múa tít (18).
 Nghinh ngang vào tiệc, rắp toan mò rận nói ba-hoa (19).
 Độc một lòng tổ-quốc đến ơn,
 Gặp phải lúc biên-cương nhiều việc.
 Dựng cờ mở phủ,
 Cầm búa lên đàn.
 Bắt vua Chiêm-Thành, Ô-Man không dám làm phản.
 Chém tướng Chơn-Lạp, Nam-Thùy từ ấy khỏi lo.
 Dẹp giặc một giây,
 Đẩy mình can đảm.
 Trái nguy hiểm chẳng nài công khó nhọc,
 Ra chiến-trường cũng vẫn thú phong-lưu.
 Rửa giáp đầu gành, chung hưởng ân-cao cùng tướng sĩ,
 Phất cờ ngoài ải, mừng xem lộ-bỏ khắp trong ngoài.
 Cầm thơ chẳng thiếu mặt hiền hào, tướng quân vốn có khách bạn.
 Trụ thạch hãn nên trang phụ bật, chúa thánh há không tôi hiền.
 Theo Xích-tùng toan nổi gót tiên-gia (20).
 Tựa đại-thụ há giấu mình đại-tướng. (21)
 Trên đảo thần tiên đang họp
 Nhơn gian vui thú còn nhiều.
 Bỗng tướng tinh sa xuống tây-phương.
 Khiến hạc-ảnh trở về hoa-biểu (22).

-
- 16) Mã-Viện đời Đông-Hán được phong làm Phục-Ba tướng quân.
 17) Ban-Siêu đời Đông-Hán Minh-đề, được phong làm Định-Viễn-Hầu.
 18) Tô-Địch đời nhà Tần lập chí muốn khôi phục Trung-nguyên, mỗi lúc nghe gà gáy dậy tập múa gươm.
 19) Vương-Mạnh ra mắt vua Tấn, tay mò rận mà bàn việc thiên hạ, vua Tấn dùng Mạnh làm thừa tướng.
 20) Trương-Lương từ quan theo Xích-Tùng-Tử, tịch cốc tu tiên.
 21) Phùng-Dị đời Hán-Quang-Vũ, tính chẳng hay khoe khoang, mỗi lúc đánh giặc hơn, các tướng luận công, ông chỉ đứng nép dưới gốc cây, người ta gọi ông làm Đại-thụ tướng quân.
 22) Xem phụ-chú số 6.

Bia trụ-lệ Ngãi-sơn còn đó, nào người đai rộng áo dài (23).
 Tượng truyền-thần Thảo-Xá còn đây, nhớ kẻ quạt lông khăn xéo (24).
 Người dẫu mắt tiêng tăm còn để,
 Công đã cao tài-nghệ ai bì.
 Cháu con hưởng lộc muôn đời, may được dài-mây nôi gót.
 Sắc mạng ban ơn chín bệ, càng thêm suối-bạc vẽ vang.
 Lão-tăng,
 Chút phận bèo mây, muốn đọc thơ liệt-sĩ về già, mà hùng-tâm chẳng dứt.
 Chưa vào bờ cõi, chợt nghe tiếng man-di vỡ mặt, mà hào hứng muôn bay.
 Ngọc sáng tuy chưa được xem,
 Thơ sơ đã có hơi biết.
 Khúc Ba-Lý (25) lời quê chấp nôi, bày tỏ tác lòng.
 Ca khái-hoàn vẫn cũ tiếp theo, tuyên dương dưới trướng.
 Dám bảo dùi-Mao sắc bén.
 Trộm nhờ giáp tượng vẽ vang.
 Lời một nhà chưa tỏ hết bình sinh,
 Truyện trăm tướng xin viết thêm vài đoạn.
 Dỡ câu dỡ chữ, chẳng nên ngọc tốt vàng tinh.
 Càng thầy càng kỳ, tự có rồng thêu cộp chạm.
 Âu ca khí tiết,
 Mô tả anh-hùng.
 Chia lũy văn-đàn, ai dám xưng làm kính định.
 Dâng công linh-các, ta nên theo thứ an dinh,
 Chớ hiểm trên giấy luận binh,
 Chút tỏ bên sông múa giáo, mà thôi vậy.

BÀI THƠ AI-VĂN

Nay vừa thanh hội, hiển-triệt giảng sanh. Thân-Phủ giảng thấu (26).
 Phó-Duyệt sanh thánh (27). Tinh quang chiếu ảnh, nhật nguyệt trùng luân.

23) Xem phụ-chú số 1.

24) Di-tượng của Không-Minh, luân cân vũ phiên.

25) Ba-Nhơn Hạ-Lý là bài ca khúc rất dỡ, ấy là lời nói khiêm, tự cho văn mĩnh không được hay.

26) Kinh-Thi có câu « Duy Nhạc giảng thần, sinh Phủ cập Thân ». Doãn Cát-Phủ và Thân-Bá là hiển tướng của nhà Châu.

27) Phó-Duyệt, hiển thần giúp vua Thành-Thang.

(28). Kia nước hải-tân, đức vua chói sáng. Dùng người xứng đáng, hội hợp quân anh. Mạnh mẽ can thành. Đường hoàng hầu bá. Dùng người hiền giả, giúp con cháu sau. Nước cũ cây cao, ngọn ngành tươi tốt. Bồn triều rường cột, có Ông Chương-Thanh. Vượt sóng chém kinh. Miếu đường thù-hiến. Trâu Ngô chẳng suyễn, lúa mạch hai bông. Ba mùa được thông, chó đêm chẳng sủa. Ra tay giúp chúa, một cột chống trời. Văn-đức trị đời, binh cách chẳng chuộng. Mán mừng ngu suẩn, dám phạm bên-thủy. Nội giận tức thì, đem quân tiên đánh. Dựng cờ phát lệnh, nhạc ngựa rinh rang. Thắng toán sẵn sàng, quân thù mất vía. Đánh tan thành lũy, đột trận tung hoành. Nghĩa kỳ phát lên, muôn dân đón rước. Theo về như nước, yên ở làm ăn. Diệt kẻ gian manh, cứu dân trăm họ. Thắng trận cờ đỏ, báo về Vương-Kinh. Danh toại công thành, quốc-vương ban thưởng... Đòi đòi cửa tướng, phú quý công danh. Thương bậc lão-thành, sao trời nữ phụ. Cột nghiêng kéo đổ, vua tiếc quan thương. Dân khóc đầy đường, quân sầu khắp trại. Minh sanh thờ lạ ; bia đá ghi công. Ân huệ ghi lòng, cảm thương xiết nổi. Mờ mờ chín suối, Quân-hầu ngậm cười. Tứ-phòng xa chơi ; Lý-Bí quy ẩn. Khuông phò quốc vận, soi gương Hàn Bành. Đương triều trăm anh, ông sao như vậy ? Đông-phương Ân-sĩ, Lão-Tứ Châu-Khanh, thoát xác lìa hình, công danh chẳng mộ. Hành tàng kim cổ, chẳng khuyết chẳng đầy. Trường-canh sáng ngời, linh-quang một điểm. Vịnh-ca truy niệm, thần nghe hòa-bình.

BỨC THƯ AN ỦI XU-MẬT CHƯƠNG-THANH CÔNG-TỬ :

Trở gió tại đảo Cú-Lũ, chưa được hoàn sơn ; trong lúc đương đau nằm tại chùa Di-Đà, bỗng được tin Chương-Thanh Xu-Mật-Công đã tạ thế. Xu-Mật-Công là một đệ tử quy y rất xứng ý của lão-tăng... Vừa được tin, Lão-tăng liền chấp tay niệm Phật, nhưng trong lòng chẳng mấy may thương tiếc xót xa. Vì có sao vậy ? Trong nước Đại-Việt quân dân, đàn ông đàn bà ai chẳng biết Chương-Thanh Thái-Ông, là một người chánh trực lập thân, trung-lương giúp nước, phò nguy cứu nạn, vui đạo ưa lành ; nay đương hóa thân tòa sen, thượng-sanh thượng-phẩm, ta rất mừng cho người chẳng xiết, có gì phải bị thương.

28) Nhật nguyệt trùng luân là điềm thái-bình.

Nhưng trong phút chốc bỏ vợ lia con, bỏ năm vị Hiền-Công và tôi tớ trong cả phủ, sao cho khỏi kêu la than khóc, theo bóng trông trời, suy nghĩ không biết vì đâu. Rồi oán trách báo ứng đạo trời, sao quá lắm lỗi. Hoặc giả lời dạy của Phật thánh, đều chẳng đủ tin ? Thường nghe Phật bảo rằng : « Thiện ác báo ứng, như bóng theo hình ». Thánh bảo rằng : « Làm lành được phước, làm dữ chịu họa ». Lẽ thường như thế, sao việc xảy đến lại chẳng thế, thật khó hiểu quá. Còn có thể tin theo lẽ chánh, khiến người chẳng thay lòng được chẳng ? Nói thế, vì chẳng biết Kiếp-hỏa minh mông, đại thiên thế-giới đều hủy hoại, chỉ có linh-quang, của thánh hiền Phật-tổ. đến nay còn chiếu sáng bền-mê. Như Thái-Ông là một tay lương-đồng của quốc-gia, một vị can thành của đạo Phật ; dựng công trông đức, nòi trước mở sau, linh quang của người vẫn còn mãi chẳng bao giờ lu ám vậy. Người sống bảy mươi, từ xưa vẫn hiếm. Thái Ông năm nay 63 tuổi, đã đến lúc Tây-phương châu Phật ; công nghiệp ở thiên-hạ, tiếng tăm phước thiện ở thiên-hạ, sau này các hiền công-tử vin rỗng cõi cạp, danh tiếng lẫy lừng ở thiên-hạ, người người đều xưng tụng mến yêu ; thế là Thái-Ông chết mà chẳng chết, đạo trời báo thưởng người lành, phân minh biết chừng nào. Lời Phật thánh dạy đời, lúc nào cũng đáng tin đáng cậy. Bởi thế Lão-tăng vui mừng chẳng xiết, chẳng lay làm thương tiếc chút nào. Đại phạm người đời thương tiếc, vì tự xét có chỗ thiếu sót đáng tiếc đáng thương mà ra. Cầu chúc các Hiền-Công trọn đời chẳng quên đạo của cha mình, chẳng những trọn đại hiếu với Thái-Ông, lại còn làm đại thiện đời với thiên-hạ, đời đời như thế, đời đời sẽ trở nên bất tử vậy.

Nói đến đây, bệnh của Lão-tăng cũng biến đi đâu mất. Mừng Thái-Ông được chết trong lúc đáng sống. Còn lão-tăng lại được sống trong lúc đáng chết. Cứ theo quan điểm ấy, thì dù xa cách Thái-Ông mười vạn tám nghìn dặm, cũng chẳng hề một tơ hào xen cách nhau vậy.

Thái-Ông nay ở nơi nào ? Nếu chẳng thầy đầu non Quán-Ngọc, sẽ gặp nhau dưới bóng nguyệt Dao-Đài. Nay xin khiến Phó-Chùa đem nén hương bát nước, bày ca-văn, điện tề trước Linh-sàng Thái-Ông.

Và kính khuyên

Các Hiền-Công nên bớt bi ai, cùng nhau an-ủi.

Chút tình đầu đầu, nói chẳng hết lời.

HẢI-NGOẠI KỸ-SỰ

QUYỂN V

CÓ người khách Phúc-kiên đem biếu một giỏ đường, từng bánh tròn hình mặt nguyệt, gọi là đường hoa-nhự (nhựa hoa), sắc trong trắng, ăn vào miệng ngọt thanh hơn đường mía. Hỏi thăm, người ấy bảo rằng ở Chiêm-Thành và Giãn-Phồ-Trại (Nam-vang), và suốt giải Đông-dương có một thứ cây gọi là cây Thốt-nốt, nhỏ hơn loài cây, lớn hơn loài cỏ, có từng đốt thưa, thân giống cây cau, lá tựa lá qùy, hơi lớn hơn, khá dùng làm chiếu. Vào khoảng tháng ba, tháng tư, từ trong gốc lá, nở hoa trắng từng buồng mười bông như bông lúa, lồng-thông như buồng cau. Chích trên buồng có một thứ sữa trắng chảy ra ; buộc ống tre vào, hứng một đêm sẽ đầy, đem về ngào ra thành đường. Chỉ trong mùa hoa mới có nhựa, hết mùa thì khô ráo, cũng như đàn bà chỉ có sữa trong lúc đương nuôi con mà thôi. Trong các xứ ấy, cây thốt-nốt mọc đầy đồng khắp núi, chẳng có ai trồng. Cho biết trong trời đất thầy nghe chẳng khắp, vật gì cũng có ; ví-dụ có nơi nắng âm suốt năm, chim-sẻ ép dầu, cây sinh ra rượu cũng là việc thường vậy. Người bản-xứ thầy quen cho làm thường, du-khách lại không lưu tâm ghi chép việc kỳ lạ, vì thế sự vật bị mai một chẳng được-truyền xa.

Quốc-vương lại thường nói, trong núi nước Cao-miên có một giống người đuôi dài 3,4 thước, bộ cười tiếng nói giống hệt như người; nêu

chọc giận sẽ cắn người ăn thịt, nên chẳng ai dám gần, ấy cũng là một giông dữ vậy.

Minh đau chưa khỏi, đêm bắt đầu dài, mưa gió suốt tuần, quê người chiếc bóng; chạnh nhớ sinh bình thi-hữu, kẻ nam người bắc, xướng họa cùng ai. Làm thành thư-hoài-thơ 6 bài, gởi các tri-ký.

Bài thứ 1

*Đau dậy ngồi nghe sóng vỗ gành.
Thu sang, đầy dẫy thùy-triều sanh.
Ai về Bạch-Xã tìm Chi-Độn, (1)
Ta ngắm thanh-vân nhớ Từ-Kinh (2).
Dấu vết tìm đâu quê quán cũ.
Mây râu đôi khác bạn bè kinh.
Bầy lâu phòng sách không mơ mộng,
Mưa gió đêm nay lại nặng tình.*

Bài thứ 2

*Đất khách chưa về nhớ cổ-lâu.
Mơ màng còn tưởng Việt-vương-Châu,
Tiếng tre rừng vắng rì-rào gió,
Sắc núi cây già ám-đạm thu.
Người muốn ngâm thơ vào tiêu-viện,
Ta nay ôm nguyệt xuống cô-chu.
Phù-dung hoa nở Trâm-hương-phổ,
Buồn bã năm năm kết bạn bầu.*

Bài thứ 3

*Thềm vắng đêm trường bóng quạnh hiu,
Xa với bạn cũ thấy nào đâu,*

1) Bạch-xã tức là Thơ-xã. Chi-Độn là cao-tăng đời nhà Tấn, rất thông thái-thái, thường cùng bạn Tạ-An, Vương-Hy-Chi kết bạn.

2) Từ-Kinh là ai (?)

Độc thư chạnh nhớ Lâm-Cao-Sĩ (4).
 Vinh phú càng thương Sở-Đại-phu (5).
 Gió giục động tiên chim vút dậy,
 Thu sinh giềng cổ rề kêu sầu.
 Nước Nam người đẹp thường ly biệt,
 Ai kẻ ôm cầm đạo Ngũ-Hồ.

Bài thứ 4

Xuân vừa qua đó đã sang thu,
 Veo-vút tây phong thổi biển sầu.
 Non muốn dứt tình mây ở lại,
 Cát còn tro mặt nước về đầu.
 Người đau khó chịu hoa vào mắt,
 Nhớ bạn đương khi nguyệt đứng đầu.
 Phói-phói mù sa ai nện vãi ?
 Một con chim đậu giữa rừng sầu.

Bài thứ 5

Xa vơi ngoài cõi vắng âm-hao,
 Núi cũ lâu nay cách bạn bầu,
 Muốn dậm Đông-lâm mây mượn-tượng.
 Ba canh Nam-Việt nguyệt đeo sầu.
 Gặp nhau chẳng muốn bàn văn-tự,
 Làm khách bao giờ hết ân-ưu.
 Tiếng hát vì đâu nghe khăng-khái ?
 Nửa vì hiu quạnh, nửa vì đau.

Bài thứ 6

Lá lượt lra thừa dọi bóng hà,
 Bạc đầu thu-tử vẫn thiên-nha.
 Đường dài ai kẻ chung làm khách,
 Rượu chầu nơi đâu chẳng nhớ nhà.

- 4) Ân-sĩ đời nhà Tống, học giỏi thơ hay, ưa trồng mai nuôi hạc, nhân gọi là "mai thê hạc tử".
 5) Khuất-Nguyên, tôn-thất nước Sở, làm những bài phú ly-tao rất hay.

*Mây nổi đảo xa màu cỏ loạn,
 Còi reo xứ lạ bóng dương tà.
 Sang xuân đi-gió tua tin sớm,
 Chớ khiến buồn về buổi rụng hoa.*

Một hôm khi trời trong sáng, chứng đau bụng hơi êm, một mình thơ-thần chống gậy dạo chơi dưới hành lang; bỗng gặp một việc rất xúc cảm trong lòng, bèn đặt một câu đối và viết ra để răn chúng. Cuối tuần tháng chín, đau vừa dậy, buồn bã, đương đêm tàn bộ một mình, tứ bề lặng lẽ. Đi qua một trại nọ, cửa tre nửa khép, thấy hai người ngồi đối diện dưới đèn, đều cúi đầu chăm chỉ may áo, ngó bộ vôi vàng như sợ may không kịp vậy. Nhìn quanh các trại khác, thấy trại nào cũng đều đã ngủ say. Nhơn liên-miên suy nghĩ, mấy người thợ may kia, làm việc để kiếm cơm áo hàng ngày cho vợ con cha mẹ; chỉ vì sinh kế của người khác, thế mà họ còn biết siêng năng chịu khó như vậy. Trái lại các người tu hành học đạo, toàn-thị làm công-phụ cho việc lớn sống thác của mình, sao họ chẳng biết lo, dám yên tâm nằm ngủ ngon lành như vậy ! Ta nhơn cảm tưởng, buột miệng đặt một câu đối rằng: (Người thợ may, mắt chẳng lia chỉ, tay chẳng ngừng kim, thâu đêm suốt sáng làm công-phụ ; hữu dụng suốt ngày, thực nên thẹn chột kẻ tu-đạo. Kẻ tu-đạo, thân ở một nơi, tâm ở một ngã, hết mưa sang nắng qua ngày tháng; không nên một việc, há không cười ngất người thợ may).

Than ôi, kẻ tu hành học đạo chẳng thành, đều bởi dụng tâm hỗn tạp chẳng chuyên theo đạo vậy. Nếu chuyên tâm học đạo một ngày học chẳng hết, học thêm một ngày; một năm học chẳng rồi, học thêm năm nữa, sao cho rõ đạo thành công mới thôi; như thế, chẳng chờ thấy bạn khuyên bảo, đạo học cũng ngày càng tinh tiến vậy. Khôn nổi, kẻ kia vốn chẳng phải thực tâm cầu học, chẳng qua mượn bốn chữ « xuất gia học đạo », làm đường tắt để tìm lười tránh mệt cầu được ấm áo no cơm; chẳng còn biết tham thiền học đạo là việc gì, sinh tử là gì, sinh tử là gì, chẳng quản gì đạo sáng với chẳng sáng, chỉ làm sao cho rồi việc thì thôi; đối lại ăn cơm, mệt lo đi ngủ, không lo không nghĩ, ở trong phường vô-sự lẫn sòng; cốt nói được vài câu « cao khoáng thanh nhàn, bà má tu hành, bất thông sự lý » làm sao cho bọn thí-chủ tin nghe, cúng-dưỡng được nhiều cho thế là đắc sách, có bao giờ nghĩ đến việc sinh tử là việc gấp đầu. Nhưng bọn ấy chẳng những chẳng

biết cầu đạo, cả đến lợi-lộc cũng chẳng biết cầu; nếu muốn cầu lợi lộc càng nên rõ đạo; đạo tức là gốc của lợi, hễ gốc lớn tức được lợi lớn, chỉ sợ đạo chẳng rõ, chẳng lo lợi chẳng được vậy. « Lo đạo chẳng lo nghèo », thánh-hiền xưa đã lấy câu ấy dạy cho những người như bọn chúng. Vì thánh-hiền tùy cơ đặt lời dạy, tùy cái lòng « tham đồ lợi lộc » của chúng mà dẫn dụ chúng học đạo. Sự thực, nếu đã đến chỗ rõ đạo, thì tự mình chẳng tham lợi, chỉ lấy đạo làm vui, chẳng lo cầu lợi mà lợi cũng tự đến vậy.

Thứ xem người thợ may kia, ngày không bỏ việc, đêm chẳng nghỉ công, chăm chú luôn luôn, dùng tất cả tính lực vào công việc ; còn lo áo may không xong, tiền công chẳng có, mà tiền công nào có được bao nhiêu đâu. Nếu họ chẳng chịu gắng công, cũng bằng nhác như mấy chú học-đạo của ta đây, chẳng những vợ con cha mẹ cả nhà mất bữa, cho đến một miếng của họ, cũng không biết lấy chi nuôi sống vậy.

Nay ví khiến các chú học-đạo của ta cũng đều có vợ con cha mẹ, và cơm áo của vợ con cha mẹ cũng đều tư-ngưỡng vào các chú, bao nhiêu lợi-dưỡng cũng đều do sự học đạo mới có, thì chắc các chú phải cầu cho đạo nghiệp chóng thành, lực học khổ công, cũng như bọn thợ may kia gục đầu dưới đèn, vội vàng chăm chú vậy. Nếu dùng công phu được tinh tấn như thế, chắc Chư-Phật Bồ-Tát sẽ đều chấp tay quỳ lạy dưới gió vậy. Vì lẽ, « nếu niệm-đạo cũng như niệm-tinh, thừa sức thành Phật », ta sẽ đổi làm một câu-đôi khác để khen tặng chẳng hết, còn phải than thở làm gì, còn có điều gì phải than thở » ?

Vương nghe ta hết bệnh, hằng khiến sứ vào giục ra Thuận-hóa, ý rất ân cần. Ta định đến mừng 8 tháng 10 sẽ lên đường, đi ra theo đường bộ. Bèn viết thư trước, khiến bọn Hậu-đường Khánh-Ngu và Tri-khách Thiên-Vũ lo sắp đặt sẵn chương-trình đi đứng.

BỨC THƯ :

Đau bụng nhức đầu vừa khỏi, lại bị lở miệng lở mồm. Nghĩ kỹ, chẳng qua vì Lão-Tăng bạc phước, thiếu sót còn nhiều; vì thế, một chỗ ở xây cất chưa xong, thợ thấy trông đợi, đại chúng tùy trượng, lộn xộn chưa yên, nợ nần kiệp trước còn chưa giã xong, nên kiệp này phải khó nhọc như thế.

Nhưng tật bệnh phiền não, chẳng phải thuốc thang có thể chữa lành, chỉ có sự hòa-thuận của kẻ theo-hầu là phương thuốc làm cho lão-tăng được yên ổn; chẳng lo không có nước lửa để sử dụng, chỉ lo không có món thuốc thỏa đáng ấy mà thôi vậy.

Gần nay, tinh thần khí sắc và sức khỏe đều chẳng như xưa. Căn cơ người biết đạo-lý, cùng ta đồng khí đồng tâm, thì chẳng đợi thuốc thang, bệnh cũng tự khỏi vậy. Huông nay trong ngoài mọi việc lớn bé thị phi, đều một tay già nầy chông chỏi; có khi kẻ tả hữu khích khí rầy rà lẫn nhau, lão lại phải mất công mỗi miệng phân giải điều đình; cò-nhiên vì ta bạc phước, nhưng há chẳng phải lỗi của bọn đệ-tử theo ta hay sao. Nay nói chẳng được, ta quyết liều lội bùn dẫm nước, miễn-cưỡng ra đi, để xem có ai phát tâm Bồ-tát, vì chùa chiền, vì đại-chúng, vì Lão-tăng, làm trọn bốn-phận vì mình hay chẳng. Nói đến đây, hễ đã là người chóng giữ pháp-môn, nêu chẳng bỏ hết thân mệnh riêng mình, làm sao khỏi đánh trống rút lui cho sớm vậy.

Hiện nay, Quốc-vương lại sai Nội-quan cầm thư mời Lão-tăng ra Thuận hóa. Trong thư nói hiện nay tại chùa Thiên-mụ, phương-trượng, tăng-phòng, liêu-thất, trụ-khố đều sửa chữa mới lại, cung ứng sẵn sàng để chờ ta ra. Tâm lòng chí-thành cung dưỡng của Quốc-Vương thực rất hiếm có. Vì vậy ta chịu lời, định đến mừng 8 tháng sau, chông gậy đi ra một chuyến. Các người ở ngoài ấy nên sắp đặt trước mọi việc, chớ chờ đến lúc Lão-tăng đại-chúng đến nơi, mới vội vàng chạy nghiêng chạy ngửa. Ngoài ấy, nhất thiết việc đời vật vạn, dầu việc quan hay việc dân, cũng chớ dự vào; thế mới tỏ ra sự đứng đắn của bọn tu-hành chúng ta, khẩn thiết căn dặn, căn dặn.

Ngày mừng một, Nội-giám vâng lệnh vào trước, bắt 300 quân làm phu-đài, sắm sẵn võng ngựa, ràng buộc hành lý. Gặp trời đang mưa dầm, ta làm một bức thư gởi cho Phò-Mã Hữu Doanh-Đồn.

BỨC THƯ

Nghe rằng nước Đại-Việt có Xu-Mật-Phò-Mã, Nguyễn Công, phạm-chí hiển hào, một bậc người có thể so sánh với Hoắc-Phiêu-Nhiều đời nhà

Hán (6); vả lại sùng-tín Phật-giáo làm phen giậu che chở đạo ta; về điểm đó, lại chẳng phải Hoắc-Công có thể bì kịp. Ta biết tiếng quý Công, chẳng phải mới một ngày. Trong lúc quý-Công xuất trận, nhận chức xa ngoài nghìn dặm, mà tác lòng vẫn chẳng quên kẻ Đâu-Đà già bị đời bỏ rơi, ở tại Chùa Thiên-lâm Thuận-Hóa, khiến em đưa thư và các thứ quà quý, ôn tồn gửi tặng, như thể đủ thấy tâm lòng quý hóa biết bao. Đã được hậu tặng, thế mà ta lại từ khước một cách rất bất kính. Ý riêng của ta nghĩ rằng, chờ ngày được thừa tiếp Quý-Công sẽ bá lãnh ân huệ cũng chưa muộn gì. Chẳng ngờ từ ngày đến Quý-quốc, chưa có ân hạnh được giáp mắt Quý-Công đề hầu chuyện, vậy đâu giám lạm lãnh ân huệ, chỉ muốn một lần biết mặt Hàn-Kinh-Châu, còn hơn được phong Vạn-Hộ-Hầu kia mà. Nhưng người ta biết nhau quý ở chỗ biết lòng nhau; chỉ biết nhau ngoài mặt, chưa chắc đã biết lòng nhau vậy. Quản-Trọng nói rằng: « Bào-Tử cho ta chẳng phải tham-lam ». Ý ông cho kẻ nào hay làm lợi cho ta tức là bạn tri-âm. Thế thì tâm thuộc lợi hay sao ? Dự-Nhượng nói rằng : « Trí-Bá lấy tư-cách quốc-sĩ đãi ta, ta cũng lấy tư-cách quốc-sĩ đến đáp lại ». Ý ông cho kẻ nào làm rạng danh ta, tức là bạn tri-âm. Thế thì tâm thuộc danh hay sao ? Nói một cách khác, không dỗi chẳng chơi, không quen chẳng bạn, cả thiên-hạ nhao nhao, ai cũng nói anh nọ anh kia là bạn tương tri của ta; phải, tương-tri thực, nhưng đã chắc gì tri tâm đâu ? Nếu quả tương-tri và tri-tâm, như Không-Tử sanh sau đời Đường Ngu Hạ Thương, cách nhau hơn nghìn năm, chưa từng biết mặt Tam-Vương Ngũ-Đề, nhưng vẫn biết « đạo tâm duy-vi ». Như thầy Đại-trí sanh ở đời nhà Lương bên Trung-Quốc, cách Tây-Trúc Linh-thứ (8) rất xa, chẳng biết mặt Thích-Ca Văn-Phật bao giờ, nhưng vẫn thầy « nhất hội nghiệm-nhiên chưa tan », như thể thực khó gọi tri-tâm vậy. Lão Tăng cùng Phò-Mã đến nay chưa từng biết mặt nhau, nhưng vẫn biết lòng trọng đạo của Phò-Mã, biết lòng chưa biết mặt, ai bảo chẳng phải tương tri. Lòng trọng đạo của Phò-Mã, ở hương đảng, ở triều-đình, ở Thuận-Hóa, ở đâu người ta cũng ca ngợi. Quý-Công gửi quà tặng cho Lão-Tăng, thiên-hạ ai lại chẳng biết. Chỉ thẹn kẻ phương-ngoại Lão-Hủ nầy, chẳng có trí-thức gì đáng kể, sao lại mong được quá yêu như vậy.

6) Tức Hoắc-Khứ-Bệnh đời Hán-Vũ-đề, sáu lần đánh Hung-nô có công, được phong làm Phiêu-Diêu-Hiệu-úy.

7) Lời của Lý-Thái-Bạch.

8) Linh-Thứ là nơi Phật ở.

Nay có chuyết họa một bức, chuyết lục một bộ, xin kính dâng Thanh-giám, tuy lời thô nét vụng, cũng chút tỏ thành tâm của Lão-Tăng, xin Phò-Mã mĩm cười thấu nhận, Lão-Tăng rất lấy làm vinh hạnh vô cùng.

Ngày ấy chưa kịp châu hầu Tôn-Giá, vội vã cáo về, chẳng may lại bị trở gió, chưa hoàn sơn được, phải tạm lưu lại Hội-An. Nay Quốc-Vương sai nội-quan vào thôi thúc hai ba lần khiến ta ra Thuận-Hóa. Lão-Tăng đã sắp sửa phu ngựa, chờ ngày qua đèo, ước độ qua rằm tháng mười sẽ ra đền chùa Thiên-mụ; cơ duyên trời khiến, gặp gỡ có ngày, từ xưa tao phùng bạn tri-âm, chẳng phải việc dễ. Vài hàng tuyên bố, thông-cảm tinh-thần.

Ngày mồng 7, Nội-Giám bắt phu, muốn cho đài-đệ đi trước. Ta xem chừng trời biết chắc ngày mai có mưa lớn, sợ đi giữa đường, hành-lý sẽ bị ướt, chi bằng chờ mưa xong sẽ cùng đi cho tiện. Qua mồng 8, quả nhiên có mưa, đến ngày 11 mới tạnh. Sáng sớm ngày 12, mới khởi trình. Kỳ-lão hàng phò trương cờ xách giỏ, đánh thanh-la đưa chân. Kê đưa người rước, phu-ngựa giăng dài vài dặm. Mưa thu mới tạnh, cảnh vật giống mùa xuân. Núi biếc đồng xanh, kê cày người cấy, ruộng vườn luôn tiếp vài mươi dặm, trông ra núi Tam-Thai. Những người đưa chân bày biện cơm nước; dùng cơm trưa xong, từ giả lui về. Ta định quanh đường ra viếng hăm chùa Tam-Thai, nghỉ lại một đêm sẽ đi, nhưng Giám-quan nói không thể được. Đi đến được vài mươi dặm, trời chiều khói tỏa, trăng lên bia rừng, dọc đường biển đi ra phía nam (?), nước trắng cát ngời. Vô số hình ảnh nón toi, xao xuyến trong sương lạnh. Trông ra mé biển một mạch xanh lơ, đàn ngựa xe từ xa tuôn đến, hiện thành một thứ cảnh sắc. Đền quán lên đền ăn cơm tối. Sáng bữa sau, đi chừng mười dặm, qua ngang một cái khe, vượt qua một đèo nhỏ, lại qua một khe nữa, thế là đến rừng Ngãi-Lãnh (Đèo Ái-vân); đi ngựa không được, đều đổi qua đi võng. Dân ở dưới đèo rất khổ, quan-dịch đi đông, bắt-phu không đủ, người ta phải vào lũng bắt từng nhà; nếu không có người, thì trong nhà có mâm nổi gi, quan đều tịch thấu hết. Ngày ấy bắt ra được mấy người dân nghèo, gầy gò dơ xương. Người nào cũng bó tóc đứng kêu van rất thảm thiết. Ta trông thấy bụi ngùi, nói với quan, tha cho mọi người mừng rỡ, vái tạ lui ra. Quá trưa, lên đèo, đường đá gập ghềnh rất khó đi, hai bên đường toàn bụi rậm, dây leo chằng chịt. Càng lên cao, phía trên, hai hàng cây cao vút chừng vài mươi

trượng, không có cành phụ cong queo. Mỗi cây đều bắt rễ trong rừng sâu, phải vượt lên cao để cướp hứng sương móc. Quay nhìn xuống biển, thấy thuyền cá nghìn buồm đứng chong. Vì đứng cao nhìn xuống, nên trông thấy hình như mọi thuyền đều đứng yên. Cũng như ngựa trông lên trời, chẳng thấy các hành tinh vận hành vậy. Trông lên đỉnh núi che khuất trông mây, chỉ thấy một dòng suối từ trên cao chảy xuống trắng toát như cây lụa. Chỗ đứng vừa lưng chừng nửa núi vậy. Phu đài đi thoăn-thoát, hình như chân không bén đất; quanh co trên đá rêu hang hộc, bỗng chốc đã đi tuột vào trong mây. Nhìn qua phía trái, trong rừng bỗng có tiếng lướt qua ào ào như gió đi cỏ rạp. Người ta bảo có con trăng đi, nhưng chẳng thấy hình dạng đâu cả. Hai bên đường phượng-phất có mùi thơm hoa ngải, nhưng không tìm thấy. Trái rừng lỏng nhong, hoa núi toét toe, trên hoa sinh hoa trong lá kết trái; chẳng phải nhìn tận mắt, chẳng sao tưởng-tượng cho hết được. Mây gian nhà cỏ, dòng suối chảy quanh. Người ở đó nấu nước trà bán cho quá-khách. Khói mù che kín, xa cách cõi người, trên đỉnh núi mây móc tỏa bay, ướt dầm khăn áo. Trông lên cảnh cây có từng bầy vượn trắng, to lớn như người, đuôi dài, nhảy chuyển cây nẩy qua cây khác, rung cành tuôn nước xuống từng giọt như mưa. Dẫn dần xuống đèo, nghe có tiếng ào ào, trông ra eo núi thấy một vùng mênh mông, mọi người mừng reo lên : xuống đến rồi, kia đã thấy biển ! Đi quanh đèo gần, mới biết rằng đó là những đám mây. Kề đó mặt trời lặn. Trăng lên, cây lá rợp bóng tối mờ, đá trơn, đom đóm đầy rừng. Gần xa xào xạc những tiếng lạ, nghe rùng rợn. Chỗ nào cũng thấy nhấp nhô như hình người đứng, thú ngồi, lây gậy gỏ nghe reng reng, té ra toàn là đá. Một quán nhà ba gian, vừa thấp đèn. Khách trong quán thấy đài vông đèn, đều bỏ chạy vào rừng trốn, vì sợ bắt làm phu. Một cây lớn làm cầu, ghép ba vài chắc chắn, bắc ngang trên dòng suối, nước chảy ồ ồ, tức là tiếng vừa nghe mà mọi người lầm tưởng là sóng vậy. Đứng trên cầu nhìn trắng, hang vắng tiếng vang, nghe rợn tóc gáy. Đi lẩn xuống dốc, có quan quân đón rước, bốn bề đèn đuốc sáng trưng. Khi vào đến quán trọ, đêm đã về khuya. Than ôi, non xanh nước tốt, động thắm suối trong, chỗ nào cũng có thể ở được. Không hiểu vì sao, không ai về đây làm nhà ở ? Vả lại trên một con đường hành khách thường qua lại, thế mà không ai sửa sang, thật đáng than tiếc biết chừng nào! Xảy có các giới-tử, quảng-đại quần-chúng, vượt đèo đến đón, nghe ta nói như vậy,

bèn phát nguyện khuyến-mộ để sửa chữa đường đèo, nhưng cây ta diu dặt.
Ta bèn viết một bài khuyến quyền đắp đường đèo Ai-vân như sau.

Nơi trọng-yêu nầy, xưa xưng Ngãi-Lãnh.
Thông lối Tây-Nam Thuận-Hóa, ở miền Đông-Bắc Hội-An.
Ngày lại tháng qua, từng trải bao nhiêu năm tháng.
Suối reo cây rặng, ruối rong nghìn dặm phong sương.
Cửa Trần-Di, cầu Thiết-Lãng, mười phương giáp giới,
Nước Chiêm-Thành, xứ Chơn-Lạp, tám mặt thông thương.
Cớ sao hang núi tối tàn,
Vì nổi bể dâu biên đời.
Xéo xiển lối lồm, mây phun trực núi tuôn-tuôn.
Nghiêng ngựa dọc ngang, đá ngắt từng không vôi-vội,
Rêu phong cỏ loạn, khói biển sương mờ.
Sãi học-đạo, sãi du-phương, thuận nẻo tu hành tiền bước.
Khách Trung-Hoa, khách Ngoại-quốc, trên đường buôn bán đi qua.
Bước bước gian nan, như giày giá mỏng.
Bờ bờ tân khổ, như ruối đường dề.
Hãy lấp hết hồ hang, cho chừ-từ bách-gia qua lại.
Nên chặt phăng gai gộc, để lục-phàm tứ-thánh (9) cùng lên.
Thầy bùn xúc bùn, cũng như giải tóc cho Nhiên-đăng giậm đạp,
Gặp đất ban đất, còn hơn quyền vàng cho Thái-tử mua vườn.
Tiền-bộ quả thực thiện-nhơn,
Độc-giác há rằng tiêu-quả.
Nay giới-từ quảng-đại, cây Lão-tăng một lời ;
Ai là khách bộ-hành, hãy gắng làm phương làm tiện.
Hỡi những người tu thiện, mau lo tu trước tu sau.
Cứ theo đường ấy tiền lên,
Tránh khỏi nhùng kia sa ngã ;
Chặt một gốc cây, lập một vũng nước, khoái thay đường sá tiêu dao.

9) Phật-gia gọi địa-ngục, Ngạ-quỷ, Súc-sinh, tu-la, nhơn và thiên là lục phàm.
Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát và Phật là tứ thánh.

Đắp vại thước đất, đóng vại thước cừ, vui vẽ công trình tiền triển.
 Dưới gót sao cho bằng phẳng,
 Trong lòng át phát chơn thành.
 Kẻ giúp của, người giúp công, đông tay võ nên bộp.
 Anh tâm gạch, tôi viên đá, muôn trượng đắp nên đường ;
 Cắt bước binh-an,
 Vang danh đồn đãi.

Sáng bữa sau, mây khói tối mù, suốt ngày đi trong mưa dầm nước lụt, Vương khiển Tả Hữu Công-Bộ, Cai-Bá-quan đem hồng thuyền chực sẵn tại cửa biển, lãnh một đội quân 500 người, tiếp đón ta giữa đường, quỳ mà thưa rằng : « Vương khiển chúng tôi ra đón, chờ đã lâu ngày, vì trời mưa bùn lầy, không rước xa được, thực rất có lỗi. » Nói rồi dẫn đường đi trước. Đêm ấy nữa, là ba đêm nằm lữ-quán. Sáng ngày mai, canh năm lên thuyền. Nhớ lại lúc xuống thuyền vào Hội-An, Quốc-Vương và các quan tông tiền, Khuê-phong còn đó, dòng nước ngược xuôi, thắm thoát đã trải qua 5 tháng ! Nhân làm 18 bài thơ chép việc đi đường.

Bài thứ 1

Tam-Thai kia trước mắt,
 Đèo động trái chơi qua,
 Chim trắng bay đâu mắt,
 Non xanh vẫn còn trơ.
 Đường quan giục ngựa trạm ;
 Đồng nội tỏa khói mờ.
 Vàng vạc trắng một tâm,
 Đêm nay chiều người xưa.

Bài thứ 2

Nhao nhao nạt lúa mới,
 Lo vãi giống mùa sau.
 Thu tiết còn hơi nắng,
 Áo manh nằm võng tao.
 Bóng chiều đợi gò cát,
 Thiều-phụ ngồi bỏ cau.

Hành-lý một quân-sĩ
Việc quan biết làm sao

Bài thứ 3

Thăng-Châu ba tôi mũ
Ven biển nửa hành trình
Mù-tít chim tung khói,
Trăng-phao sóng vỗ gành.
Hoa sương, áo thâm ướt,
Bóng nguyệt, gương tròn vành.
Đồng ruộng đầy toi nón,
Lăm xăm khách bộ hành.

Bài thứ 4

Mướt-mướt cỏ xanh biếc,
Đồng quê giữa tháng mười.
Chăn-trâu mừng sãi đến,
Thấy ngựa trẻ con cười.
Cờ xí bay tung gió,
Trông chiêm vang dậy trời,
Ngó ta đều vui vẻ,
Trôi nổi dẫu quê người.

Bài thứ 5

Đường bộ sang đường thủy,
Gió tây đẩy nhẹ chèo,
Khói mây bay khỏi núi,
Đèn lửa sáng bên đèo.
Xứ lạ đau lòng khách,
Tiếng thu ngã bóng chiều.
Đêm nay trăng núi cũ,
Lầu đá rọi trong veo.

Bài thứ 6

Đường đá dây chằng chặt,
Quanh co biết mây trùng.

Mây che ba mặt biển,
 Núi lọt một hồi chuông.
 Cõi tục nên xa lánh,
 Người tiên khó tao phùng.
 Chiều hôm mưa mới tạnh,
 Ướt đỏ mây cảnh tùng.

Bài thứ 7

Bóng hoa ngời đáy suối,
 Kê đá lấp rêu xanh.
 Khe núi khói mờ tỏa,
 Đường rừng chim liệng quanh.
 Hư không trùm bí-mật,
 Uồn lượn lên gập nghênh.
 Bỗng tai nghe sóng vỗ,
 Hơi lạnh thấm bên mình.

Bài thứ 8

Lão-Tăng nên dậy sớm,
 Huống gặp tiết thu dương.
 Ruồi giông nơi xứ lạ,
 Trần-trọc suốt đêm trường.
 Núi Ngãi gà cất tiếng,
 Rừng tre ngựa buông cương.
 Chòi tranh còn tối mịt,
 Quân nhân đã rộn ràng.

Bài thứ 9

Qua ngang khe bốn bận,
 Vượt đỉnh núi một vòng.
 Hoa rụng nghe hơi ngãi,
 Mây sâu chẳng thấy rỗng.
 Con trăn bò uốn khúc,
 Bầy chuột leo cây tòng.
 Trên núi nhà ai ở,
 Suốt ngày khói kín phong.

Bài thứ 10

Triều non vang tiếng sấm,
 Côn cát sóng tung bay.
 Nước chảy về hướng bắc,
 Bóng ô ngã non tây.
 Mây biển phun mưa dền,
 Cây rừng mặc thu chầy.
 Gập ghềnh qua đỉnh núi,
 Bền đồ lại đòn đây.

Bài thứ 11

Thu sắc dần dần đổi,
 Hoa rừng hương núi bay.
 Voi đồng núp bụi rậm,
 Dê núi ngủ ban ngày.
 Đất khách toàn đường lạ.
 Bên trời mái tóc thay.
 Đương nay mới tháng chín,
 Cảnh-vật đã xuân đây.

Bài thứ 12

Núi ngoảnh đầu ngó lại,
 Nước quanh ruộng mây lân.
 Người đi, bóng cây khuất,
 Ấc lặn dấu chim gần.
 Ngọn cỏ hơi sương ẩm,
 Lều tranh khói nấu vẫn.
 Đường đi beo vói cộp,
 Rừng rú phải phòng thân.

Bài thứ 13

Đầu núi cây dâm mát,
 Cuối đèo ngọn suối trong.
 Trái đồng ăn chẳng hết.
 Hoa núi nhớ khôn cùng.

Vượn vít cây nhảy nhót,
 Ấc dọi bóng mông lung.
 Cảnh này ai thương thức,
 Viêm hải đây phải không ?

Bài thứ 14

Rừng sâu trăng chẳng sáng,
 Đom-đóm bay khắp nơi.
 Vượn hót nghe ai oán,
 Thú ngồi kinh rụng rời.
 Đá rêu trơn quá mỡ,
 Phu cáng bước như chơi.
 Đi đường ghi mọi việc,
 Dưới đèn chép nên lời

Bài thứ 15

Thuận-Hóa thuyền lui bến,
 Hội-An xe ruổi qua.
 Trời chiều khuất rặng núi,
 Vách đá tỏa bóng hà.
 Khói biếc ngò liễu-thọ,
 Mưa hồng nhớ đào hoa.
 Chiêm bao về xứ sở,
 Quán khách biệt đầu nhà.

Bài thứ 16

Trèo non lại vượt bể,
 Xuống thấp rồi lên cao.
 Chồn dơi ra ngồi ngó.
 Ến bay biệt về đâu.
 Quanh hang dòng suối chảy,
 Đầy núi dây bìm leo.
 Chiêu tôi lên gò đá,
 Chiêm-Thành thổi đánh nhau.

Bài thứ 17

Trời thu mưa gió giục.
 Đi lại ngừng, lơ-làng.
 Cầu ván qua tây-bắc,
 Rừng tre thẳng xóm làng.
 Bên trời chèo một mái,
 Bờ đá nhà vài gian.
 Đỉnh núi đứng đòm xuống,
 Lửa chài giồng sao băng.

Bài thứ 18

Chia tay nơi nóng nực,
 Trở lại biệt ngày nào.
 Nước lụt tràn bờ cũ,
 Đường rêu loán núi cao.
 Sứ-thần vâng lệnh chúa,
 Thuyền lướt dưới mưa rào.
 Tự thẹn ơn không đáp,
 Chưa rãnh viết thư trao.

Xảy có Mộc-Loan Cư-Sĩ nghe Chúc-Vạn Thị-Giả nói chuyện . Thị-Giả luôn luôn có ý trọng mình khinh người, mỗi chút gì cũng xưng « Bọn Ta », nhưng khi hỏi lại chữ « Ta » nghĩa làm sao ? Thì mù mờ chẳng hiểu chi cả. Thề là hoàn toàn « Ta » chẳng biết « Ta ». Như viết mấy hàng sau đây, để dạy bảo các gã theo-hầu : « Thường thường thề-gian hay xưng « ta đây », lấy cái « ta » giả làm « ta », thấy đều chẳng phải cái « ta » thực vậy. Ví như giàu sang lợi lộc, ta có thì vui, kẻ khác có thì ta không vui, ấy là lấy « tham » làm « ta » vậy. Nếu có một vật kia, ta tham, kẻ khác cũng tham, hai bên đồng tham cả, được thì mừng, mất thì đau xót, sanh lòng tranh cạnh. Ấy là lấy « sân » (giận), làm « ta » vậy. Do lòng giận cố tranh đoạt cho kỳ được, đến lúc đã được lợi rồi, lại luyến tiếc lo lắng, ôm giữ bo bo chẳng biết chán, cho đến khi già chết đến nơi, còn chẳng biết giác-ngộ, ấy là lấy « si » (ngốc dại), làm « ta vậy ». Rõ ràng bỏ hết cái « Ta » thực, để cho « tham, sân, si », mạo danh làm ta, đặt ta vào chỗ nào, khiến ta chẳng biết làm tai hại cho cái thân thanh-tĩnh của ta. Rốt cuộc ta bị chúng che mờ,

chẳng những trọn đời ta bị lừa, mà kiếp kiếp đời đời, sẽ bị chúng sai khiến ; lại còn nhận cái thân bầy thorc biết đi lại nằm ngồi, mừng vui thương giận, biết động biết tịnh, biết nghĩ ngợi âu lo, làm toàn thân của ta, há chẳng lầm lớn hay sao. Nhưng cuối cùng lấy cái gì làm « ta » ? Nếu biết nhưt thiết vật gì đứng trước mặt, trong đồng-tử con mắt của ta, đều nhưt thiết không phải « ta », thì vật nào lại chẳng theo ta mà có ? Ví như nhà cửa cỏ cây, chim muông sâu bọ, nguyên chẳng tự biết làm vật gì, hơn vì ta trông thấy rồi thành tên từng vật ; vậy thì nhà cửa cỏ cây chim muông sâu bọ đều là « ta » vậy. Châu-báu, vàng ngọc, khí-mãnh, áo quần, nguyên cũng chẳng tự biết là vật gì. Hơn vì ta trông thấy rồi chia thành từng loài, vậy thì châu-báu, vàng ngọc, khí-mãnh áo quần, cũng đều là « ta » vậy. Cha mẹ sinh ra ta, ấy là cái « ta », từ cha mẹ mà lại, ta sinh ra con cháu, ấy là cái « ta », do bởi con cháu mà đi. Thê-gian, nhưt thiết sự vật đạo-lý, đều vãng theo phép tác người xưa để lại. Vậy thì người xưa tức là ta vậy. Thê-gian nhưt thiết sự vật đạo lý đều lưu truyền lại cho người sau noi theo. Vậy thì người sau cũng là ta vậy. Cho đèn mặt trời mặt trăng, tinh tú non sông, chia ra mỗi thứ đều đứng riêng, hợp lại không thứ gì chẳng phải ta, mà cũng không thứ gì chẳng phải người vậy. Ta, người, muôn vật, xem đồng một thể như nhau, mới có thể không có ý riêng, không cồ chấp, không câu nệ cái « ta ». Bởi thế, bậc chơn-nhơn không có ngôi, từ vô thì đến nay, vẫn có cái lương-tri của « bản-ngã », chỉ hơn trong lòng còn nghĩ đến cái « ta », cồ-chấp cái « ta », mới sanh ra trăm thứ phiền não ; nếu hay giác-ngộ cái « ta », làm cho cái « ta » trở nên không hư, thì lòng dục vọng vô minh của ta, tự nhiên tịnh tuyệt. Ta không cồ-chấp người với ta, tự nhiên chơn-tĩnh bộc lộ, các tính tham sân si không thể giả-trá ta, lợi-dụng ta, luôn luôn ta dùng chúng nó, chúng nó tức thị ta vậy. Ai hay chuyển vật, tức đồng « Như-Lai », nếu thông nghĩa ấy thì xưng « ta » cũng chẳng hại. Ta tự nhớ rằng :
 Biết ta ấy là nó, biết nó ấy là ta, nó ta đều chẳng biết, rõ ràng đèn là lửa »

Đêm 15, trời mưa ; ra đèn chùa Thiên-mụ, chùa này tức Vương-phủ ngày xưa, chung quanh có trồng nhiều cỏ-thụ, day mặt ra bờ sông. Trước chùa ngư-phủ, tiểu-phu, tấp nập sớm chiều qua lại. Trong chùa, cột, kèo, chạm trổ rất tinh xảo. Ta nhân làm 2 bài thơ.

Bài thứ 1

Cảnh Bụt từ xưa chúa Nguyễn xây,
 Cửa son điện ngọc phủ rêu đầy.
 Một đời tươi sáng còn cây cỏ,
 Muôn thuở mưa hoa kết điện đài.
 Sơn thủy ngoài hiên mây ngũ bóng,
 Đi về trước ngõ cánh bướm bay.
 Trích-tiên chuyện cũ truyền Thiên-Mụ,
 Hồn mộng mơ màng trở lại đây.

Bài thứ 2

Từ ngày vương-khí dậy trung-lưu,
 Nghiệp bá gây nên bởi nghiệp tu.
 Năm tháng nhà Tần bia chẳng để,
 Xuân thu đời Hán dấu còn lưu.
 Sóng mòi cát chấn ba nghìn dặm,
 Mưa gió chuông reo trăm tám châu.
 Lửa bụt một lò thiêu hạt bá,
 Dưới trăng sữi âm khá tiêu sầu.

Ngày hôm sau, Vương tiếp kiến mừng rỡ, ân cần cùng nhau thuật lại mỗi tình cru nhớ. Vương hỏi rằng : « Nghe nói Kinh-các, nơi thường-trú của Lão-Hòa-Thượng, xây cất chưa xong phải chăng? » Ta đáp rằng : « Kinh-các do Thạch-Chê-đài, Chu-Vũ-Quân và các quan Bô, Ân tỉnh Việt đồng xây cất. Các vật-liệu đã đủ cả. Chỉ còn Đại-Hùng-Bửu-điện, nguyên quan tỉnh Việt-tây hứa cất. Gần đây, nghe nói người đã thặng bỏ đi nơi khác, nên còn thiếu đại-diện, chưa làm mà thôi ». Vương hỏi : « Sờ phí chừng bao nhiêu » ? Ta nói rằng : « Nếu làm trọn cả, phải tốn độ 7, 8 ngàn vàng (đồng ?), nhưng nay vật-liệu đã có chừng 3, 4 ngàn, chỉ thiếu 5 ngàn lượng nữa là xong việc. « Vương sốt sáng bảo rằng : « Lão-Hòa-Thượng qua đây, ta may được làm đệ-tử, nhưng tự thẹn chưa được làm gì để đền đáp công-đức. Nay lượng tiền xây cất đại diện ta xin hoan hỷ đảm phụ.

Sang năm, lúc Lão-Hòa-Thượng trở về, xin cứ tùy ý xây cất, hao tốn bao nhiêu ta chẳng tiếc ». Nhơn thuật chuyện tại Trung-Hoa, chùa chiến đẫy khắp thiên-hạ, nhưng không có ngôi nào do vua chúa ngoại-quốc xây cất ; chỉ có chùa Pháp-Tướng ở Chiết-Giang do Quốc-Vương Cao-Ly xây dựng từ đời nhà Tống, đến nay người ta vẫn còn ca tụng. Nay nêu Vương hoàn thành đại-diện chùa Trường-Thọ, sẽ cùng chùa Pháp-Tướng đều đề tiếng tốt nghìn thu vậy. Vương vui vẻ nhận lời. Xin Lão-Nhơn nói rõ lai-lịch chùa Trường-Thọ cho nghe, và nêu nơi thường-trú chưa làm xong, xin sẵn lòng khuyên mộ công-đức, hầu khiến sau nầy được biết rõ nguồn gốc Tô-Đình vậy.

Đền đêm, từ giả lui về, làm một bài sớ dẫn nhơn-duyên cất lại chùa Trường-Thọ.

Tu-Đạt giải vàng dựng Phật-đường, công-đức còn hơn đào biển. (10)

Hiển-Vu cấm cỏ làm Quỳnh-Điện (11), tài trí chẳng kém vá trời.

Mừng vãn nước để an thuyền,

Lại nương rừng để tọa định.

Mãnh-hổ ở trong núi hiểm, còn khá hóa làm đạo-trường,

Đạt-Ma đi qua phương đông, há chẳng xây thêm cựu-nghiệp.

Đắp bồi Đại-pháp, xưa đã nhường kia,

Giúp mở chính-tông, nay sao chẳng vậy.

Nay chùa Trường-Thọ,

Sắc ban Tiên-triều.

Khu-vực ở phía tây Tam-Thành,

Đường lối thông toàn cõi Bách-Việt.

Trải sáu đời Hoàng-đế, làm gia-hương cho kẻ tu hành.

Tọa bốn vị Chú-trì, nơi viếng cảnh của khách đàn-việt.

Cơ duyên mới mở, Đường-Lô-Tổ tự tay trồng bổ-đề.

Hồn mộng cảm-thông, Minh-Án-Đài (12) dộc túi duyên bông lộc.

Vương ngự-sứ khắc bia để chữ (13), rực rỡ tinh lam.

10) Tức Cập-cô-Độc, trưởng-giả giải vàng dâng Kỳ-thọ-viên.

11) Đền này chưa rõ.

12) Tuấn-án Trám-Chánh-Long xây cất Từ-Đổ-Các và Diệu-Chánh-Đường tại Trường-Thọ-am.

13) Tại am Trường-thọ có Ngự-sứ bi-ký.

Hán Đại-sư quảy bát ngâm thờ, chỉ huy tâm yêu.
 Chùa hướng về Ngũ-Dương-Thạch,
 Cửa thông ra Bạch-Nga-Đàm.
 Mai trúc nghìn hàng, xuân đến La-phù chia phi-túy.
 Ba-đào muôn khoảnh, thu về Dũ-Lãnh nổi thanh-luy.
 Sao dòt vật đổi, người trải qua vương bá mây triều.
 Gió mát trăng trong, hương phượng phất điển viên trăm dặm
 Dưới mắt dâu gai gà chó, như đời Thái-Cồ hỗn nhiên.
 Ngồi xem mây khói hang gò, giồng cảnh thâm sơn tịch tịch.
 Chưa chôn hết bụi xe dâu ngựa,
 Còn khá dung hùm nhảy voi giày.
 Tuy chơn thường chẳng phá hủy bao giờ,
 Nhưng việc thế đã đổi thay khác trước.
 Cảnh tình buồn bã,
 Chiêu-đế vắng tanh.
 Trên báu-tòa dơi đậu nhện giăng, trái bầu gió mưa lay động.
 Trong pháp tượng én chui chuột khoét, còn đầu áo mao huy hoàng.
 Lôi xóm mục-đồng, đua thả trâu bò chơi giỡn.
 Qua đường hành-khách, luống ngồi bệ đá thờ than.
 Đài mây từng vách đồ tường xiêu, xui lòng khách đấng cao luống những.
 Giếng trăm thước dòng khô nước cạn, khiến bóng người phản chiếu
 nơi đâu !
 Há Phật trời phò hộ không thiêng,
 Hay đạo vận hưng suy có số.
 Tự thẹn tu hành yếu sức,
 Chỉ lo việc đạo hết lòng.
 Gắng vâng lời các thân hào, và hiệu-triệu của hai mươi bốn ập.
 E mất lòng các kỳ lão, với thành tâm của các bậc công-khanh.
 Dám đầu châu-châu chống xe,
 Phải gắng ruổi lẳng đội núi.
 Ba năm giồng ruổi, còn thua Lâm-Tê trồng tùng.
 Chín tháng lóm khom, bắt chước Thọ-Xương chặt đá.
 Bầy dây vừa tâu,
 Muôn ngón buông theo,
 Tuy lều con chái hẹp đã làm xong,

Nhưng nhà lớn liễu dài chưa chỉnh bị.

Chánh-diện phối-diện, tiền-hậu-tả-hữu-diện, đều phải sửa sang.

Thuyền-đường, trai-đường, Bửu-cảnh-Vân-thùy-đường, thầy đều làm mới.

Sẵn ôm chí ấy,

Kính cáo đồng tâm.

Như Tào-Khê, như Nam-nhạc, như Thanh-nguyên, khắp các Trung-Hoa Phật-Tổ-Đình, từ trước chẳng có vua nước ngoài xây cất.

Nào Hiền-Thánh, nào Bác-Son, nào Linh-Ẩn, chỉ có Chiết-Giang Pháp-Tướng-tự, ngày xưa mới có vua Cao-Ly dựng nên.

Mây độ chăm lo, chưa thấu hết sóng môi biển cả.

Một niềm cảm cách, may khá lên tốt đỉnh non cao.

Qua sông cần phải dùng bè,

Lên bờ khá nên ngoảnh lại.

Cày bừa cấy sắn

Giống mạ chờ gieo.

Giáp mặt rình nhau,

Tri-âm may gặp.

Một tấm ngói một tấm gạch, cần lo mài cạnh cho trơn.

Một cái cột một cái kèo, ắt phải dùng gỗ cho tốt.

Chẳng bị Lộc-Uyên thuê trước,

Riêng có Thuyền-thiên rõ ràng.

Bảo-thỏ trang nghiêm

Phước-cơ tác dụng.

Chớ bảo thanh-tĩnh-thể nguyên vốn vô hình, cần chi che lợp.

Phải biết công-đức-chàng vốn xưa có chủ ắt phải tu trì.

Đại-Việt Nguyễn-Đạo-Giả, nguyện cúng năm ngàn vàng.

Việt-Đông Hán-Đầu-Đà, xin hoàn nhị bát nguyện.

Trước thềm hồng-ngọc, mặc ai người lại người qua

Dưới lò kim-hương, cười ngắm hoa tàn hoa nở.

Văn-đàn-sĩ đến Châu-Giang ngoạn cảnh.

Thái-sử-công chơi Hương-phổ để thơ

Cảnh bực vẽ vang,

Rừng thuyền rục rờ.

Xếp đặt một qui mô rộng lớn,

Đề làm nơi tu-viện mười phương.
 Chẳng vì lợi riêng,
 Đồng khai trí-tuệ.

Vương duyệt xem lá sớ, gật đầu, nói rằng : « Mùa xuân sau Lão-Hòa-Thượng về, thay ta xây cất điện đường chùa Trường-Thọ; tiểu-quốc may được phước âm, đều nhờ đức từ-bi che chở vậy ». Bèn định đến ngày 4 tháng 11, sẽ rước tùy-trượng 24 thầy để làm sâm-lễ Vạn-Phật, một kỳ 40 ngày.

Sau giờ ngọ, ta trở về chùa Thiên-mụ, Đông-triều-Hậu sai gia-nhơn đem cau, trái cây, vật thực đến biếu và nói rằng : « Chủ-nhơn nghe Đạo-giá đến nơi, theo lễ phải cung kính đón rước; ngặt vì đau hai tháng nay, nên chẳng đến làm lễ được. Xin đề lời chịu lỗi ».

Ta bèn viết hồi-thư hỏi thăm.

Thư rằng :

Từ giả lên đường vội vàng chỉ đến núi Cú-Lũ, bị gió bắc thổi nghịch, thuyền không về được. Quốc-Vương nghe tin đón trở về Thuận-Hóa, bỗng chốc trong nháy mắt, đã qua 5 tháng trời!

Tiếp quý gia-nhơn đến thăm, mới hay Đại-sĩ có hơi khó ở, nhưng Ngũ-Uẩn (14) vẫn không, bệnh từ đâu mà có ? Có lẽ vì lo dân lo nước mà ra chăng ? Xưa Duy-Ma vì muốn giúp chúng sanh không có bệnh mà tỏ ra bệnh, trước hết Ngài muốn cho mọi người biết tầm thân bảo ảnh mộng ảo chẳng qua vì sợ, sinh ra tư-tưởng chán ghét sự thoát ly. Rồi sau nói cho biết pháp-thân công-đức đoạn tuyệt đau khổ, tự nhiên được vui. Ấy là Ngài muốn khởi phát lòng cầu-tiền của chúng sanh vậy. Đến khi chúng sanh lành bệnh, thì bệnh của Duy-Ma cũng tiêu trừ. Nay Đại-Sĩ lấy bệnh làm phương-thuốc — hay chữa bệnh cho chúng sanh. Khôn nổi, bệnh của chúng sanh thời nay, càng khó chữa hơn xưa. Nhưng cũng không về thể mà bỏ qua vậy. Suy nghĩ mãi, muốn khiến kẻ theo hầu đến thăm hỏi, nhưng

14) Phật-gia gọi Sắc, Thụ, Tưởng, Hành, Thức làm ngũ uẩn.

tuy có Mục-Liên (15) Thu-Tử cũng không thể đảm nhiệm sứ-mệnh đi thăm bệnh. Sở dĩ Lão-Tăng chưa khiên đi, vì nghi Đại-Sĩ hay lấy tâm hiệu Phật, ắt biết lòng Lão-Tăng vậy. Gần đây đạo-thể chắc đã bình phục, ấy là bệnh giúp cho người thành tựu, cái nghĩa ấy rất rộng và lớn. Nghiêu-Thuần bệnh ở chỗ « ra ơn giúp dân », một ngày chúng sanh còn khốn khổ, là một ngày muốn giúp. Không-tử bệnh ở chỗ « an kẻ già, thương yêu kẻ trẻ », một ngày chúng sanh còn bồi rối, là một ngày chẳng yên. Lão-Đam bệnh ở chỗ « thường vui yên tịnh », một ngày chúng sanh còn lo lắng, là một ngày không vui lòng. Thích-Ca bệnh ở chỗ « chỉ mê phá ám », một ngày chúng sanh tối tăm, là một ngày thương xót chẳng cùng. Bởi thế thánh-nhơn bệnh vì bỏ lợi mà sửa mình, phạm-phu bệnh vì đam mê mà tha-thứ mình. Bệnh vì danh dụng t nh giả dối, bệnh vì lợi là làm việc xấu xa. Lỗ lỗ lẳng lẳng ở trong trời đất thế-gian này, nguồn gốc sâu xa. Nếu một nơi nào chẳng bệnh, thì nơi ấy chẳng thành thế-giới; một người nào chẳng bệnh, thì người ấy chẳng hợp thời nghi. Thiên hạ đều thế, thì Đại-Sĩ lấy một bệnh để chữa mọi bệnh là việc chẳng khá đưng vậy. Vì bệnh bởi tâm sinh, trong lúc một niệm chưa sinh thì tứ-đại (địa, thủy, hỏa, phong) cũng không có danh-tự vậy. Tâm với bệnh đều cảnh duyên giả hợp, có gì là thực đâu. Ấy biết « bất nhị pháp-môn » của Duy-Ma, mở mang cho đại-chúng rất nhiều, nay bệnh của Đại-Sĩ cũng lại như thế. Vài hàng thăm hỏi, mong có tin lành phúc đáp, ngõ hầu được yên tâm.

Nhị Quốc-Cậu Tông-Công ngày đương làm Cai-Bá, lúc ấy ta vừa đến Đại-Việt, đã cho đem lễ đên biểu. Nay được thăng chức Tả-Thừa-Tướng, cả nước đều xưng tụng; ta bèn làm một bài khải gửi mừng.

Nay kính,

Trung-thư giúp trị, nêu họ tên đặt vững âu vàng
Thừa-tướng cứu thời, hòa âm dương sáng ngời đuốc ngọc.
Chờ xe hiển-sĩ, rước người luận đạo an bang.
Sửa chiếu tướng-công, xem việc Thạch-Cử thiên-lộc (16).
Công-cô (17) chẳng khuyêt,

15) Tức Mục-Kiến-Liên, đệ-tử thân-thông của đức Phật.

16) Phú Thừa-tướng gọi là Thạch-Cử-Các hay Thiên Lộc-Các.

17) Tức Tam-công, Tam-cô.

Trùng-tê có người.

Kính vui, Thủ-Tướng các-hạ,

Chức giữ quyền hoành,

Ngôi cao văn võ.

Tiêng tăm không hổ, chí chẳng màng âm áo no cơm.

Mừng giận như thường, lòng chẳng muốn khoe công tụng đức.

Trên án sách học theo Khổng-Tử, nửa bộ giúp khai-sáng, nửa bộ giúp thái-bình (18),

Trong chiêm-bao noi dấu Phó-Nham, dùng người làm thuyền bè, dùng người làm mớ muối (19).

Tiêng khen trụ-quốc,

Chọn tự lòng vua.

Giữ lẽ công bằng, trị thiên hạ như chia đều phần thịt (20).

Ngừa lòng dục vọng, phòng miệng người như phòng nước vỡ bờ đê.

Đành chọn tướng chẳng đâu hơn Trung-Hoa, khuôn phép nhà Đường nhà Hán

Mà giúp vua phải theo đời thượng-cổ, phong độ vua Thuần vua Nghiêu.

Chủ-tê được người, mừng thầy long-nhan cả đẹp.

Cử hiển phá cách, khá khen công-phụ nhiều tài.

Trăm việc duy-tân,

Các quan đều phục.

Lão-Tăng : nước mây thân mọn,

Gió bụi tuổi già.

Dầu yêu nhờ lượng cao minh, chẳng quen đường lối khiêu-khê, khi vui xướng một họa ba, tự nhiên tiêu sái.

Danh tiếng đồn vang thủ-tướng, không chút may mắn miễn-cưỡng, gặp việc lòng ngay miệng thẳng, quyết đoán ôn hòa.

Trên đá ba sinh, từng thuở dặt tay cùng bước.

-
- 18) Triệu-Phổ, tướng nhà Tống, thường nói : « ta sanh bình chỉ học một bộ Luận-ngữ, dùng nửa bộ giúp Thái-Tổ định thiên hạ, nửa bộ giúp Thái-Tông lập nghiệp Thái-Bình.
- 19) Vua Cao-Tông nhà Ân nằm chiêm bao thầy Phó-Duyệt, bèn rước về làm tướng và nói rằng : « Vì như qua sông, dùng người làm thuyền bè, vì như nêm canh, dùng người làm mớ muối ».
- 20) Trần-Bình thường nói : « Nếu tôi được làm tể-tướng, xử việc thiên-hạ công bình, cũng như ngày nay tôi chia đều phần thịt vậy ».

Đầu đường thập-tự, mừng nay họp mặt gặp nhau.
 Nhơn nguyên-lực xưa, chông vững can thành pháp-uyên.
 Lây tâm-quang ấy, tán làm mưa móc bửu phùng.
 Cầu chúc,
 Tháng lại ngày qua, sớm tiền gương vàng nghìn thuở.
 Mở sau nổi trước, lưu truyền sách vở muôn đời.
 Tôn xã vững yên,
 Vua tôi hợp đạo.
 Mừng vui dâng khải,
 Cung kính chấp tay.

Ngày nọ, Đấng-Long-Hầu cho người cầm thư đến hỏi, « Thuyền đạo là giống gì ? Giác-ngộ là lý làm sao ? » Bèn viết thư phúc đáp.

Bức thư

Lai thư dạy rằng : « Thuyền đạo ta vốn rất ưa chuộng nhưng chưa biết đạo là việc gì ? Thuyền là giống gì, ngộ là lý làm sao ? Trước đây nghe nói đến cứu cánh, lòng rất lưu luyến, nhưng mỗi khi nghe nói đến chữ « Phật », trong lòng liền chẳng ưa, không hiểu vì sao ? Xin nhờ Lão-Hòa-Thượng cao minh, bảo rõ cho biết ».

Lão-tăng đọc xong thư, buột miệng than rằng : « Hay lắm thay ! Nếu chẳng phải người có phật tâm rõ rệt, ắt chẳng hỏi được như thế ». Nhưng chưa biết « chữ Phật » mà Cư-sĩ chẳng ưa ấy là phật nào ? Lây chữ tăng mà nói, vốn có người đáng ngờ đáng ghét, kẻ lão-hủ nầy xin biểu đồng tình với ngài mà chẳng ưa vậy. Phật tức là bản-tâm đồng có ưa có ghét của chúng ta, tức là tâm lòng « nghe cứu cánh mà lưu luyến » của ngài nói trong thư vậy. Há tự mình lại chẳng ưa tự mình hay sao ? Vả lại học đạo vốn cầu vô sự, ngài chẳng nghe nói : » cần ở trên chỗ hữu sự đạt đến vô sự » hay sao ? Tham thuyền vốn chẳng nương tựa vào một vật nào, ngài chẳng nghe nói : « Bản-lai không có một vật nào » hay sao ? Nếu lấy sự vật cầu thuyền-đạo, tức chẳng phải thuyền-đạo vậy. Vì phỏng bảo, người sinh ở đời có công danh phú quý, có vợ chồng con cái, được thì mừng, mất thì lo, chết đi sống lại, đều là việc « sự » cả, sao bảo là vô sự ? Trong trời đất

núi cũng là vật, biển cũng là vật, mặt trăng mặt trời, các vì tinh tú đều là vật, lục phạm tứ thánh (21) cũng đều là vật, một ngàn bảy trăm nguyên-tắc công án, cái gì lại chẳng phải là vật. Người tham thiền phải tiêu quy từng sự từng vật, bảo chẳng nương cứ vào sự vật được sao. Nên biết rằng thiền đạo quý tự mình tham cầu, tự mình giác-ngộ, chẳng phải do ở người khác, do ở sự vật vậy. Chẳng thầy Bàng-Công hỏi Mã-đại-Sư rằng : « Cái người chẳng làm bạn cùng vạn-pháp ấy, là người thế nào » ? Đại-sư nói rằng : « Bao giờ người uống một hơi hết cả nước Tây-Giang, ta sẽ nói với người ». Lời nói ấy, có phải câu trả lời chẳng ? Hay tỏ ra một cơ-vi mà nhiệm gì khác chẳng ? Hay chỉ thẳng cái người chẳng cùng vạn pháp làm bạn chẳng ? Hay có cái bí-mật chẳng truyền, ngụ ở trong ấy chẳng ? Thử đem ra suy gẫm từng lẽ, tìm cho đến cứu cánh; chẳng khá xuyên tạc một cách cưỡng ép, đem ý-thức riêng mà giải-nghĩa quây quại lại chẳng nên nhưt thiết bỏ qua; nên làm sao trong bộn rộn cũng cứu cánh như thế, nhàn hạ cũng cứu cánh như thế, dẫu gặp chỗ nghịch cảnh bề-tắc chẳng thông, cũng cứu cánh như thế; mặc kệ chỗ sống gần chín, chỗ chín gần sông, lại chớ bàn đến « con người đi đến cứu cánh và câu chuyện cứu-cánh » ấy, là một là hai, là có là không, là phạm là thánh, là lý là tình, là phép đời là phép phạt; dụng tâm đến đó, rồi bỗng nhiên, trong trí mở mang rộng rãi, đại giác-ngộ và cười xòa lên.

Đền như nói một chữ « ngộ » (biết giác ngộ). Ví dụ : « như người kia có việc sinh tử tương quan với người khác, hẹn nhau đến một chỗ nào đó, thương lượng, mới có thể ổn thỏa được. Đương lúc mới mờ sáng, ngũ dậy rửa mặt chải đầu, lấy bút-tắt mang vào, trong lúc bồi rồi cấp bách, mang bút-tắt vào một chân rồi, còn một chiếc tắt nữa chưa thấy; bèn tìm khắp trong tử trong rương, lục soát hết các gian buồng, dưới giường trên vách, không chỗ nào không tìm, tìm đâu cũng chẳng thấy; tức quá, ngồi lại suy nghĩ. Nghĩ mãi nghĩ hoài, moi óc nghĩ đến chỗ sâu sắc, vẫn nghĩ chẳng ra, bỗng cái đầu ngó xuống, thấy hai chiếc tắt mang vào một chân ! Bèn lột ra, mang qua chân khác và vô cùng khoan khoái. Mới biết chiếc tắt ngay ở chân mình, biết (ngộ) thì dễ dàng như thế. Cho nên người ta bảo rằng : « Giày sắt bước mòn tìm chẳng thấy, tìm ra chẳng phí chút công-phu. » Tuy căn-tính có kẻ bén, người lạt, giác-ngộ có kẻ sớm người chầy. Nhưng phải cần

21) Xem phụ-chú số 9.

thận, giữ lòng mình chớ cho sai lệch, chớ mới hơi thấy biết chút đỉnh, đã tự cho đúng phải mười phần; rồi chạy theo lầm lỗi sai đường, ba lầm bảy lạc; thà như Cù-si đèn nay chưa hiểu biết chi, còn hơn cái quang-cảnh « thừa ba thẹo bốn » vậy. Nếu cầu đèn cứu cánh, thì phải cứu cánh cho đèn đầu đèn đuôi, hầu khỏi lầm đườnb lạc lối. Ví bằng chẳng xua đuôi ngày thường nghe thầy, nửa phải nửa chẳng, để gia tâm tham cứu một cái chỗ đại định, thì chỉ thành một tấm gương lò mờ, mà tự mình cho là sáng lắm, có thể thấy được nước ao trong trẻo, không sóng không mồi, trăng sáng giữa trời, không mây không bụi. E trong kinh-tạng đức Như-Lai của ta không có cái pháp như thế. Nếu chẳng trừ bỏ hết cái khí-tập trước kia, cho rằng « đã thấy được thông suốt không có gì chẳng phải », thì cho người thực đèn địa-bộ ấy, cũng chỉ như ao nước tù, chẳng có rồng ở, tức còn mơ màng trong sinh tử luân hồi vậy. Cái bệnh tối kỵ của kẻ tham thuyền học đạo, ở cả trong cái chữ « minh » (sáng), nằm che trước mắt, rồi lầm nhận « bệnh » làm « thuốc » vậy. Nếu biết lấy việc bỏ-phận làm việc cần kíp, mặc kệ thuyền đạo sự-lý,, lòng lưu luyện, ưa với chẳng ưa; chỉ chuyển mình một cái thì thuyền-đạo sự-lý, lòng lưu luyện, ưa ghét, tự nhiên trên mắt quén sạch một từng mây, chẳng bị sáng mờ chướng ngại. Chẳng thế thì một chữ « phật », ta cũng chẳng ưa nghe, Văn-môn nói được, Cù-si nói chẳng được, phải chờ đến khi thấy rõ một chân mang hai chiếc bát-tát, lột ra mang lại, tự-do thẳng bước tiến lên, mới tin lời Lão-tăng nói chẳng sai vậy. Chẳng thế cũng ví như ngồi ở bên giõ cơm mà cứ kêu đói bụng vậy. Xin chớ chấp mấy lời đường đột. Thông thả sẽ còn thư sau tiếp theo.

Lúc ta đang đau nằm tại Hội-An, Quả-Công hai ba lần xin cử Lưu-Thanh làm chức Oai-phủ, quản-lý hàng hóa ngoại-quốc. Ta vô tình nghe lầm, làm thư tiễn cử, liền được Quốc-Vương phê chuẩn. Theo lệ cũ, Lưu-Thanh phải nạp bạc thuê một vạn lượng, hạn trong 10 ngày nạp đủ. Lưu cảm cái giầy có chữ Quốc-Vương phê, chạy khắp nơi cưỡng bức dân chúng để vay mượn. Đến lúc ta đến Thuận-Hóa, các khách buôn thuyền chủ đều quy oán, thuật chuyện Lưu-Thanh làm chuyện bất chánh, đều xác thực có chứng cứ. Ta nghĩ tiền hiền vì nước, vốn là việc hay; nhưng con người như thế nấy, sẽ làm việc hại dân, bóc lột kẻ buôn bán, tai hại vô cùng. Chính đương tính việc điều-tra cho biết các tệ-đoan, thì y lại đến khẩn cầu ta giúp đỡ. Nhưng một lần lầm đã chẳng được, huống lại lầm lần thứ hai, vì vậy ta từ khước. Quả-Công rất lầy làm buồn, bàn mưu với những người cận-

thị thân yêu, vẫn nói người của Lão-Tăng tiền cứ, xin làm cho xong công việc. Như vậy, ngày sau sanh ra tai hại, lỗi ấy về ai ? Bèn viết cho Quốc-Vương một bức thư, bàn về việc dùng Luru-Thanh như sau.

Bức thư

Trong thiên hạ, việc khá có lúc chẳng làm, đạo chẳng khá một ngày chẳng sáng. Việc khá chẳng làm, quyền chẳng tự mình, chẳng tồn hại gì cho ta; đạo chẳng khá chẳng sáng vì lời nói do ta, mà có ích cho người.

Vì vậy, ta phải đem đầu đuôi công việc dùng Luru-Thanh, giải bày tường tường tận cho Quốc-Vương được rõ.

Từng nghe, nước có tội ngay, nhà có con thẳng, do đó, vua, cha mới có thể trở nên thánh hiền. Cho nên trong triều « đô, du » (vâng, phải), chẳng quên câu « hu, phật » (hờ, không phải) (22), dưới gò « thừa hoan » (vui chầu cha mẹ), chẳng quên việc khuyên can. Đời Đường, Ngu, Tam-Đại thường dặn bầy tôi rằng: « Các người có mưu hay chức giỏi, hãy vào trình bày cho vua các người ». Lại nói rằng: « các người chớ hòa theo trước mặt, rồi có lời phiến trách sau lưng ». Đức Khổng-Tử, sau ngày thấy Tử-Lộ chết, than rằng: « Từ ngày người Do chết, tai ta chẳng được nghe lời nói ngay thẳng. Than ôi ! Trời hại ta ». Thánh-nhơn xưa, hằng ngày chỉ lo không được nghe lời ngay thẳng, vì sao vậy ? Bởi vì đảng nhơn quân một mình đứng đầu tất cả thần dân, mừng giận ghét yêu có thể làm cho người ta trở nên sang hèn sống chết. Còn thần hạ toàn là những kẻ mưu cầu giàu sang, và có hạng người tham sanh úy tử rất nhiều; còn những hạng người có lòng yêu vua lo nước, dám can ngay nói thẳng, chẳng tránh nguy vong, thì lại chẳng có mấy. Lại có một hạng người sâu sắc, nham hiểm, chuyên giao kết với người riêng của vua, cùng bọn cung-nữ hoạn-quan kết thành bè đảng, lừa dối che lấp tai mắt đảng nhơn quân, bảixích chánh nhơn, cự tuyệt lời trung trực, đề dễ bề trộm cảm quyền bính, dẫn dắt bề gian, chỉ lo làm lợi cho mình, chẳng kể gì thanh danh của vua chúa. Những bầy tôi trung nghĩa thầy thế, vì tình yêu vua, lúc đầu thì mềm dẻo khuyên can,

22) Trong triều vua Nghiêu, vua Thuần, vua tôi nói với nhau, nghe nói phải thì nói : « đô, du », trái lại, nghe nói quấy thì nói : « hu, phật ».

nhưng khuyên can chẳng nghe, đên đổi phải dùng lời nghiêm chính, làm phật ý vua, đên khi cần phải đổi cái chết để can vua, hoặc phải bỏ ngôi lia chức. Ấy há chẳng biết kiếm cách làm cho vua ưa, để an hưởng phú quý, lại làm cho vua giận ghét, để rước lấy nghèo hèn làm gì, chẳng qua vì lòng trung ái, muốn dẫn vua đi theo đường chánh, chẳng chịu tham ô cầu thả, khiến vua có hối hận ngày sau mà thôi. Lão-tăng mở đạo ở Trung-Hoa 30 năm nay, đói ăn mệt ngủ, lạnh lẽo việc đời, nhưng đòi với quốc kẻ dân sinh, cũng có lúc sốt sắng. Ở đất nước nào cũng được các bậc vương hầu khanh sĩ yêu mến, việc đắc thất của chánh-trị, nỗi đau khổ của nhân dân, thường được phỏng vấn luôn. Lão tăng hề có biết là nói, nói đều hết lời, hay nói chỗ thiết yếu trước khi sự cơ chưa phát; các bậc công-khanh đương cục cũng nhận thầy Lão-tăng là người ngoài cục, biết rõ công việc thế-gian, hại chẳng sợ, lợi chẳng tham, đòi với lẽ phải trái nên chẳng, dám trưng mắt chỉ ngay tình tẻ; có lúc gặp việc quan hệ, cũng chỉ một lời nói là quyết đoán xong xuôi.

Ngày nay ở quý quốc, Lão-tăng cũng giữ lòng như ngày trước ở Trung-Hoa vậy. Huống nay, Lão-tăng đòi với Quốc-Vương, danh phận tuy là khách là thầy, mà tình ái xem bằng cốt nhục. Trước đây, Lão-tăng vì nghe lầm Quốc-sư, nên tiên-cứ Lưu-Thanh làm chức Cai-phủ. Kể nghe những người quen thuộc kể chuyện gian-phi của y, biết y là hạng người bắt lương, có tình quên ân phụ nghĩa. Trong lúc, Thanh-triều đánh dẹp giặc biển, y phiêu-lưu không nơi nương tựa, nhờ Lam-Tổng-Binh hết lòng che chở; Lam nghèo không đủ sức chu cấp, đảm bảo cho Lưu lãnh một chiếc thuyền chở hàng-hóa, vượt biển mua bán để kiếm lời, ân-đức chẳng khá bảo chẳng hậu vậy. Thế mà Lưu chẳng lo đền đáp ân đức của Lam, nhân tâm phụ bạc, đi chẳng trở về, khiến Lam phải oan bởi số hàng ấy. Ngày nay Quốc-sư yêu-cầu Lão-tăng hết lòng hết sức duy-trì bảo đảm cho Lưu-Thanh, một ngày kia thế tất y cũng trở lại phụ bạc; trông mong cho y làm một viên-chức đứng đắn, biết hết lòng vì nước lo đến đáp ơn vua, là một việc vô lý trăm phần trăm vậy. Con người có lòng đen tối, đương lúc không quyền thế, còn cậy uy-thể người khác, để làm điều tội ác, kiếm cách chạy chữa, gạt Quốc-Vương châu phê điểm danh để cưỡng ép vay mượn. Nếu trở nên một viên chức có uy-thể, có quân-sĩ làm nanh làm vuốt, giúp sức để làm tội ác, lại còn có một bọn đồng loại quý quai làm vây làm cánh, ắt đên sanh sự trăm cách, làm hại nhà buôn, làm sâu mọt cho dân

chúng, Đã vậy, lại vay tiền lo lót để làm quan, sau nấy lương bổng không đủ để giả tiền lời, còn lấy đầu ra mà giả tiền vốn. Ất phải kiếm trăm mưu ngàn chước để bóc lột hàng hóa thương thuyền, thậm chí còn đục khoét tận xương tận tủy, khiến cho khách thuyền hàng năm bị hại, khiếp sợ không dám đến. Thê là dứt đường thương-mãi, làm cho quốc-khóa bị thiệt-thòi, rồi tiếng đồn lan ra bảo Vương-quốc đãi khách-nhơn hà khắc, làm tổn thanh danh cho nhà vua biết chừng nào. Mưu gian của chúng nó rải khắp mọi nơi, kẻ có thể-lực bị chúng nó dùng quỷ kế gửi gắm, bỏ qua chẳng nói. Còn kẻ yếu hèn thì sợ độc-thủ của chúng nó ám hại, nên chẳng dám nói. Nếu ngày nay Lão-tăng cũng làm thỉnh, thì còn ai nói lên cho vua nghe? Vì thế Lão-tăng phải nói hết lời, chẳng chút kiêng nể, cốt muốn Quốc-Vương chẳng dùng lầm người vậy. Lưư-thanh lại dùng 3.000 vàng làm mồi, muốn cho Lão-tăng điên đảo thị phi, nói vô một lời với nhà vua để cho nó được việc, thê thì thiệt buồn cười quá. Sao nó chẳng nghĩ Lão-tăng được Quốc-Vương thành tâm thỉnh cầu qua đây để quy y, Quốc-Vương cung dưỡng, mỗi việc đều long trọng châu báu. Nếu Lão-tăng có việc công-đức chưa hoàn thành, ắt Quốc-Vương cũng hoan hỷ thành tựu, sá gì vật nhỏ mọn ô uế ấy. Thử xem Lão-tăng ở vương-quốc gần một năm nay, chưa từng chịu lời của ai, lo lót gửi gắm, để cầu Quốc-Vương dụng tinh bao giờ. Lúc đầu vì không biết nên tiền lắm, ấy cũng do cái ngu của Quốc-sư, chớ không phải Lão-tăng dụng ý vậy. Chẳng thê sao mấy bức thư ngày trước, có đầy lời lẽ kịch liệt nhường ấy. Quốc-vương kính yêu Lão-tăng, Kính thì chẳng nỡ để cho người ta khinh thị, cho nên trong thư nói rằng: « Há đãi Lão-tăng chẳng bằng đàn bà con gái hay sao ? » Nói như vậy, để Quốc-Vương động lòng. Yêu thì chẳng nỡ để cho Lão-tăng xa cách, cho nên trong thư nói rằng: « Nếu chẳng thê, thì Lão-tăng xin xuống ngay Hội-An nghĩ ngơi cho qua ngày ». Nói như thế, để Quốc-Vương động tình, gắng gượng làm theo. Ấy tức như lời thường của người ta bảo: « Nói chẳng thiệt tha, thì người nghe chẳng để vào tai ». Và « lấy sự đi và ở để tranh luận » vậy. Đã biết rõ mà còn dùng Lưư-Thanh, Vương chẳng muốn làm trái ý Quốc-sư, mà cũng vì yêu trọng Lão-tăng. Sở dĩ Lão-tăng tin như thế, vì lẽ Quốc-sư là Pháp-tử của Lão-tăng và là người của Quốc-vương cung dưỡng, hơn Quốc-sư mà Vương được thân gần Lão-tăng, thì nay Vương có lòng tốt chẳng làm trái ý Quốc-sư, chính là yêu Lão-tăng rất nhiều vậy. Xưa thầy Mạnh-tử đến nước Lương, vua Huệ-Vương nói rằng:

« Lão-Tâu chẳng nề xa nghìn dặm mà đến đây, cũng hầu có điều gì làm lợi cho nước ta » ? Thấy Mạnh-tử bảo « lấy điều nhân nghĩa để làm lợi nước ». Nay Lão-tăng sợ dùng Lưu-Thanh sẽ làm tàn hại xứ sở, ấy là Lão-tăng lấy điều nhơn làm lợi cho vương-quốc vậy. Đền như lấy lời thẳng thẳng can ngăn để cứu vãn công việc cho hợp lý, ấy là Lão-tăng lấy điều nghĩa làm lợi cho vương-quốc vậy. Lão-tăng làm như vậy, ấy chính vì Lão-tăng tỏ ý thương Quốc-Vương thâm thía vậy. Lão-tăng bảo chẳng khá dùng Lưu; lời lời thông thiết, lòng Lão-tăng đã yêu đương Quốc-vương lắm vậy. Vương chẳng nên làm trái ý Quốc-sư, cớ ý dùng Lưu và bảo rằng vì đã do Lão-tăng tiên-cứ; vả lại chẳng nên quên rằng vì nhờ có Quốc-sư, Vương mới được dịp gặp Lão-tăng, thì lòng Quốc-Vương yêu Lão-tăng cũng chí tận vậy. Hai lòng tương giao chí tận, như thanh thiên bạch nhật, chẳng chút mây mù, đây đó hòa thông, như ao nước mùa thu, không hề dơ bợn. Chỉ tiếc Quốc-Sư đã làm một vị tỳ-kheo bạc đầu, nghĩ rằng chẳng sống còn bao nhiêu ngày, mà gấp lo mưu tính lợi riêng, cam tâm cùng với bọn gian-hiêm tiểu-nhơn; suốt sáng thâu đêm dùng hết tâm thuật mưu-kê, chỉ mong Quốc-Vương chẳng nghe lời ta; ấy là muốn cho đạo ta chẳng được lưu-hành. Tâm lòng đệ-tử trả ơn cho thầy, há nên như thế chẳng ? Nhưng đạo ta chẳng lưu hành, thì đạo y lưu hành được chẳng ? Lưu hành hay chẳng lưu hành, chẳng thầy Không-tử bảo rằng: « Đạo hầu lưu hành chẳng ? mạng vậy. Đạo hầu bị bỏ chẳng ? Cũng mạng vậy. Công-Bá-Liêu cãi được số mạng hay sao » ? Càng mong Quốc-sư trong việc ấy hỏi tâm tự xét, chớ để trọn đời mê muội, để bọn tiểu-nhơn nhân-tâm bịt mắt bưng tai vậy.

Thiệt nghi Quốc-Vương, Quốc-Sư đều là đệ-tử của Lão-tăng, chẳng khá chẳng hết lòng vì nhau. Vì vậy chẳng ngại dài dòng, hết lời khuyên cáo, xin Vương lượng xét cho.

Nay kính.

Kể từ ngày thượng-nguyên lên thuyền, cuối tháng giêng đến nước Đại-Việt. Ban đầu lưu trú tại chùa Thuyền-lâm, Thuận-Hóa, kể đến ở chùa Di-Đà Hội-An, bị trở gió tại Cú-Lũ-Sơn, lại trở về ở chùa Thiên-Mụ. Vượt qua biển cả, trèo đèo Ngã-sơn (Hải-Vân), trèo non vượt biển, thăm thoát đã qua một năm. Hằng ngày cùng với Quốc-Vương và các Đại-thần thù tạc, cùng thập phương tứ chung bàn hoàn, những điều mắt thầy tai nghe,

hoặc thuộc về phương diện chánh-trị đặc thù, hoặc thuộc phong tục chánh tà, nhơn-vật sơn xuyên, côn trùng thảo mộc, tuy những nơi chưa trải qua còn nhiều; nhưng biết xa từ gần, cũng đã thấu thập được ít nhiều đại khái vậy. Việc bắt phân lớn nhỏ, vật chẳng nệ xấu tốt, hễ gặp việc trọng yếu là chép, thầy vật kỳ dị là biên; há dám khoe hành đạo nam phương, chỉ muốn đem phong-tục ngoại bang và tất cả những điều mắt thấy tai nghe, trình bày lại với nhơn-sĩ Trung-Quốc. Hoặc giả, một ngày kia, đời chuyển được di-phong tập tục hay chẳng ? Năm non bốn biển, dám khoe lịch duyệt như Tứ-Trường (23). Rau lạ tre kỳ, há sánh kiên-văn bằng Bác-Vọng (24). Chẳng qua tùy việc phát lời, gom lời thành tập, vậy thôi.

Trong những lúc đau nằm ở Hội-An, dưỡng nhàn ở chùa Thiên-Mụ, tháng ngày qua lại, biết bao thù ứng vãng lai, xúc cảnh hứng tình, gặp người trò chuyện. Có khi, nhân sự đòi hỏi của người khác, thổ lộ lòng mình, hoặc cùng viết trong một lúc, hoặc làm thành trong nhiều ngày. Thứ tự đảo điên, thiên tập khó sắp, họp làm một quyển, thảo suất hoang đường, dám đâu xuất bản để trình đời, chẳng qua chép lại để khảo sát ý mình mà thôi.

Văn chương vụn vặt, lục tục ghi biên.

23) Tức Tư-Mã-Thiên, Thái-Sử-Công đời nhà Hán.

124) Hán-Vũ-Đề phong Trương-Khiên làm Bác-Vọng-Hầu. Trương-Khiên đi sứ Tây-vực, đem rau Cú-tương, tre Ngang-trúc về Trung-Quốc.

Từ nhà kho Quán Ven Đường

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ

QUYỂN VI

G IÓ mưa quán khách, lặng ngồi thâu đêm. Ngẫu nhiên đọc lại bài của Quốc-Sĩ-Ông Ký-Lục, bàn về thơ và thiển đạo, lời bàn tợ phải mà hóa trái. Đại-phàm phật-pháp văn-chương làm thơ viết kệ, quý ở chỗ đánh phá ý-thức phát ra từ chỗ trí-tuệ căn-bản, tự nhiên thâu rõ; nếu chỉ luông cậy học rộng nhớ nhiều, thì lý-luận thường không tránh khỏi cái bệnh phụ-hội khiến-hợp vậy. Nhơn viết một bài đưa cho Nhiếp-Chi Hoàng Cư-Sĩ, tiêu-khiển trong cơn mưa lạnh, và bảo cho các trò :

Sách vốn chẳng khá chẳng đọc, đạo càng chẳng khá chẳng sáng; người sáng đạo tuy chẳng tập văn-tự nhưng vẫn thường thông thái; nếu chẳng sáng đạo, tuy chuyên công học tập văn-tự, vẫn hay lý luận cưỡng-hợp mà thôi. Tuy câu nói nghe hay ho, nhưng nghĩa không thấu đáo, điều ấy đã từng xảy ra. Xưa Tử-Chiêm học-sĩ (1) làm văn, hạ bút nên lời, chữ tuôn ra thao-thao theo ý nghĩ, như gió bay, như nước chảy, phô diễn một cách tự nhiên. Nhưng đến lúc theo ý riêng thuyết thiển, ông có viết một bài bặt sau bộ Kim-Kinh, chẳng hiểu rằng, Kinh ấy, chẳng phải có thể thầy bằng sắc, nghe bằng lời, lại phán đoán rằng « Chỉ được nửa bộ », thế là chỗ

1) Tức Tô-Đông-Pha, văn-sĩ đời nhà Tống.

cưỡng-hợp của ông vậy. Đã tự biết rằng : Ngũ-Tổ-Giới tái lai, sao lại quên hẳn bốn-phận, trở lại hỏi Tham-Liêu (2) « thác sắc núi tiếng khe mới xưng ngộ đạo » ? Ấy lại là chỗ cưỡng hợp của ông vậy. Trong bài « Kim-Son-Thù-Tứ-Đại (3) ngũ-uẩn » (4), ông muốn đem đai ngọc trần sơn-môn, nhưng luôn luôn dây xõ-mũi bị nắm trong tay người khác, chỉ vì từ trước ông chỉ dùng ý-thức thông-minh ức đặc nghĩa-lý, chưa từng dùng đạo để đánh tan sự chướng ngại của cách-âm, cho nên hoảng hốt chẳng thấy rõ đoan đích vậy. Thần-Tú Đại-sư (5) ở trong Hoàng-Mai-Hội, làm thủ-lãnh 800 long-trượng (các vị hành-giả và bát bộ Long-Thiền), nghe rộng nhớ nhiều, ai chẳng suy tôn ngài làm ngôi thứ nhất. Ngài làm câu kệ rằng : « thân tợ bồ-đề thụ » (mình tợ cây bồ-đề), bồ-đề theo tiếng phạn gọi là chánh-tri, cũng gọi là chánh-kiến, hư linh không thể chắt, chỉ có tính viên-minh, hoặc khá lây bồ đề chỉ mặt trăng, chớ cùng với « thân » có giống gì đâu, huông chia lia bỏ chánh-tri chánh-kiến mà nói bồ-đề, thì bồ-đề há có mất tai mũi lưỡi, xương máu tay chân, mà ví với thân người được sao. Ấy là đại-sư nói cưỡng hợp vậy. Lại nói rằng : « Tâm như minh-cảnh-đài » (lòng như đài gương sáng), chẳng kể sự lý hư thực dưới chữ « minh cảnh » hạ một chữ « đài » làm vận chân, để chữ « cảnh » hư, chữ « đài » thực; rồi câu kệ nói : « thời thời cần phật thức » (buổi buổi siêng lau chùi) ấy là lau chùi cái đài, chớ không phải lau chùi cái gương; tức bảo rằng : « tâm » như mặt gương, thể đã là chẳng phải « tâm » rồi, hà-huông bảo như cái « đài » của mặt gương, thì với « tâm », lại còn có giống nhau chút nào. Tây-Thiền 28 tổ, Đông-Thổ 6 tổ, đều lấy tâm truyền tâm, chẳng phải lấy gương truyền gương hay lấy đài truyền đài bao giờ, ấy là cưỡng hợp vậy. Làm thơ, làm văn có khởi thừa chuyển hợp, thuyết pháp cũng vậy. Nay trong bài kệ, hai câu đầu lấy « thân » và « tâm » song khởi, mà câu kết nói « vật sứ giả trần ai » (chớ khiến dính dơ bụi), chỉ kết câu « minh cảnh », không hề nói đến « bồ-đề »; thể là chỉ luồng chuyên công văn-tự, mà nghĩa lý không được thấu đáo, tức là phụ-hội khiến-hợp vậy. Than ôi, trong một bài kệ, chưa bàn đến chỗ luận đạo

-
- 2) Tông-Tăng-Đạo-Tiêm hiệu Tham-Liêu-Tứ, tu ở chùa Tri-quá ở Hàng-châu. Lúc Tô-Thức ở Hàng-Châu, chiêm bao thấy cùng Tham-Liêu-Tứ làm thơ, sau ra trần-thủ Hàng-Châu; có đèn phòng văn Tham-Liêu-tứ, làm bài Ứng Mộng Ký.
 - 3) Phật-gia gọi địa, thủy, hỏa, phong làm tứ đại.
 - 4) Phật-gia gọi sắc, thụ, tưởng, hành, thức làm ngũ uẩn.
 - 5) Đại-sư là đồ-đệ của Ngu-Tổ Hoàng-Nhân.

phải hay trái, chỉ trong chỗ dùng tự đặt câu đã có đến 3 lỗi. Bởi thế Lô-Hành-Giả (6), nói lại rằng: « Bỏ để bản vô thụ, minh cảnh diệc phi đài » (Bỏ-để vốn không cây, gương sáng chẳng phải đài), dùng bốn chữ « bản vô, diệc phi », như một tiếng sét vang dội trong đám mây mù, chớp sáng lờ ra tỏ rõ chẳng phải « đài » cũng chẳng phải « cây », chẳng chờ phân biệt mà ai cũng thấy rõ như vậy. Nhưng lại sợ người ta bỏ « đài » bỏ « cây » mà lại nhận cho « bỏ-để » và « minh-cảnh » là vốn có, nên lại bảo thẳng rằng: « bản lai vô nhứt vật, hà xứ giả trần ai ». (Nguyên không có một vật, chỗ nào dính bụi dơ). Thế là hướng ra ngoài chỗ « phi đài, vô thụ », đánh thêm một tiếng sét nữa, đem « bỏ để, minh cảnh » nhứt luật đánh tan luôn, khiến người ta không còn chỗ nào bám bấu để làm chân đứng; bảo là « bản lai vô nhứt vật », chẳng phải minh cảnh bỏ-để; huống « minh-cảnh-đài, bỏ-để-thụ », hiện có đến ba bốn vật, thì bảo « bản lai vô nhứt vật » sao được. Ý Lô-Tổ muốn vì người tìm chỗ cứu cánh vậy. Toàn hay ở chỗ hỏi tiếp theo hai chữ « hà xứ », muốn người tự hiểu biết « hà xứ giả trần ai », mới biết rõ « bản lai vô nhứt vật »; bản lai đầy đủ, bản li thanh tịnh, cần gì phải lau chùi phật thức; nếu cần lau chùi gương tức chẳng sáng; chờ lau chùi mới sáng, tức là nhìn bóng quên đầu. Nếu nói lau chùi minh-cảnh mà quên bằng bỏ-để, thì rớt-cuộc minh-cảnh cùng với bỏ-để nào có quan hệ gì. Chỉ ở một câu hỏi ấy, nhắm ngay chữ « hà xứ », chích một mũi kim, đoạt cảnh, đoạt người, đoạt pháp, buông bắt khéo léo, sinh sát tỏ tường. « Ta không có một phép nào cho người, chỉ biết bệnh mà thôi », lời nói ấy há dòi người hay sao ? Chúng ta quý ở chỗ hiểu đạo cho sáng rõ, rõ đạo rồi quý ở chỗ biết thể-niệm (hòa-minh với đạo). Một phép đã thông, tất nhiên mọi phép đều thông vậy. Chẳng tin, hãy nhìn xem Lô-Hành-Giả, con người chẳng từng đọc sách bao giờ ấy, hiểu biết văn-tự một cách tinh-vi như thế nào ? Bởi thế, ta bảo người đời muốn cầu thông, không chi bằng rõ đạo. Đã rõ đạo mà còn biết đọc sách, thì há chẳng thông hơn vị Hành-giả giả gạo trong bếp ấy mấy bậc nữa hay sao. Gần đây, thường thấy những người tham thiền, đạo đã chẳng rõ, sách lại chẳng đọc, gượng muốn bàn thiền bàn đạo, làm kệ làm thơ, khác nào con ruồi nhúng chân vào nước biển, muốn vẫy lên làm mốc làm mưa, phỏng có được hay chăng ? Huống chi Cư-Sĩ là một người đọc sách thông thái, thường lấy tay sờ mó lò lửa chùa Trương

6) Tức Tuệ-Năng Đại-sur, tức Đệ-lục-tổ, được tâm-ân của Ngũ-Tổ Hoàng-Nhân.

thọ, xem nóng hay nguội; chẳng chịu lấy văn-tự thông-minh tự cam lòng, muốn hòa cùng Tứ-Chiêm cải cho vừa ý, chẳng chịu để cho đầu lưỡi các Hòa-Thượng già xưa nay áp đảo. Việc ấy hãy tạm ngừng. Hãy hỏi : « Đem nay trước thêm từng giọt mưa » vì có gì chẳng rơi xuống nơi khác ?

Thư bảo Diệc-Nhĩ Ký-thật

Thân thầy học đạo, cũng ví như đầu thai vậy. Sinh vào gia-đình nghèo hèn, đội thuê gánh mướn kiếm ăn, làm việc thập hèn kiếm lợi, tập quán như thế, tâm thân trở nên hèn kém, chẳng nói làm gì. Sinh vào nhà giàu sang, từ thuở đờng bú mớm, đã được nâng niu chịu chuộng, mặc thì gấm vóc, ăn thì chả nem, điều dưỡng từng ly từng tý, chỉ e không sống; dần dần trưởng thành, dạy tập thi thư lục nghệ, văn vẻ thanh tao, hầu mong sớm được thành tài, để nối dõi tông-đường tổ-phụ. Còn e thanh-niên tử-đệ, tính-khí kiêu căng, hào phóng tự thị, hay đi lạc lối lầm đường; rồi thì tư tưởng sơ sót, nghe thầy sai lầm, học-nghiệp chẳng thành, công danh làm sao đạt được. Bồi thế đã có phụ sư dạy dỗ, lại cầu bầu bạn dối mài, nếu giải đãi để ngày tháng trôi qua, ắt sẽ ăn năn chẳng kịp. Kẻ học đạo làm công-phụ cũng thế. Cứ như Lão-tăng đây, lúc trẻ tuổi hay đau, không được học để nối dõi thư-hương, theo đòi khoa-cử; nhờ nhờ gặp Tiên-Trượng-Nhơn thế độ cho xuất gia, tham thuyết chưa được bao lâu, đã biết rõ bản-phận; Trượng-nhơn bèn cho theo hầu quỳnh-lâu-ngọc-điện để làm công-phụ, từ đó được làm người thanh nhân vô sự. Tuy kiên-thức đã định, nhưng học hành thiếu sót; tiếng làm trí-thức, mà sách chưa từng đọc được một câu, chữ chẳng từng viết được một nét, lẳng nhăng lơ nhỏ bị thua sút mọi đường; ngày qua tháng lại, râu tóc bạc phơ, than ôi, đã già mất rồi, chỉ e ổng phí tâm thân hiện tại, làm hư hạt giồng sau này mà thôi; bèn quyết chí một mặt hành đạo, một mặt học tập, nhưng hiện tại sức khỏe trí nhớ chẳng bằng lúc thiếu niên, ăn năn đã chẳng kịp vậy. Gần đây thầy có những đạo-tử học-sinh, tướng mạo khôi-ngô, khí thế cường tráng, nếu chịu lập chí, thì tham thuyết minh đạo, nào khó gì đâu; thế mà các người cứ lững lờ lơ lơ, tháng ngày ổng phí, đáng tiếc biết chừng nào. Thường có một vài người chịu khó tham học, nhưng lại xấu tốt chẳng biện, đen trắng chẳng tường; cày cục bên này, tìm tòi bên khác, giầy mòn chùng mõi mà đi chẳng đến đâu. Chẳng

biết hai chữ « tham học », trước cần phải phân biệt cho rõ ràng, « tham » nghĩa là dứt bỏ tất cả thế-giai (thang bậc), chẳng tìm nơi nào khác; tập trung khí-lực, tự trong mình tìm ra một con đường mà đi, nghĩa là « tham » cho đến chỗ « niết-bàn » lòng dễ hiểu, sai biệt (?) trí khôn minh » vậy. Chừng ấy rộng xem thêm sách vở của người xưa, lại từ mặt ngoài đánh tiền vào. Trong rềm dạ-minh, chuyển mình một cái, trong ngoài lớn nhỏ, một mạch quán thông; lúc bấy giờ chúng ta thấy nghe việc gì, xử sự luận lý, ắt đến chỗ thiện-chí, thể mới gọi là học. Gần đây những kẻ thuyết-giả, thầy đều câu nệ, chẳng biết biến thông sự lý, thành ra cò chấp thực tà. Còn những kẻ giảng giáo thì hằng ngày lo tính tiền tài châu-báu của nhà người khác, chẳng biết đến cái đáng quý của mình; rớt cuộc « ham xem trăng trên trời, rớt mắt ngọc trong tay », nào có ích gì. Trong tôn-giáo tìm cho được người « tham-học hoàn-toàn », thực khó lắm vậy. Những bọn ù-mờ chẳng biết đường lối, thôi chẳng bàn đến làm chi; cho đến những kẻ hơi biết chút ít, chân đứng chưa vững, đã bị hoàn-cảnh nhơn-duyên lôi kéo, thì lại phải cần có thầy bạn đào luyện, mới mong thành tài; chẳng những không thấy đồ mấy làm nên, mà không bạn cũng chẳng khá độc tiền, cò bồng sinh trong cây gai, chẳng uôn tự thẳng vậy. Khôn nổi, trong thế gian này, chơn-sur hiếm có, mà chơn-hữu cũng chẳng được mấy người. Những bạn đời nay là những bạn a-dua, chỉ ừ ừ vâng vâng, một mặt lo tán tỉnh; khen ta là « tiên-sanh hầu hầu », chẳng qua làm ngu ta, làm hại ta, chỉ thiếu điều giết ta mà thôi. Bạn như thế lo tránh xa chẳng kịp, còn thân gần được sao ? Nếu là chơn-hữu cần biết chi-trích điều lỗi của ta, bắt ta phải làm việc thiện; nói ngay chẳng nể, mới là yêu ta, muốn làm nên cho ta. Cho nên người xưa được một người đồng-chí chơn-hữu, quý hơn anh em đồng-bào vậy. Như Nhưng cũng chớ lấy làm lạ, vì sao thế giới lớn như thế này, lại khó tìm được chơn-sur, chơn-hữu. Nay trước hết hãy tìm một người chơn học đạo đã. Nếu có thấy bạn mà chẳng có học-nhơn, cũng ví như « vịt nước lợ giữa đồng » chỉ lênh đênh theo dòng nước xuống lên, một lúc gặp biển động ba-đào, đã chìm mất dạng vậy. Than ôi, nếu chơn-học-nhơn có được nghiêm-sur lương-hữu, hằng ngày theo đào luyện khích thành, có lúc lấy lời độc-ác, mắng nhiệt nữa. Chẳng những mệ không từ, khổ không oán, đến nỗi đuổi cũng không đi, đánh cũng không chạy, càng bức bách lại càng tinh cần, càng chiết tỏa lại càng phân phát; như thế mới thấy lòng kiên quyết của học nhơn vậy.

Nếu Diệt-Nhĩ từ nay có chí hướng kiên quyết, nguyện lực chơn thành, dụng tâm trong 4,5 năm, thì khó gì chẳng thông đạt đạo-lý, khai thông chương ngại. Người học đạo sợ nhất là tự dối mình; tự dối mình thì ý chẳng thành thì tâm chẳng chánh, tâm chẳng chánh thì nghe tiếng chú tâm theo tiếng, thấy sắc chú tâm theo sắc, tâm chú tùy theo ngoại-cảnh, đến đổi « tâm bắt tại yên », xem mà chẳng thấy, lắng mà chẳng nghe, chú cảnh sanh tâm, tâm chẳng còn tự tại, bị thanh sắc có không sử dụng, dụng tâm ở « có không » cũng chẳng biết, dụng tâm ở « không có » cũng chẳng hay. Chỉ bao giờ giữ được đừng cho tâm bị lưu-chú, mà lưu-trú cũng không trở ngại; chú không trú vào đâu, mới thấy thường trú; chơn-tâm hư mà tịch, linh mà sáng, hay chiếu mọi vật mà chẳng bị mọi vật lấp che. Thông suốt hơn người mới làm nên đấng trượng-phu hơn người vậy. Đến chỗ đó mới biết phát tâm học đạo là người cha sinh ra ta, tham thuyết ngộ đạo là ông thầy dạy cho ta nên và chí-nguyện chẳng đổi là người bạn giúp ích cho ta vậy. Xem lại phụ sư bằng hữu chẳng phải ai khác, đều ở cả trong một nhà của ta; đại gia vô tay cả cười reo lên rằng: « Như thế mới chẳng phụ tâm thân nam tử, một phen ra đời », khiến Lão-Tăng cũng tự thẹn vậy.

Thư gửi cho Đại-Việt-Quốc Hữu-Thừa-Tướng Tổng-Công

« Năm ngoái, mộng on hạ-cổ, được bái lãnh huệ-lộc hai lần. Từ ấy, về sau tin-tức vẫn thông, nhưng ít có dịp bái-yết. Mới đây, nhơn dịp chúc mừng năm mới, được lên Long-Môn, cúi mộng khoản tiếp ân cần, đủ thấy Minh--Công nhã ý hư hoài, chẳng kém lòng đãi sĩ của Chu-Công ngày trước. Trong lúc trò chuyện, Minh-Công lấy tư cách một vị Quốc-triều Tề-Pbụ, đứng đầu nhơn-dân, lấy việc tăng-già có nhiều người hỗn loạn làm lo; Minh-Công nghĩ rằng, muốn hộ-sinh cần phải dùng sát, cần phải cuộc hết cỏ dại, lúa tốt mới có thể mọc lên; điều đó lại càng thấy Minh-Công quả là thành vàng ao nóng của pháp-môn, lòng hộ-đạo hùng dũng phi thường, nếu chẳng phải người tu hành kiếp trước tái sinh, chẳng bao giờ được như thế. Lão-tăng từ ngày đến quý-quốc; vẫn lấy việc ấy làm thông-hận, nghĩ rằng mình có trách-nhiệm phải gánh vác việc Phật-pháp; nhưng đến đây chưa được bao nhiêu ngày, chưa thấu rõ hết những chỗ ân-vi; vả lại bọn chúng từ trước đến nay, không được nghe pháp-hóa, chẳng biết bản phận

một tăng-nhơn phải làm những việc gì, nay bỗng lấy trọng phát thẳng thức, thế là chẳng dạy mà giết gọi rằng « dữ », chẳng phải lòng trắc ẩn của kẻ có ơn, vì giáo-hóa mà ra tay vậy. Trong lúc hầu chuyện, ứng đáp vội vã, chưa được rõ ràng, nay xin bàn tiếp thêm cho rõ lẽ bên đạo bên đời, việc làm tuy khác nhau mà đạo vẫn hợp nhau vậy.

Thứ nghĩ xem, trời đất chẳng khá có dương mà không âm, đê-vương chẳng khá có thường mà không phạt, nhà chùa chẳng khá chỉ dắc diu mà không có luật-pháp; ba lẽ ấy vận-dụng tuy chẳng đồng mà lòng nhơn-ái thì như một vậy.

Trời đất không nói, mà hai khí âm dương qua lại, bốn mùa vận hành; có mưa mốc để tưới nhuần, lại có sương tuyết để làm cho tàn tạ. Muốn vật chịu hình khí của trời đất, cũng có lớn nhỏ hậu bạc khác nhau, lớn ấy chịu khí được hậu, nhờ ơn mưa mốc để sinh, cây oai sương tuyết để nở, sinh nở càng lâu, gốc rễ càng bền, cành lá càng tốt, bèn cho là lòng nhơn-ái của trời đất rất hậu vậy. Còn nhỏ ấy thì chịu khí rất bạc, ơn mưa mốc chẳng cứu được điều-tàn, oai sương tuyết lại làm cho mục nát, sinh nở càng kém, gốc rễ càng khô, cành lá càng héo, bèn cho là sự tàn phá của trời đất rất khốc-hại vậy. Biết đâu, vững thì bồi thêm, nghiêng thì đập đổ, trời đất chỉ vận hành âm dương qua lại theo lẽ thường; mà muốn vật trong vòng chở che, tự nhiên có vật được sinh, có vật lại bị sát, chẳng khá bảo rằng trời đất chỉ có sanh mà chẳng sát vậy. Đền như chín năm nước lụt, bảy năm đại hạn (7), âm dương cũng có lúc trái thời, ấy là cái biến, cái phi-thường của khí số vậy.

Đàng nhơn-quân thế theo ý trời mà hành đạo, kẻ nhơn-thần thờ vua chần dãn; quân thần kính răn, hằng ngày lo muốn dân không được yên sở; mở ruộng lập làng để nuôi dân, lập nhà học-hiệu để giáo-hóa, khiến dân được vui sống hằng ngày trong vòng lễ nghĩa hiền đức. Dân chúng có kẻ hiền lương tuân tú, liền được tuyền dụng, được vinh-hoa chức cả ngôi cao, bèn bảo rằng lòng nhơn-ái của quân-tướng thật tốt bậc vậy. Chẳng may có kẻ gian tà tham ác, lúc đầu cũng uốn nắn tìm cách dạy dỗ, nếu cứng cổ ngang đầu, dạy mãi chẳng nghe, thì dời đi an trí một nơi cho hồi cải tự tân; cuối cùng tạt đầu nết đó, sự hung dữ có hại đến dân lành, lúc bấy giờ mới dùng

7) Thời Đê-Nghiêu bị lụt 9 năm liền. Thời Thành-Thang bị 7 năm đại-hạn.

đền hình phạt lưu đày, giết một người cho trăm họ được sống, bèn bảo rằng vua tướng ghét bỏ đền thờ là cùng vậy. Vua Nghiêu cử cửu quan, dùng 12 quan mục, mà chẳng quên giết bốn kẻ hung (dữ). Vua Văn-Vương võ yên trăm nước mà phải đánh giết Hữu-Sùng, Hữu-Mật. Ất phải minh quân lương tướng, chánh đại công bình, mới biết rõ kẻ dữ người lành, dùng bỏ xứng đáng, thiên-hạ càng ngày càng được thái-bình. Ví phòng kẻ trên mờ tối, kẻ dưới a-dua, đua nhau ăn hối lộ, tuyền dụng hay truất bỏ, chỉ tùy theo sự ưa ghét của một mình; kẻ giữ lý thẳng ngay, thì ghét vì trái mình mà truất bỏ; bọn a-dua gian nịnh, thì ưa vì đồng đảng mà thân dùng. Chừng ấy, tước thường lạm cấp bọn tiểu-nhơn, ắt hình phạt gia oan cho quân-tử.

Dần dần gian tà đắc-lộ, thù dật làm gian, làm cho tai mắt nhơn-chúa bị che lấp; tur-môn chuyên-chánh, kẻ trên ra lệnh, kẻ dưới làm sai, dân chẳng biết đâu mà nghe theo, triều loạn nước nguy, không còn chỗ nói được. Bởi thế, chẳng phải bậc đại-nhơn minh-chánh vô tư, chẳng bao giờ thi-hành thưởng phạt được công bình thích đáng vậy.

Đền như bọn tăng-nhơn ở nhà chùa, từ ngày cắt tóc đi tu, niệm Phật tụng kinh, từ bỏ quân thân, đứng ra ngoài cuộc tự cho mình đã thoát khỏi lưới đời; bao nhiêu quyền che chở từ-bi đều nắm cả trong tay sư-trưởng. Kể từ Phật pháp truyền qua Trung-Hoa đến nay, cùng với nho-giáo, đạo-giáo tịnh lập, ở Trung-Quốc khắp các kinh thành, quận huyện, chùa chiền cùng với Không-Miêu đều được sùng phụng như nhau, để chúc phước hộ quốc. Trong các chùa chiền, các quan địa-phương tuyền lựa minh-nhãn Tôn sư để chủ trì pháp-tịch, thập phương vân-thủy đều nương tựa quy y; kẻ cầm đầu pháp-môn ban bố giới-luật nghiêm minh, tùy tài lập giáo, khiến kẻ thọ giáo biết theo bốn-phận tu trì; lại còn kiếm cách dắt diu để hóa phàm thành thánh. Người nào cản khí chánh đại, tự nhiên theo bậc mà tiền, một đường tinh-tân tu hành. Nhưng biển bọt rừng thuyền, thánh phàm lẫn lộn, những kẻ ngu ngoan cuồng vọng, có khi trái luật làm càn. Tội nhẹ thì quỳ hương sám hối, tội nặng thì lột áo đuôi ra khỏi chùa. Đại ác thì đốt sống để trừ hại cho pháp-môn. Ở các đảng từ-bi quảng-đại, gì cũng muốn dung tha. Nhưng đôi với dung ngoan bạo ngược, bắt-đắc-dĩ cũng phải lấy đại-nhãn làm đại-từ, cốt để trừ tà phò chánh, không cho ma nghiệt được làm nhục môn phong của Phật-Tổ vậy. Lại còn một thứ nghịch hành Bồ-Tát, hành vi huyền diệu, thoát hẳn ra ngoài lễ lỗi, như bọn Phong-Can,

Kiên-tử, Tê-Điên, Thiên-Tử v.v... giàu hình đôi dạng, làm việc dơ uê ngang tàng; chơi giỡn độ sanh, mà tự có tài lạ phép mầu để giải-thoát. Đòi với các vị ấy, phải có mắt tinh hơn đời mới phân biệt được. Nếu gặp phải bọn phàm phu mắt thịt, đã vội cho bọn thấy-chùa giả dối, muốn giết chết ngay lập tức cho hả giận sưng tay, há chẳng oan lầm thay ? Cho nên trời đất, để vương, nhà-chùa đều dùng thường phật sinh sát để duy trì thể giáo, chân chính lòng người, đồng một đích như nhau vậy.

Vả lại Quốc-gia thiết lập chùa chiền, chẳng phải chỉ để tạo ra một mớ thấy tu biết « giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhơn tâm thành phật » mà thôi. Cũng cần có những tăng-nhơn để hôm sớm đốt hương tụng niệm, kiến cấu cho trời sinh thánh minh để làm vua, làm tướng, trong triều-đình đều những người hiền-lương phượng chánh, lấy trung hiếu tiết-nghĩa dạy người, khiến thiên-hạ vui lòng làm lành, giặc cướp chẳng sanh, nhà-lao bỏ trồng; chừng ấy điều-hòa âm-dương, ngũ hành chẳng lỗi, mưa nắng phải thời nhơn-dân được vui sống thái-bình, chẳng sanh ra tai-trong tật dịch; hầu thấy hình phật chẳng dùng mà người biết kiêng sợ, đòi há chẳng thanh-trị hay sao ?

Nay Quốc-vương đương lúc tuổi trẻ, thầy anh em Minh-công đầu bậc hiền-lương, dùng giữ chức Trùng-Tê ở nơi xung-yêu. Vả lại Minh-Công là Quốc-Cậu thích thuộc, chính nên hư tâm kính lễ kẻ hiền, quảng tập chúng trí, dùng chánh-nhơn, làm chánh-sự, tiền chánh-ngôn, kiến lập học-hiệu kính lễ nhà nho để giảng dạy lục kinh đạo thánh; từ Vương-Thê-Tử, con em các đại-thần, cho đến nhân-dân tuần tú, đều khiến vào học nghe giảng; các phủ cũng đều mở nhà học để giáo-dục nhơn-tài; như vậy chẳng qua mười năm, dân trong nước đều dần dần hiểu biết Đại-nhơn từ cái học tu tế trị bịnh để nổi vàng-thánh mở mang kẻ hậu-học ; đòi với quốc gia chính sự, đều cứ lý mà làm, chẳng chuộng âm mưu trá thuật. Mỗi lúc Quốc-Vương có chánh lệnh gì, trước phải cùng với các đại-thần thương xác cho hợp với nhơn tình thiên-lý, sau mới thi hành. Một khi có vương-lệnh đã truyền ra, chẳng khá dờn đổi; như thể oai lệnh mới tôn nghiêm mà đại-quyền chẳng đến đổi lọt vào tay người khác. Kinh-thư bảo rằng : « Lời vua như tờ », nghĩa là lời nói đã phát ra, không còn lấy trở lại. Thất-phu một tiền ừ, còn nghìn vàng chẳng đổi; há mạng lệnh của nhà vua, mà khúc trực thị phi, có thể dùng đồng tiền lo lót, để nhờ cậy đại-thần che lấp tai mắt nhơn

chúa, dền đổi một việc mà phản phúc mâu thuẫn mấy lần. Tức như việc Thái-Thanh-Quan chết ở quý-quốc, bao nhiêu tiền-của tư-bản đã vâng Vương-mệnh phân phó thuyền-chủ đem về giao cho vợ con y; đủ thấy quý-bang chí công vô tư, việc nhơn chánh ấy ai lại chẳng cảm phục. Ngờ đâu, người dưới kiềm chuyện làm trái mạng lệnh Quốc-Vương, cùng bọn tiểu-nhơn chia nhau tư tui; khiến Thái-Thanh sống chết chẳng minh bạch, thiên hạ nghe việc ấy cho rằng mạng vua chẳng bằng lệnh tôi, há chẳng thẹn cho đức-chúa và khinh rẻ quý-quốc hay sao !

Thiệt nghi quý quốc từ khi khai sáng dền nay, đã vài mươi đời, phần nhiều công việc trong nước, ông cha làm sao, con cháu noi theo như vậy; cầu thả qua buổi, yên được thì thôi; còn về mặt cương thường luân lý, lễ nhạc, chánh giáo, đều bỏ qua chẳng ngó ngang dền. Nay Quốc-Vương đương trẻ tuổi, đã biết tin dùng Minh-Công, thế mà Minh-Công lại bận lo cân nhắc tính toán, chẳng rảnh nghĩ dền việc sửa sang triều chánh. Trên không có quân tướng xướng xuất, trong nước đều ù ò chẳng biết đạo thánh hiển, người nào cũng chỉ lo bội nghĩa trục lợi; bởi thế những phường chồn cáo mới dám tung hoành, bọn hùm sói mới dám làm dữ, dẫu có một hai người chánh trực quân-tử, cũng là nước gáo chẳng cứu được lửa xe vậy. Quân-hầu anh em đều ngời cao tốt bậc, quyền giữ yêu xung, Quốc-cậu lão thành, vinh hoa phú quý, cần phải giữ mình khiêm tôn, tránh tiếng gièm pha, khiến thần dân trong nước đều tin-tưởng Minh-Công lúc nào cũng trong sạch thờ vua, đi theo đường chánh, hầu cho Tôn-miêu xã-tắc, đời đời hưởng phúc miên-trường, sử sách lưu danh, biết bao tốt đẹp. Nếu chẳng thế, Minh-Công chẳng hay xướng xuất chánh tâm, cứ để mặc cho bọn gian-tà tiểu-nhơn, lằng xằng bôn tẩu, làm hại kẻ hiền, làm hại cho nước, vợ vét cho đầy túi tham, xâm lấn cả oai quyền nhơn-chúa. Một mai thời thế đổi thay, công việc hư hỏng, lúc bấy giờ muốn xin làm một tên thật-phu cũng không thể được, như bọn họ Lữ đời Hán, họ Vũ đời Đường. Kia gương Thất-Quý Ngũ-Hầu đáng sợ biết chừng nào !

Lão-Tăng mộng được Quốc-Vương kính lễ làm bậc thầy, Quân-Hầu lại hết lòng yêu dẫu; nay nhơn thừa tiếp, nói chẳng kiêng lời; tặc dạ ngu trung, tuy Cao-Minh chẳng sá kẻ; mong rằng núi Thái-Sơn đắp thêm một giò đất, lại càng thêm cao, biển Thương-Hải nạp cả nước các dòng-con lại càng thêm lớn. Chớ cho lời nói của Lão-Tăng là lỗ-măng điên-cuồng mà

nạt mắng xua đuổi; thì rất may cho Quốc-Vương, rất may cho dân chúng, và rất may cả cho Quân-hầu.

Thư bảo cho Khử-Phi-Thuyền-Nhon

Đồn được vác được, ấy là người khảng khái. Nhưng chỉ sợ đánh giặc đầu lưỡi, uổng bày trận thiên-môn, luống mài dao thuyết-nhãn, chẳng những làm nhục lòng Khử-Phi mà cũng nhục lòng Lão-Tăng, chúng ta luống phụ lòng nhau mà thôi vậy. Lời xưa bảo rằng : « Người giác-ngộ lớn tụng 18 biến, người giác ngộ vừa, tụng không biết bao nhiêu biến mà kể ». Lại chẳng nên lầy ít làm đủ, phải bỏ bậc nhỏ mà làm nên bậc lớn mới được. Nếu muốn xông xáo triệt để, đề báo đức cao dày, cần phải có sẵn một thủ-đoạn « giết người không nháy mắt », gặp Phật-tổ giết Phật-tổ, gặp bạn thân giết bạn thân, gặp người giết người, gặp mình giết mình mới được khinh-khoái tương ứng. Nếu hơi có nhìn trước ngó sau, nghĩ chuyện bước lùi, thì cây dao bén cắm ở trong tay ta, liền lọt vào tay người khác. Chẳng thầy Đức Cù-Đàm lúc phát tâm mạnh mẽ như thế nào, bỏ cả cầm tú giang sơn, bỏ cả vợ con cha mẹ, mới có cái ngày ngó xem sao trên trời mà ngộ đạo, đến nay xưng làm bậc « Thiên-Nhon-sur ».

Người là một người có khí cốt, há chẳng hạ nổi quyết tâm, chặt làm hai khúc, còn nói những gì là « ngọn cờ Lâm-Tể chẳng khá cướp », kia Tào-động tư-mạng há chẳng ở trong tay rồi sao ? Tuy nhiên đã đến địa-bộ ấy rồi, điều đáng sợ nhất là tự ý làm càn, rồi có chỗ sai lầm không thể hiểu. Cần phải biết lo lắng, đem cả sách vở nội-kinh ngoại-truyện, sách trong đạo và sách ngoài đời, sách Tiên-Tân đến sách Hậu-Hán, thanh-đàm của người đời Tân, lý-học của Tông-Nho, đều tinh-tề nghiên-cứu ; cho đến sự mẫu-nhiệm về kinh-tề, quyền biến, cách tiền-thoái theo thuận nghịch cơ-nghi, sách vở bách-gia chư-tử, nhứt nhứt đều đọc qua tất cả, mới có thể cứu chữa cái sai lầm của mình. Chớ làm như người đời nay, muốn làm danh-sĩ, mà sách chưa đọc hết ba bốn quyển, vật-lý chẳng biết một tý gì, rồi làm bộ thông-thái phóng khoáng như người đời Tân, chẳng kể tiên-hiến hậu-đạt, đem một hai lời nói hay, việc là tốt của người xưa, gặp ai cũng bàn luận ba hoa, chỉ trích bậy bạ, tận tình chê bai cả xưa nay, làm cho người

ta thầy mình ăn nói như gió bay nước chảy, tường đâu có học-vấn đọc đất ngang trời, rồi tôn xưng làm danh-sĩ, làm tài-tử v.v... rồi cũng an nhiên tự đại tự tôn, rút cuộc sách chẳng đọc qua một quyển, việc chẳng làm được việc gì, chỉ dôi đời trộm danh mà thôi. Trong đạo chúng ta rất nhiều hạng người như thế. Than ôi, trong cửa Nho Thích của hai vị Thánh-nhơn, sao chẳng may mà có những giống người thế ấy. Lão-Tăng vốn chẳng tra xoi móc, nhưng sinh ở đời nầy, gặp chạm hằng ngày chẳng phải người giả-đạo thì người giả-tư-vấn, cho nên phải đem bộ mặt giả ra đả nhau, há phải bản tâm của ta muốn làm như thế đâu ? Chẳng qua mấy năm trở lại đây, công-án xây cất chùa thường trú chưa xong, nên ta cũng nản-ná tùy nghi, chỉ chờ điện đường lầu các, kho tàng bếp núc của nhà chùa làm xong cho toại nguyện, ta sẽ mau mau đóng cửa đọc sách, làm kẻ chung thân mà thôi. Nghĩ người còn tuổi trẻ, đương lúc tinh-lực cường tráng, chính nên lập chí kiến tu, chớ bảo rằng ăn hết bao nhiêu tương muối của thập phương là qua chuyện vậy. Đồ lọt của chùa Trường-Thọ, nuốt vào bao nhiêu lại nhả ra bấy nhiêu, tuy chẳng phải như bọn chỉ ngồi nhìn khối chực ăn, nhưng cũng chớ thấy biển lớn mà tự khoe đẩy nước, cũng chớ thấy núi Tu-Di mà tự làm nhỏ núi của mình. Chính nên đắp cao thành, xưng vương-giả, con chim lạ ba năm chẳng kêu, một lần kêu lên, ai nghe cũng phải khiếp. Một ngày kia chim bằng cắt cánh biển nam, sẽ thầy dưới chân Phật-tổ ta có người, chẳng phụ lòng mong mỏi của Lão-Tăng vậy. Thời đến chẳng nên bỏ qua, thời nay là thời nào, Lão-Tăng chẳng cần nói thêm nữa.

Vì người có lỗi uống rượu mà nói :

Người ta đều có cái thích tình, từ Thi Thư lục nghệ, cho đến thường trà, uống rượu, săn bắn, đi câu, xem tuồng, nghe hát, đánh cờ, đánh bạc v.v..., những cái ưa thích cho tai mắt mũi miệng thân thể của con người, không biết bao nhiêu mà kể. Bởi vì tâm thân khí-huyết của con người, nếu cứ giữ mãi tro tro, khiến ngũ quan tứ chi, tuyệt nhiên không giao tiếp với ngoại-vật, thì khí huyết ngưng trệ, chẳng được lưu-lợi, làm cho cơ-trí cũng trầm trệ mà trở nên khô khan. Cho nên các món thích tình, ngoài có thể làm cho khí mạch vận hành, trong có thể kích phát cơ-trí, giúp ích cho con người chẳng ít vậy. Đức Không-Tử đi săn, Nhậm-Công đi câu chơi, cũng chỉ vì lẽ ấy. Người đời chẳng hay làm chủ lấy mình, chẳng phải chơi để thích tình, mà buông lung theo tình sở-thích, đã bước chân vào là lưu liên

quên trở lại, đèn đỗi bại hoại khí huyết, dứt mắt trí cơ, rút cuộc làm hại lớn cho thân-thể. Thạch-tín là một món thuốc độc, nếu dùng cho đúng độ lượng, cũng có thể cứu sống người. Trái lại sâm kỳ phụ-tử, dùng quá độ cũng có thể giết người vậy.

Người ta trong các món thích tinh kể trên, hoặc bị hạn chế bởi sức khỏe, hoặc bị cách trở vì hoàn-cảnh, hoặc thiếu tập quán, dầu muốn chơi cũng không thể được. Chỉ có món rượu, ở đâu cũng có, ai cũng có thể uống, bởi thể người xưa có người nhờ uống rượu mà nổi tiếng tăm, vẫn biết có nhiều người vì rượu mà đèn đỗi giết mình mất nước. Thấy Thiệu-Tử nói rằng : Huyền-tửu vị còn lạt » ấy nói lúc bắt đầu có rượu vậy. Dần dần có Nghi-Địch chế ra một thứ rượu, vua Đại-Vũ uống nghe có mùi ngon ngọt, bảo rằng : « Đòi sau ắt có người vì uống rượu mà mất nước vậy ». Đèn sau có thiên-Tửu-Cáo, răn cấm uống rượu, tiên-thánh tiên-hiền nghiệm ở mình, xét ở người, lập ra khuôn phép để ngăn phòng đời sau, rất tường tận chu đáo. Thế mà đời sau có những nhân-sĩ thông minh, khôi ngô, từ trong rượu tỏ ra một bộ mặt hiên ngang, khiến người đời thấy cái say cũng có chỗ huyền diệu hay hay, không còn cho rượu là đáng kiêng đáng cử nữa. Như Thuần-Vu (9) uống rượu thì ăn nói lưu loát, Uyên-Minh (10) uống rượu thì làm thơ hay, Kê-Khương, Nguyễn-Tịch (11), nổi tiếng tứ-cuông, Thanh-Liên nổi tiếng (12) tửu-thánh, U'-Kỳ (13) uống rượu nổi tiếng dưng-sĩ. Mấy gã ấy trong mình sẵn có tài cán, chẳng qua mượn rượu để bày tỏ nổi lòng vậy thôi, không phải cái hay, cái tài toàn nhờ ở rượu vậy. Bởi thế Đức Cù-Đàm của ta răn uống rượu, nhưng rượu thuốc, rượu ngọt, cũng cho phép các Thích-tử uống chút ít để bồi dưỡng tinh-thần, điều-hòa khí huyết. Thế là Cù-Đàm tuy răn mà vẫn cho uống vậy. Không-tử chẳng răn uống rượu, cho uống rượu không hạn lượng, chỉ không đèn đỗi quá loạn là được. Không đèn quá loạn, tức là răn vậy. Uống có hạn lượng mà không loạn, người thường có thể làm được. Uống không hạn lượng mà chẳng đèn loạn, chỉ có thánh-nhân mới hay. Chúng ta nên biết rằng Cù-Đàm răn

9) Thuần-vu-Khôn, biện sĩ đời Chiến-quốc, hay dùng hoạt-kê ăn-ngữ, Châu-Oai-Vương cho làm Chư-Hầu Chủ-Khách.

10) Tức Đào-Tiêm, thi-sĩ đời nhà Tần.

11) Danh-sĩ đời nhà Tần, trong số người Trúc-lâm thật hiền.

12) Tức Lý-Bạch, thi-sĩ đời nhà Đường.

13) Hiệp-sĩ đời Chiến-quốc.

rượu mà uống. Không-Tử uống mà chẳng răn, đều chẳng hại chi cả. Nếu ta uống rượu mà chẳng bị rượu làm khôn, thì cũng đồng như vậy. Nhưng nếu uống rượu mà sút khăn rơi mũ, tuột áo văng giày, mượn tiếng bọn Kê Nguyễn, Uyên-Minh để phóng đảng ra ngoài hình hài lễ-giáo; không có phẩm vọng như cô-nhơn, mà luồng chỉ thích tinh túng dục, thì cùng với bọn ma-men phạm tục, nào có khác chi. Hãy xem trên núi Cô-dịch (14), có một vị Thần-nhơn, chẳng uống chẳng ăn, nhưng da như sương tuyết, sắc tợ hoa-đào, nào có cần rượu để bồi-dưỡng tinh-thần, điều-hòa khí-huyết gì đâu. Thần-nhơn đã có cách ăn uống riêng biệt, xem món quý của Nghị-Địch (rượu) cũng ví như gà tơ so cùng chuột chết vậy. Ta ước ao người đời chớ bắt chước thêm muốn như bầy đười-ươi.

Thư bảo cho Trí tặng A-Hỷ

A-Hỷ chính đương lúc thanh-niên đặc ý, mỹ lệ phồn hoa, bỗng nhiên đã đến cầu Lão-Tăng thể-độ, chuyên ý học đạo tham thiền, thể là « chẳng chờ ca tàn rượu cạn đã rút lui », khách ấy không phải đại vậy. Nhưng con đường tham thiền học đạo phải đi mau như buông tên, chăm chú như tìm cửa. Xưa nay, những kẻ bỏ tiền duyên, tìm đường khó, vô ngược tiền tới rất nhiều, nhưng thiền chèo ngược nước, tiền một thoai mười cũng chẳng ít. Cần phải biết việc cầu đạo cũng ví như trèo lên núi cao chẳng do cấp bậc vậy mới được. Thoảng bảo rằng, công-phu mệnh mông, không bám búi vào đâu thì biết đâu núi nào mà phăng tới. Nếu có bám búi thì đã chẳng phải ý nghĩa « trèo lên núi cao, chẳng do cấp bậc » vậy. Nếu chẳng phải từ chỗ « không cấp bậc để cầu lên núi cao », thì làm sao gọi là công-phu. Cho nên Thọ-Xương Lão-Tổ bảo rằng: « Hư không có đường hư-không lớn, chỉ sợ người đời chẳng biết đi ». Đi lên con đường ấy chẳng phải người chẳng được. Nói đến chỗ ấy rất chẳng phải dễ nói, trừ phi giết chết hết lòng thông-minh, lòng tính-toán, lòng ức-đặc từ trước, khẳng khẳng giữ một tấm lòng ngọc độn, ví như chuột già khoét quan-tài, nhận định một chỗ khoét ngày khoét đêm tự nhiên khoét thủng một lỗ làm đường đi, chẳng

14) Cũng gọi là Thạch, thuộc tỉnh Sơn-Tây, có Cô-Xạ-Sơn, Nam Cô-Xạ-Sơn và Bắc Cô-Xạ-Sơn.

đền đôi « lên núi không đường, trông đỉnh núi mà bước lui » vậy. Như vậy kẻ ngọc-độn trở lại hơn người có học, kẻ học-giả mỗi lúc gặp một đoạn công-án, một chương sách chẳng rõ ý, cứ nhìn chữ tìm tòi, lấy ý-thức thông-minh để đoán định, chẳng ai chịu dùng công-phu « day mặt vào vách chín năm (15), hay chịu lạnh lẽo ở chôn thư-song mười năm » để chờ Thánh Hiền Phật-Tổ tự nhiên ở trong lòng ngọc-độn nhảy thót ra vậy. Xưa Triệu-Châu (16), mở pháp-đàn, hỏi một trả lời mười, bỗng gặp một câu hỏi thoáng qua vài tiếng, trả lời không trôi; bèn bảy mươi tuổi mà còn đi bộ, quyết đi đến tận nơi, trông thấy một lần mới thôi. Tô-Tử-Chiêm (17), một văn-hào nghìn xưa, mừng cười giận mắng tỏ ra bút mực, đều thành văn-chương, thể mà đến khi thuyết thuyết, bèn mất hết bản sắc. Thể là một chứng-nghiệm, tính-toán thông-minh chẳng giúp ích gì cho đạo vậy.

Nay A-Hỷ ra dáng thông-minh lanh lợi, chẳng chịu đứng ngang hàng với bọn ngọc-độn tăng-thuyết, lại chẳng chịu cho đạo là một việc thực khó sáng tỏ, hằng ngày quanh quần vắn vắn vợ vợ, làm cho thông-minh lại trở nên ngọc-độn; lại chẳng chịu cam phận ngọc-độn, hằng ngày đem tập Chí-Nguyệt-Lục để tìm đường đi. Ta e « chỉ tham một hạt lúa mà mất hết nửa năm lương » vậy. Nên biết rằng ngũ-vị, thất tam cú, lục-tướng, (18), tứ-yết, tứ-tung, thập-cửu-môn, đều chẳng ở trong sách vở. Thể mà trong chỗ nhật-dụng tâm-thường ăn cơm mặc áo, trong hồng-trần lộng-lộng này,

-
- 15) Đạt-Ma Tô-sư ở chùa Thiệu-Lâm núi Tung-sơn, day mặt vào vách chín năm, vì muốn từ trong chỗ tĩnh-mặc, không dùng lời nói mà dạy bảo tâm-ân vậy.
- 16) Triệu-Châu Đại-sư tên Tông-Nam, đời Đường Đại-Tông, xuất-gia ở chùa Long-Hung, Thanh-châu, sau đến Tri-dương tham học với Nam-truyền, Phò-nguyên thuyết-sư, rất được sư trọng-đãi. Ngày nọ hỏi Nam-truyền rằng : « Thể nào là đạo ? » Nam Truyền rằng : « Lòng bình thường ấy là đạo ». Lại hỏi rằng : « Có thể đi đến đạo chẳng ? » Nam-Truyền rằng : « Nghĩ đi đến là sai ». Lại hỏi rằng : « Nếu chẳng nghĩ thì sao biết là đạo ? » Nam-Truyền rằng : « Đạo chẳng buộc « biết », chẳng thuộc « chẳng biết ». Triệu-Châu giác-ngộ ý-chỉ huyền diệu của câu nói, bèn qua Trung-sơn lưu-ly-đàn thụ giới, sau chú ở Triệu-quận Quan-âm-viện đời hiện là Triệu-Châu môn-phong.
- 17) Xem Phụ-chút số 1.
- 18) Phật-gia gọi, tông-tướng, biệt-tướng, đồng-tướng, dị-tướng, thành-tướng, hoại-tướng làm lục tướng. Sáu tướng ấy xuất tự Hoa-nghiêm-Kinh; theo sở-kiến của phạm-phu mà nói, thì sáu tướng cách ngại, chẳng dung thông nhau. Theo thánh-nhân thì sáu tướng viên thông, như thiết các phép đều là nhưt chân pháp-tướng, vô tận duyên khởi vậy.

chẳng nơi nào chẳng có; chẳng cần đi đến tận nơi, trông thấy tận mắt, mới khỏi bị đầu lười người xưa lừa dối. Nếu chẳng thấy rõ tận mắt mà cho rằng ta đã hiểu thấu tôn-chỉ đạo thuyền, đã sáng rõ bốn-phận; khác nào Trường-Thọ Lão-Tăng cứ ngồi ở trước nhà Chiêu-ấn, trên đỉnh Điền-Tâm, trông mong A-Hỷ ngày nào được chơn-chánh phát minh việc ấy để giải-khuây lòng buồn lão tăng. Nhưng 4, 5 năm nay chẳng thấy có chút gì động tịnh ảnh-hưởng. Nhon chẳng thấy gì, thường tưởng tượng, chắc A-Hỷ lúc nầy đương đóng cửa tạ khách, đốt hương niệm Phật, chắc A-Hỷ lúc nầy đương tịnh tọa bồ-đoàn, làm tròn bốn-phận... Nhưng sự thực A-Hỷ chẳng từng đốt hương lễ phật, tịnh tọa bồ-đoàn bao-giờ, chẳng qua trong ý-tưởng tượng của Lão-tăng vậy thôi. A-Hỷ nay có chịu làm bốn-phận như ý tưởng tượng của Lão-Tăng vậy chăng? Chẳng thể hãy thử xem sách của đạo ta, trong sách chép rằng : ấy là dòng Ví-Ngưông, ấy là dòng Tào-Động, ấy là dòng Lâm-tê, ấy là dòng Vân-Môn, ấy là dòng Pháp-Nhãn; cũng chép rằng : nếu chẳng phải Ví-Ngưông, chẳng phải Tào-Động, chẳng phải Lâm-Tê, chẳng phải Vân-Môn, chẳng phải Pháp-Nhãn (19), thì có gì cái có sắc khá thấy, có tiếng khá nghe, có văn-tự lời nói khá thông hiểu, lại cho là không phải gia-báu ? Nếu muốn thấy rõ chỗ xuất-hiện của các Phật-Tổ nói trên đây, thấy rõ mặt mũi chơn-tướng của A-Hỷ, thì ắt phải từ lúc chưa giờ quyền Chi-Nguyệt-Lục, « Thịch » xuống đất một tiếng, đã thấy các Phật-Tổ xuất hiện đồng một lúc, mới thấy rõ chơn-tướng mặt mũi của mình như thế nào. Nên nhận rõ cái chữ « Thịch », nếu chưa được vậy, xin chớ bỏ qua.

Thư bảo cho Khả-Trung -Thị-Giả

Người vốn có thiên-chơn phật-tính rất tốt, chẳng ngờ sinh vào trong ô trộm cướp, bị ý-thức dẫn dụ dần dần tiêm nhiễm, hóa ra theo bọn chúng dòm đông ngó tây, đánh làng cướp xóm. Một khi đã vào bọn, không thể

19) Theo tôn-phái nhà Phật, từ Lục-Tổ Tuệ-năng, pháp-thông truyền lại đời sau có hai hệ-thông rất thanh, ấy là hệ Nam-Nhạc-Hoài-Nhượng và hệ Thanh-Nguyên Hành-Tư. Nam-Nhạc mật lưu, chia làm hai phái, Vi-Ngưông và Lâm-Tê, Thanh-nguyên mật lưu có 3 phái : Tào-động, Vân-Môn, và Pháp-Nhãn.

lùi bước, nhưng Khả-Trung cắt tóc đi tu, bỏ bọn trộm cướp, thế là Khả-trung đã quyết chí bỏ đường quây theo về đường chánh vậy. Từ ngày về nương náu Lão-Tăng, bần đốt hơn mười năm nay, Khả-Trung nếu vẫn chẳng biết nên lưu-tâm chỗ nào, nên làm việc gì; thì nay hãy đem những điều mình đã biết, thế nhận cho kỹ; đơng-sơ phát niệm khữ tà quy chánh, nếu chẳng phải nam-nhi quyết liệt cố căn-tính thông-minh lanh lợi, chẳng làm được thế, ấy là Khả-Trung rất có thể đi đến đạo vậy. Nếu cứ vẫn vor ngày tháng, theo ngọn quên nguồn, căn tính bản-lai, trăm-luân hỗn-độn, thì thà nhưng-cự trở lại nhập bọn trộm cướp, còn hơn thầy biên đạo mệnh mônng luồng ngổi than thở vậy. Cho biết tâm thân bày thước của con người rất dễ thiên ở chỗ không lo không nghĩ, thanh thanh nhàn nhàn, đèn đôi say mê vì tình, gán bó vì ái, đắm đuối theo lưu-tục; kêu chẳng trở lại, đáng tiếc biết chừng nào ! Nếu xử tình chẳng luyện, xử ái chẳng mê, xử cảnh thuận đắc-ý chẳng kiêu ngạo, xử cảnh trái ngược thất-ý chẳng thay lòng, lúc nào cũng lầy việc chẳng hiểu đạo làm lo lắng, mới thầy trượng-phu chí-khí, chỉ lo không thường, hay noi theo quá-khứ; lại đáng sợ nhất là bị bốn chữ « phù hốt chấp trệ » (nhẹ tính và cô chấp) làm cho sai lầm. Bởi thế Vương-Dương-Minh tiên-sinh bảo học-trò rằng : « Thầy Nhan-tử là người rất thông-minh, hễ người thông-minh thì hay có tính sơ-sốt, cho nên lúc thấy hỏi điều nhơn, đức Khổng-tử dạy rằng : « Phải sửa mình theo đúng lẽ », thế là người lầy lời nói chơn thực để sửa chữa tính sơ sót vậy. Thầy Tăng-Tử là người rất chơn thực, hễ người chơn-thực hay có tính chấp trệ. Bởi thế đức Khổng-Tử bảo thầy rằng : « Đạo ta cứ một mạch kéo suốt » lầy lời nói hoạt-bát để sửa chữa tính chấp trệ vậy. Xem đó biết cách dạy người của Đức Khổng-Tử, tùy theo từng người mà thay đổi . « Bảo rằng tùy theo từng người mà thay đổi cách dạy, vẫn có thể; nhưng nay xét kỹ lại, thấy Nhan-Tử hỏi điều nhơn, mới nghe câu « sửa mình theo đúng lẽ », bèn hỏi chi-tiết cách sửa mình, ấy là vì người khác mà hỏi. Đức Khổng-tử lại nhơn câu hỏi ấy mà dạy thêm. Chính là đánh trông gáy đàn, gập nhau trong một hội, Thấy Nhan-Tử há phải người sơ sót đâu? Thấy Tăng-tử mới nghe câu : « Đạo ta cứ một mạch kéo suốt », Thấy đã « dạ » liền; thấy còn nói lại với mấy người khác: « Đạo ta chỉ có điều trung và điều thứ mà thôi ». Nếu ý câu nói « một mạch kéo suốt hẳn ở trong hai chữ « trung-thứ », thì thấy Tăng-tử chẳng phải người chấp trệ vậy. Xem đây biết lời Dương-Minh tiên-sinh nói với học-trò, cũng tùy người mà nói vậy. Lão tăng nói

ra đây cũng đồng một ý ấy. Xưa có người làm nghề ăn trộm, muốn dạy nghề cho con, đương đêm dẫn con đến một nhà kia, mở tủ khóa con vào trong, rồi bỏ đi về. Một chốc sau thấy con cũng trở về, hỏi làm cách nào mà về được ? Con nói : « Bất chước tiếng chuột kêu, chủ nhà khiến tôi tớ mở đuôi chuột, thừa lúc bắt ngờ chạy thoát ». Người cha bảo rằng : « Con đi ăn trộm được rồi » vậy (20). Than ôi, thấy Nhan-tử hỏi điều nhơn, thấy Tãng-tử thưa rằng : « Dạ ». Cũng một lẽ như tiếng chuột kêu trong tủ, thừa hư mà thoát ra ». Ta tuy chưa dám ví Khã-Trung với các bậc tiên-hiền, nhưng cũng nên biết « vua Thuần là người nào, ta là người nào ». Nay Lão-Tãng nhơn người từ trong ổ trộm cướp thoát ra. Muốn khóa người ở trong tủ, xem người hành động cách nào, nhưng chớ thừa hư thoát ra, phải tìm đường sống khác thoát thân mới được. Hãy nghĩ kỹ xem, rồi làm ngay.

Mùa xuân năm Ất-Hợi đến nước Đại-Việt, định ở qua một năm, ngày về đã định vào tiết đầu thu. Năm Giáp-Tuất mưa dầm, trái vải (lệ-chi) mất mùa mà mùi lại kém ngon, ăn chẳng đã thèm, đã 3 năm nay. Trịnh-Tử-Nguyên Cư-Sĩ từ Phước-Kiến vào Quảng-Đông, mỗi lúc ăn trái vải hay đề lời hình-phẩm. Lúc Cư-sĩ trở về, nhơn viết hai bài sau đây tiễn chân.

Bài thứ 1

*Ghe từ Hải-Ngoại chửa mười tuần,
Đất khách hằng ngày tiễn cô-nhân.
Mảnh nguyệt Tây-Hồ người chớ quên,
Núi cao, Nam Bắc cũng hiển gần.*

Bài thứ 2

*Tháng mười cam đỏ đượm hơi sương,
Khôn sánh tháng năm « ly-chi » hương.
Mây độ Lãn-Nam qua hạ-chí,
Quý-mai (21) thơm ngọt được ăn thường.*

20) Câu chuyện này thầy có chép trong sách « Liễu-trai chi-dị » của Bồ-Tùng-Linh.

21) Theo chú-thích của tác-giả : Quý-mai là tên một thứ lệ-chi rất quý.

Đồng-chí, Từ-Thuyền Vương-Đại-Tham với Phàn-Thái-Sứ, Lưu-Thuyền-Bộ đền. Các Bạn Bạch-xã (thi-xã) đều tập họp ở tiểu-viện, chia nhau làm thơ, bỏ vắn thật-dương.

Bài Thơ

*Đau nằm thăm hỏi nhau,
Vườn cũ quên hoang-vu.
Lãnh lót chuông đưa tiếng,
Mơ màng trăng đứng đầu.
Trước thêm đội sóng biển,
Ngoài cõi pha sương mù.
Sứ tiết vừa qua cửa,
Nước, cây rục rờ màu.*

BÀI KHẢO - CỨU

HẢI - NGOẠI KỶ - SỰ

*Đông-Dương Văn-Khố tàng thư.
Chụp hình ngày 27 tháng 2,
Chiêu-Hòa năm thứ 32.*

Người dựa sách này để khảo-cứu:

Giáo-sư TRẦN-KINH-HÒA

1. Ngày tháng xuất bản sách Hải-ngoại kỷ-sự và nội dung của sách.
2. Sự Đại-Sán, nhân-phẩm và việc làm.
3. Sự Đại-Sán du-hành đến Quảng-Nam.
4. Toàn văn sách Hải-ngoại Kỷ-sự.

I. NGÀY THÁNG XUẤT BẢN SÁCH HẢI-NGOẠI KỸ-SỰ VÀ NỘI-DUNG CỦA SÁCH

NGUYÊN bản in sách Hải-ngoại Kỹ-sự do Thích Đại-Sán biên soạn, hiện còn tàng trữ tại Đông-dương Văn-khố Nhật-Bản (日本東洋文庫) và Quốc-lập Trung-ương đồ-thư-quán Trung-hoa (國立中央圖書館, 中華.) bản của Đông-dương Văn-khố (kệ sách số 11, 11-k-56) chia 6 quyển ra làm 6 tập. Còn bản của Trung-ương Đồ-thư-quán thì 6 quyển đóng thành 2 tập. Đầu bản sách của Đông-dương Văn-khố có đóng 3 con dấu: « Đông-dương Văn-khố », « Tứ-minh Lư-thị bảo-kinh-lâu Tàng-thư ấn », và « Đẳng-diễn kiêm-phong tàng-thư chi ấn », do đó biết bản sách ấy nguyên thuộc Bảo-kinh-đường tàng-thư của Lư-Văn-Chiêu ở Dư-Diêu, sau vào tay Đẳng-Điển Phong-bát (Khiêm-phong), bác-sĩ người Nhật-Bản và sau khi Đẳng-Điển bác-sĩ qua đời, mới bỏ vào Đông-dương Văn-khố. Đầu bản sách này có 3 bài « tựa » của Dũng-giang Cừu Triệu-Ngao (Thương-trụ), Ngô-giang Từ-Phàm (Thiên-đỉnh), Tân-Lãng, Mao-đoan-Sĩ (Hành-cứu) và bài Bản-sư Hải-ngoại-Kỹ-sự-Tự của Đại-Việt Quốc-Vương Nguyễn-phúc-Châu (tức Minh-Vương Nguyễn-phúc-Châu chép trong Đại-Việt Sử-ký); toàn bộ các quyển chữ in đều sạch-sẽ, có thể gọi một bộ sách hoàn hảo. Trái lại, trong các bài tựa của bản sách Trung-ương đồ-thư-quán, trừ bài tựa của họ Từ được hoàn toàn, còn bài của họ Mao, họ Cừu đều không toàn vẹn, thứ tự cũng xáo trộn; vả lại không thấy tự-văn của Nguyễn-phúc-Châu, cách sắp đặt bản in cũng không có mỹ-thuật, trong sách chỗ nào cũng thấy có thiếu chữ, thiếu bài và thiếu trang (quyển 1 thiếu trang 9 đến trang 16, quyển 11 thiếu trang 11-12, 25-26 và 33, quyển 111 thiếu trang 25-26-35-36, quyển IV thiếu trang 1-2-19-20-29 đến 36, quyển V thiếu trang 1 đến 4-17-18-21-24-

31-33, quyển VI thiều Từ trưng 3 đến 8). Chỉ có hai bản đều thuộc bản nguyên-san, điều đó không thể nghi ngờ.

Ngoài bản nguyên-san nói trên, Thượng-hải Tiên-bộ Thư-cục còn phiên âm, bản sách này chia làm 2 quyển, để đem vào bộ Bút ký tiểu-thuyết đại-quan, đệ-lục tập, đệ-lục-Hàm, đầu quyển có phụ chép bài « Hải-ngoại Kỳ-sự đề-yêu » như sau :

« Sách này do Đại-Sán Hán-Ông (大汕 翁) đời nhà Thanh soạn, tất cả 6 quyển. Khương-hy năm giáp-tuất, đáp ứng lời mời của Việt-vương, ông đi qua Quảng-Nam; những nơi trải qua, sơn-xuyên, hình-thê, phong-thổ, tập-tục ông đều ghi chép tất cả, xen lẫn những thơ văn rất tao nhã hứng thú, Ông chính là một ân-giả lánh mình trong cửa thiền vậy. Cừu-triệu-Ngaο bảo sách này gồm có cái hay của Đồ-thiều-Lăng, Liễu-Tử-hậu, có thể bỏ khuyết những điều mà các sách Sơn-Hải-kinh, Hải-chí, Chức-phương-ký, Vương-hội-đồ chưa từng chép đến v.v... ».

Lại ngoài ra, Tứ-khố toàn-thư-tổng-mục đề-yêu (quyển 78), sử bộ 34, Địa-lý-loại tôn-mục 7 chép rằng :

« Hải-Ngoại Kỳ-sự 6 quyển, bản sách do Quốc-triều Thích Đại-Sán biên soạn và Chiết-giang Tuấn-vũ tìm thầy đem dâng. Đại-Sán là Thiển-sur ở chùa Trường-thọ, tỉnh Quảng-Đông. Mùa xuân năm ất-hợi Triều Khương-hy Đại-Việt Quốc-Vương mời qua thuyết-pháp, hơn một năm lại trở về, nhưn ghi chép phong thổ nước ấy và những điều nghe thầy trong khi qua lại trên đại-dương. Đại-Việt-Quốc Tiên-thê là rề của nước An-nam, chia cứ nam-biên, xưng hiệu Đại-Việt. Đầu sách này có bài tựa của Nguyễn-phúc-Châu, đề lạc-khoản binh-tý bỏ-nguyệt (tháng 5), tức Khương-hy năm thứ 35 vậy ».

Xét lạc-khoản bài « Bản-sur Hải-ngoại Kỳ-sự-tự của Nguyễn-phúc-Châu, đề giáp-tý bỏ nguyệt (tức tháng 5 thứ 35 niên-hiệu Khương-hy) mà trong bài tự có nói rằng : « Chép một vài điều, góp lại thành tập, nhan đề « Hải-ngoại Kỳ-sự », ngày trở về nước đưa cho tôi xem và khiến đề tựa ». Xem đó, đủ biết bài ấy do Đại-Sán yêu-cầu Minh-vương viết lúc sắp sửa từ giả Quảng-Nam về Quảng-đông. Thứ nữa, bài tựa họ Cừu đề Khương-hy Kỳ-mão mạnh-xuân, bài tựa họ Mao đề Khương-hy kỳ-mão tháng 8, bài tựa họ Từ không đề rõ ngày tháng, nhưng trong bài bảo rằng : « khoảng

mùa xuân năm giáp-tý (Khương-hy năm 23) từng gặp thầy Thạch-công hòa-Thượng (tức Đại-Sán). 15 năm sau trở lại Châu-giang, lại gặp Thạch Hòa-thượng từ Cổ An-nam về nước và được thầy thảo-bản tập Hải-ngoại Kỳ-sự và các tập thơ». Thê thì bài tựa ấy làm ra cũng có lẽ vào năm Khương-hy kỷ-mão. Xem các dẫn văn trên, năm san hành sách Hải-ngoại Kỳ-sự có lẽ vào khoảng Khương-hy kỷ-mão năm thứ 38 (1099) nghĩa là 3 năm sau ngày Đại-Sán từ Quảng-nam trở về Quảng-đông.

Sách ấy ghi chép khởi đầu từ tháng 8 năm giáp-tuất Khương-hy 33 (1694), lúc Đại-Sán tiếp kiến Sứ-giả Đại-Việt tại am Trường-thọ Quảng-đông, cho đến khoảng tháng 11 năm Ất-hợi Khương-hy 34 (1695), lúc Ông trở lại Thuận-hóa, vì ngược gió chưa trở về Quảng-đông được, thì chấm dứt.

Xét tổng quát những ghi chép trong sách, chẳng những đối với việc Đại-Sán được quan dân Quảng-nam nhiệt-liệt hoan nghênh, những lời nói thù ứng trong lúc ông cùng Nguyễn-Vương trò chuyện và việc ông chủ-trì các ngày Pháp-hội, đều có tự thuật rõ ràng, cho đến những trạng-huống các thương thuyền vượt biển qua Nam, các phong-thổ, nhân-vật, tập-tục, chế-độ xứ Quảng-nam và tình-trạng sinh-hoạt Hoa-Kiểu đương thời, cũng đều thuật lại một cách rất tỷ-mỷ. Ngoài ra còn thu góp ghi chép các bài thơ điều vãn, các bài luật-thơ hay tuyệt-cú do Đại-Sán trong lúc lưu cư đất Việt, tùy thời tức cảnh, cao hứng ngâm để, cộng tất cả 110 bài (trong số có 3 bài làm sau khi trở về Quảng-đông, đầu thu năm Bính-tý) và những bài thiên-luận, những thư từ qua lại với các yêu nhơn trong Nguyễn-phủ, tất cả cộng 21 bài vãn. Duy chỉ tình-trạng sinh-hoạt của Đại-Sán trong lúc áp-đông (2) tại chùa Thiên-mụ Thuận-hóa, từ tháng 11 năm Ất-Hợi đến tháng 6 năm sau, Bính-tuất (Khương-hy năm 35), và tình hình vượt biển trở về Quảng-đông thì không thầy chép đến.

Những « An-Nam du ký » của người Trung-Quốc trong khoảng cuối nhà Minh đầu nhà Thanh, thực ra thừa thớt không có bao nhiêu. Trừ tập « Hoa-di-biên-thái » (3) của Naật-bản, ghi chép những báo cáo của bọn thương khách thông thương với Quảng-Nam, chỉ có tập « An-nam cung-dịch ký-sự » (4) của Chu-Thuần-Thủy (Chi-dự), « An-nam Kỳ-du » (5) của Phan-đình-Khuê, « An-nam tạp-ký » (6) của Lý-Tiên-Căn và « Hải-ngoại Kỳ-sự » của Thích Đại-Sán, mấy bộ ấy mà thôi.

Tựu trung, xét về phạm-vi Kỹ-thuật rộng-rãi, nội-dung đầy đủ và tánh cách khá tin cậy, thì bộ Hải-ngoại Kỳ-sự hơn xa các sách khác; do cao độ của giá-trị sử-liệu, khiến người ta có thể nhìn thấy một tia sáng về xã-hội Hoa-Kiều và dân Thổ-trước Quảng-nam cuối thế kỷ thứ 17, đồng thời sách ấy cũng có thể bổ khuyết cho các bộ sử Đại-nam Thực-lục Tiên-biên, Đại-nam Liệt-truyện Tiên-biên và các sách Quảng-nam du-ký hay Văn-kiên-lục của người Âu khoảng thế kỷ thứ 17-18 như C.BORRI, BÉNIGNE VACHET, W.DAMPIER, THOMAS BOWYEAR, PIERRE POIVRE, JEAN KOFFLER, ROBERT KIRSOP.

Nay cứ theo bản của Đông-dương Văn-khố, chúng tôi chụp hình toàn bộ sáu quyển Hải-ngoại Kỳ-sự và giải thích sơ lược lai lịch của Thích Đại-Sán và đầu đuôi chuyện lữ hành qua Quảng-nam của ông, để giúp các học giả đồng-chí tham khảo.

CHÚ THÍCH :

- 1) Bản ấy hiện tồn trữ tại kho sách Trung-ương đồ-thư-quán thôn Bắc-câu, làng Vụ-phong, huyện Đài-Trung, Đài-Loan. Tôn-Đài-Văn-vật Thanh-sách của Quốc-Lập Trung-ương đồ-thư-quán sách thứ 5 (nguyên chữ 5, trước đề thùng 95) chép rằng : « Hải ngoại Kỳ-sự 6 quyển, 2 tập, do Thích Đại-Sán soạn, nguyên san bản khoảng Khương-hy đời nhà Thanh).
- 2) Hải-ngoại Kỳ-sự (quyển 4-18b.) chép rằng : « áp-đông là danh-từ chỉ sự đình lưu qua năm sau tại nước khác của các tàu biển ». Trịnh-hoài-Đức Gia-định Thông-chí (Son-xuyên-chí) cũng chép rằng: Các tàu Trung-Quốc phải đợi đến mùa Xuân có gió đông bắc, gió xuôi, mới đi qua và phải đợi đến mùa hạ có gió nam mới trở về được. Nếu trẻ qua mùa thu trở gió, phải đậu lại từ mùa thu suốt đến mùa đông, gọi là « Lư-đông » cũng gọi là « áp đông ».
- 3) Thuộc về biên soạn và nội dung của sách Hoa-Di-Biên-Thái xin xem bài « Thanh sơ-thương-thuyền chi Trường-kỳ mậu dịch dữ Nhật-Nam thuyền vận » của bút-giả, đăng trong Nam-dương-học-báo, quyển thứ 13, tập 1.
- 4) Đạo-diệp Quân-Son biên tập, Chu-thuần-Thủy toàn-tập, Đông-kinh Văn-hội-đường thư-Điêm, Minh-trị năm thứ 45 xuất bản, trang 541-565.
- 5) Mã-tuần-Lương long-Uy bí-thư (San hành năm Càn-long thứ 59) tập thứ 7 và thu vào trong quyển thứ 10 bộ Dư-địa-Tùng-sao của Vương-Tích-Kỳ, Tiểu-Phương-Hổ-Trai, đời nhà Thanh.
- 6) Tiểu-Phương-Hổ-Trai Dư-địa Tùng-sao, quyển thứ 10, và Học-hải-loại-biên do Tào-Dung và Đào-Việt biên soạn, tập thứ 8, Du-Lãm có thâu chép.

II. TIÊU-SỬ CỦA THÍCH-ĐẠI-SÁN

THUỘC về danh hiệu của Thích Đại-Sán, Đại-Nam Liệt-truyện Tiên-biên (quyển 6) chép rằng: Thạch-Liêm Hòa-Thượng (石濂和尚) hiệu Đại-Sán Hán-ông (大汕厂翁) người tỉnh Chiết-giang, nhà Thanh. Xét chữ tên Thạch-Liêm. Sách-Hoa-Di-Biên-Thái chép làm Thạch-Liên, (石蓮) ngoài biệt hiệu Đại-Sán và Hán-ông, tục thường lại gọi « Thạch đầu-đà » (石頭陀). Còn thuộc về quê-quán, bài tựa của Tăng-Sán trong Ly-Lục-Đường-tập, tư tập của Đại-Sán, chép rằng: « Hòa-thượng người Cửu-giang đồng làng với tôi », cũng trong tập ấy bài tựa của Đào-Huyền chép rằng : « tôi nghe nói Hòa-Thượng nguyên-quán ở Giang-hữu và đến Quảng-châu thuyết-pháp v.v... » Ngoài ra, hoặc bảo ông người Lãn-nam, hoặc bảo người Ngô, hoặc bảo Giang-Nam hoặc bảo Trì-Châu, hoặc bảo Tô-châu, hoặc bảo Nam-kinh, các thuyết, phân vân chưa biết thuyết nào đúng. Cứ theo thiên-kiến của tôi, trong các thuyết ấy, nên lấy thuyết Chiết-Tây có thể đúng hơn. Xét hai bài tựa của họ Tăng, họ Đào bảo Cửu-Giang, bảo Giang-hữu thì cũng đều thuộc Giang-tây, hình như đều là chữ « Chiết-Tây » nói nhầm. Vả lại, Đại-Sán năm về già bị bắt giải về nguyên-quán, giữa đường mất tại Thương-sơn thuộc Tây-nam tỉnh Chiết-giang (tường thuật ở đoạn sau). Chiết-tây tức Chiết-tây-lộ đời nhà Tống, lấy Hàng-huyện làm lý-sở, tức một giải Hàng-Gia-hồ ngày nay, nơi ấy cũng tiếp liền với Tô-Châu (tức Ngô), có lẽ vì thế mà bảo nhầm là Giang-nam.

Thứ nữa, thuộc về tài cán của Đại-Sán, Đại-nam Liệt-Truyện-Tiên-biên chép tiếp rằng: «Bác nhả khôi ngô, phàm các môn tinh tượng, luật-lịch, diễn-xạ, lý-sở, triện-lệ (viết chữ), đơn thanh (vẻ), môn nào cũng

thông hiểu, càng sở trường về thơ ». Câu này k ông phải do sử-gia Việt-nam tự ý viết ra, thực ra đã rút câu văn « Trượng-nhơn là bậc bác-nhã khôi kỳ, càng sở trường về thơ, cho đến các loại tinh tượng, lịch-luật, điển-xạ, lý-sở triện-lệ đơn thanh, môn nào cũng siêu việt », trong bài tựa của Mao-tê-Khả để Ly-lục-Dường-tập. Đại-nam Liệt-truyện tiếp theo đoạn văn dẫn trên, chép rằng:

« Cuối đời nhà Minh, người Mãn-Thanh làm chủ Trung-Quốc, Thạch-Liêm giữ nghĩa chẳng chịu làm tôi, bèn từ giả mẹ già, xuất gia đầu Phật chông gậy vân du, phàm những nơi danh thắng sơn-xuyên, dầu chân hầu khắp ».

Mao-doan-Sĩ để tựa Hải-ngoại Kỳ-sự cũng viết rằng: «Hán-ông Hòa-Thượng sinh ra đã kỳ dị, từ trẻ theo đạo Phật, rộng xem các kinh-luận ngũ-minh và âm-dương toán-số, thấu rõ cát hung, thường châu-du thiên-hạ, tiếng tăm dậy khắp trong ngoài ».

Và sách Hoa-di biên-Thái (trong quyển 32) chép lời báo cáo của người Tàu, chủ thuyền Quảng-đông, chuyến 36, năm Hợi (1695), rằng :

« Nói tóm tắt, Thạch-Liêm tuy sinh quán tại Nam-kinh, nhưng cư trú Quảng-đông hơn 20 năm, trong khoảng ấy đức hạnh của ông rất thịnh sáng, bởi thế quan dân xa gần quy y rất đông. Trong bọn thương khách thuyền chúng tôi cũng có người đã từng đến Trường-thọ-Am lạy Phật ».

Mặt khác, đầu quyển Ly-lục-đường-tập, do Đại-Sán biên tập, có phụ đính 34 bức tranh vẽ, miêu tả sự sinh-hoạt hàng ngày của Đại-Sán, từng bức phân biệt, có đề văn của Khuất-đại-quân (Ông-sơn), Tăng-Xán (Thanh-lê), Lương-bội-Lan (Dược-đỉnh), Vương-thê-Trinh, Từ-phàm, Ngô-Ý (Viên-thứ), Ngô-thọ-Tiêm và Cao-Tăng-Vân; lại có bọn Khuất-Đại-Quân Tăng-xán, Lương-Bội-Lan, Ngô-Ý, Vương-Bối, (Ích-trọng), Hùng-nhật-Tiêu, Trương-Tổng, Cao-tăng-Vân, Đường-Hóa-Bằng, Châu-tại-Tuần, Phàn-trạch-Đạt, Ngô-thọ-Tiêm, Đào-Huyền, Lý-phương-Quảng, Mao-tê-Khả, Hoàng-hạc-Nham để tựa, thực có vẻ đẹp đối dào (1) và trong tập chỗ nào cũng thấy những thơ văn để vịnh hoặc tặng nhau của Đại-Sán cùng với Khuất-ông-Sơn, Ngô-viên-Thứ, Tăng-thanh-Lê, Lương-dược-Đỉnh, Ngô-mai-Thôn, Từ-tùng-Chi, và Trần-kỳ-Niên (Duy-tùng),

bạn văn nhân nổi tiếng triều Khương-hy. (2) Gắn đây Lý-Tuần-Chi biên tập Hoạ-Gia thi-sử đời nhà Thanh (nhâm hạ 6 b), ở mục Đại-Sán cũng chép rằng :

« Đại-Sán tự Hán-ông, người Lãn-Nam, tu ở chùa Kim-Lãng, có tài vẽ chân dung rất khéo. Khương-hy năm Mậu-ngọ (1678) vẽ cho Trần-Già-Lãng một bức đồ hình, có đề lời, mặt đẹp rau dài, tinh thần hoạt bát, thời ấy hầu khắp mặt danh nhơn trong nước đều có đề vịnh. Có biên soạn Lục-(Sic) Ly-đường-tập ».

Và người Mỹ A.W. Hummel biên tập « Thanh-đại-danh-nhơn-Liệt-truyện » ở mục Ngô-Ỡ cũng có nói đến sự tích Đại-Sán. Mục ấy chép rằng: (3). « Những tập sách của Ngô-Ỡ được xuất bản đều nhờ ở sự khuyến-khích của bao nhiêu bạn tốt lúc sinh tiền, thứ nhất là nhờ ở sự giúp-đỡ rất đắc lực của một nhà sư giàu có tên Đại-Sán (1633-1702). Nhà sư này nhờ sự cung-dưỡng của Thượng-Chi-Tín (con Bình-nam-Vương, Thượng-Khả-Hỷ) và của bạn quan viên quản-lý việc mua bán ở nước An-nam phồn-thịnh, mà trở nên giàu có. Y dùng những của cải súc tích ấy viện-trợ cho các văn nhơn địa-phương. Nên nói thêm rằng bạn văn nhơn này, do những tác-phẩm của họ, làm cho việc tốt lành của kẻ viện-trợ được đồn tiếng khắp nước ».

Xem tổng-quát các bài Kỳ-sự và các sự thực nêu ra trên đây, chúng ta có thể tưởng thấy: khoảng giữa Triều-đại Khương-hy, ở xã-hội Lãn-nam và trong thơ-đàn có một vị Thiền-sư tiếng tăm lừng lẫy, y cùng với bạn Khuất-Ông-Sơn, Ngô-viên-Thứ, Tăng-Thanh-Lê, Lương-dược-Đình, Ngô-Mai-Thôn, Từ-Tùng-Chi, Trần-kỳ-Niên, giao tình rất khăng khít. Những người đến tham thiền tại am Trường-thọ do y chủ-trì, chắc đông đúc lắm, và trong ấy cũng có nhiều thương khách, bạn thông thương với các nước Nhật-bản, Quảng-nam. Nhưng đọc kỹ Hải-ngoại Kỳ-sự và Ly-lục-đường-thơ-tập, chúng ta nhận thấy rõ vị Hòa-Thượng này tự phụ chẳng tầm thường, đặc ý tỏ ra ngoài mặt, quyết chẳng phải một nhà tu hành khiêm-tôn; đối với sự ương gàn tự thị, đua nịnh quan trường, ngôn luận quá buông lung, và sinh hoạt đời tư quá xa xỉ của Thạch-Liêm Hòa-Thượng, trong bạn nhơn-sĩ trí-thức lúc bấy giờ, có kẻ đề lời phiến trách, đến đòi xem y như yêu tăng, đứng lên đả kích chẳng thiếu chi người. Nay lược cử ra vài điều sau đây, để giúp độc giả hiểu rõ đời sống lạ lùng của Đại-Sán.

Vương-sĩ-Trinh, Ngự-đương Sơn-nhơn, làm bộ sách Phân-cam dư-thoại (qu.4), từng công kích gắt-gao việc làm và nhân cách của Đại-Sán. Bài ấy viết rằng:(4) « Quảng-châu có yêu-tăng tên Đại-Sán, tên chữ Thạch-Liêm, tự xưng người Giang-nam, hoặc bảo người Tri-châu, hoặc bảo người Tô-châu, quê quán chẳng biết nơi nào đích xác. Xuất thân rất bản tiện, có kẻ bảo y từng làm tùy-phái các phủ huyện, tính sâu độc, vẽ khéo, xây cất nhà cửa rất có xảo tử. Cạo đầu làm sãi, tự xưng Giác-lăng Đại-sư (5). Mang y bát, dẫn môn-đồ, du phương Lãn-nam, cư trú ở phía tây thành, chùa Trường-thọ; hằng ngày hầu chục các nhà đưng-sự có thể lực, thường vẽ đồ hình tồ-nữ, diêm kiều chơi bí-mật, để đua mycác quý-nhơn; càng được thân cận, chừng ấy không còn kiêng sợ chi nữa; những quan lại tỉnh Việt-đông, lọt vào vòng mưu mô xúc sử của y, mười người hết chín. Năm giáp-tý, (Bút-giã chú-thích: Khương-hy năm thứ 23, tức năm 1684) ta vâng sứ mạng đến tỉnh Việt, nghe chuyện, trong lòng rất ghét, sau nghe y buồn lậu qua An-nam, chở về hàng thuyền báu vật, như sừng tê, ngà voi, châu ngọc, san-hô v.v... trị giá hàng vạn, mà các quan địa-phương chẳng ai làm khó dễ gì ».

Nay xét Vương-sĩ-Trinh là người đồng thời với Đại-Sán, thời kỳ biên soạn bộ Phân-cam-Dư-thoại là tháng chạp năm kỷ-sửu triều Khương-hy (48), tức đầu năm Công-nguyên 1710, vài năm sau khi Đại-Sán tạ thế; những ghi chép trong ấy được xem như đại-biểu ý-kiến của người đương thời, tất nhiên có thể tin cậy được. Cuối đời nhà Thanh, Mậu-Thuyên-Tôn có soạn một bài « Thạch-Liêm-Hòa-thượng sự-lược », ghi chép nhiều việc có thể bổ sung cho thiếu sót của « Phân-cam-dư-thoại ». Sự xuất thân quý quyết của Đại-Sán, thời-gian y trú-trì Trường-Thọ-am như thế nào, sự thực y cầu kết với các yêu nhưn Quảng-châu và bọn Khuất-đại-Quân ra làm sao, đều do bài ấy làm cho sáng tỏ. Bài văn của họ Mậu chép rằng:(6) « Sư Đại-Sán tự Thạch-Liêm, người Ngô-quận, từ bé đã tinh ranh, vẽ hình si nữ rất khéo, làm thơ có câu hay; chẳng biết vì có gì xuất-gia, tông-tích rất bí-mật quý-quyết; chẳng hề thọ giới với thầy nào, nhưng nhờ Khuất-Ông-Son chứng nhận, mạo xưng đích-tự nội dòng sư Giác-Lăng. Nay xét sư Giác-Lăng mở Thiền-đường vào cuối đời Vạn-lich, thời ấy Thạch-Liêm còn chưa sinh, ngài viên-tịch vào năm mậu-tý đời Thuận-trị, (Bút giã chú-thích: Thuận-trị năm thứ 5, tức năm 1648) Thạch-Liêm mới 16 tuổi, chẳng hề được tiếp kiến hay được chúc phó điều chi bao giờ. Lúc đầu mới

vào Quảng-châu y bán họa-trợng Quan-âm, chỉ xưng là thầy giảng mà thôi, sau nhờ nịnh hót Kim-Quang-Huyền, mặc-khách của Bình-nam-Vương, nhờ Huyền giới thiệu được vào yết kiến Bình-nam-Vương và Yêm-đạt-Công (7). Nguyên chùa Trường-thọ ở Quảng-châu và chùa Phi-Lai ở Thanh-Viễn, hai chùa đều do Thực-hành Hòa-Thượng làm chủ-trì. Sau khi Thực-hành tịch, Quang-Huyền nói với Yêm-đạt cho Thạch-Liêm chủ-trì Trường-thọ-Am; Trường-Thọ không có sản-nghiệp, chùa Phi-Lai có ruộng cho thuê mỗi năm được hơn 70 thạch lúa; Thạch-Liêm xin với các nhà đương-sự lấy chùa Phi-Lai làm Hạ-viện, rồi đuổi hết đồ-đệ của Thực-hành Hòa-Thượng để nuốt hết số lúa của ruộng chùa, việc ấy có nhờ Ông-Sơn giúp sức. Từ ấy Thạch-Liêm ngày càng giàu có, y vốn người có nhiều xảo tú, thường lấy gỗ lê, gỗ đàn, đồng thau, đá hoa, chế làm các đồ dùng như bàn, ghế, bình-phong, tủ bàn, bát đĩa v.v... để biếu các nhà đương-sự và các bậc sĩ đại-phu, rất được mọi người tán thưởng. Bức họa đồ có đề từ cửa Trần-già-Lãng, chính do tay Thạch-Liêm vẽ, rục rờ như hình sông; có kẻ bảo y có vẽ một tập hình tồ-nữ với kiểu chơi bí-mật rất khéo, để đua mỵ các quý-nhơn, việc đó chưa biết chừng cũng có. Ngô-Viên-Thứ (ỹ) ra chơi Quảng-châu, Thạch-Liêm than phiền với Ngô về việc thù ứng rộn ràng, khó nhọc không chịu nổi. Ngô cười bảo rằng: « Người chịu không nổi, sao chẳng xuất gia cho rồi »? Người ta truyền tụng câu nói ấy để cười chơi ».

Cứ theo Quảng-đông-Thông-chí (San lại năm Đồng-trị thứ 3, bản khắc họ Nguyễn, quyển 229) chép rằng: Trường Thọ-Am tọa lạc cách phía Tây-nam thành Quảng-đông 5 dặm, nền cũ của Thuận-Mẫu-Kiều; đời Vạn-Lịch nhà Minh năm thứ 34 (1.606), Tuấn-vũ Ngự-sứ Trâm-chánh-Long xây cất Từ-độ-Các và Diệu-chánh-Đường, hai cánh thiền phòng đất rộng chừng tám mẫu, Huyện-Lịnh Lưu-đình-Nguyên lấy ruộng chùa Bạch-Vân (chùa bỏ hoang) 43 mẫu thêm vào để cung phụng hương-hỏa, có bài bi (bia)-ký của quan Ngự-sứ. Nhưng đến cuối đời nhà Minh am ấy cũng chưa nổi tiếng, từ ngày Đại-Sán kê vị Thực-Hành Hòa-Thượng, am ấy mới ngày càng hưng thịnh, trở nên một nơi danh thắng tỉnh Quảng-châu. Vương-sĩ-Trình Quảng-Châu du-lâm-tiểu-chí (Chiêu-đại-tùng-thư ất-tập, quyển 22), mục Trường-thọ-Am chép rằng :

« Trường-thọ-Am ở ngoài thành, phía tây, sáng lập khoảng triều Vạn-Lịch, sư Đại-Sán sửa mới lại. Đại-Sán hay thơ khéo vẽ, kiến trúc có xảo

từ. Mé phía tây chùa có ao chảy thông với Châu-giang, nước khi đầy khi cạn ăn dịp với nước lên nước ròng ở sông; phía Bắc ao là đình Bán-phàm (半帆), quanh co theo hành-lang đi qua phía đông là Hội-không-Hiên (繪空軒), trước hiên trăm hoa tươi tốt, cảnh trí đáng yêu; từ đình bán-phàm và ao đi qua phía nam, thẳng bờ đều trồng lệ-chi (cây vãi) long-nhãn, phía Nam ao là Hoài-cổ-Lâu (懷古樓), nguy nga rộng rãi; phía dưới là Ly-Lục-Đường (離六堂), cây nước trong xanh, phòng hiên u-tịch, như kiêu nhà ở vùng Ngô-Việt. Chùa có Tượng Thích-Ca niêm-hoa, quang thếp vàng ngọc mã-nã xa-cừ, nghiêm-trang rực-rỡ, lại có tượng đồng, nghe nói đúc từ đời Đường ».

Mậu-Thuyền -Tôn trong bài (Thạch-Liêm Hòa-Thượng sự-lược), cũng có thuật qua cách bố trí của Trường-Thọ-Am như sau :

« Trước cửa am có hai tượng Thiên-vương do tay Thạch-Liêm vẽ, tinh-thần linh động phi thường; Thiên qua phía đông am có ao chảy thông với sông Châu-giang, nước sông quanh co chảy qua trước điện rồi dội vào ao, có một hòn non bộ xây toàn đá Anh (đá non-bộ sản xuất tại huyện Anh-đức, tỉnh Quảng-đông), lập vườn trồng cây, có nhà nghỉ mát, phía bắc ao có Bán-phàm-Thật, phía bắc Hội-không-Hiên, phía Nam Hoài-Cổ-Lâu, phía dưới Ly-lục-Đường, đều làm hồi-lang nối thông với nhau v.v... »

Do đó chúng ta có thể tưởng thấy Trường-thọ-Am thanh u đẹp đẽ như thế nào.

Trong bài của Mậu-thị có dẫn tiếp hai bài văn kể tội Đại-Sán của Phan-thứ-Canh, bài thứ nhất viết cho Lương-Dược-Đình (Bội-lan), bài thứ hai viết cho Đại-đương-sự tỉnh Việt. Văn ấy như sau :

Thư viết cho Lương-Dược-Đình :

« Thạch-Liêm lòng kiêu khí hoạnh, chuyên nói láo để đời đời; chê bai cự-đức tiên-hiền, chẳng chút kiêng sợ; lại nói láo từng gặp dị-nhơn, thông thiên-văn, hiểu độn-giáp, có tài hô phong hoán vũ, như Văn-thành, Ngũ-Lợi (8) ngày xưa. Kịp đến một lần lên Kinh-sur, một lần qua Giao-chỉ, lại càn lêu-láo quá đỗi, ngang nhiên tự cho là « Duy ngã độc tôn » ! Gắn đây tôi có xem tập Hải-ngoại Kỳ-sự của y viết, một bằng chứng giả-dôi, không nói không được. Những bộ sách Nguyên-Lưu-Tự-Chánh (9),

bao nhiêu láo khoét không sách vở, nguy hiểm vô lý, không thể kể xiết. Nay chỉ đơn cử tập Hải-ngoại-Kỳ-sự, chương đầu nói « hầu sắp sửa đi lên phương Bắc, vì có lệnh bẻ trên tuyên-triệu », ấy là nói láo vậy. Dạy học-trò uống rượu, ấy là phá luật vậy. Truyền phép cho Phiền-Quốc-Vương, ấy là bán phép vậy. Khắc chữ «tĩnh dữ thiên đạo» vào đồ-chương (ấn), tự coi mình như Không-tử, ấy là tiếm thánh vậy. Ngự-chê bài tự khen ngợi Ngũ-đăng Hội-nguyên (五登會元) mà y lại bắt bẻ chê bai không tiếc lời, ấy là kháng chỉ (chống ý vua) vậy. « Hủy bản in, nghiêm cầm » là lệnh phán xử nhất thời của đương-sự tỉnh Chiết-Giang, thế mà y bảo « phụng chỉ nghiêm cầm » ấy là kiêu chỉ (mạo xưng chỉ-dụ của nhà vua) vậy. Bộ sách Ngũ-Đăng toàn-thư đã được dâng lên Ngự-Lãm và đượ Ngự-chê cho bài tự văn, thế mà y dám nặng lời chê bai, ấy là sán-thượng (chê vua) vậy. Tước Động-Tông (Dòng Tào-Động) bọn Đôn-hà-Thuần (bút giả chú: tức Đôn-hà-tử-Thuần) 5 đời, ấy là san tước tở-tông vậy. Đồi Vân-cư-Ung (bút giả chú: tức Vân-cư Đạo-Ung) làm Cửu-phong-Mãn, Đông-an Phi làm Đông-an-Uy, ấy là thay đổi tở-tông vậy. Vồn xưng đời thứ 34, Tào-đông lại xưng đời thứ 29, ấy là trái loạn thê-thứ vậy. Bấy nhiêu việc trên ấy có hại cho thê-giáo và làm trở ngại Pháp-môn rất lớn ».

Và Thư viết cho Đại-đương-sự tỉnh Việt:

« Thạch-Liêm cuồng quây quá đỗi! Kê tu hành, trọng nhất là giới luật, thì y uống rượu ăn thịt, điếm-nhiên chẳng biết xấu hổ; ưa nhất là chất phác nâu-sông, thì y quá đỗi xa xỉ, tự phụng sang như vương-hầu; chuộng nhất là tính nhu-hòa, thì y kiêu ngạo ba hoa, xem người nửa mắt; giữ gìn nhất là đức chân thành, thì y bịp-bợm dối đời, chẳng bao giờ có một lời nói thực; quý nhất là lòng từ bi, thì y lập tâm hiểm-ác, lấy việc hại người làm sở trường. Sự tội-phạm-pháp của Thạch-Liêm là tư-thông ngoại-quốc, lệnh cấm xuất-dương tuy đã bãi bỏ, nhưng mua bán là việc của nhà buôn, nay Thạch-Liêm là kẻ tu-hành, dám tư-thông ngoại-dương, đem hóa vật can cấm bán cho Giao-châu để cầu lợi; ai nghe nói cũng lác đầu, thê lười, ấy là việc y thêu 6 chữ vàng: « Vương phủ dụng, Trường-thọ định », (đồ dùng vương-phủ do Trường-thọ định) ở đầu múi những cây hàng lụa. Xét lúc An-nam Mạc-thị mới quy thuận, chỉ phong Đô-thông-Sứ, nay Nguyễn-Phúc-Châu chưa xin phong, chưa chịu sắc mạng Triều-đình, sao đượ xưng « Vương-phủ », nghiêm-nhiên ngang hàng với các thân-vương Trung-quốc? Lại nữa, Quốc-luật cấm mua bán người, thế mà y dám mua con gái nhà lành làm

con hát, rồi lần lượt đem bán lại ! Thiết tưởng những kẻ có trách-nhiệm phong-cương dân xã, nên thâu hết các sách xuất bản của y đem đốt hết; nghiêm cấm y tư-thông ngoại-dương, tư giầy các sở quan-tân, từ nay về sau cấm các sãi chùa Trường-thọ không cho một người nào xuất dương, và hóa vật chùa Trường-thọ không cho một thùng nào ra khỏi cửa biên, ngõ hầu chân-chính phép nước, khỏi di hại cho địa-phương »

Trên đây liệt cử các sự tích đê hèn của Đại-sán, phải c hững đúng chân-trưởng đương thời, điều đó không thể xét rõ. Ví-sử các việc ấy đều đúng sự thực, thị sự kết án tội lỗi của y cũng tùy theo sở kiến của từng người; sự nói phải, vãi nói chẳng, ý kiến chẳng giống nhau hết thủy. Chẳng qua trong các hành-động của Đại-sán, cũng có chỗ hơi vượt ra ngoài lẽ lẽ, ấy là sự thực không thể chối cãi được. Ví-dụ như Hải-ngoại Kỳ-sự (KI 32 a) chép rằng: « Trong nước (Quảng-nam) các Tả, Hữu, Thừa-Trưởng, bốn Đại-đốn-Dinh và Quốc-nguyên-Lão Đông-triều-hầu, Học-si Hào-đức-Hầu, Vương-Huynh Lệ-tuyển-hầu, Thiệu-dương-hầu, các vị Đại-lão ấy thường cùng ta tiếp kiến, nghe ta ở Trung-hoa thường có rao bán gió sấm, cầu mưa, muồn tau với Quốc-vương xin ta cầu một đàn » v.v... Và ở quyền đầu Ly-Lục-Đường-Tập có phụ chép một bản đồ bán mưa (Mãi-vũ-đồ), trong đó vẽ 5 người học-trò đứng quay quần trước cửa « Trường-thọ Thiên-lâm » xem một tờ yết-thị viết mây chữ: « Thạch-đầu-đà hữu ta phong vũ xuất mại » (Ông Sãi họ Thạch có chút ít mưa gió đem bán). Các việc ấy có thể chứng thực câu văn. « Lại nói lão từng gặp Di-nhân, tinh Thiên-văn, hiểu độn-giáp, có thể hô phong hoá vũ, như bọn Văn-thành Ngũ-lợi ngày xưa », trong bức thư của Phan-Thứ-Canh dẫn ra trên đây. Nay xét hai phong thư của Phan-thứ-Canh, tội trạng rất lớn của Đại-Sán và cũng là nguyên-nhơn chính yếu làm cho y phải hồng chân, chẳng ngoài việc du-hành Quảng-nam của y. Bình tâm mà luận, Truyền-pháp cho Phiên-Quốc-Vương, thì có gì là tội lỗi, vãi lại đứng về quan niệm truyền-thống của văn-hóa Trung-Quốc mà nói, thì « Viễn-bá Thánh-giáo », còn đáng được khuyến-khích là khác, nhưng đây lại diễn thành việc phạm tội « Mại-Pháp ». Cứ theo thiển-kiến, ấy chẳng qua vì có Đại-Sán nịnh Nguyễn-phúc-Châu, kẻ chưa chịu sắc mạng Triều-dinh mà xưng Vương, và đã là kẻ tu-hành còn theo việc buôn bán phi-pháp v.v...

Trong Ly-Lục-Đường-Tập, bài tựa của Cao-Tằng-Vân viết rằng: « Thạch-Hòa-Thượng là thiên giới pháp tự, noi theo Tào-động chánh truyền ». Cũng trong tập ấy, bài tựa của Đường-hóa-Bằng (Bản-đàm) viết rằng: « Hòa-thượng là đời thứ 29 dòng Tào-Động, con của Trọng-nhơn, cháu của Thọ-Xương ». Và Nguyễn-phúc-Châu, cuối bài « Bản-sur Hải-ngoại Kỳ-sự-tự » để lạc khoản như sau « Đại-Việt Quốc-Vương Nguyễn-phúc-Châu, thọ Bồ-tát-giới đệ-tử, pháp danh Hưng-Long, đĩnh lễ. San tại Tây-cung Giác-Vương nội-Viện, Tịch-danh Phương-Trượng và có đóng 3 con dấu: « Tào-Động chính-Tông Tam-thập-thê », « Nguyễn-phúc-Châu ân » và Thiên-túng đạo Nhơn. Việc ấy có thể chứng-thực hai sử-sự mới sau đây: Việc thứ nhất, Khương-hy năm thứ 34 (1695), lúc Đại-Sán đến nước Việt đã xưng thê thứ 29 dòng Tào-động, đến sau khi truyền Bồ-tát-giới cho Nguyễn-phúc-Châu ở Quảng-nam lập ông làm pháp-tự, đặt cho danh hiệu là « Tào-động chánh-tông đời thứ 30 » và đạo hiệu Thiên-túng Đạo-nhơn. Việc thứ hai, cứ theo Đại-nam Thực-lục Tiền-biên (qu. 8 và 9-10) ghi chép, họ Nguyễn ở Quảng-nam lúc đầu xưng Trần-thủ, đến Khương-hy năm thứ 31 (1692) tức Nguyễn-thị đệ-lục-đại Phúc-Châu kê lập, năm thứ hai, mới xưng « Quốc-chúa », kể đến tháng chạp năm kỷ-sửu thứ 18 (1705) mới bắt đầu đúc Quốc-tý, khắc chữ « Đại-Việt-Quốc Nguyễn-Vương Vinh-trần-chi-bửu », lại đến Càn-Long năm thứ 9, (1744) đệ-bát-đại Phúc-Khoát (tức Võ-Vương 1738-65) ở Phú-Xuân (tức Thuận-Hóa) mới chính thức tức Vương vị, đúc Vương-tý, đổi « Phủ » xưng làm « Điện », các công văn còn noi dùng Quốc-hiệu và niên-hiệu Lê-Triều. Nay xem bài « Bản-sur Hải-ngoại kỳ-sự-tự », biết rằng Phúc-Châu đã xưng Đại-Việt Quốc-Vương sớm từ năm Bính-tý (1695), trên sự thực trước ngày xưng vương của Phúc-Khoát đến 48 năm. Việc đáng chú ý hơn hết, là Đại-Sán đổi đổi Phúc-Châu, xưng hô bằng Quốc-Vương chẳng chút kiêng kỵ, thậm-chí trên bài « Khãi » còn tôn xưng lên làm « Đại-Vương » là khác nữa.

Xét các bài dẫn ra trên đây, Đại-Sán tự xưng đích tự của Giác-Lãng Thiên-sur, đã là một việc rất khả nghi, y xưng Pháp tự thứ 29 dòng Tào-động, lại bị bài xích làm hỗn loạn thê thứ, nay y lại đem pháp thông truyền cấp cho Phiên-Quốc-Vương, thì sự làm sôi nổi sóng gió giới Phật-giáo Trung-Hoa là lẽ tất nhiên vậy. Đại-Sán xưng Nguyễn-phúc-Châu làm Đại-Việt-Quốc-Vương, ví-sử y có ý a dua, cũng chẳng qua thừa nhận địa vị thực tề của ông ấy mà thôi, nhưng đối với luật nhà Thanh và đối với đại nghĩa

danh phận của phái đạo-học, thì cũng như y đã thông đồng với ngoại-quốc, trao đổi riêng danh hiệu với nhau, hình thành một hành động vi-pháp, một tội danh không thể giảm khinh vậy.

Đền như Đại-Sán làm việc buôn lậu, thì sự hiểm-nghi lại càng đậm đà tăng thêm. Cứ theo Hải-ngoại Kỳ-sự kỹ-thuật lúc Đại-Sán khởi hành từ Quảng-đông: « Tặng chúng đi theo hơn 50 người, hành lý cũng nhiều, thuyền chủ nhìn nhau chẳng biết sắp đặt cách nào, phải đem khách hàng chuyển lui Dương-thành (Quảng-đông), còn phải chia một nửa tặng-chúng, hành-ly cho tháp tùng 2 thuyền đi sau ». Đoạn văn ấy có thể chứng thực số lượng hàng hóa Đại-Sán đưa qua Quảng-nam vì mục đích tặng biếu hay buôn bán, quá nhiều một cách lạ lùng; Phan-thứ-Canh chỉ trích những « cây đoạn thêu chữ vàng », là một món trong số hàng hóa ấy. Người ta lại có thể suy tưởng những khí cụ dùng trong các Phật-hội do Đại-Sán chủ-trì tại Quảng-nam, nhất thiết đều do Đại-Sán cung cấp cả. Và trong thời gian lưu trú đất Việt, từ Phúc-Châu trở xuống, quan chí dân đều cung dường rất thành kính long trọng, từ các món tiền gạo, yền sào, dầu dấm, tương muối, hương đèn, cho đến kỳ-nam-hương, trân-châu, vàng bạc, người ta đem đến tặng biếu ngày nào cũng có; gia dĩ Phúc-Châu hưởng ứng nhân-duyên trùng tu Trường-Thọ-Am của Đại-Sán, khảng khái xuất ra 5.000 lượng bạc (Ngũ-thiên-Kim) để cúng làm kinh-phí kiến trúc Trường-Thọ-Am đại-diện; lúc Đại-Sán sắp sửa lên đường, Phúc-Châu còn tặng nhiều gỗ quý để giúp vào việc tu trúc am ấy (nói rõ ở đoạn sau). Phan-cam Dư-Thoại cũng chép rằng: (sau nghe nói y buôn lậu qua An-nam, chở về hàng thuyền các loại trân báu như tê-giác, ngà voi, san-hô, châu-ngọc v.v... trị giá hàng vạn mà các quan địa-phương chẳng ai đã-động chi đến). Xem thế dầu Đại-Sán không có mưu toan kinh dinh thương-nghiệp, nhưng kết quả chuyến du-hành Quảng-nam, y thâm hoạch được vàng bạc và trân báu, không phải là ít, khó lòng tránh khỏi sự kinh ngạc của giới nhơn-sĩ Lãn-nam; do đó có những đồn đại buôn lậu với Quảng-nam và gây thành mầm họa cho y sau này.

Thuộc về đầu đuôi việc Đại-Sán bị bắt bị trục xuất và bị giam chết, Phan-cam-Dư-thoại chép rằng :

« Hứa-Trung-thừa Tự-Hưng làm án-sát-sứ (Hiện nay do Hà-nam bổ-chánh-sứ thăng Phúc-kiên tuần-vũ), rất ghét Đại-Sán, bèn ra lệnh bắt trị; xét rõ gian trạng trước sau, đánh đòn đuổi đến Công-Châu. Y đình chú ở Sơn-tự, hưng khởi trở lại, tin đồ quy y rất đông. Giang-hữu Lý-Trung-Thừa Cơ-Hòa lại đuổi đi, áp giải về nguyên-quán, giữa đường, chết ở Thường-son ».

Đại-Sán sinh và mất vào năm nào, Hummel chép « Thanh-đại-danh-nhơn-liệt-truyện », vừa dẫn ra trên đây, ghi vào Công-nguyên 1633-1702 (tức Sùng-trinh năm thứ 6 đến Khương-hy năm thứ 41). Nay xét bài của Mậu-thị, năm Thuận-trị mậu-tý (1648) lúc Giác-Lãng Thuyền-sur tạ thế, Thạch-Liêm mới 16 tuổi, thì năm sinh của ông ta chắc chắn là năm 1633, nhưng bút-giả chưa tìm được điển cứ nào có thể chứng tỏ Đại-Sán mất vào năm 1702.

Xét Hứa-tự-Hưng nhiệm Quảng-đông án-sát-sứ vào năm Khương-hy 41 (1702), tại nhiệm 2 năm, năm Khương-hy 43 (1704) thăng Hà-nam bổ-chánh-sứ (10). Còn Lý-Cơ-Hòa do Hồ-bắc Bồ-chánh-sứ thăng Giang-tây Tuần-vũ vào năm Khương-hy 43 (1704) (11). Thẻ thi Đại-Sán bị Hứa Tự-Hưng bắt tra hỏi và đuổi về Công-châu-son-tự phải ở vào khoảng năm Khương-hy 41 (1702); y lưu ở lại Công-châu chừng 1 năm, nhưn đó « phục hưng trở lại, tin đồ quy y rất đông », cho nên năm Khương-hy 43 (1704) Lại bị Giang-tây Tuần-vũ Lý-cơ-Hòa đuổi, áp giải về nguyên quán, nửa đường chết ở Thường-Son.

Việc Hứa-tự-Hưng xử án Đại-Sán, phải chăng có quan hệ với lời hạch tội của Phan-thứ-Canh, điều đó hiện nay chưa có cách gì đoán định được, nhưng trong ấy có những dính líu quanh co hay hay. Khoảng tháng 8 năm Khương-hy 30, lúc Hứa-tự-Hưng đương nhiệm chức Đồng-tri Mãn-châu vì những lỗi « làm nhục thuộc-viên và hạch-xách đòi ăn hỏi lộ tiền bạc, ngựa v.v... » bị Tuần-vũ Y-Đỗ dâng sớ tham hạch, phải bị cách chức; qua năm-34, quyền tiền được phục chức, năm 38 được bổ Hồ-Quảng Hạ-Kinh-Nam, đạo, năm 41 đổi đi Quảng-Đông Án-sát-sứ. Kịp đến tháng 12 năm 45, lại nhưn việc thăm án chẳng đúng sự thật, bộ xử phạtgiáng một cấp, đổi đi chỗ khác; sau nhờ tuần-vũ Uông-Hạo dâng sớ xin cho giáng cấp lưu nhiệm, được Triều-đình chuẩn y; tháng 11 năm 48, thăng Tuần-vũ Phúc-kiên.

Do đó mà xem chính-tích của Hứa-tự-Hưng trong lúc làm quan, đâu đã chắc thanh-liêm đúng bậc, thì việc xích trục Đại-Sán, cũng có thể nghi-ngờ là « mọi đen ăn thịt mọi đen » (kể có tật bắt kẻ có tật). Vậy Vương-sĩ-Trình trong bài văn dẫn trên, viết tiếp rằng: « Ta chẳng biết rõ Hứa-Trung-thừa, cứ một việc này, thực khá gọi « Trụ đồng ngăn sóng cả » vậy; nghe nói ông làm quan cũng rất thanh liêm, cứ xem việc này, nếu chẳng phải kẻ « Uống nước ao tham, cũng chẳng thay lòng đổi dạ », thì làm sao được như thế ». Lời nói trên đây, chính là chỉ sự chìm nổi quan-trường của Tự-Hưng mà nói vậy.

CHÚ THÍCH :

- 1) Trong các bài tựa tập này, bài tựa của Lý-Phương-Quảng (Đinh-mão 1687) và của Mao-khả-tê (mậu thìn 1688) đều đề : (Hán-Ông-Yên-Du-thi-tự); còn các bài khác đều đề : (Ly-lục đường-thi-tập-tự) hay là (Hán-Ông thơ-tập-tự), bài tựa của Trương-Tông đề lạc-khoản làm đình-tự (1677) quý hạ, bài của Phan-Sử-Đạt đề binh-tý (1696) đông thập nguyệt, bài của Ngô-thọ-Tiêm đề Kỳ-Mão ? (1699) bát nguyệt, bài của Đào-Huyền cũng vậy, do đó có thể suy tưởng từ Khương-hy năm 17 (1677) sau khi Đại-Sán đi Bắc-kinh về, đã có ý xuất bản thơ tập, lúc đầu tính đề tên « Hán-Ông-Yên-du thi » sau vì có nhằng nhai mãi đến năm Khương-hy 38 (1699) mới tổng hợp các tập thơ cũ và lấy tên « Ly-Lục-đường-thi » cho xuất bản. Tập thơ ấy đến năm Càn-Long 53 (1788) bị liệt vào sổ những sách do tỉnh Chiết-giang tâu xin hủy bỏ. Duyên có hình như vì tập ấy có liên-quan với các sách bị cấm của Khuất-đại-Quân và tập Lâm-huệ-Anh-Liêm biên trấp, Dân-quốc năm thứ 36 Thương-vụ-ân-thư-quán xuất-bản).
- 2) Mặt khác, ở trong các tập của những nhà thơ đương thời cũng rải rác thấy có những thơ văn có liên quan với Đại-Sán. Ví dụ như Ngô-viên-Thứ Lâm-Huệ-Đường văn-tập tục khác, thấy có bài (Thạch-Liêm Thượng-nhon thơ-tập tự) (quyển 2) và bài (Hán-Ông Triệu-hành thi-tự) (quyển 3) và Từ-Hoàn Nam-châu Thảo-đường-tập thấy có bài đề « Hưng-Tuyển-Lang làm tặng Thạch-Liêm Thuyền-sr ».
- 3) A. W. Hummel, Eminent Chinese of the Ching Period, Washington, 1944, t-11, p. 864 b, Emile Gaspardone, Bonzes des Ming Réfugiés en Annam, Sino-logica, vol. 2, Nr. 1 (1949), P. 20 note 57.
- 4) Vương-sĩ-Trình (Ngư-dương Lão-nhon) Mạn-bút, Phân-cam Dư-thoại, Ngư-dương tam thập lục chủng, Khương-hy Ký-sứu, tháng chạp san hành.
- 5) Bọn Tăng-Quốc Phiền trùng tu, Quang-tự năm thứ 6 san hành, Giang-tây thông-chí quyển 179, Tiên-thích mục, Giác-Lãng, chép rằng : « Giác-Lãng tên Đạo-Thạnh, biệt-hiệu Lãng-Trương-Nhon, con của họ Trương ở Thác phổ, lúc còn nhỏ theo học khoa-cử, nonh Ông nội bị tù, tội chết, nghĩ rằng lin

hồn ấy sẽ đi đền nơi nào ? ngày nọ đang đi giữa đường nghe tiếng mèo nhảy bèn tính ngộ, gặp lúc cọ Thụy-Nham Thức-Công đi qua phò, bí mật xin thẻ phát xuất gia, lên ở núi Mộng-hoa, tham thuyền chùa Bác-Sơn, kế tham thuyền chùa Thọ-xương, qua Thụ-Lâm ra mắt Đông-uỳên-Cảnh; có một lần đau gần chết, Uyển cho uống thuốc cứu sống; hơn lúc nhàn rồi Uyển hỏi thăm lại lịch sinh-bình, thất kinh nói rằng : chi Tuệ-đăng của chùa Thọ-xương ta sẽ thuộc về ngươi vậy, hơn trao phó cho nguồn đạo. Khoảng niên-hiệu Thuận-trị xin chủ-trì chùa Bác-Sơn, sau đến Thiên-giới Côn-Lư-Các nghỉ hạ, thỉnh-linh khiến dời đền ngôi trước thiên-đường, đứng ngộ, viết xong bài kệ, quăng bút viết tịch. Có ngữ-lục trước-tác 52 loại sách.

- 6) Mậu-thuyền-tôn, Nghệ-phong-Đường-văn-tục tập (Tuyên-thông năm thứ hai san hành) quyển II. 276-296.
- 7) « Binh-nam » tức Binh-nam-Vương Thượng-Khả-Hỷ, « Yêm-đạt-Công » tức con của Khả-Hỷ là Thượng-chi-Tín. Hoa-di-biên-Thái (quyển 4) chép lời khai của người Tàu, thuyền Quảng-đông chuyến 21, năm thìn (1676), cũng xưng làm « An-đạt-Vương ».
- 8) Văn-thành tức Phương-sĩ Thiêu-Ông, Hán-Vũ-đề phong làm Văn-thành tướng-quân, Ngũ-Lợi tức Phương-Sĩ Loan-Đại, Vũ-đề phong làm Ngũ-Lợi thưng-quân, đều tinh thông phương thuật.
- 9) Nguyễn-phúc-Châu Bản-sư Hải-ngoại Kỳ-sự-tự chép rằng : « Thấy ta khai hóa hơn 30 năm, trước tác hơn 20 loại sách cho ra đời đã lâu, tự có giá trị nhất định của nó ». Tên các sách ấy, có lẽ là một bộ trong 21 loại sách nói trên.
- 10) Lý-Hằng (Quốc triều kỳ-hiến loại-trung sơ-biên) quyển 161, mục Cường-thần 13, Quảng-đông thông-chí (Đồng-trị năm thứ 3 san-lại bản in chụp hình của Thương vụ-ấn-thư-quán), quyển 44, Chức-quan-biểu 35.
- 11) Lý-Cơ-Hòa, tự Hiệp-vạn, lại tự Mai-giai, người Hán-quân Nương-hồng kỳ, đậu tiến-sĩ năm Khương-hy thứ 12, đổi làm Hàn-lâm-viện Thứ-cát-sĩ. Làm quan thăng đến Hồ-Bắc bồ-chánh-sứ, năm Khương-hy 43 thăng Giang-tây Tuấn-vũ, có Mai-giai thơ-tập (xin xem Giang-tây thông-chí quyển 128, Hoạn-tích-lục 3, Quốc-triều). Quốc-triều Kỳ-hiến-loại-trung sơ-biên, quyển 161, mục Cường-thần 13, cũng dẫn Đại-Thanh-nhật-thông-chí rằng : « Bỏ đi Tuấn-vũ Giang-Tây, lúc gần đến nhậm chức, nghe tình ấy có nạn đói, ông đi đền Hồ-Khẩu, quá-giang thuyền buôn gạo để xuốngnam, bèn xuất bạc mua cả thuyền gạo đến Nam-xương y giá bán ra, giá gạo bèn trở lại bình thường. Sau thời quan về cư-ngụ tại chùa, cam chịu thanh-bản đến ngày chết. Giang-Tây Tuấn-vũ Cơ-Hòa là người thứ nhất được nổi tiếng thanh-li êm vậy.

III. CUỘC DU HÀNH QUẢNG-NAM CỦA THÍCH-ĐẠI-SÁN

NÓI về chính truyện. Hiện tại chúng ta thuật lại đầu đuôi câu chuyện lữ-hành Quảng-nam của Đại-Sán. Đại-nam Liệt-truyện Tiên-biên (quyển 6) chép tiếp rằng:

« Anh-Tông Hoàng-Đề thường khiển Tạ-nguyên-Thiếu qua Tàu cầu Cao-Tăng, nghe Liêm giỏi Thiên-học, bèn qua thỉnh-cầu. Liêm mừng, cùng Nguyễn-Thiếu vượt biển qua Nam, đã đến nơi, cư trú tại chùa Thiên-mụ. Hiến-Tông Hoàng-Đề thường vời ông vào ra mắt, cùng đàm luận thiên-giáo. Hoàng-Thượng trọng sự học uyên bác của ông, rất yêu quý kính lễ, ông khéo tùy việc can gián, cũng có bổ ích ».

Đoạn văn ấy cho chúng ta ấn-tượng như sau: « Lúc Anh-Tông (tức Nghĩa-Vương Phúc-Trần, 1687-1691) còn tại thế, từng khiển Tạ-nguyên-Thiếu qua Quảng-Đông rước Thích-Đại-Sán. Sau khi đến Thuận-Hóa, Đại-xán ở chùa Thiên-mụ. Kịp đến ngày Hiến-Tông (tức Nguyễn-Phúc-Châu) kế vị, mới hằng vời ông ra mắt, và rất được Hiến-Tông kính trọng. Thực ra đoạn văn ấy truyền chép có hơi không đúng, có nhiều chỗ cần đến sự đính chính của chúng ta. Nay trước hết xin lược thuật sự tích của Tạ-nguyên-Thiếu. Đại-nam Liệt-truyện-Tiên-biên (quyển 6) truyện Tạ-nguyên-Thiếu chép rằng:

« Tạ-nguyên-Thiếu, tự Hoán-bích, người huyện Trinh-hưng, phủ Triệu-Châu, tỉnh Quảng-Đông, năm 19 tuổi xuất-gia tu chùa Báo-tư, làm đồ-đệ của Khoáng-viên Hòa-Thượng. Thái-Tông Hoàng-Đề Ất-tý năm

thứ 17 (1665) Nguyễn-Thiếu đi theo thuyền buôn qua Quảng-nam, lưu-trú tại phủ Quy-Ninh, dựng chùa Thập-Tháp Di-Đà (1) giảng-truyền phật-giáo, kê ra Phú-xuân-Sơn, tỉnh Thuận-Hóa, dựng chùa Quốc-Ân, (2) xây tháp Đồng-Phổ, sau phụng mạng Anh-Tông Hoàng-Đề qua Quảng-Đông rước Thạch-Liêm Hòa-Thượng và thỉnh tượng phật, chuông khánh lúc trở về phụng-sắc cho trụ-tri chùa Hà-trung, (3) lúc lâm bệnh tập hợp tăng-chúng dặn dò, cầm bút viết bài kệ rằng: «Lãng lãng gương không bóng, sáng sáng ngọc chẳng dung; lộng lộng vật chẳng vật, mờ mờ không chớ không». Viết xong ngồi thẳng thản mà tịch, hưởng thọ 81 tuổi. Các môn đồ và những quan-tể từng quy-y thọ-giới, dựng tháp ở cửa chùa để chôn đầu xá-lỵ, tâu vua xin làm bài Ký-Minh. Hiễn-Tông Hoàng-Đề ban cho Thụy-hiệu làm Hạnh-đoan thiên-sư, và làm một bài «kỷ» ghi chép công đức»

Căn cứ theo bài này, thì trong giới phật giáo, Tạ-nguyên-Thiếu là một vị tiền-bồi của Đại-Sán, đã qua Nam từ năm â-tỵ. năm thứ 17 đời Thái-Tông (tức Hiễn-Vương Phúc-Trần 1648-1687) tức Khrong-hy năm thứ tư (1665), và từ ấy ở luôn tại Quảng-nam. Năm ông mất tuy không có Sứ-văn có thể dẫn chứng, nhưng cứ theo bài dẫn chứng trên đây, thì có lẽ vào khoảng năm đầu Minh-vương mới lên ngôi và trước ngày tới nước Việt của Đại-Sán, tức Khoảng Khrong-hy năm thứ 30 đềm nửa năm đầu năm 33; vì vậy Hải-ngoại Kỳ-sự không hề nói đến tên ông ấy. (4) Chúng ta vốn chẳng phủ nhận việc Tạ-nguyên-Thiếu phụng mạng Anh-Tông (Phúc-Trần) qua Quảng-đông rước mời Đại-Sán, nhưng trên sự thực Đại-Sán chưa hề cùng đi với Tạ-nguyên-Thiếu qua Quảng-nam. Nói cách khác Đại-Sán đi qua Quảng-nam không phải kết-quả trực tiếp của Nguyễn-Thiếu đi rước. Nguyễn-Phúc-Châu Hải-ngoại kỳ-sự-tự viết rằng:

« Trường-thọ bản sư Lão-Hòa-Thượng, ta từ ngày làm thê-tử đã bao năm ngưỡng-mộ, Tiên-Vương đưa thư mời rước hai lần chẳng qua. Mùa thu năm Giáp-tuất, ta muốn vâng chịu Bồ-tát giới-pháp, nôi chí trước đôn-độc thỉnh cầu, quả được như nguyện ».

Và Đại-Sán trong sách Hải-ngoại kỳ-sự (K.1 1b) cũng chép rằng:

« Ngày mùng 4 tháng 8 (năm Giáp-tuất) Tri-khách gõ cửa báo có sứ-nhân nước Đại-Việt đến; mời vào ra mắt, sứ giả là người tỉnh Mân (Phúc kiến), tay nâng một phong bì giấy vàng rất cung kính, sụp lạy dâng lên, với

lễ vật các thứ vàng-nam mây song hoa, lụa vàng và kỳ-nam, dâng lễ xong, quý gồi thưa rằng : « Đại-Việt Quốc-Vương đã lâu ngày ngưỡng mộ Lão Hòa-Thượng, ngày nay đốt hương xa lạ, dâng phong thư trước tòa Sư-tử, kính thỉnh cầu Đạo-giá lai lâm; nếu khứng chịu lời, thực là phước lớn cho tiểu-quốc ». Kể từ Tiên-Vương có thư mời, đến nay nữa là ba lần, mời đến ba lần, cũng đã thành tâm lắm vậy ».

Xem đây đủ thấy Quảng-nam Nguyễn-Vương thỉnh-cầu Đại-Sán nguyên từ thời Tiên-Vương (tức Phúc-Trần), đến nay qua lại đã đến ba lần, và lần này ngoài bức thư của Đại-Việt Quốc-Vương (tức Phúc-Châu) còn có thư riêng của Quốc-sư Hưng-Liên (Hoàng-Quá) nữa. Đồng thời chúng ta cũng biết rằng, nếu Tạ-nguyên-Thiếu phụng mạng đi rước Đại-Sán, quả như lời Đại-nam Liệt-truyện Tiên-biên đã chép, thì có lẽ chỉ một chuyến trong chuyến trước; còn người tỉnh Mân, sứ-giả thứ hai Đại-Việt, trong chuyến này, sách Hoa-di Biên-thái (quyển 22) chép lời khẩu-cung của chủ thuyền Quảng-đông, chuyến 36 năm Hợi (1695), nói rằng:

« Nhưng mà Quảng-nam Quốc-vương lâu nay vẫn quy-y Phật-giáo, sẵn lòng hâm-mộ Thạch-Liên Thiên-sư, cư trú tại Quảng-đông Trường-thọ-Am, là người có đạo đức thịnh tốt, cho nên mùa thu năm ngoái từng sai Trần-Thiên-Quan và Ngô-Tư-quan, hai tên ấy làm chuyên-sứ đi qua Quảng-đông rước mời. (5). Vậy khá biết « người tỉnh Mân, chuyên-sứ nước Đại-Việt, mà Đại-Sán đã bảo đây, là chỉ hai người Trần-Thiên-Quan và Ngô-Tư Quan. Hai người ấy hiển-nhiên là thượng-khách từng qua lại buôn bán giữa Quảng-đông và Quảng-nam, nhưng trong hai người, hình như Trần-Thiên-Quan có một lai-lịch có giá trị hơn. Cứ theo báo cáo của bọn thương khách, chép trong sách Hoa-di Biên-thái (quyển 11), thì Trần-Thiên-Quan từng làm thuyền trưởng thuyền Quảng-nam chuyến 73, ngày 12 tháng 7 năm Bính-dần, Khương-hy năm 25, 1686) do Quảng-nam đến Trường-Kỳ Nhật-bản.

Đòi với sự ân cần mời rước đến hai ba lần của Quảng-nam Quốc-vương Đại-Sán lẽ tự-nhiên vui lòng tiếp nhận. Hải-ngoại kỹ-sự tiếp theo đoạn văn vừa dẫn trên, chép rằng:

« Chưa đi lên phương Bắc, nhân còn nhàn rỗi, sao chẳng rong chơi hải-ngoại đi đến chỗ lạ tai mới mắt, hoặc giả sơn-xuyên, phong-thổ nhân vật, còn nhiều thứ ngoài tầm thường nghe thầy của ta chẳng »?

Ly-Lục-Đường-tập (k-12 23b-24a) cũng có chép một bài thơ để là (An-nam thư-sinh) theo điệu « Đệ-giang-Vân ».

BÀI THƠ

Nơi hoang-phục cũng trong đò bản,
 Gió xuôi buồm vượt biển một phen.
 Áo-môn sắm sửa khai thuyền,
 Tuy nơi có rẽ (phân mao) cũng miễn phong nhiều.
 Quốc vương trước, gọi nhiều thư trát,
 Nay Tân-Triều há biệt danh ta.
 Ân cần sinh lễ đưa qua,
 Vàng thoi, dâng-trượng với là Kỳ-nam.
 Sai sứ-giã thư hàm kính đệ,
 Nâng Hoàng-phong rạng vẽ long vân.
 Thuyền hồng chờ đón Hải-tân,
 Nhờ đem mưa ngọt thấm nhuần cỏ khô.
 Nhớ câu « phu hĩi thừa phù ».

Còn về thời kỳ khởi hành của Đại-Sán (lời báo cáo của chủ thuyền Quảng-đông, chuyên 36, năm hội), vừa dẫn ở trên, nói tiếp rằng :

« Thạch-Liêm cũng cảm lòng ngưỡng mộ của Quảng-nam Quốc-Vương, bèn cùng bọn đệ tử vừa tăng vừa tục chừng 100 người, khoảng trung tuần tháng giêng năm nay, do Quảng-đông khởi trình qua Nam ».

Lại cứ theo Hải-ngoại kỳ-sự, đêm treo đèn Thượng-nguyên tháng giêng năm ất-hợi (Khương-hy năm 34 tức 27-2-1695), Đại-Sán đem tăng chúng hơn 50 người lên thuyền ở Hoàng-phổ, qua giữa trưa ngày 16-1 kéo buồm, trên đường đi ngang qua Đông-quán, Hồ-Môn, Lỗ-mán-Son, ngày 27 tháng giêng thuyền đến cù-lao Tiêm-bích-La (Poulo Cham) ngoài cửa Hội-an, bình yên vô sự. Từ đây đổi sang chiến thuyền của Minh-vương sai đón, qua ngày 28 tháng đèn thành Thuận-hóa, định cư ở Thiên-Lâm-Tự (chớ không phải Thiên-mụ-tự), (6) làm khách quý của Minh-vương Nguyễn-Phúc-Châu.

Nguyễn-Phúc-Châu là một vị quân-chủ trẻ tuổi hăng hái, kể vị từ 4 năm trước, lúc ấy mới 17 tuổi, ông đã bao phen xuất binh đi đánh Chiêm-thành, năm quý-dậu (Khương-hy năm 32, 1693) thân phục đất xứ ấy đặt

trần Thuận-thành; lại nguyện muốn quy-y cửa Phật để cứu đời. Việc rước mời Đại-Sán qua Quảng-nam, chính do tôn-giáo-tính của ông làm động-cơ thúc đẩy, và sau Đại-Sán đến đất Việt, trên thực tế lúc nào cũng lấy lễ sư phụ tôn thờ, mỗi việc đều bàn luận hỏi han, thái độ rất khản thiết. Ví-dụ như lúc tiếp kiến Đại-sán lần đầu, Minh-vương liền nói rằng:

« Đệ-tử tâm mộ đạo-phong của Lão Hòa-Thượng đã lâu, nay may mắn chẳng vì xa xuôi mà từ bỏ, xin rú lòng dạy bảo, ngõ hầu đệ tử biết đường chánh để noi theo ».

Đại-Sán thưa rằng :

« Đạo của nhà vua, ở nơi việc trị nước an dân. Đạo chỉ có một nhưng địa vị từng người khác nhau, nêu kẻ cai trị Quốc-gia, lo bỏ tất cả chánh lệnh kỹ-cương, để cưỡng cầu thanh tịnh, ấy là chẳng biết thanh tịnh vậy. Nếu quả thực những-nhưng không dục vọng, lạt lẽo không dính cầu; trong lòng hư linh, thời tùy việc thuận lý, tùy vật ứng phó; tuy ngày xử trí muôn việc, cũng chẳng có một việc, một vật gì quây rầy; bởi thế nước trị dân an, rú áo vòng tay không làm mà nên đạo; thanh tịnh tốt bậc, Đề-vương Phật-tổ nào có khác biệt bao nhiêu ».

Trong những hoạt-động tôn-giáo ở Quảng-nam của Đại-Sán, chỉ có việc triệu-tập tăng chúng toàn quốc mở 3 pháp-đàn truyền giáo, là trọng yếu nhất. Việc ấy nhằm mục đích cứu tế nhơn dân Quảng-nam đương thời và thanh trừng những phần tử trụy lạc trong giới phật-giáo. Sau khi Đại-sán đến Quảng-nam bốn ngày, Minh-Vương khiến Nội-Giám và các quan Bộ-Công suất lãnh lính và thợ hơn nghìn người, trong 3 ngày đêm phải làm xong 5 gian phượng-trượng và 5 gian liêu-xá để làm nơi cư-trú cho thầy trò Đại-Sán. Đại-Sán trong sách Hải-ngoại kỳ-sự, cảm thán công tác lanh chóng và tả tình cảnh của quân-nhơn công-dịch như sau:

« Nhơn hỏi thăm, biết rằng trong nước trăm thứ thợ đều quân-nhân làm. Mỗi năm khoảng tháng 3, tháng 4 quân-nhân ra các làng bắt dân, những người 16 tuổi trở lên, thể chất cường tráng, đều bắt sung quân, xiềng cổ bằng một cái gông bằng tre, hình như cái thang nhưng hẹp hơn Ai tình nguyện tòng quân sẽ được cho học chuyên-môn một nghề, thành nghề rồi phân bát vào đội chiến thuyền để luyện tập; lúc hữu sự ra trận

đánh giặc, vô sự bắt làm công-dịch trong quan-phủ, chưa đến 60 tuổi chưa cho về làng chung sống với cha mẹ vợ con, hằng năm, thân nhân đem áo quần vật thực đến thăm mà thôi. Vì thế dân còn lại đều ốm yếu tàn tật, ít có người tráng kiện, cha mẹ sợ con bị bắt lính, con lớn tuổi liền cho đi ở chùa làm sãi, may ra được khỏi. Vì có ây tăng đồ rất đông, nhưng Phật-pháp cũng do đó sinh ra hỗn loạn, chẳng những thiên-tông tuyệt nhiên không đem xĩa, cho đến các việc « luật », « luận », cũng buông trôi chẳng chút quan tâm, đến đến những phường áo tràng mao ni, nét xấu tật hủ còn quá dân quê nơi làng mạc ».

Đại-Sán cho tộ phong ây chẳng khá kéo dài, bèn thảo một bài văn, dán lên các cửa chùa để quảng cáo Quảng-nam nhơn-sĩ, mặt khác Minh-Vương cũng thương tâm vì thấy Phật-pháp trong nước hỗn-loạn, ít kẻ chân chính tu hành, vả lại, chính giáo kỷ-cương trong nước còn nhiều việc phải canh-cải, muốn đem phỏng vấn Đại-Sán.

Ngày rằm tháng chạp, từ sáng sớm rước Đại-Sán vào phủ, cùng nhau đàm đạo đến nửa đêm, trên tiệc Minh-vương biểu thị rằng: « Tăng chúng phần đông chẳng giữ giới luật, tôi sẽ phát lệnh-bài đi các phủ, bắt bọn chúng đem về trình Lão-Hòa-Thượng, bắt mỗi người phải cầu chịu 3 đàn giới luật, mới được cấp cho giới điệp, miễn trừ giao dịch tô thuế. Lão Hòa-Thượng nên ra báo-cáo thông tri, định ngày từ mồng 1 đến mồng 8 tháng 4 sẽ viên mãn cả 3 đàn cũng được. Tôi sẽ đem quyền-thuộc và bá quan văn võ, ai có tín tâm, đều cầu làm Bồ-tát-giới đệ tử, xin Hòa-Thượng đặt cho đạo hiệu pháp danh v.v... »

Ngày 13 tháng 3, tộ thứ hai, bọn tăng chúng theo hầu Đại-Sán, cũng từ Quảng-Châu đến Thuận-hóa bình yên, đồng thời, những liêu-xá, bàn ghế, khí mễ cần dùng để mở giới đàn, cũng đều do Minh-Vương ra lệnh trừ biện hoàn bị. Ngày mồng 1 tháng 4, pháp hội long trọng khai mạc, do Đại-Sán truyền Sa-di-giới, ngày mồng 6 lại truyền Tỳ-kheo-giới, mồng 8 ngày Phật-Đàn, Minh-Vương đem Vương-mẫu, công-chúa, hậu cung quyền thuộc, đồng thọ Bồ-tát-giới và quỳ thọ Hộ-pháp-Kim-thang-thư; ngày thứ (tức mồng 9) Đại-Sán truyền Bồ-tát-giới cho tăng chúng; qua 3 ngày sau (tức ngày mười hai), Đại-Sán suất Quốc-sư hai hàng, đới lãnh hơn 1.400 tân giới đệ-tử, mặc cà-sa, cầm bình bát, cử hành lễ cô-Phật khất thực và tạ ơn Minh-Vương đã thành tựu công-đức. Minh-Vương mời hai

hàng sư vào cúng chay, đãi trà bọn tân giới đệ tử và ban thêm 300 quan tiền, 100 thạch gạo, khiến quân-nhơn gánh đèn chùa Thuyền-lâm; lại đem tất cả giới-điệp có đóng Kiềm Vương-ân, ban cấp cho tăng-nhơn, những người đã tham gia pháp hội. Đèn đây, phật lễ lớn nhất từ xưa đến nay tại Quảng-Nam, mới tuyên bố bề mạt.

Trong lúc yết kiến Minh-Vương giữa ngày rằm tháng hai trước đây. Đại-Sán cảm thấy: «Ngôn ngữ chẳng thông hiểu nhau, tuy có thông ngôn cũng chưa chắc minh lý, mười điều phiên dịch không được ba, bốn, khiến trong lòng có bao nhiêu điều muốn nói, chẳng làm sao uyển chuyển để-đạt được lên Quốc-Vương»; hơn đem các việc muốn nói viết ra giấy trình lên Minh-Vương. Trình bày tất cả bốn điều, phân biệt rõ ràng các lẽ đặc thất lợi hại. Nội dung như sau :

1) Công hiền Trung-triêu để chính danh hiệu.

Triều ta (Đại-Sán tự nói) Khương-hy Hoàng-đế thông trị chín châu, mười lăm tỉnh, đất rộng mây muôn dặm, giáp binh hùng mạnh cả ngàn trăm muôn; mà đất nước Đại-Việt lại gần kề tỉnh Quảng-đông; nếu khiến sứ thông hảo với các quan Đốc-vũ Tướng-quân, rồi sau dâng biểu tiền công Triều-đình, xin phong Vương để chính vị hiệu, lấy thanh thế Quảng-đông làm nương tựa, thì bọn tiểu khẩu các nước lân cận tự nhiên kiêng sợ chẳng dám dòm hành; thực danh chính lý thuận, ngồi hưởng thái-bình, một việc làm vạn toàn vậy. Người xưa bảo «chẳng đánh mà binh giặc phải thua», chính là như thế. Những lý do thông hảo nhà vua sẽ tường trần sau.

2) Đặt binh đồn thú để cúng-cờ biên-thùy.

Bản-quốc địa giới liên tiếp Đông-kinh (Bắc-kỳ), chỉ cách một con sông, dọc biên giới chắc có nhiều nơi nên đóng binh trấn giữ. Binh ít thì sợ khi xung đột, binh nhiều thì hao tổn khó lòng, hai lẽ đều khó tính. Lão-tăng xem xét sơn-xuyên hình thế, có cách giảm bớt binh-số, chỉ đặt cơ binh (cũng như binh lưu động) mà có thể cò hú được; nếu nhà vua dùng sẽ xin tâu bày sau.

3) Thương yêu binh-sĩ để khích lệ lòng trung dũng.

Thời xưa trong việc võ bị, chẳng hề phân biệt binh dân, lúc vô sự an cư vườn ruộng, lo việc cấy cày, đến khi có việc chiến tranh, ra tòng chinh sung vào đội ngũ. Mỗi năm lúc nông công nhàn rỗi, đem ra tập luyện, giảng cho biết nghĩa tôn quân thân thượng, dạy cho rành phép tác chiến giao-phong; bình thời được vui sống với gia đình, hữu sự ra trận trung báo quốc; tự nhiên đồng khí bách bội, ai nấy đều vui lòng đi lính, chông kẻ xâm lăng. Nay nghe dân trong nước một lúc đã ghi tên vào sổ lính, trọn năm phải phục dịch quan-phủ, không được về làng thăm viếng cha mẹ vợ con; như vậy tuy chúng sợ phép phải tuân theo, nhưng trong lòng sao khỏi oán hận. Sao chẳng khiến quân-sĩ luân phiên theo điểu, mỗi năm ở quan-phủ phục dịch huấn-luyện chừng một quý hay nửa năm; hết hạn cho về làng cày bừa, cùng với gia-dình đoàn tụ; bắt chước theo phép quân đồn ngày xưa. Đến lúc có việc phải hưng-sự, bắt ra tòng chinh, ai lại chẳng hết lòng phò chúa. Như thế người đều cảm khích, giành nhau làm bốn-phận, làm sao binh chẳng thêm mạnh, dân chẳng thêm giàu. Các chi tiết về việc này, sẽ có điều ước qui định.

4) Đặt học quan để giáo-dục nhân-tài.

Không-thánh là « vạn thế sư biểu », tứ thư ngũ kinh chép đủ mọi lẽ sửa mình trị đời, phải thể nhận cô làm theo, mới xử sự hợp lý được. Nay nhà vua nên lập Quốc-học-phủ để phụng thờ Không-thánh, tăng trừ nho thư, mời các nhà lý-học danh-nho để giảng dạy thánh-đạo; từ Vương-Thê-Tử (con vua), con em các Đại-thần, cho đến dân gian những người tuấn-tú, đều bắt theo học; sẽ mở kỳ thi hạch để phân biệt kẻ kém người hơn. Như thế lâu ngày sẽ hiểu biết nghĩa lý cương thường, chánh đại trị đạo, dần dần sẽ trở nên một Quốc-gia văn minh.

Ngày 24 tháng 4, Minh-Vương mời 10 người đồ đệ của Đại-Sán, mở một đàn tụng kinh Đại-bi Đà-la-ni sám và mời Đại-Sán ở lại trong Viện để chứng-minh. Lúc rảnh cùng nhau nói chuyện cổ kim, luận bàn chính-trị. Đại-Sán như những dịp ấy trình bày ý kiến về các việc khoan hình chuộng đức, thương lính yêu dân, thông thường giảm thuế v.v... Minh-Vương mỗi việc thầy đều nghe theo, giận mình tuổi trẻ, thầy nghe chưa được rộng rãi. Ngày nọ, trong lúc đang đàm đạo, xảy có quân hầu báo

cáo trại lính phát hỏa, Minh-Vương lập tức đem quan binh đến chữa, chấp lâu mới trở về. Đại-Sán nhân khuyên can nhà vua nên tự ái, kiên nghị nên đặt « lệnh tiền », gặp lúc trong nước có việc gấp, cần nhà vua phải thân-hành thì sai nội-giám quan-quân đem « lệnh-tiền » đi, nếu quan-quân tiếp được lệnh mà chẳng đến sẽ bị trị tội không tha. Minh-Vương nghe rất lấy làm phải, bèn tỏ ý rằng : (7) « Mấy ngày nay đàm đạo, có nhiều chính kiến vì nước vì dân, xin Lão-Hòa-Thượng chỉ thị từng việc rõ ràng, tôi sẽ cho khắc yết trước triều môn, để vĩnh viễn cùng thần dân noi giữ ».

Ngày sau (tức 25 tháng 4) Đại-Sán từ giả lui về, Minh-Vương yêu cầu ông đem các việc đàm đạo trong mấy ngày nay chép rõ ra từng việc một. Đại-Sán bèn điều trần « Lập quốc chính ước » 18 điều, nội dung gồm các việc thương lính, yêu dân, thông thương, lợi quốc, kỹ-cương, pháp-độ v.v.. Vương duyệt xem rất mừng, nói với Chương-sự Nội-quan rằng :

« Pháp độ dân tình nước ta chưa được đúng đắn, nay nhờ Lão-Hòa-Thượng đem lễ pháp Trung-hoa, vì ta bày tỏ 18 giáo-điều, nên khắc vào bảng treo trước phủ-đường, hiểu dụ cho văn vũ quân dân đều biết. Mặt khác làm 24 thẻ bài, nêu rõ từng loại, nếu có người nào phạm pháp, trái điều luật, sẽ cho kẻ bị thiệt hại cầm thẻ bài đến thưa; bất luận vương-thân quốc-thích văn vũ quân dân, đều cứ xét luật trị tội, vĩnh-viễn nêu làm phép nước ».

Lại ngày sau nữa (26 tháng 4) Minh-Vương nghe Đại-Sán dự định đến tháng 6 sẽ trở về nước, bèn mời Đại-Sán vào cung khấn-khoãn xin lưu lại; trên tiệc, Đại-Sán thuật chuyện Thanh-Thê-Tổ sùng tín Tam-Bửu, Hoàng-đế đương kim (tức Thánh-tổ) rất thần thông hơn từ và các viên Lương-Quảng Tổng-độc, Tướng-quân, Đề-độc, Tư-đạo rất thanh liêm tài cán; hơn khuyên Minh-Vương làm biểu văn cầu phong. Vương đáp rằng :

Nay nghe Lão-Hòa-Thượng thuật chuyện, mới biết rõ ràng. Ta ở nơi góc biển xa xuôi, vốn chẳng am tường lễ-giáo; tuy sẵn lòng quy-thuận, nhưng tiểu-quốc xưa nay chưa tiền công lần nào, nay đường đột dâng biểu thỉnh phong, e biên giới Đại-thần chẳng sẵn lòng để đạt, chỉ mất công đi về mà thôi. Lão-Hòa-Thượng đã chẳng chịu lưu lại hạ-bang, sau khi hoàn sơn (về chùa) xin vì ta trần tình với các nhà đương sự tình Việt. Nếu tiếp

được tin cho phép tiên-công, ta sẽ sắm sửa các vật thờ sán và làm biểu dâng lên ngay, quyết chẳng sai lời ».

Đại-Sán viện những lý-do : (Nhơn tạm nghỉ qua nam, còn chờ ngày phải đi lên phương Bắc; và lại, xây cất nhà cửa chưa xong, đại chúng đương chờ đợi) v.v..., ngày mồng 3 tháng 6, từ giả Minh-Vương xin đi, và quyết-định ngày rằm tháng 6 sẽ dời khỏi Thuận-hóa đi Hội-An để sắp sửa ngày về nước cho kịp mùa thu gió thuận. Quốc-vương lưu lại đãi chạy, mỗi lúc nói đến chuyện chia phôi, nghẹn ngào bảo rằng :

« Từ ngày Lão-Hòa-Thượng đến đây, tiểu-bang đã được nhờ ơn 8 chữ « Phong điều vũ thuận, Quốc-thái dân an ». Mấy năm trước tàu ngoại-quốc đến buôn bán, một năm chừng 6, 7 chiếc, năm nay tăng lên 16, 17 chiếc, trong nước tiêu dùng nhơn đó được dư dũ, ấy cũng nhờ phước đức Hòa-Thượng che chở vậy. Chưa biết phen nầy Hòa-Thượng về Bửu-son còn khứng trở qua một lần nữa chẳng ? Nửa năm náo nhiệt, một phút vắng tanh, khiến người phải cảm thương rơi lụy. Đạo-giá đã không thể lưu lại, xin để lại vài người đồ đệ, khiến sớm chiều gần gũi, cũng như gặp mặt Tôn-sư. Lão-Hòa-Thượng sai bảo điều gì, tôi đều phụng mạng cả, nay tôi sở nguyện có bấy nhiêu, xin Hòa-Thượng chớ từ ».

Đại-Sán thâm cảm lòng ái mộ của Minh-Vương bèn thương lượng lưu lại hai tên, Hậu-đường Khánh-Ngu và Tri-khách Thiên-vũ, để phục vụ tại Giác-Vương Nội-diện Phần-tu-sở.

Trên đây tường thuật tình hình đối xử giữa Minh-Vương cùng Đại-Sán và những lời đàm đạo cùng nhau, khiến người ta có thể tưởng thấy vị Thanh-niên Quân-chủ đã thành tâm đối đãi Đại-Sán và khiêm hư tiếp thụ những lời chỉ đạo của ông ấy như thế nào. Thứ nhất là việc « dâng biểu cầu phong », hiển-nhiên giữa Minh-Vương với Đại-Sán đã thông cảm nhau một cách triệt-đề, việc ấy rõ ràng do Đại-Sán chủ động, dụng ý muốn mượn việc ấy để tăng cao giá-trị của mình. Mặt khác, Minh-Vương cũng không tỏ ý nghi-ngờ, nghĩ rằng trong tình thế đối với họ Trịnh ở phương Bắc, dựa thế Thanh-triều và các nhà đương-cuộc Quảng-đông cũng là một việc rất cần yếu, vì thế hoan-nghinh để nghị của Đại-Sán, và mong mỗi sau khi về nước ông ấy sẽ vận-động giúp cho.

Ngày 28 tháng 6 cả bọn thầy trò Đại-Sán đi trên 8 chiếc Hồng-thuyền và 8 chiếc thuyền gọ (điền-xá) lia bèn Thuận-hóa, đi ngang chùa Hà-trung, chiều tối ra đến cửa biển. Quốc-Vương đã từ ngày 18 đem các quan văn võ đi trước đến cửa bể làm thủy-các để tiễn đưa Đại-Sán. Sáng bữa sau (ngày 29) Đại-Sán đến ra mắt Quốc-Vương, ngày 30 Minh-Vương đi với Đại-Sán du-lãm chùa Vĩnh-Hòa ở núi Khuê (Quê-phong). Ngày 1 tháng 7 Đại-Sán từ biệt Minh-Vương lên thuyền ra cửa bể, đi ngang Ngũ-hành-Son, ghé chơi chùa Tam-thai, (8). Chiều hôm ấy thẳng đến Hội-An, sáng ngày mai (ngày 2 tháng 7) lên bờ đình trú tại chùa Di-Đà (9). Chùa này chật hẹp, không đủ chỗ dung nạp cả tập đông nhơn-viên. Lúc đầu Đại-Sán nghĩ tạm lưu ít ngày sẽ lên tàu về nước; không cần làm thêm nhà cửa làm chi cho quân lính phải khó nhọc. Nhưng viên Cai-bá và Nội-quan không dám làm trái lệnh Quốc-Vương, lâm thời triệu tập quân-nhơn, cất vôi 8, 9 gian nhà để làm nơi tạm trú cho Đại-Sán.

Đại-Sán đình lưu Hội-An chừng 15 hôm, trong thời gian ấy cũng khá bận rộn. Đền Hội-An được vài hôm đã có bọn tăng nhơn và binh dân, những người chưa tham dự pháp-hội đầu tháng 4, đến cầu xin thọ giới; Đại-Sán vui vẻ chịu lời, chọn ngày mồng 7 mở một pháp-hội để hoàn-nghuyện « truyền Bồ-tát-giới » cho hơn 300 người, và khiến Quốc-sư và Hậu-đường cấp phát chứng điệp. Ngày 19 Đại-Sán rời Hội-An, sớm bữa sau đến Tiêm-Bích-La (cù lao Chàm) lên thuyền chờ gió, đến ngày 30 mới kéo neo vọt biển; chẳng ngờ chiều hôm ấy gió chuyển chiều thổi nghịch, qua sáng ngày mùng 1 tháng 8 thuyền bị đưa trở lại Tiêm-Bích-La. Đại-Sán suốt đêm không nhắm mắt, gia-dĩ đi thuyền nhọc mệt, bị cảm, nhưc đầu sôi bụng, lúc nóng, lúc lạnh, ăn uống chẳng được, buộc phải lên đảo Tiêm-Bích-La tạm thời tĩnh dưỡng; sau nhơn gió mãi không được thuận, phải quyết-định lưu lại trở Quảng-Nam « áp đông » (ở cho qua mùa đông) chẳng bao lâu lại trở về Hội-An. Quốc-Vương nghe tin vô cùng mừng rỡ, lập tức khiến triết-phương-trượng chùa Thiên-lâm, lợp lại ở chùa Thiên-mụ (10) để làm nơi cư trú cho Đại-Sán lúc trở ra Thuận-Hóa.

Lần này Đại-Sán đình lưu Hội-An chừng hơn hai tháng, bề môn dưỡng bệnh, ít khi đi ra ngoài; sau nhơn Minh-Vương mấy phen thúc mời, ngày 12 tháng 10 bèn khởi hành đi Thuận-hóa, do đường bộ đi qua Ngãi-Lãnh (tức Ai-Vân-quan) mất 3 ngày ra đến cửa Thuận-An. Quốc-Vương sai

Công-bộ Cai-bá đem Hồng-thuyền đón chờ tại cửa bể; sáng ngày đi từ cửa bể, tối hôm ấy đến chùa Thiên-Mụ, Thuận-hóa. Ngày sau (ngày 16) Quốc-Vương mời vào yết kiến, thăm hỏi ân cần. Lúc nói chuyện đến việc xây cất chùa Trường-thọ, Minh-Vương khảng khái phát nguyện cúng 5.000 đồng, đảm phụ kinh phí kiến đại-điện chùa ấy. Đại-Sán trở về chùa Thiên-mụ làm bài số nhân-duyên trùng tu chùa Trường-thọ, khen công đức Minh-Vương, cho rằng có thể so sánh với việc dâng chùa Pháp-tướng tại Chiết-Giang của Quốc-Vương Cao-ly thời nhà Tống. Số văn trình lên, Minh-Vương đình ninh nói rằng :

« Sang năm Lão-Hòa-Thượng về bên ấy, thay ta xây cất điện đường Chùa Trường-thọ, nếu Tiểu-quốc được phúc âm đều nhờ từ bi che chở của Tôn-sư vậy ». Và định đến ngày mùng 4 tháng 11 rước Đại-Sán đồ đệ 24 người làm lễ Vạn-phật sám kỳ hạn 40 ngày.

Từ đó, Hải-ngoại kỳ-sự thôi không chép đến hành-động của Đại-Sán trong lúc lưu lại Quảng-Nam, và tình-trạng lúc ông đi thuyền trở về cô-quốc. Bài cuối quyển thứ V Đại-Sán chép rằng :

« Thăm thoát hơn một năm, hằng ngày trò chuyện với Quốc-Vương, quân-thần, tiếp xúc với tứ phương đại chúng, những điều tai nghe mắt thấy, như chính-trị đặc thù, phong tục tà chánh, hay sơn xuyên nhân vật, thảo mộc trùng ngư v.v... tuy còn nhiều chỗ chưa trải qua, nhưng biết xa từ gần, cũng đã thấu rõ được đại-khái. Bởi thế việc bắt câu lớn nhỏ, vật chẳng nệ xâu tốt, hề gặp việc quan yếu là chép, gặp vật kỳ dị là ghi, dám đầu tự cho mình là bậc Quân-tử muốn hành đạo Nam-bang, chỉ muốn sao cho phong tục viễn phương, được phổ biến kiến văn về Trung-quốc mà thôi vậy ».

Xem đoạn văn trên, chúng ta nhận thấy Đại-Sán viết đến quyển thứ 5, cho rằng tập « Kỳ sự » đã đầy đủ, vả lại bầy lâu vật và nhọc mệt, cho nên sau ngày trở lại Thuận-hóa, chuyên lo tính dưỡng, làm biếng không muốn viết văn. Trên sự thực trong quyển thứ 6, chỉ chép lại mấy bài thuyên luận và ít bài thơ của Đại-Sán trao tặng các nhà quý-hiền Quảng-Nam mà thôi.

Đại-Sán trong tập Hải-ngoại kỳ-sự thỉnh thoảng cũng có nói đến tình trạng Hoa-kiểu tại Quảng-Nam lúc bấy giờ. Đầu tiên tả tình-hình Đường-nhơn-nhai (đường người Tàu) ở Hội-An và công việc buôn bán ở đó, như sau:

« Hội-An là nơi bến tàu tập họp hàng hóa Ngoại-Quốc, một con đường lớn thẳng bờ sông dài chừng 3-4 dặm, hai bên đường phố xá ở khít rịt liên nhau, cuối đường là Nhật-bản-Kiểu và Cẩm-phô; bên kia sông là Trà-nhiều, nơi đình-bạc của các thương-thuyền Ngoại-Quốc. Nhơn dân trù mật, cá tôm rau quả bán tập nập tời ngày. Hóa vật thuộc men, những món hàng ở Thuận-hóa mua không ra, người ta đều vào mua ở đây cả. Đại-ước Hội-An đông-nam-bắc 3 mặt gần bể, chỉ có mặt tây một con đường núi non liên tiếp giao thông với Tây-Việt và Đông-kinh. Bởi thế cách phía tây chừng 10 dặm có đặt nha Trần-Thổ giống như Vương-phủ, để phòng-ngự biên cương ».

Và cứ theo lời Đại-Sán ghi chép, phía hữu chùa Di-đà có miếu thờ Quan-Công rất nguy nga, và quán-chỉ Hội-quản Phúc-kiến cũng ở đó. Đại-Sán lại nhận thấy ở đây khách trú ngày càng đông đảo, đến lúc mãn phần quá-cổ, bợ vợ lữ-thần, nắm xương đành gởi quê người, bèn viết một bài khuyên-cáo, dặn Quả-Hoàng-Quốc-sư cùng với thương-khách Phúc-kiến để xướng mở một vùng nghĩa-địa để làm nơi chôn cất di cốt những kiều-bào bất hạnh, an giức nơi tha hương. Ông lại hưởng ứng lời Quốc-sư, làm một bài sớ-văn khuyên quyên để tu bổ chùa Di-đà. Ngoài ra Đại-Sán cũng có ghi chép sự tích của một vài Hoa-kiểu như sau :

1) Trong thời gian lưu trú ở Hội-an lần thứ hai, Đại-sán thấy trong bọn Hoa-kiểu có hai người kề nhau tạ thế. Hải-ngoại kỹ-sư (K.4.28a) chép rằng: « Bẩm chất người phương Bắc đến đây hay sinh bệnh, vã lại, điều dưỡng không biết cách, bệnh trở nên nặng càng mau. Trước đây vài ngày một người lính hầu Hữu-giai, người Giang-bắc, chết ở Thuận-hóa; nay chủ Điểm-ba-Đường người Sơn-tả lại qua đời ở Hội-an. Tuy chết sông do mạng trời, nhưng người cũng có quyền di-chuyển, chẳng qua vì có Bắc Nam bắt phục thủy thổ mà ra cả ».

2) Tăng-văn-Lão người Phúc-kiến phạm tội nặng, bị án xử-tử, đương giam trong ngục để chờ ngày hành hình. Bỗng ngày nọ chết đói, sau 5 ngày lại hồi-sinh. Ngày 24 tháng 4 người vợ đón đường Đại-Sán lúc đi và Vương-phủ, cầu xin trần-thuyết giùm khổ tình với nhà vua. Đại-sán nhận lời và đem việc ấy tỏ bày cho vua rõ. Minh-vương tức thì hạ lệnh phóng thích Tăng-Lão, đồng thời phóng thích những tù nhơn nhẹ tội, và giam án cho những người trọng tội đương bị giam.

3) Trương-Tiết-Phụ, nguyên quán ông bà người Chiết-giang, sinh-trưởng ở Quảng-nam, lấy chồng tên Từ-Phụ. Lúc Quảng-nam giao chiến với Chiêm-thành, Từ-Phụ từng chinh chiến giữa biển. Bà Trương ngày đêm than khóc, khô héo ruột gan; sau tìm thấy chồng trên bãi cát đem về chôn cất, từ đó trọn đời thủ tiết, thờ mẹ chồng, nuôi con, thực đúng trang liệt-nữ đáng kính. Đại-sán vốn thương tâm về phong tục dân ở ở bản xứ, bèn cảm động tàu bút viết một bài tứ-ngôn cổ thư và bài tự-sự để biểu dương tiết-phụ họ Trương. (11)

4) Có một người Tàu tên Lưu-Thanh có lẽ dư đảng của Trịnh-thị (Trịnh-thành-Công) đời nhà Minh, đương lúc Thanh-quân đánh dẹp trên mặt bể, (có lẽ chỉ lúc tướng nhà Thanh là Thi-Lương, năm Khương-hy 22, đem quân công phạt Đài-loan) Lưu-Thanh về nương tựa Lam tông-binh (12), sau lại trôi giạt đến Quảng-nam. Đương lúc Đại-sán đầu năm ở Hội-an, Quả-Hoàng Quốc-sư mấy phen cậy ông thôi cử Lưu-Thanh lên Minh-Vương xin cho sung chức Cai-phủ, quản-lý hàng hóa Ngoại-Quốc. Đại-sán chưa kịp xét rõ, tiền cử Thanh lên Quốc-vương, liễm được Quốc-vương phê chuẩn và khiến chiêu theo lệ cũ, trong 10 ngày trình nạp đủ 10 vạn bạc. Lưu-Thanh nhưn việc ấy đi ra các nơi bức sách, làm người ta bị thiệt hại rất nhiều. Đến khi Đại-sán trở ra Thuận-Hóa các Kiểu-khách và thuyền-chủ đều đến trình bày việc bất chính và cách hành động ngang tàng của Lưu-Thanh. Đại-Sán nghĩ, nếu dùng người ấy làm việc, kẻ buôn bán sẽ bị bóc lột và sẽ làm hại cho dân, bèn viết giấy trình lên Minh-vương xin bãi chức Lưu-Thanh lập tức.

Trong thời gian Đại-sán lưu trú tại đất Việt, hằng được Vương-mẫu (13) và Công-chúa (tức chị Minh-vương) thiết tiệc chay khoản đãi, lại thường giao du với bọn Vương-huynh Lê-tuyển-Hầu, Thiệu-dương-Hầu (14), Nguyên-Lão Đông-Triều-Hầu, (15) Đại-học-sĩ Ký-lục Hào-đức-Hầu, cùng nhau tổng tặng thơ văn, giảng bàn đạo học. Những thư từ và thơ văn qua lại chép trong Hải-ngoại Kỳ-sự, phần nhiều giảng bàn về kinh-nghĩa, đạo đức, luân-lý và chính-trị v.v... có những yêu mục như sau.

QUYỂN THỨ I

Thư của Hào-đức-Hầu (bản về thơ) (38a-39b).

QUYỂN THỨ II

Lai thư của Hào-đức-Hầu (7a-9b) và thơ văn của Đại-Sán đưa tặng (10a-15a).

QUYỂN THỨ III

Bài văn Đại-Sán viết cho Hào-đức-Hầu (22b-23b), văn của Đại-Sán viết cho Quốc-Cậu Tả-thái-úy (25a-27b), (16) Thư Đại-Sán viết cho Công-Chúa (28b-31b).

QUYỂN THỨ IV

Văn tạ ơn Minh-Vương úy văn (21a-22a), văn của Đại-Sán viết cho Văn-chức Thê-nam (22a-25a), thư Đại-Sán viết cho Vương-huynh Lệ-tuyển-Hầu (26a-26b). Đại-Sán nghe tin Chương-Thanh Nguyễn-công Tả-xu-mật qua đời, viết thư cho năm-vị Công-tử và làm thơ ai văn (33a-39b) (18).

QUYỂN THỨ V

Thư Đại-Sán gửi cho Phò-Mã Hữu-đồn-dinh, (tức Xu-Mật Phó-mã Nguyễn-Công 7a-8b (19). Thư hỏi phúc Đông-triều-Hầu (21a-22b). Thư mừng nhị Quốc-cậu Tông-Công (20) thăng chức Tả-thừa-tướng (22b-23b). Phúc đáp thư Đãng-long-Hầu (24a-27a).

QUYỂN THỨ VI

Thư gửi Đại-Việt-Quốc Hữu-Thừa-tướng Tông-Công (7b-13b) (21).

Về thời kỳ Đại-Sán trở lại tinh Việt, tại phương diện Trung-Quốc, không có một sử văn nào có thể chứng thực, nhưng bọn thương khách Quảng-đông và Quảng-Nam qua buôn bán ở Trường-kỳ Nhật-Bản, đều có nói đến rất rõ-ràng. « Báo-cáo » của bọn thương khách tàu Quảng-đông chuyến 67, khởi hành từ Quảng-đông ngày 16 tháng 6 năm Khương-hy 35 (Bính-tý 1696) và đến Trường-kỳ ngày 13 tháng 7 năm ấy, nói rằng :

«Nói về Thạch-Liên Thiên-sư, cư trú Trường-Thọ-am Quảng-đông, vì nổi tiếng đạo-đức, nên mùa xuân năm ngoài Quảng-nam Quốc-

vuông rước đến Quảng-Nam. Nghe đồn sau khi Thạch-Liêm đến nước ấy rất được Quốc-vương tôn kính, hơn nữa, quan dân trong nước đều nhất trí quy y; tại Quảng-đông cũng thường được nghe tin tức. Nhưng Thạch-Liêm từ mùa xuân năm ngoái ở luôn lại Quảng-nam, cho nên tin đồ Phật-giáo tỉnh Quảng-đông, những người đã quy y với Thiên-sư ấy, từ mùa xuân năm nay hằng phải thuyền đến Quảng-nam tiếp đón; chắc chẳng bao lâu nữa Thạch-Liêm cũng sắp sửa trở về ».

« Báo-cáo » của bọn thương-khách tàu Quảng-nam (thuyền trưởng Tăng-Doãn-Quan) chuyến 48 ngày 22 tháng 6 cùng năm ấy (1696) từ Hội-an chạy qua Trường-kỳ, cũng nói gần giống « báo-cáo » trên, chỉ sau cuối bài có nói phụ thêm rằng :

« Thạch-Liêm thuật trên đây, hơn vì Quảng-đông hai ba lần cho thuyền qua đón, nên đã quyết-định cuối tháng 6 năm nay sẽ trở về nước ».

Lại « Báo-cáo » của bọn thương-khách thuyền Quảng-nam chuyến 50 (thuyền trưởng Thái-Cô-Quan) ngày 26 tháng 6 cùng năm ấy, do Hội-an chạy qua Nhật-Bản, nói rằng :

« Về việc Thạch-Liêm Thiên-sư từ Quảng-đông qua Nam, bọn khách thuyền đến trước đã báo-cáo rõ ràng. Sư Thạch-Liêm vì có thuyền Quảng-đông đến đón, nguyên định đến cuối tháng 6 sẽ trở buồm, nhưng vì ngày 24 có gió tốt, nên trước thuyền chúng tôi hai ngày, đã khai thuyền lia bên Quảng-nam».

Đại-Sán đã lia bên Hội-An ngày 24-6 (22-7-1696), chừng trung tuần tháng 7 sẽ về đến Quảng-đông.

Ngày Đại-Sán khởi hành về Tàu, Minh-Vương lại một phen tông tiền long rọng, và biểu rất nhiều tặng-phẩm. Tường tình việc ấy tuy không thầy chép trong tập Hải-ngoại ký-sự, nhưng Đại-nam Liệt-truyện Tiên-biên (quyển 6) chép rằng :

« Ít lâu sau Liêm từ giả về Quảng-đông, Minh-Vương tiền-tặng hóa vật rất hậu, lại biểu cho gõ quý đem về làm chùa Trường-thọ; (22) từ ấy không trở qua nữa, sau hơn có thuyền buôn qua nam, Thạch-Liêm có làm 4 bài thơ « ký-hoài » gởi qua hầu thăm, có làm bài « dẫn » đại lược nói rằng :

« Một sông khói tỏa, đường cách từng mây, tám độ xuân về, tóc phơ mái tuyết. Lấn tính nhơn-gian ngày tháng, chạnh niềm phượng-ngoại nhơn duyên. Xa nghe phượng-trượng bổ-đoàn, đã có tin mai truyền báo. Nay nhơn thuyền khách, kính gởi tịn hồng. Tạm dâng thơ mới vài bài, xiết thẹn lời quê chấp nôi ».

Bài thơ

*Đông phong tân lãng mãn giang tân,
Tướng kiến khổ sơn vũ lộ tân.
Tự thị đương hòa quy thảo mộc,
Thái-bình nhơn túy hải thiên xuân*

Dịch nghĩa

*Sóng gió đầy sông cuộn ngọn tân,
Hồ sơn mơ tưởng mốc mưa nhuận.
Từ nay cây cỏ đua tươi tốt.
Trời biển thanh bình chúc chén xuân.*

Xem bài ây Đại-Sán từ khoảng tháng 7 Khương-hy thứ 35, (1696) sau khi trở về Quảng-đông, ngoài việc gởi thư thuyết mây bài thơ thuật hoài, hình như không có qua lại gì với Việt-nam nữa. Nhưng theo tôi tưởng, chân tướng chưa chắc như vậy. Xét bài của Phan-thứ-Canh, gởi cho Đại-đương-sự tỉnh Việt đã dẫn ra trên đây, cuối bài có nói rằng : (Nghiêm cảm việc tư thông với Ngoại-đương, tư giầy các quan ải, từ nay về sau cảm không cho một người Sãi nào ở chùa Trường-thọ được đi ra Hải-ngoại, cũng không cho một thùng hóa vật nào của chùa Trường-thọ ra khỏi cửa biển. Ngõ hầu chân chính kỳ-cương hiển-pháp, khỏi di hại cho địa-phương). thì có thể suy tưởng sau khi Đại-Sán trở về nước, tăng nhơn chùa Trường-thọ vẫn thường đi lại giữa Quảng-châu và Quảng-Nam, và việc buôn bán riêng của Đại-Sán vẫn lén lút kể tục.

Sau khi Đại-Sán đi rồi, ngày mùng 2 tháng 9 năm Khương-hy 34 (tức 3-10-1701) có một chiếc thuyền của Công-sứ Tiêm-La chạy qua Quảng-đông, giữa đường bị phong nạn trôi vào Quảng-nam. Minh-Vương được tin lập tức hạ lệnh tu bổ thuyền ấy và cấp cho gạo lương củi nước; qua khoảng

tháng 5 năm sau (1702) lúc Tiêm-thuyền khởi trình đi Quảng-đông, Minh-vương khiển bọn Hoàng-Thần, Hưng-Triệt đem Quốc-thư và công-phẩm (Kỳ-nam 5 cân 4 lượng, vàng sông 1 cân 13 lượng 5 tiền, ngà voi một đôi nặng 350 cân, mây sông 50 sọt), theo thuyền qua tỉnh Việt, ý muốn do Lương-Quảng Tổng-độc đền Thanh-đình chánh thức cầu phong (23). Trong biểu-văn có nói rằng :

(Thấy tôi, Quảng-đông Trường-Thọ am Tăng-nhơn Thạch-Liêm, những lúc giảng tụng kinh điển rảnh rang, thường thuật chuyện Hoàng-thượng là bậc Thánh-thần văn võ, hơn đức như trời. Bọn Quảng-đông giám-sinh Hoàng-Thần, Tăng-nhơn Hưng-Triệt cũng đều xưng tụng Thiên triều thanh giáo, truyền khắp phương-xa v.v... (24).

Xem đó khá thấy việc Minh-Vương cầu phong vốn do kiên-nghị của Đại-Sán năm Khương-Hy át-hội (1695) làm động-cơ thúc đẩy, và Minh-vương đã thực hành lời hứa với Đại-Sán. Lại nữa Việt-sứ tháp tông Tiêm-La công-thuyền, việc ấy chứng tỏ Nguyễn-chúa Minh-vương khéo nắm-cơ hội để thực hành tư-trởng « phụng thờ nước lớn » đối với Thanh-đình vậy.

Còn về lai-lịch của bọn Hoàng-Thần, Hưng-Triệt, Đại-nam Thực-lục Tiên-biên (quyển 7) chú thích rằng:

(Thần, Triệt người Quảng-đông, nhà Thanh, theo Thạch-Liêm Hòa-thượng đền yết-kiến, hơn khiển đi).

Đoạn chú-thích ấy, khiến chúng ta nhớ lại lúc Đại-Sán lâm hành có lưu lại Thuận-hóa hai người đồ đệ, tức Tri-khách Thiên-vũ và Hậu-đường Khánh-Ngu. Tri-khách là một Tăng-đồ coi việc tiếp đãi tân khách, còn Hậu-Đường cũng chỉ một chức-vị của nhà chùa, tuy danh xưng của bọn chúng, Hải-ngoại kỳ-sự và Thực-lục Tiên-biên chép khác nhau, nhưng chúng ta tin rằng Quảng-đông Giám-sinh Hoàng-Thần tức Tri-khách Thiên-vũ, và Tăng-Lữ Hưng-Triệt cũng chỉ là pháp-hiệu của Hậu-Đường Khánh-Ngu.

Chúng ta không biết được Đại-Sán sau khi trở về Quảng-đông có vận động trừ bị cho việc Quốc-chúa Quảng-nam cầu phong hay không; một sự thực chắc chắn là việc cầu phong đạo ấy không được nhà Thanh chấp nhận. Đại-nam Thực-lục Tiên-biên (quyển 7) chép rằng :

« Thanh-đề hỏi các quan đình-thần, đều bảo rằng nước Quảng-nam hùng cứ nhất phương, Chiêm-thành, Chơn-lạp đều bị gồm thâu, sau này chắc sẽ trở nên nước lớn ? Nhưng An-nam còn có họ Lê, không nên phong vương một họ khác. Việc ấy bị bỏ qua.

Xét lại từ năm Khương-hy thứ hai (1663) Lê-huyền-Tông lần đầu khiển sứ cầu phong trở về sau, nhà Thanh chỉ thừa nhận Lê-Triều ở Bắc-kỳ (Đông-kinh) làm phiên-quốc, thì cự tuyệt việc cầu phong của Chúa Nguyễn, nhà Thanh cũng có lý do chính đáng. Nay chỉ xét việc thúc đẩy Nguyễn Vương cầu phong, trên sự thực, như vật đứng sau màn chính là Đại-Sán, và cũng trong năm ấy (tức Khương-hy 41) Đại-Sán bị Quảng-Đông An-sát-sứ Hứa-Tự-Hưng bắt giam và phóng trục, thì chúng ta có thể suy tưởng có những thêu dệt trong việc này, có thể đoán rằng việc cầu phong của Nguyễn Vương, cùng với việc « hồng chân » của Đại-Sán, thế nào cũng có nhân quả tương quan, nhưng việc nào là quả, việc nào là nhân, cứ theo sử-liệu có thể tin cậy, hiện nay chúng ta chưa có thể phân tích được. Tuy thế thời ấy giữa Quảng-nam với các nhà đương cục Quảng-đông không phải tuyệt nhiên không có vãng lai giao thiệp. Ví-dụ, Lê-quý-Đôn, Vũ-biên-tạp-lục chép rằng : « Thuận-hóa với Tổng-độc Quảng-đông, thường thông tin qua lại », và sách ấy có thâu chép tờ tư văn của Minh-Vương gửi cho Quảng-đông Tuấn-vũ và bài văn tề gửi điều Lưỡng-Quảng Tổng-độc Dương-Lâm. Do đó biết trên sự thực, Quảng-đông Độc-viện muộn lắm cũng vào cuối thời Minh-Vương, vẫn thừa nhận Nguyễn-Vương ở Quảng-nam.

Đại-Sán nhất sinh ly kỳ biến ảo, và năm về già lại bị nạn lao tù; tuy hành-vi thái-độ của ông, khá khen mà cũng khá chê nhiều, nhưng chúng ta cũng nhận thấy ông ta có một nhân cách phóng lãng không chịu bó buộc. Thực như bài Hải-ngoại-Kỷ-sự đề-yếu, trong bút-ký-Tiểu-thuyết-đại-quan-bản đã viết : « Tuy có những tiếng tăm bất ngờ, nhưng ông vẫn là một người thạc có đề lánh đời, muốn mượn văn-chương để tỏ chí mình, điều đó thực rõ như ban ngày vậy ». Hơn nữa, đáng cho chúng ta chú trọng là sự thành tựu trên việc Quốc-dân ngoại-giao. Còn các việc khác như trong chuyện du hành Quảng-nam Đại-Sán đã làm cho vua tôi Nguyễn-Phủ cảm mến và long trọng cúng dường, cho đến thái-độ thành-thực của Đại-Sán đối với họ, tuy những ghi chép trong Hải-ngoại-kỷ-sự chẳng khỏi có khoa-

trương tô vẽ thêm ít nhiều, nhưng cũng có thể xem như một phụ-chương có thú-vị trên lịch-sử quan-hệ Trung-Việt, xứng đáng cho Trung-Việt hơn-sĩ suy nghĩ vậy. Đại-nam Thực-lục Tiên-biên, cuối bài « Thạch-Liêm-Truyện » chép rằng : «Khoảng năm Minh-Mạng (1821-40) Trương-hảo-Hiệp phụng phái qua Tàu, đền chơi chùa Trường-Thọ, Chú-tri chùa ấy còn nhắc nhở sự-tích Thạch-Lão», đó cũng là một chứng cứ rõ ràng.

CHỮ THÍCH :

- 1) Đại-Nam nhất-thông-chí (Duy-Tân tam-niên, 1910 soạn, quyển 9, tỉnh Bình-Định) Mục tự-quán chép rằng : «Chùa Thập-tháp ở làng Thuận-chánh, huyện Tuy-Viễn, sau chùa có 10 cái tháp Chàm, cho nên đặt tên như vậy, nay đổ nát hết rồi. Bản triều thời Thái-tông, Đường-tăng Hoán-Bích Hòa-thượng xây cất chùa ấy, thời Hiến-tông sắc ban biển-ngạch để «Thập-tháp Di-Đà tự» và liên-đôi... Minh-Mạng nguyên niên thấy tu ở chùa Linh-Mụ là Mật-Hoảng Hòa-thượng trùng tu lại, chùa chiến rộng rãi, sơn thiếp huy-hoàng, cùng với chùa Linh-phong đều nổi tiếng thắng cảnh ».
- 2) Đại-Nam nhất-thông-chí (quyển 2, tỉnh Thừa-Thiên) mục tự-quán chép rằng : «Chùa Quốc-ân ở ấp Phước-quả. Tục truyền do Bích-Hoán thiên-sư xây cất, bản-triều Hiến-tông có ban cho hai bức liên-đôi... bên tả có khắc 8 chữ «Quốc-Vương Thiên-túng Đạo-Nhon Ngự đệ», nay đương còn, và trước chùa có Tháp Phô-đồng, cũng do Hoán-Bích thiên-sư xây, sau bị binh-hỏa tàn phá. Gia-Long năm đầu, Mật-Hoảng-Hòa-thượng tu bỏ lại, chùa chiến rộng rãi rất mỹ quan ».
- 3) Đại-Nam nhất-thông-chí (quyển 2 tỉnh Thừa-thiên) mục tự-quán chép rằng : «Chùa Hà-trung ở xã Hà-trung, huyện Phú-Lộc, đời Hiến-tông Bản-triều, sư Hoán-Bích làm Chú-tri ở đó ».
- 4) Thuộc về sự tích Tạ-nguyên-Thiếu (Hoán-Bích), xin xem E. Gaspardone, loc., cit., p. 14-17.
- 5) Thuyền nẩy ngày 25 tháng 5 do Quảng-đông khởi-hành, ngày 28 tháng 7 đến Trường-kỳ, thuyền-trưởng tên Mạch-xán-vũ. Những báo cáo trong năm ấy của các thuyền Quảng-đông, chuyện 50 (thuyền trưởng Lữ-vũ-Quan), chuyện 51 (thuyền trưởng Lý-Tướng-Quan) và chuyện 52 (thuyền trưởng Lâm-tam-Quan) cũng đều có nói đến tin ấy, giản lược rõ ràng hơn (xem Hoa-di-biên-thái quyển 22 hạ).
- 6) Đại-Nam nhất-thông-chí (quyển 2, Thừa-Thiên), mục tự-quán chép rằng : «Chùa Thiên-Lâm ở xã An-cự, trong-truyền do Thạch-Liêm Hòa-Thượng kiến tạo, cảnh trí rất u tịch. Ngụy Tây-sơn thái-sư Bùi-đắc-Tuyên chiếm ở, sau Đắc-Tuyên thất bại, người trong làng nhơn theo nên cũ sửa chữa lại. Bản-triều khoảng đời Gia-Long, Thừa-Thiên Cao-Hoảng-Hậu bỏ tiến ra kiến trúc lại, nay dần dần hư nát, chỉ còn ngôi chùa chánh. Phía tả chùa có một quả chuông đồng lớn, cao 4 thước, vòng lưng 6 thước, dày 4 tấc, có khắc chữ «Lê-vinh-Thạnh thập nhị niên, chú» (bút giả chùa : tức năm 1716), Vĩnh-Thạnh là niên

- hiệu vua Dũ-Tông nhà Lê, Vua Gia-Long sau khi khắc phục Bắc-thành, chở quả chuông ấy về kinh bỏ vào kho, đến lúc sửa chùa xong, cho đem treo để dùng)
- 7) Đại-Nam Liệt-truyện Tiên-biên (quyển 6) chép câu chuyện này, từ bắt đầu đến việc trải qua có hơi khác, đoạn văn ấy chép rằng : « gần đây xóm nhà ở ngoài đô-thành thường đêm hay bị phát hỏa, Chúa thượng tự mình đốc suất quân lính đến chữa, Thạch-Liêm can rằng : Đêm hôm tối tăm, Xa-giá há nên khinh thường đi ra. » Rõng trắng đội lột cá », Cổ-nhơn lấy câu ấy làm răn, xin Vương lưu ý. Vua khen phải, nghe theo, từ ấy không ngự ra ban đêm nữa ».
- 8) Đại-nam nhất-thông-chí (quyển 5 Quảng-nam) Mục tự-quán chép rằng : « chùa Tam-Thai ở phía Tây núi Đại-hành, có nhiều cổ tích danh thắng, từ sau ngày binh hỏa, đều bị phá hoại. Minh-Mạng năm thứ 6 (tức 1825, bút giả khảo-án), khiển quan sửa chữa lại).
- 9) Đại-Nam nhất-thông-chí (quyển 2 Kinh-sư) mục tự-quán chép rằng : « chùa Di-đà ở cồn Đông-an, Tiên-Triều Sắc ban biển vàng, liền đời nay bị phá hoại ».
- 10) Đại-Nam nhất-thông-chí (quyển 2 Kinh-sư) mục tự-quán chép rằng : « chùa Thiên-Mụ ở ngoài Kinh-Thành trên gò núi xã An-ninh tây, nguyên trước có chùa Phật, Gia-Long năm 14 xây cất lại... Nay xét Bản-Triều Thái-Tổ Hoàng-đề tân-sửu năm 44 (bút giả khảo-án : tức năm 1601) xa-giá đến viếng Hà-kê, thấy nơi đồng bằng nổi lên một gò đất như hình dấu rồng quay lại, ngó thẳng ra trường-giang, phía sau có hồ, cảnh trí rất đẹp, nhơn hỏi chuyện người bản xứ bảo rằng : gò này rất linh-dị, trong truyền ngày xưa có người ban đêm thấy một bà già áo đỏ quán lức ngồi trên gò, nói rằng : « sause có vị chon-chúa đến sửa lại chùa này, tự linh khí để giữ long-mạch cho được bền-vững », nói rồi biến mất, nhơn đặt tên Thiên-mụ-son. Vua cho rằng đất này có linh-khí, bèn dựng chùa gọi Linh-Mụ-tự. Thái-Tông Hoàng-đề át-tý năm 17 (tức 1665) sửa chữa lại, Hiến-Tông Hoàng-đề Canh-dần năm 19 (1901) đúc chuông lớn, năm giáp-ngọ 23 (1714), trùng tu nhà chùa... Ất mùi năm 24 (1715) ngự chề bài văn bia đá dựng trước chùa, xây cất điều-dài ở bờ sông làm nơi du ngoạn, sau bị binh hỏa tàn phá, dấu cũ đương còn... Thành-Thái năm 16 (1904) nhơn gió bão, nhiều nơi bị đổ nát, năm 19 (1907) tu bổ lại, triệt hạ điện Di-lạc, và 2 tòa tả hữu Thập-diện, dời Hương-nguyên-đình cất lên ở nền cũ điện Di-lạc). Mặt khác, Đại-Nam Thực-lục Tiên-biên (quyển 8) mục tháng 6 năm giáp-ngọ, Hiến-Tông năm thứ 23 (1714) chép đầu đuôi việc trùng tu chùa Thiên-mụ và khiến người qua Tàu mua Đại-tạng Kinh và Luật-luận hơn 1000 bộ, có chủa ở sau rằng : « Thời ấy có Chiết-tây Hòa-thượng tên Đại-Sán hiệu Thạch-Liêm đem Thiên-đạo yết-kiên, rất được vua yêu, sau ông về Quảng-đông đem những gỗ quý do nhà vua tặng cho, cất chùa Trường-Thọ, nay có di-tích đương còn ». Xét Đại-Sán diên lưu ở Quảng-Nam từ cuối tháng giêng năm ất hợi Khương-hy (1695) đến cuối tháng 6 năm Bính-tý (1696). Chú-văn trên đây rõ ràng do sự lầm lẫn của kẻ biên soạn Đại-nam Thực-lục.
- 11) Hải-ngoại ký-sự, quyển 3, 16b - 20a. Đại-Sán vì biểu dương Trương-Tiết Phụ mà làm bài Tứ-ngôn Cổ-thơ và bài dẫn, cũng thầy chép ở Ly-lục-đường tập, quyển 1 hạ, 1a-4a.
- 12) (Lam-Tông-binh) ở đây có lẽ Lam-Lý. Lý tên tự Nghĩa-Phủ, hiệu Nghĩa-Son, người Chương-phô, từng theo Tịnh-hải Tướng-quân Thi-Lương qua

- đánh Trịnh-Phiên ở Đái-Loan. Khương-hy năm 27 (1688) nhiệm chức Chiết-giang Định-hải-trần Tổng-binh trải 10 năm, có tiếng khen tốt, sau trần-thủ-Thiên-tân, năm 45 (1706) dời bổ Phúc-kiến lục-lộ, Đê-độc, mùa thu năm Tân-Mão (1711) vì vụ án ăn trộm của Chương-Bình Trần-ngũ-Hiến, bị giải chức. Năm Nhâm-thìn (1712) bị tham hạch, gia sản bị tịch thu, và biến tên vào Kỳ-tịch (sổ lính). Gặp lúc Tây-Tạng có chiến-tranh, Lý đem con đi theo Tướng-quân Chân-mục-Thại ra đông-lộ, đóng ở dài 25, hơn một năm vì tuổi già được cho về Kinh. Năm 59 (1720) tạ thế, năm ấy đã 72 tuổi. Sinh bình tính nóng nảy, lúc nổi giận như sấm sét, qua đó quên liền, muốn tự tôn, tự đại chẳng chịu phục ai, hay gây máng chưởi, đối với kẻ quyền thế bề trên thường kiêu ngạo khinh khi, tỏ ra thị thiên hạ chẳng ai bằng mình; nhưng gặp kẻ tài ba hào kiệt, tuy nghèo hèn cũng hạ mình kính lễ; gia-đình giữ cán-kiệm, cơm thóc áo vải, cũng vui lòng. (Xem Phúc-kiến, Thông-chí Liệt-truyện, quyển 35, Thanh 4, 14b-19b).
- 13) Vương-mẫu Tổng-thị, tức Hiếu-nghĩa Hoàng-hậu, con gái quan Thiệu-phó Tông-phúc-Vinh, mất ngày Mậu-dần tháng 3 năm Hiên-Tông (tức Minh-Vương) Bình-tý thứ 5 (1696), hưởng thọ 44 tuổi, truy tôn Quốc-Thái Phu-nhơn, làng phần an-táng tại làng Định-Môn (thuộc huyện Hương-trà, tức Vinh-mẫu-làng). Xem Thực-lục Tiền-biên quyển 7, 12a-12b.
- 14) Cứ theo Thực-lục Tiền-biên quyển 7, Hiên-Tông Hiếu-minh Hoàng-đê Thực-lục thượng, Hiên-Tông sinh vào năm Khương-hy thứ 14 con trưởng của Anh-Tông Hiếu-nghĩa Hoàng-đê (tức Nghĩa-vương). Nhưng nay cứ theo Hải-ngoại kỳ-sự, Lê-truyền-Hậu và Thiệu-dương-Hậu là anh thứ hai và anh thứ ba của vua, thế thì hai ông này là con bà thứ chăng ?
- 15) Đông-triều-hầu tức tước danh của Tham-chính Đoán-sự Trần-đình-Ân: Tháng 8 năm Quý-Mùi, Minh-vương năm thứ 12 (1703), Trần-đình-Ân năm ấy 78 tuổi, xin về hưu trí, hai ba lần trần thỉnh, Minh-vương mới chuẩn-y; đến lúc Đình-Ân vào tạ, Minh-vương cho một bài thơ viết vào lụa hoa trắng, khen ngợi công phụ-tá bôn Triều của Đình-Ân, và đặc ân cho 10 mẫu ruộng, 10 người lính hầu để dưỡng lão. Đình-Ân ẩn cư chùa Bình-trung (tại làng Hà-Trung, huyện Minh-linh), tự vui với thiền học. Đến tháng giêng năm thứ 15 Bình-tuất (1706) tạ thế. Minh-vương truy tặng Đôn-hậu-Công-Thần Đặc-tiền Trụ-Quốc Kim-tử Đại-phu, Đại-Lý-tự-Khanh, thụy-hiệu Thuần-thiện, cho phu giữ mộ 10 người, và tha thuế 230 mẫu tư-điền. Xem Đại-nam Thực-lục Tiền-biên quyển 7, 22a—23a—26b.
- 16) Quốc-cậu tá Thái-úy ở đây có lẽ tức Tông-Phúc-Tráng, nhiệm chức Nội-tả Cai-cơ tháng 8 năm Tân-mùi (1691) (Thực-lục Tiền-biên quyển 7, 3a). Xét bôn chức Nội-tả, Ngoại-tả, Nội-hữu, Ngoại-hữu xưng "Tứ-Trụ", chức quan tối cao của Nguyễn-phủ, do Công-thượng-Vương (tức Thần-tông Phúc-Lan, 1.635—48) thiết lập để phụ-tá Quốc-Vương. Xem Trần-trọng-Kim Việt-Nam Sir — bidc, 1954, p. 325.
- 17) Hải-ngoại-kỳ-sự (quyển 3,5b) có nói rằng : (Ta dền Đại-Việt, đầu tiên có tứ-triều Nguyên-Lão Đông-triều-hầu xin ra mắt, và con của ông là Văn-chức Thê-nam qui y với Lão-tăng v.v... thế khá biệt Văn chức Thê-Nam (tên một chức quan) là con của Đông-triều-hầu Trần-đình-Ân. Nhưng xét Đại-Nam Thực-lục Tiền-biên (quyển 7) con Đình-Ân nhiệm văn

chức có hai người, một người tên Trần-đình Khánh (Thực-lục nguyên chú : con của Trần-đình Ân), tháng 12 năm Canh-thìn Minh-Vương năm thứ 9, phụng mạng đi với Nội-hữu Cai-cơ Tông-phúc-Tài ra Quảng-Bình và Bồ-chánh khảo-sát việc phòng bị biên thùy, tháng 9 năm Tân-ty thứ 10 (1701) nhiệm Quảng-nam-dinh Cai-bộ. Người thứ hai, tên Trần-đình Thuần (Thực-lục nguyên chú : con của Trần-đình-Ân) tháng 3 Năm Quý-mùi thứ 12 (1703) cùng với Ngoại-tả Chưởng-dinh Tôn-thất Diệu đốc binh đắp bờ đê cửa Hà-Kỳ cho tiện việc tàu thuyền vận tải, tháng 8 Năm Giáp-thân thứ 13 (1704), nhiệm chức Đô-tri xuất-Xá-sai-ty, tháng 11 năm Bình-tuất thứ 15 (1706) thăng nhiệm Cai-bộ-phó-Đoán-sứ, quản suất trưởng-thân-lại-ty.

- 18) Bài thơ và tự-văn của Đại-Sán văn Chưởng-Thanh Nguyễn-Công, cũng thấy chép trong Ly-lục-đường-tập, (quyển I 4a - 7a) nhan đề Văn Đại-Việt-Quốc-Xu-Mật Tướng-quân Chưởng-Thanh Nguyễn-Công. Đại-Sán tiếp được phó-âm (ai-tín) của Chưởng-Thanh Tã-Xu-Mật, có lẽ vào khoảng tháng 8 năm Ất-hợi (1695), lúc ông còn lưu dưỡng bệnh tại Hội-An. Về sự tích của vị ấy, Đại-Sán kể rằng : (Chưởng-Thanh là rường cột nước Đại-Việt, giữ chức Xu-Mật luôn bốn triều. Luyện đạt lão thành, trung-hậu trầm nghị, có dũng-lực, mưu lược hơn người, gặp lúc Chiêm-thành gây họa, vua khiến ông làm tướng đi đánh phương-nam, ông đánh thắng luôn mấy trận, bắt vua chém tướng Chiêm thành, chiếm đất mấy nghìn dặm, dân mừng-mán nghe danh thầy đều khiếp đảm; ông đi đến đâu chẳng hề động chạm đến mây may của dân, rất được lòng người, bởi thế ông khởi ca về Triều rồi mà dân xứ ấy đến nay còn cảm đức). (Hải-ngoại ký-sự quyển 4 32b). Cứ thiên-kiến của tôi, xét tổng quát công-thần Nguyễn-đình thời ấy, Chưởng-Thanh Nguyễn-Công, hơn vật ấy trừ Nguyễn-hữu-Cảnh ra không còn ai nữa. Cứ Đại-nam Thực-lục Tiên-biên (quyển 7) ghi chép, tháng 8 năm nhâm-thân Hiến-Tông (Minh-vương) nguyên niên, vua nước Chiêm-thành là Bà-Tranh làm phản, đem binh đánh cướp dinh Bình-Khương. Minh-Vương khiến Nguyễn-hữu-Cảnh làm Thống binh suất lãnh chính-dinh (tức Thuận-hóa) và binh Quảng-nam, Bình-Khương đi đánh, qua tháng 3 năm Quý-dậu thứ hai (1603) Nguyễn-hữu-Cảnh đánh bắt được Bà-Tranh và bọn thần thuộc đem về, từ đó đất Chiêm-thành thuộc Quảng-nam thông trị, đổi tên làm Thuận-thành-trần. Tháng 8 cùng năm ấy lại đổi tên làm Bình-Thuận-Phủ, lập Thổ-quan, và bắt thay đổi phục sức. Chẳng ngờ tháng chạp cùng năm ấy, người Tàu tên A-Ban (tức Ngô-Lãng) dấy loạn ở Thuận-Thành, qua tháng 3 Giáp-tuất năm thứ 3 (1694), Nguyễn-hữu-Cảnh lại phụng mạng vào Nam đánh dẹp, kể nhiệm chức Chưởng-cơ lãnh Bình-Khương-dinh Trần-thủ. Lại cứ theo nguyên lời chua của Thực-lục Tiên-biên (quyển 7), 4a), Nguyễn-hữu-Cảnh là con của Nguyễn-hữu-Dật thời ấy xưng Lê-tài-hầu, chữ (tài), có chỗ chép là (thành) lại có chỗ chép là (Hòa). Một mặt khác, Gia-định Thông-chí (Cương-vực-chí) thì lại chép là Chưởng-cơ Lê-thành-hầu Nguyễn. Nay xét trước hiệu của quan lại Quảng-nam Nguyễn-đình, thường thường lấy một chữ có nghĩa « tốt » ghép với chữ « tên » của chính người được phong, hợp hai chữ lại thành trước-hiệu, và chữ « thành » với chữ « Thanh » tiếng Việt đọc giồng nhau, bởi thế có thể suy tưởng « Chưởng-Thanh Nguyễn-Công » chép trong Hải-ngoại ký-sự, chắc là (Chưởng Thành Nguyễn Công) tức (Chưởng-Cơ Lê-thành-hầu Nguyễn) truyền chép

nhằm. Nói tóm lại, (Chư-ông-Thanh Nguyễn-Công) chắc chỉ Nguyễn-hữu-Cảnh mà nói. Chỉ có ngày tạ thể của ông ấy, Thực-lục Tiên-biên (quyển 7, 17b—18a) chép làm tháng 5 năm Canh-thìn thứ 9 (1700), cùng với ngày chép trong Hải-ngoại ký-sự sai nhau đến 5 năm, ấy chắc cũng do sự lầm lẫn của người biên soạn Đại-nam Thực-Lục.

- 19) Người ấy chắc là Nội-hữu Phó-mã Tổng-phúc-Thiệu (con của Tổng-phúc-Trí), Ông ta năm Kỷ-sửu thứ 18 (1709) âm mưu dấy loạn, bị giáng xuống làm thường dân. Xin xem Đại-nam Thực-Lục Tiên-biên (quyển 8, 6a — 6b).
- 20) Nhị Quốc-Cậu có lẽ là Nội-tả-Chư-ông-dinh Tổng-phúc-Trí, tức thân-phụ của Phó-mã Hữu-Đồn-dinh thuật trên đây.
- 21) Hữu Thừa-tướng Tông-Công có lẽ là Nội-hữu-Cai-Cơ Tổng-phúc-Tài (Thực-lục Tiên-biên quyển 7, 18b).
- 22) Khoảng hậu bán thế-kỷ thứ 17, Tăng-nhơn Trung-Quốc thường thường đi thuyền qua các nước phương nam, tìm mua gỗ quý. Ví dụ năm 1681, Nhật nhĩ-Bá, giáo-sĩ nước Pháp đến ở Tiêm-la truyền giáo đã 5 năm, viết bộ « Tiêm-la Thiên-nhiên cập Chánh-trị-sử » (chương thứ 12) cũng bảo rằng: Trong lúc ông ở Tiêm-la có gặp hai vị tăng-nhơn Trung-Quốc đến tìm mua sừng gỗ để đem về cất chùa. (Tham khảo Nicolas Germaise, Histoire naturelle et Politique du Royaume de Siam, Paris, 1688, p.231 — 232).
- 23) Thực-lục Tiên-biên (Quyển 7,20b), mục tháng 5 năm Nhâm-ngọ, Hiễn-Tông năm thứ 11.
- 24) Bài biểu-văn nầy do Lê-Quý-Đôn tìm thấy trong tủ sách của Nguyễn-quan-Tiến và chép lại trong sách Vũ-biên Tập-lục. (quyển 5, 27b—2a, H.M.2.108). Cao-Lãng trong Lịch-Triều tạp-ký, (H.M.2.163; quyển 1, 75b — 76b) nói lầm bài biểu ấy do Nguyễn-Quang-Tiến soạn. Xét Nguyễn-Quang-Tiến là nho thần từ thời Vũ-Vương đến Duệ-Tông, đảm nhiệm soạn tả những văn-kiện ngoại-giao cho Nguyễn-chúa.

PHỤ - KHẢO

về CHÚA NGUYỄN - PHÚC - CHÂU và
THÍCH-ĐẠI-SÁN
TRONG BỘ
HẢI - NGOẠI KỶ - SỰ

KHOẢNG THÊ-KỶ XVII

Nhận định bộ Hải-ngoại Kỳ-sự có một «cao độ giá-trị sử-liệu khoảng thế-kỷ XVII», có liên quan đến «địa-dư, phong-tục nhân-vật» và thực-trạng xã-hội nước Việt đương thời, do Thích-Đại-Sán, bút-ký trong thời-gian lưu-trú hơn một năm tại Thuận-Quảng (1694-1695).

Và theo lời mời của Chúa Nguyễn-Phúc-Châu, Thích-Đại-Sán đã từ Am Trường-Thọ (Quảng-Đông), đời nhà Thanh (Trung-Quốc), qua nước Việt và lưu-trú tại Thiên-Lâm và Thiên-Mụ.

Do những sự ghi chép trên, chúng tôi xin tìm hiểu thêm về các di-tích hiện còn ở Thuận Hóa, những di-tích có dính liểu ít nhiều đời với Hải-ngoại Kỳ-sự, hầu công-hiền quý vị độc-giả tham khảo.

Huê, ngày 20 tháng 12 năm 1962.

NGUYỄN-SANH-MAI

Trúc-Lâm

Di ảnh của Thích-Đại-Sán tay cầm phủ-phật,
tay bắt ấn, ngồi trên nệm cỏ.

Trên di-ảnh có ghi:

« Thạch-Liêm Lão Hòa-Thượng Tiểu tượng ».

(ảnh số 1)

Bình bát

của Thích-Đại-Sán dùng để thọ trai,
làm bằng Kim-sa (?), có chiếc muống gỗ nhỏ.

Di-ảnh và bình bát nầy nguyên trước để tại chùa Khánh-Vân, sau Hòa-Thượng Giác-tiên đem về Trúc-Lâm trên 40 năm nay.

(ảnh số 2)

Thiên-Mụ

Bia đá

Của Chúa Nguyễn-Phúc-Châu để năm Ất-Vị, Vinh-Thạnh thứ 11, đời Lê-Dũ-Tôn (1715).

Bia đá nói rõ sự-tích Thích-Đại-Sán tại nước Việt. Bia đá cao lớn, dày, dựng trên lưng một hình quy bằng đá, đôi diện với chuông đồng, trước cửa Thiên-Mụ.

(ảnh số 3)

Chúa Nguyễn-Phúc-Châu có lưu-niệm bia đá với nhữn g
giòng chữ :

越國之南兮住水住山
實剎之壯兮日然禪開。
性之清淨兮漢響幸滌，
國之莫安兮四境幽閒。
無爲之化兮儒釋同班。
記茲勝概兮因果迴還，
建標立的兮誠存邪閑。

Phiên-âm

« Việt quốc chi nam hể, trú thủy trú san
Bửu sát chi tráng hể, nhật chiêu thiển quan.
Tánh ci thanh tịnh hể, kê hưởng sản sản.
Quốc chi điện an hể, tứ cảnh u nhàn.
Vô vi chi hóa hể, nho thích đồng ban.
Ký tư thắng khái hể, nhơn-quả hồi hoàn,
Kiến tiêu lập đích hể, thành tôn tà nhàn ».

Dịch-nghĩa

Trời Nam một giải non sông,
Đây là Việt-Quốc hưng-long đời đời.
Dựng ngôi Bửu-Sát lâu dài,
Thiên quan tỏ rạng, mặt trời chiều lăm.
Dưới khe nước chảy âm thầm
Tánh ta trong trẻo êm đềm khác đâu.
Quốc-gia yên vững bền lâu,
Trong ngoài bốn cõi, một bầu thanh cao.
Vô-vi đức-hóa đối dào,
Một nhà Nho Thích, ra vào hoan hân.
Khắc ghi thắng-cảnh đôi vắn,
Nhân nhân quả quả, chuyển vần chẳng sai.
Dựng bia tiêu biểu nơi đây,
Giữ tâm thành chánh chẳng thay đổi nào.

Chuông đồng

Cửa Chúa Nguyễn-Phúc-Châu đúc vào năm Vinh-Thạnh thứ VI, đời Lê-Dũ-Tôn (1710). Chuông đồng này cân nặng 3.285 cân. Chuông đồng đặt trong một lầu chuông rộng lớn. (ảnh số 4)

Trên mình chuông có khắc :

大越國主阮福潤，嗣洞上正宗
三十代，法名興龍，鑄造洪鐘
重三千二百八十五觔，入于
御建天姥禪寺永遠供奉三寶。
惟願風調雨順，國泰民安，法
界衆生，同圓種智。
永盛六年歲次庚寅四月誕日。

Phiên-âm : Đại-Việt Quốc-Chúa Nguyễn-Phúc-Châu, Tự-Động Thượng Chánh-Tông Tam Thập Đại, Pháp Danh Hưng-Long, chú tạo hồng chung trọng tam thiên nhị bách bá thập ngũ cân, nhập vu Ngự kiến Thiên-Mụ Thiển-Tự vĩnh viễn cung phụng Tam-Bảo.
Duy nguyện phong điều vũ thuận, quốc thái dân an, pháp-giới chúng sanh, đồng viên chúng trí.
Vinh-Thạnh lục niên tuê thứ Canh-Dần tứ nguyệt Đãn-Nhật.

Dịch nghĩa : Chúa Đại-Việt Nguyễn-Phúc-Châu, nối giòng Động-Thượng chánh tông đời thứ 30, pháp danh Hưng-Long, đúc chuông lớn này nặng 3.285 cân, để vào chùa Thiên-Mụ, cúng Tam-Bảo lâu dài.
Nguyện cầu gió hòa mưa thuận, nước thịnh dân an, chúng-sanh trong pháp-giới, đều được vẹn toàn trí-tuệ.
Đời Vinh-Thạnh thứ 6, ngày Phật-Đản tháng 4 năm Canh-Dần.

Bài Vị Thích-Đại-Sán

Làm bằng gỗ sơn son thếp vàng, có ghi :

嗣洞上正宗二十九世，開山靈
姥寺，上石下濂諱大汕，老祖
和尚覺靈。

(ảnh số 5)

Phiên-âm

Tự động thượng chánh tông nhị thập cửu thế, thượng
Thạch hạ Liêm húy Đại-Sán, Lão-tổ Hòa-Thượng giác-
linh.

Dịch-nghĩa

Bài-Vị Lão-Tổ Hòa-Thượng hiệu Thạch-Liêm, húy
Đại-Sán, khai sơn chùa Thiên-Mụ, nối giòng Động-
Thượng Chánh-Tông, đời thứ 29.

Thiên-Lâm

Chùa Thiên-Lâm, nay chỉ còn vết-tích của một địa-diểm từ xưa còn lại, tại ngã ba đường đi Nam-giao, (nay gọi đường Lam-Son).

Quốc-Ân

Bia đá

của Đại-Việt Quốc-Vương đế năm Kỷ-Dậu, Lê-Dũ-Tôn thứ 10 (1729), có nói:

«Hoán-Bích-Thiên-Sư Tạ Nguyên-Thiếu ở chùa Hà-Trung (Thừa-Thiên) vâng lệnh Nghĩa-Vương qua Quảng-Đông (Trung-Quốc), mời Đại-Sán Hòa-Thượng...».

(ảnh số 6)



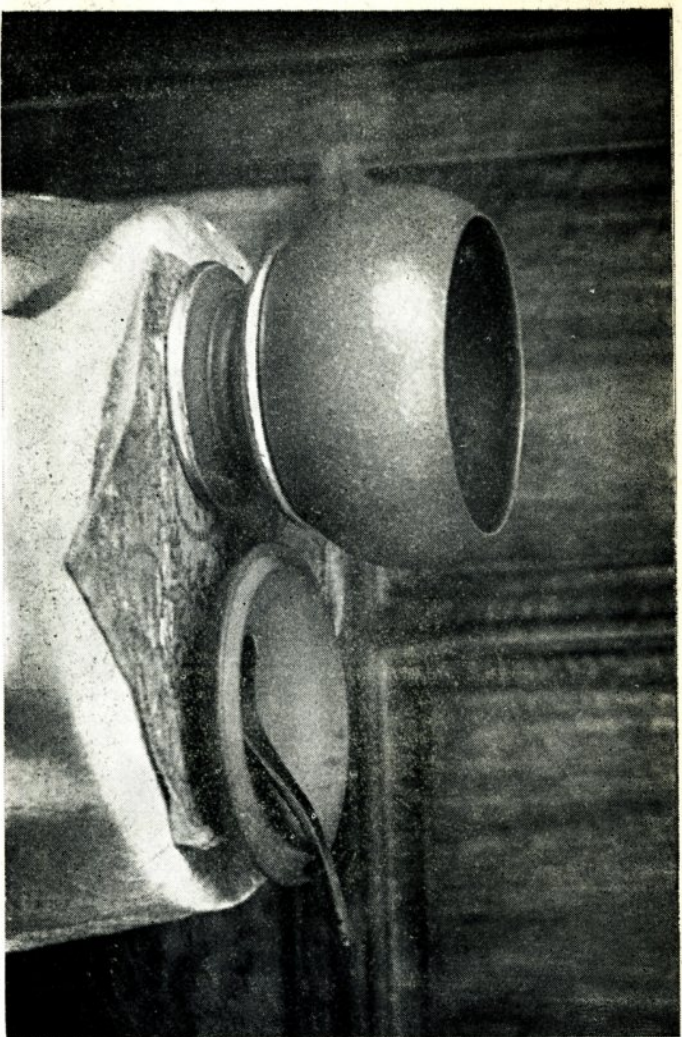
石
濂
老
和
尚
肖
像

(ảnh số 1)

Di-ảnh Thích-Đại-Sán

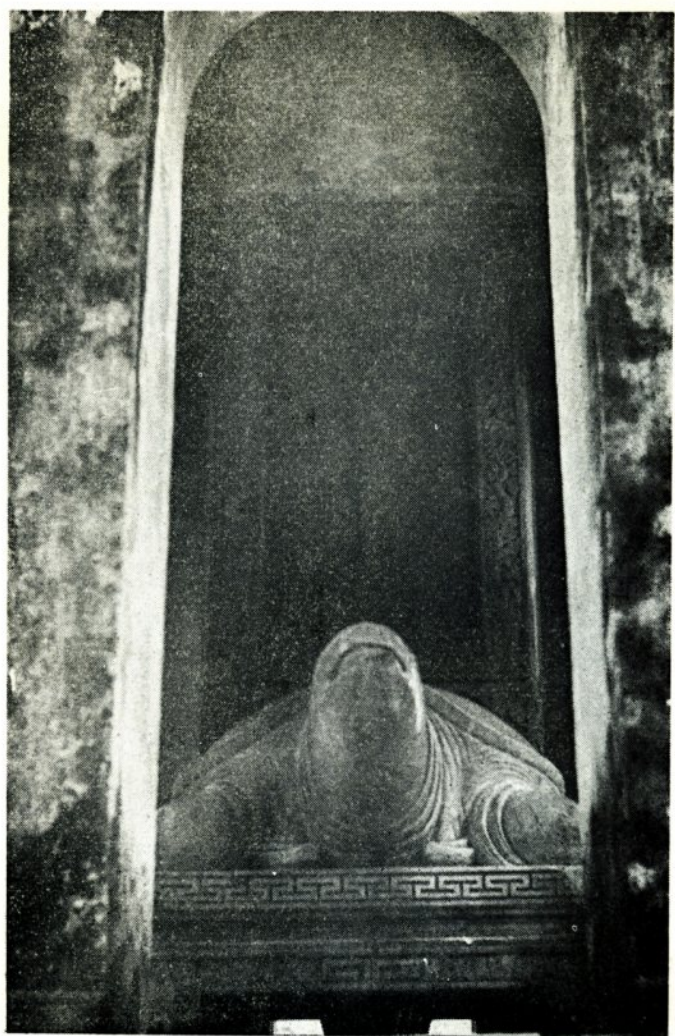
có ghi:

• Thạch-Liêm Lão Hòa-Thượng tiêu-tượng •



Bình-bát bằng Kim-sa (?) và chiếc muống bằng gỗ của Thích-dại-Sán dùng thọ trai.

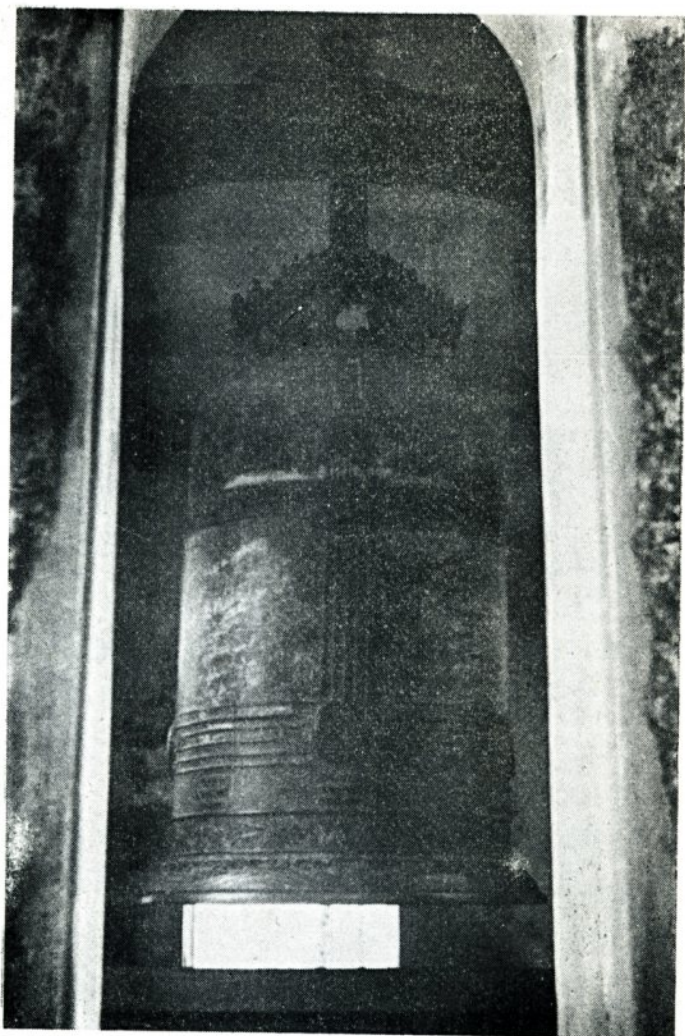
順化天姥寺石碑



ảnh số 3

Bia đá do Nguyễn-phúc-Châu (Minh-Vương) ngự đề năm Ất-Vị,
Vinh-Thạnh thứ 11, đời Lê-dụ-Tôn (1715).

順化天姥寺洪鐘



ảnh số 4

Chuông đồng của Nguyễn-phúc-Châu (Minh-Vương) đúc vào năm Vinh-Thạnh thứ VI, đời Lê-dụ-Tôn (1710),

靈 覺



順化國恩寺石碑



ảnh số 6

Bia đá của Đại-Việt Quốc-Vương ngự đề năm Kỷ-Dậu,
Lê-Dũ-Tôn thứ 10 (1729).

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	5
Bài tựa của Đại-Việt Quốc-Vương Nguyễn-Phúc-Châu	9
Bài tựa của Ngô-Giang Từ-Hoàn	11
Bài tựa của Tân-Lãng Mao-Đoan-Sĩ	13
Bài tựa của Dũng-Giang Cửu-Triệu-Ngao	15

HẢI NGOẠI KÝ-SỰ

Quyển I	17
Quyển II	61
Quyển III	101
Quyển IV	143
Quyển V	181
Quyển VI	215

PHẦN KHẢO-CỨU

1) Ngày tháng xuất-bản sách Hải-Ngoại Ký-sự và nội-dung của sách	239
2) Tiểu-sử của Thích-Đại-Sán	243
3) Cuộc du-hành Quảng-Nam của Thích-Đại-Sán.	256
Phụ-khảo về Chúa Nguyễn-Phúc-Châu và Thích-Đại-Sán trong bộ Hải-Ngoại Ký-Sự.	280

BỘ HẢI NGOẠI KỶ SỰ DO
L. M. NGUYỄN - PHƯƠNG,
HẢI-TIÊN NGUYỄN-DUY-BỘT
PHIÊN-DỊCH VỚI SỰ CỘNG-
TÁC CỦA ỦY-BAN PHIÊN-
DỊCH SỬ-LIỆU VIỆT-NAM.

IN XONG
NGÀY 15 THÁNG 1 NĂM 1963
TẠI NHÀ IN ĐẠI-HỌC HUẾ.

ĐÍNH CHÍNH

Trang 33, một đoạn từ câu « cửa giữa di thẳng » đến chữ « mây may » xin để vào trang 35.

Đoạn ấy sẽ đọc tiếp theo hàng thứ 14 (trang 35) sau chữ « Vồng lọng từ ».

Đọc hết đoạn ấy, sẽ đọc tiếp hàng thứ 15 (trang 35) « Bởi thể nước trị dân an » v.v...

ỦY - BAN PHIÊN - DỊCH SỬ - LIỆU VIỆT - NAM

ĐÃ XUẤT-BẢN :

MỤC-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP I — TRIỀU GIA-LONG

Giá : 250đ00

AN - NAM CHÍ - LƯỢC

Soạn-giả : LÊ-TẮC

TOÀN BỘ : 10 QUYỂN

Giá : 350đ00

MỤC-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP II — TRIỀU MINH-MẠNG

Giá : 250đ00

ĐANG IN :

MỤC-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP III — TRIỀU THIỆU-TRỊ

Giao-dịch :

Ô. NGUYỄN-SANH-MAI

Số 4, đường Lê-Lợi — Huế

Giá : ~~50~~đ00

Kiểm duyệt số 004-HĐKD Huế ngày 7-1-1963

Nhà in ĐẠI-HỌC Huế